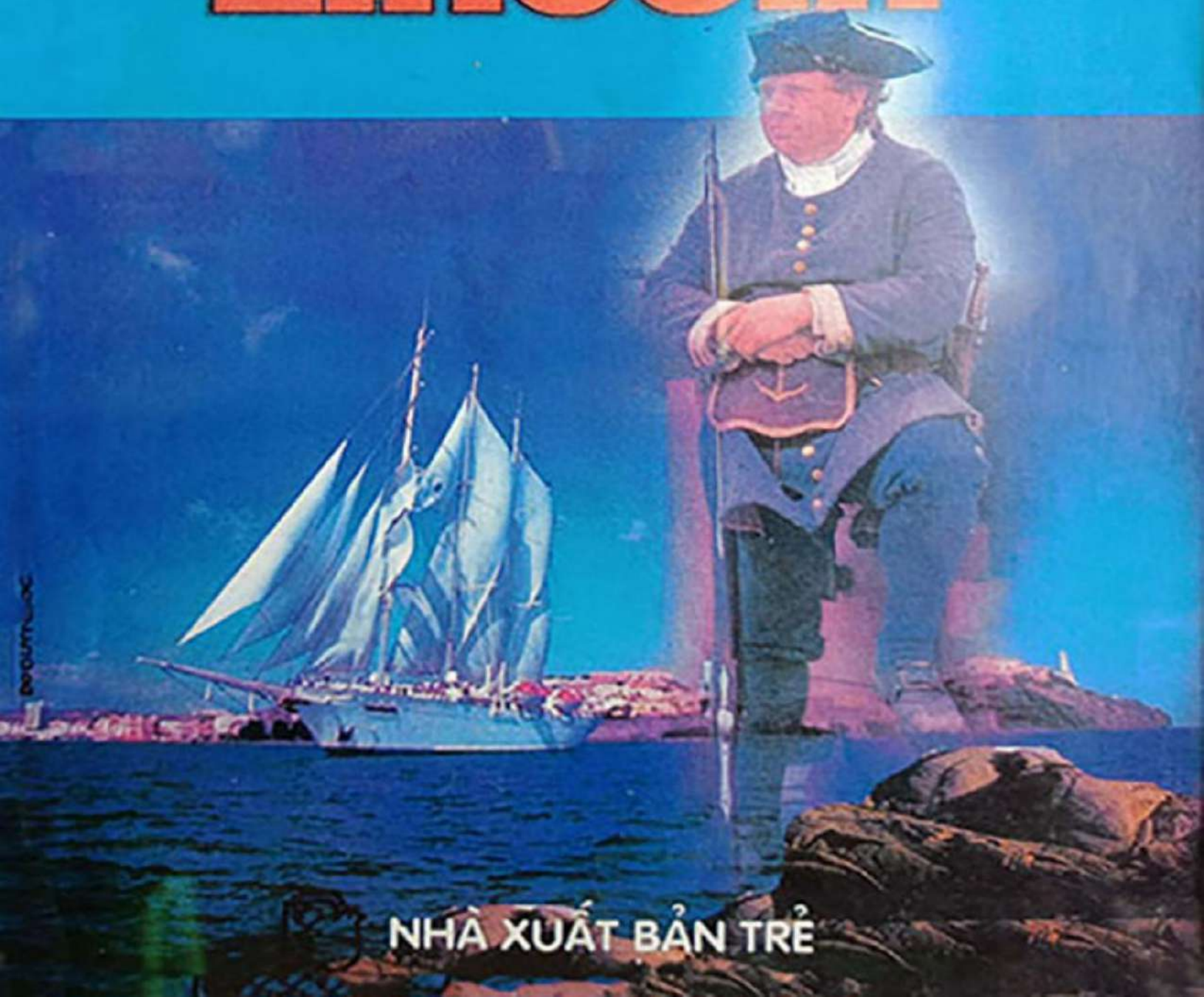
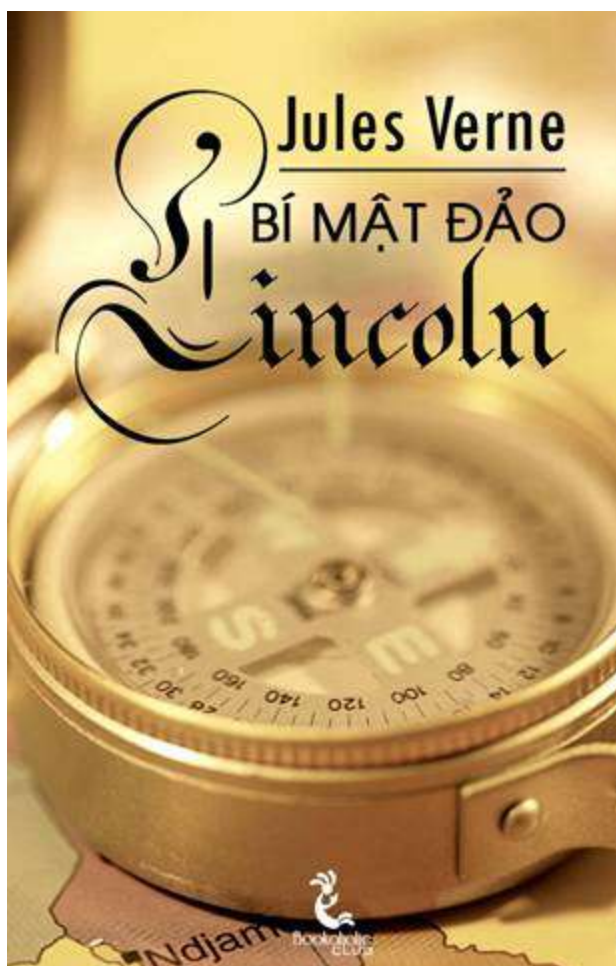


JULES VERNE

Bí mật đảo
Lincoln



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ



BÍ MẬT ĐẢO LINCOLN

Jules Verne

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **BÍ MẬT ĐẢO LINCOLN**

Tác giả: **Jules Verne**

Dịch giả: Phạm Hậu

Nguyên tác: *L'île mystérieuse*

Nhà xuất bản: Trẻ

Năm xuất bản: 1988

Số trang: 383

Giá tiền: -- Đồng

Khổ: 13 x 19 cm

Đánh máy: Yến Chi, Thùy Trâm, Đỗ Quyên, Minh Nhật,
Phương, Vân Anh

Kiểm tra: Thảo Đoàn

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 19/03/2011

Making Ebook Project #110– www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **BÍ MẬT ĐẢO LINCOLN** của tác giả **Jules Verne** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
LỜI GIỚI THIỆU
PHẦN THỨ NHẤT
TAI NẠN TRÊN KHÔNG
CHƯƠNG MỘT
CHƯƠNG HAI
CHƯƠNG BA
CHƯƠNG BỐN
CHƯƠNG NĂM
CHƯƠNG SÁU
CHƯƠNG BẢY
CHƯƠNG TÁM
CHƯƠNG CHÍN
CHƯƠNG MƯỜI
CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CHƯƠNG MƯỜI HAI
CHƯƠNG MƯỜI BA
CHƯƠNG MƯỜI BỐN
CHƯƠNG MƯỜI LĂM
PHẦN HAI
NGƯỜI BỊ TỬ BỎ
CHƯƠNG MỘT
CHƯƠNG HAI
CHƯƠNG BA
CHƯƠNG BỐN
CHƯƠNG NĂM

CHƯƠNG SÁU
CHƯƠNG BẢY
CHƯƠNG TÁM
CHƯƠNG CHÍN
CHƯƠNG MƯỜI
CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CHƯƠNG MƯỜI HAI
CHƯƠNG MƯỜI BA
CHƯƠNG MƯỜI BỐN
CHƯƠNG MƯỜI LĂM
CHƯƠNG MƯỜI SÁU

PHẦN BA

BÍ MẬT CỦA ĐẢO

CHƯƠNG MỘT
CHƯƠNG HAI
CHƯƠNG BA
CHƯƠNG BỐN
CHƯƠNG NĂM
CHƯƠNG SÁU
CHƯƠNG BẢY
CHƯƠNG TÁM
CHƯƠNG CHÍN
CHƯƠNG MƯỜI
CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CHƯƠNG MƯỜI HAI
CHƯƠNG MƯỜI BA
CHƯƠNG MƯỜI BỐN
CHƯƠNG MƯỜI LĂM
CHƯƠNG MƯỜI SÁU

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Jules Gabriel Verne, thường được biết đến với tên Jules Verne, sinh ngày 8 tháng 2 năm 1828, mất ngày 24 tháng 3 năm 1905, là nhà văn Pháp nổi tiếng, người đi tiên phong trong thể loại văn học Khoa học viễn tưởng và được coi là một trong những “Cha đẻ” của thể loại này. Với những tác phẩm nổi tiếng như *Chuyến đi vào tâm Trái Đất* (1864), *Hai vạn dặm dưới đáy biển* (1870), *Tám mươi ngày vòng quanh Thế giới* (1873), Jules Verne đã đề cập đến những cuộc phiêu lưu bằng máy bay, tàu ngầm hay những chuyến du hành vào vũ trụ trước khi những phương tiện này được con người phát minh trong thực tế.

Theo tổ chức Index Translationum, ông là người có tác phẩm được dịch nhiều thứ ba trên thế giới, những tác phẩm của ông cũng được chuyển thể thành phim nhiều lần.

Một số tác phẩm tiêu biểu:

- *Cinq semaines en ballon* (Năm tuần trên khinh khí cầu)
- *Paris au XXe siècle* (Paris thế kỷ 20)

- Les Aventures du capitaine Hatteras (Những cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Hatteras)

- Voyage au centre de la Terre (Chuyến đi vào tâm Trái đất)

- De la Terre à la Lune (Từ Trái đất đến Mặt trăng)

- Les Enfants du capitaine Grant (Những đứa con của thuyền trưởng Grant)

- Vingt mille lieues sous les mers (Hai vạn dặm dưới biển)

- Autour de la Lune (Bay quanh Mặt trăng)

- Le Tour du monde en quatre-vingts jours (Vòng quanh thế giới trong 80 ngày)

- L'Île mystérieuse (Hòn đảo bí mật)

Và nhiều tác phẩm khác

LỜI GIỚI THIỆU

Sau khi các tiểu thuyết “Những đứa con của thuyền trưởng Grant” (1868) và “Hai vạn dặm dưới biển” (1870) ra đời, được bạn đọc gần xa nhiệt liệt tán thưởng, năm 1875, Jules Verne (1828 - 1905), nhà văn Pháp nổi tiếng, một trong những người sáng lập thể loại truyện khoa học viễn tưởng, đã cho xuất bản tiếp tiểu thuyết “Bí mật đảo Lincoln”¹. Trong cuốn tiểu thuyết mới này, tác giả đã tiếp tục phát triển cốt truyện sinh động và hấp dẫn của hai tiểu thuyết trên, vì vậy nó đã liên kết các tác phẩm ấy thành bộ tiểu thuyết ba tập duy nhất và nổi tiếng nhất của Jules Verne: “Những đứa con của thuyền trưởng Grant”, “Hai vạn dặm dưới biển” và “Bí mật đảo Lincoln”.

Ta gặp trong “Bí mật đảo Lincoln” kỹ sư Cyrus Smith, nhà báo Gédéon Spilett, anh da đen Nab, thủy thủ Pencroff và chú thiếu niên Harbert. Họ là những người Mỹ lương thiện trốn khỏi trại tù binh bằng một quả khinh khí cầu, nhưng chẳng may bị bão cuốn, gặp tai nạn, rơi xuống một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương, cách rất xa đất liền, trở thành những người trần trụi giữa mảnh đất trần trụi. Họ thiếu thốn đủ mọi thứ cần thiết nhất cho cuộc sống của con người bình thường: không có cái ăn, không có lửa, không có một cái gì có thể gọi là công cụ... Thực tế đã buộc họ trở lại sống chẳng khác gì những người hoang sơ: ở hang, dùng đá, gậy, cung, tên để săn bắt muôn thú sống qua ngày. Song, là những người từng trải, mỗi người lại có những kiến thức và kinh nghiệm sống trong xã hội văn minh, họ không tỏ ra thất vọng, bi quan, không chịu khuất phục trước hoàn cảnh khắc nghiệt. Dưới sự hướng dẫn của kỹ sư Cyrus Smith, một người trí thức tài năng, rất cần cù, sáng tạo, đôn hậu và chân thành, linh hồn của cả toán, những người bị nạn ấy đã dần dần vận dụng những kiến thức khoa học kỹ thuật để chinh phục thiên nhiên, khai thác các tài nguyên tại chỗ,

làm ra những thứ cần thiết cho cuộc sống của con người văn minh - lấy lửa, nung gạch, luyện sắt thép, chế thuốc súng, vũ khí, công cụ lao động, máy điện báo, đóng tàu, trồng lúa, nuôi gia súc, gia cầm... Từ những người bị nạn họ trở thành những người di dân chung sức chung lòng xây dựng hòn đảo hoang mà họ đã đặt tên là đảo “Lincoln” thành một vùng di dân trù phú, một công xã tiêu biểu cho lối sống mới - con người trong cộng đồng, trong tập thể đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau, không phân biệt địa vị xã hội, màu da, cùng hòa mình trong lao động tận tụy vì sự nghiệp chung...

Cư dân thứ sáu trên đảo là Ayrton. Đó chính là tên tướng cướp Ben Joyce trong “Những đứa con của thuyền trưởng Grant” đã bị đày lên đảo Tabor (cách đảo Lincoln 150 hải lý) từ 12 năm trước đây để tự cải tạo, chuộc lại những tội lỗi của mình, trong một chuyến tàu đi thăm đảo Tabor, những người di dân trên đảo Lincoln đã tìm thấy anh ta trong trạng thái không còn là một con người, mà đã hoang hóa thành một con thú sau những năm tháng sống cô đơn và mất lý trí. Những người di dân đã đưa anh ta trở về sống trong xã hội nhỏ bé của mình. Và, trước niềm tin yêu con người mạnh mẽ cùng tấm lòng nhân đạo cao cả của những người bạn mới, Ayrton đã bị cảm hóa và tự thú tội lỗi, trút bỏ dần nỗi u sầu, mặc cảm về quá khứ đen tối của mình, trở thành một người lao động cần cù và trung thực. Chính anh ta đã tham gia chiến đấu dũng cảm, giáng trả quyết liệt bọn cướp biển đến xâm chiếm đảo, bảo vệ những thành quả lao động mà tập thể họ đã tạo dựng nên, đồng thời khẳng định sự trung thành của mình.

Bạn đọc cũng sẽ bất ngờ và thích thú được gặp lại nhân vật yêu thích của mình trong “Hai vạn dặm dưới biển” - thuyền trưởng Nemo bí ẩn cùng với con tàu ngầm kỳ diệu “Nautilus” của ông trú ngụ ngay bên dưới hòn đảo “Lincoln”. Nhưng, bây giờ đây chúng ta sẽ gặp lại một thái tử Dakkar, một người Ấn Độ yêu nước, một Nemo đầy lòng căm ghét, nguyện rửa sự áp bức, bóc lột và sự thống trị tàn bạo của giai cấp tư sản và thực dân đế

quốc đối với nhân dân lao động, song ông không còn xa lánh xã hội loài người nữa. Chính là do tấm lòng cao thượng, đức tính trung thực, lao động cần cù và tình thương yêu gắn bó lẫn nhau của những người di dân - những đại diện của xã hội loài người trên hòn đảo này - đã thuyết phục, cảm hóa ông. Và, vì vậy, ông đã bí mật gắn bó với họ và nhiều lần ra tay cứu giúp họ thoát khỏi hiểm họa.

Trên đảo “Lincoln” liên tiếp xảy ra những sự việc bí ẩn, bất ngờ liên quan đến cuộc sống của những người di dân, khiến người đọc hồi hộp theo dõi. Những hiện tượng ấy tưởng như siêu nhiên, nhưng thật ra, tất cả đều được giải thích rõ ràng bởi chính sức mạnh của khoa học kỹ thuật, đúng hơn là, bởi chính những con người được trang bị kiến thức khoa học kỹ thuật, bởi lòng nhân đạo và niềm tin vào con người.

... Hòn đảo “Lincoln”, khu di dân, thực chất là một công xã kiểu mẫu mà những con người lao động cần cù, dũng cảm đã xây dựng nên và gắn bó suốt bốn năm trời ấy cuối cùng đã bị nổ tung, chỉ còn lại một tảng đá ngầm.

Vì sao tác giả lại kết thúc cuốn truyện đầy hấp dẫn của mình bằng một sự bi đát như vậy?

Có lẽ ở đây sự kết thúc ấy không phải chỉ thể hiện diễn biến của cốt truyện, mà còn mang một ý nghĩa triết học.

Jules Verne là một người chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa xã hội không tưởng và Công xã Paris. Ông muốn khi di dân, hay cái công xã kiểu mẫu ấy tồn tại không phải trên một hòn đảo chơi vơi, xa cách với loài người, mà ở ngay trên đất liền, giữa thế giới con người...

Và, những người di dân ấy, kể cả con chó Top trung thành của họ, đều đã được con tàu “Duncan” tình nghĩa cứu thoát và đưa về Mỹ... Họ tiếp tục sống với nhau trong tình cảm cao đẹp như xưa, và đã dùng số châu báu của thuyền trưởng Nemo tặng để tái tạo một khu di dân, một công xã “Lincoln” mới ngay trong lòng nước Mỹ, thu nhận vào đây những người khốn khó, giúp họ lao động và xây dựng cuộc sống hạnh phúc trong một cộng đồng mới đầy tình yêu thương, tin tưởng vào con người, bình đẳng và không có chế độ người bóc lột người...

“Bí mật đảo Lincoln” là cuốn tiểu thuyết vừa mang tính chất phiêu lưu mạo hiểm, lại vừa mang tính chất khoa học viễn tưởng với nội dung phong phú và hấp dẫn. Tuy nhiên, để cho phù hợp với hoàn cảnh của ta hiện nay, trong khi dịch chúng tôi đã lược bớt một số đoạn để tập sách khỏi dày quá. Mặt khác, việc dịch thuật chắc không tránh khỏi những thiếu sót. Mong được bạn đọc thông cảm và đóng góp cho những ý kiến phê bình.

Người dịch

PHẦN THỨ NHẤT

TAI NẠN TRÊN KHÔNG

CHƯƠNG MỘT

Trận cuồng phong năm 1865. - Khí cầu bị bão cuốn. - Năm người khách viễn du. - Chuyện gì đã xảy ra trên nôi khí cầu. - Mặt đất nơi chân trời. - Tấn bi kịch kết thúc.

- Ta đang lên?

- Đâu có! Đang xuống!

- Còn tệ hơn thế, thưa ngài Cyrus! Ta đang rơi!

- Trời ơi! Vứt bỏ trọng vật đi!

- Chúng tôi đã quăng nốt bao cát cuối cùng.

- Bây giờ thế nào? Ta đang lên chứ?

- Không?

- Cái gì thế nhỉ? Hình như có tiếng sóng vỗ?

- Bên dưới chúng ta là biển!

- Gần lắm, cách độ năm trăm fut^[2] thôi!

Một giọng nói đầy quyền uy vang lên át cả tiếng bão gầm:

- Vứt bỏ hết những thứ nặng! Quẳng hết đi!

- Trời ơi! Cứu chúng con với!

Những tiếng ấy đã vang lên trên một vùng Thái Bình Dương mênh mông hoang vắng vào lúc gần bốn giờ chiều ngày 23 tháng ba năm 1865.

Hẳn mọi người còn nhớ cơn bão khủng khiếp đã nổi lên năm 1865, vào tiết Xuân phân, khi trận cuồng phong từ hướng đông - bắc ập tới và khí áp kế đã tụt xuống con số bảy trăm mười milimet. Trận cuồng phong đã hoành hành không ngớt từ ngày 18 đến ngày 26 tháng ba và gây ra sự tàn phá ghê gớm ở Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Á, bao gồm cả một vùng rộng một ngàn tám trăm hải lí, kéo dài tới tận xích đạo, chệch từ vĩ tuyến 35 bắc vĩ tuyến 40 nam. Những thành phố bị tàn phá: những rừng cây bị tróc gốc; những vùng duyên hải bị sóng biển to như quả núi cuốn sạch trơn: hàng trăm tàu thủy bị quất lên bờ, những vùng đất nguyên lành bị biến thành hoang vắng dưới sức mạnh hủy diệt của những trận lốc xoáy đã tàn phá mọi thứ trên đường đi của chúng: hàng ngàn người bị chết trên cạn hoặc bị nhấn chìm dưới vực biển - đó là hậu quả của trận cuồng phong khủng khiếp ấy.

Nhưng trong những ngày tháng ba năm 1865, khi trên đất liền và trên biển xảy ra những trận thiên tai như vậy thì một thảm kịch không kém phần khủng khiếp cũng xảy ra trên không do bão tố gây nên.

Thật vậy, trận cuồng phong đã cuốn phăng một quả khí cầu, nhồi nó lên tận đỉnh cột lốc như một quả bóng, rồi xoáy hút nó đi theo luồng không khí với tốc độ chín mươi dặm³¹ một giờ.

Chiếc nôi đan treo dưới đai lưới khí cầu bị lắc lư. Trên nôi có năm người. Ta chỉ có thể loáng thoáng nhận ra họ trong làn sương dày đặc quện lẫn bụi nước la đà sát mặt đại dương...

Các khách viễn du vẫn đang ở trong nô khí cầu không thể biết được họ đã vượt một chặng đường bao xa và khí cầu của họ bị cuốn đi đâu, - họ không có một cái móc nào để xác định cả.

Mắt họ không phân biệt được gì qua những đám mây đang cuồn cuộn trôi dưới nô khí cầu. Mọi thứ chung quanh họ đều bị màn sương dày đặc bao phủ, đến mức họ không thể nói được là đang là ngày hay đêm. Không một ánh sáng phản chiếu nào của thiên thể, không một tiếng vọng nào của âm thanh dưới mặt đất, không một âm vang dù yếu ớt nào của đại dương đang gào thét văng đến được với họ giữa lúc tối tăm mù mịt, trong khi họ đang bay tít trên cao. Mãi đến khi khí cầu vùn vụt lao xuống họ mới hay mình đang bay trên những lớp sóng biển hung dữ, và hiểu ra mình đang bị nguy hiểm như thế nào.

Nhưng khi họ đã vứt bỏ hết những hàng có trong nô - đạn dự trữ, vũ khí và lương thực thì khí cầu lại vọt lên và bay ở độ cao bốn ngàn năm trăm fut. Sau khi nghe biển âm ì bên dưới nô khí cầu, các nhà viễn du thấy ở trên cao ít nguy hiểm cho họ hơn, nên đã không chút do dự vứt bỏ cả những đồ vật cần thiết nhất.

Sang ngày 24, trời hửng sáng, xuất hiện những dấu hiệu bão yên. Nhưng đúng lúc ấy, các hành khách trên khí cầu lại nhận ra rằng họ đang hạ xuống một cách chậm chạp, nhưng liên tục. Vỏ khí cầu dần dần bị dóm lại, dài ra, đáng lẽ hình cầu, bây giờ nó lại thành hình bầu dục.

Đến trưa, khí cầu đã bay trên biển ở độ cao hai ngàn fut.

Để giảm bớt trọng lượng của nô khí cầu, các khách viễn du đã quăng đi cả những đồ vật cuối cùng, thậm chí tất cả những gì có trong túi, sau đó,

một người khách đã leo lên vành đai dưới, chỗ gắn dây lưới bảo vệ vỏ khí cầu và cố thử buộc cái van dưới của khí cầu cho chặt hơn.

Rõ ràng là không còn thể nào giữ cho khí cầu ở trên cao được nữa, vì nó không còn đủ khí.

Thế là cái chết đã chờ đợi tất cả họ!

Bên dưới không phải là đất liền, không phải là đảo, mà là biển cả mênh mông, không thấy đâu có lấy một mảnh đất nổi, một dải đất cứng để có thể neo được khí cầu.

Phải bằng mọi cách ngăn chặn, không để cho khí cầu rơi xuống nữa, nếu không thì vực biển sẽ nuốt chửng nó! Những người ở trong nôi khí cầu đã hết sức cố gắng để mau chóng thực hiện được điều đó. Nhưng những cố gắng của họ đều trở nên vô ích - khí cầu hạ xuống mỗi lúc một thấp hơn, đồng thời nó lại bị gió cuốn đi với một tốc độ phi thường theo hướng từ đông bắc sang tây nam...

Sau khi bỏ hết mọi thứ có trong nôi khí cầu, các nhà viễn du đã giữ được ở trên không mấy giờ vô ích nữa. Nhưng, đó chỉ là sự trì hoãn một tai nạn không tránh khỏi mà thôi: nếu trước lúc đem xuống mà không nhìn thấy mặt đất thì cả khí cầu lẫn nôi đều sẽ bị mất hút dưới vực thăm đại dương.

Chỉ còn một cách - và các nhà viễn du đã dùng đến để chứng tỏ rằng họ là những người có nghị lực và dũng cảm, không phải mới một lần giáp mặt với cái chết. Họ không há miệng ca than nửa lời. Họ quyết định chiến đấu đến giây phút cuối cùng và bằng mọi cách làm cho khí cầu rơi chậm lại.

Đến hai giờ chiều, khí cầu chỉ còn cách mặt đại dương bốn trăm fut.

Đúng lúc ấy, một tiếng nói quả cảm phát ra - tiếng nói của một con người can đảm với trái tim không biết sợ hãi. Đáp lại lời của ông ta là những giọng nói không kém phần kiên quyết.

- Vứt bỏ hết mọi thứ rồi chứ?

- Chưa! Còn lại vàng - mười ngàn đồng Franc!

Ngay tức khắc, chiếc bao tải nặng rơi vụt xuống đại dương.

- Khí cầu bay lên rồi chứ?

- Tí chút thôi. Lại tuột xuống ngay bây giờ mất.

- Còn cái gì có thể quăng đi được nữa không?

- Hết trơn rồi!

- Hết trơn rồi? Thế còn cái nôi?

- Mọi người hãy búa lấy lưới... Còn cái nôi thì sẽ vứt bỏ xuống biển!

Thật vậy, chỉ còn có cách cuối cùng và duy nhất ấy để làm cho khí cầu nhẹ bớt mà thôi. Những sợi dây buộc nôi vào vành đai lưới đã bị cắt đứt, và đến khi chiếc nôi tách rời ra, khinh khí cầu mới bay lên độ cao hai ngàn fut.

Năm nhà du khách leo lên vành đai và bây giờ thì họ trụ trên các mắt lưới, bám chặt vào những sợi dây. Cả năm người đều nhìn xuống đại dương đang gầm thét.

Các du khách đã làm tất cả những gì có thể làm được, và bây giờ thì không còn sức mạnh nào của con người có thể cứu được họ nữa. Chỉ còn hy vọng vào sự thần kỳ mà thôi.

Đến bốn giờ chiều, khí cầu chỉ còn cách mặt đại dương cả thảy năm trăm fut.

Bỗng có tiếng chó sủa vang. Các du khách mang theo một con chó và giờ đây nó cũng đang ở trên lưới khí cầu, bên cạnh chủ của nó.

- Con Top đã trông thấy cái gì rồi! - Một người trong số du khách kêu lên.

Và liền ngay sau đó có tiếng reo vang:

- Mặt đất! Mặt đất!

Quả thật, trước mặt các khách viễn du đã xuất hiện một bờ biển khá cao.

Nhưng mặt đất ấy ở cách họ ba mươi hải lí. Muốn đến đó, khí cầu cần bay ít nhất một giờ, mà phải với điều kiện là gió không đổi hướng. Một giờ nữa!

Thế nếu khí bị rò ra hết trước thời hạn đó thì sao?

Thật là một câu hỏi khủng khiếp! Các du khách bất hạnh đã phân biệt rõ mặt đất. Họ không biết đó là đảo hay đất liền. Nhưng cho dù trước mặt họ kia không phải là vùng đất mển khách, mà là một hòn đảo hoang, thì cũng cần phải đến được đó bằng bất kỳ giá nào.

Nửa giờ trôi qua, chỉ còn cách bờ không quá một hải lý nữa, nhưng hơi trong khí cầu hầu như đã kiệt, chỉ còn chút ít ở phần trên. Vỏ khí cầu đã bị lép xẹp và nhũn ra, rũ xuống thành những nếp gấp to tướng. Các du khách búi chặt vào lưới và trở thành gánh nặng quá tải đối với khí cầu. Chẳng mấy chốc, khí cầu bị chìm lơ lửng dưới nước, mặc cho sóng điên cuồng quất lên.

Vỏ khí cầu bị uốn khúc, gió thổi trôi trên mặt nước như một cái thuyền buồm, tưởng như chút xíu nữa thôi là nó vào đến đất liền rồi.

Quả như thế thật, nó chỉ còn cách bờ hai cable^[4] nữa, thì bỗng bốn du khách bật lên tiếng kêu, và quả khí cầu dường như đã bị mất hết sức nâng ấy lại bất ngờ vọt lên độ cao một ngàn năm trăm feet, tựa hồ như nó đã loại bớt được một phần trọng tải bản thân. Đến đây thì nó lại sa vào một ổ gà không khí và bị gió cuốn đi không phải vào bờ, mà hầu như song song với bờ. Độ hai phút sau thì gió đổi hướng và cuối cùng đã hất quả khí cầu lên bờ cát.

Các du khách giúp nhau lách ra khỏi lớp lưới bao quanh họ. Quả khí cầu, sau khi thoát khỏi tình trạng quá tải, vọt bay lên ngay lúc gặp cơn gió đầu tiên, và biến mất trong bầu trời bao la.

Trên nôi khí cầu trước đó có năm du khách và một con chó, nhưng bây giờ rơi xuống bờ biển chỉ còn có bốn người.

Người thiếu ấy chắc là đã bị sóng cuốn mất. Nhờ vậy mà tải trọng của khí cầu nhẹ bớt đi khiến nó vọt lên được một lần cuối cùng và sau vài khoảnh khắc đã bay được vào bờ.

Nhưng, những người bị tai nạn trên không (hoàn toàn có thể gọi như thế được) vừa mới đặt chân xuống mặt đất - cả bốn người, khi không thấy

người thứ năm đâu, đều thốt lên:

- Có lẽ ông ấy định bơi vào bờ đó... Ta phải cứu ông ấy! Phải cứu!

CHƯƠNG HAI

Một cảnh nội chiến ở Mỹ. - Kỹ sư Cyrus Smith Gédéon Spilett. - Người da đen Nab. - Thủy thủ Pencroff. - Chú bé Harbert. - Kiến nghị bất ngờ. - Cuộc gặp mặt lúc mười giờ tối. - Bay vào bão táp.

Những người bị trận cuồng phong quăng lên bờ biển xa xăm nào đó không phải là những nhà du hành chuyên nghiệp bằng khí cầu hay những người yêu thích du ngoạn trên không. Họ bị bắt làm tù binh và tinh thần dũng cảm chân chính đã thôi thúc họ chạy trốn trong những hoàn cảnh hết sức éo le.

Năm 1865, vào tháng hai. Trong một cuộc tấn công của tướng Ulysses Grant nhằm chiếm đoạt thành phố Richmond, có một số sĩ quan của quân đội liên bang bị sa vào tay địch và bị giam giữ ở đó. Một trong số những tù binh đáng chú ý nhất thuộc ban tham mưu của tướng Grant tên là Cyrus Smith.

Cyrus Smith, người gốc bang Massachusetts, nghề nghiệp kỹ sư, là một nhà bác học giỏi bậc nhất: trong thời gian chiến tranh, chính phủ Hợp chúng quốc giao cho ông điều hành những con đường sắt có ý nghĩa chiến lược quan trọng.

Khăng khiu, xương xẩu, gầy gò, nhìn bề ngoài ông có thể được coi là người Bắc Mỹ chính thống. Mặc dầu ông chưa quá bốn mươi lăm tuổi, nhưng trong những mớ tóc cắt ngắn của ông đã ánh lên những sợi bạc. Cyrus Smith không để râu quai nón, chỉ để ria mép rậm thôi.

Gương mặt của ông làm cho người ta sửng sốt về một vẻ đẹp nghiêm khắc và một hình trông nghiêm sắc nét - những gương mặt như thế dường như được tạo nên để cho người ta tạc vào những tấm huy chương: đôi mắt sáng ngời nghị lực, đôi môi nghiêm nghị ít khi mỉm cười, - tóm lại, Cyrus Smith là hình ảnh của một nhà bác học mang tâm hồn của một người lính. Ông thuộc số những kỹ sư mà khi bắt đầu con đường công danh của mình đã tự nguyện cầm búa và cuốc chim. Giống như các vị tướng đã bắt đầu binh nghiệp từ những người lính trơn. Bởi vậy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi thấy ông không những đầu óc cực kỳ sáng suốt và sắc sảo mà đôi tay cũng rất tháo vát, khéo léo. Hệ cơ bắt phát triển chứng tỏ ông rất khỏe mạnh. Đó là một con người hành động, đồng thời cũng là một nhà tư tưởng: ông hành động một cách tự giác, không bao giờ gò ép mình, là người năng động, tràn đầy nghị lực sống, đặc biệt kiên trì và không bao giờ sợ hãi những sự thất bại có thể xảy ra. Ở ông, những trí thức lớn đã được kết hợp với nếp tư duy thực tiễn và tài xoay xở - như những người lính thường nói - ông đã rèn được cho mình tính tự chủ tuyệt vời, trong bất kỳ tình huống nào cũng không bao giờ ông mất bình tĩnh. Tóm lại, ở ông đã phát triển cao độ ba đặc điểm vốn có của một con người mạnh mẽ: thể lực và tri lực, chí hướng và ý chí mạnh mẽ. Ông đã chọn lời của Guillaume d'Orange nói hồi thế kỷ 17 làm phương châm sống của mình:

“Khi bắt tay vào việc gì đó, tôi không cần hy vọng; khi kiên trì hành động tôi không cần thành công”.

Đồng thời, Cyrus Smith còn là tượng trưng của lòng dũng cảm. Ông đã tham dự tất cả các trận chiến đấu của cuộc nội chiến. Ông đã bắt đầu cuộc đời của người lính dưới quyền chỉ huy của Ulysses Grant trong đội quân tình nguyện của bang Illinois, ông đã chiến đấu ở Paducah, Belmont, Pittsburg - Landing, trong trận bao vây Corinth, ở cảng Gibson, ở bên bờ Sông Đen, ở Chattanooga, ở Potomac - và ở đâu ông cũng đều chiến đấu chí cốt, như một người lính, hoàn toàn xứng đáng với tướng Grant, người mà khi trả lời câu

hỏi về sự tổn thất đã nói: “Tôi không thống kê số quân lính của mình bị thiệt mạng”. Cyrus Smith đã hàng trăm lần có thể nằm trong số những người mà vị thống soái nghiêm khắc không thông kê, nhưng dẫu dù ông đã không tiếc thân mình trong những trận chiến đấu ấy thì ông vẫn còn gặp may cho đến ngày bị thương ở Richmond và bị bắt làm tù binh.

Cùng với Cyrus Smith bị sa vào tay quân đội phía nam hôm ấy còn có một người nổi tiếng nữa, đó không phải ai khác, mà chính là Gédéon Spilett, đặc phái viên của báo “New York Herald” (Người đưa tin Nữ Ước) được biệt phái vào quân đội của phía bắc để theo dõi những diễn biến của chiến tranh.

Gédéon Spilett thuộc loại những phóng viên khác thường, nhất là những người Anh và người Mỹ, theo gương Stenley và những người tương tự như ông, không chịu khuất phục trước một cái gì, chỉ cốt sao khai thác được những tin tức chính xác về một sự kiện nóng hổi và nhanh chóng báo về tòa soạn của mình. Ở Hợp chúng quốc, những tờ báo lớn như “New York Herald” đã trở thành một lực lượng thực sự, bởi vậy, đối với các đại diện của họ, những “đặc phái viên” phải coi trọng. Gédéon Spilett giữ một trong số những vị trí hàng đầu của các “đặc phái viên” ấy.

Là một con người rất đáng kính, có nghị lực, năng động và kiên quyết, một nhà báo từng đi khắp thế giới, một người lính và một họa sĩ, một trí tuệ hùng mạnh, có khả năng am hiểu mọi vấn đề, bản tính tháo vát, xông xáo, Spilett không sợ vất vả, mệt nhọc, nguy hiểm khi anh ta muốn “biết” một điều gì đó, - trước hết là cho bản thân mình, sau đó, cho tờ báo của mình. Đó là một nhân vật ham hiểu biết thực sự, một người sẵn tin tức không biết mệt mỏi - sẵn tất cả những tin tức chưa loan báo, không ai biết, không thể có và khó tin; là một trong những nhà quan sát dũng cảm có thể viết bài dưới tiếng đạn rít, sáng tác dưới tầm đại bác và coi bất kỳ sự mạo hiểm nào cũng là cuộc phiêu lưu hấp dẫn.

Ông ta cũng đã có mặt trong tất cả những cuộc chiến đấu, bao giờ cũng đứng trên tuyến đầu, một tay cầm súng lục, một tay cầm sổ ghi chép, và dưới làn mưa đại bác có chứa bi, chiếc bút chì trong tay ông cũng không hề run. Khác với những phóng viên hùng hồn ngay cả những khi chả có gì đáng nói cả, ông không chiếm đường dây điện báo khẩn, những mỗi tin, bài của ông đều ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, bao giờ cũng rọi ánh sáng vào một sự kiện quan trọng nào đó. Tiện thể xin nói thêm: ông ta không hề kém khô hài đâu. Sau trận chiến đấu bên bờ Sông Đen, vì muốn tìm cách giữ chỗ ở trung tâm điện tín để chuyển về tờ báo của mình kết quả trận chiến đấu, chính ông đã dùng hai giờ liền để điện đi những chương đầu của kinh thánh. Cái mẹo ấy ngốn mất của “New York Herald” hai ngàn đô la, nhưng tờ báo lại nhận được tin tức trước nhất.

Gédéon Spilett vóc người cao và chưa già lắm - mới độ bốn mươi tuổi, không hơn. Hai bên tóc mai màu hung hung. Đôi mắt linh lợi, tinh anh nhìn bình tĩnh và tự tin. Những con mắt như vậy thường thấy ở những người quen thâm tóm được ngay mọi tình tiết của một bức tranh rộng lớn. Thân hình ông đã rắn chắc, lại được tôi luyện trong những chuyến du lịch ở các vĩ độ khác nhau, chẳng khác gì người ta tôi một thời thép nung đỏ trong nước lạnh.

Đã mười năm nay Gédéon Spilett là phóng viên thường trú của “New York Herald” và góp phần làm phong phú tờ báo bằng những bài, tin và những hình vẽ của mình. Ông sử dụng tốt như nhau ngòi bút của một nhà văn và cây bút chì của một họa sĩ. Khi bị bắt làm tù binh ông đã miêu tả diễn biến của trận đánh và phác họa. Những dòng ghi chép của ông trong cuốn sổ tay đã bị chấm dứt đột ngột bằng những lời như sau: “Kẻ thù đang nhắm bắn vào tôi và...”. Xạ thủ đã bắn trượt. Gédéon Spilett, vẫn như mọi khi, thoát khỏi trận chiến đấu ác liệt mà không mảy may bị sây sát.

Cyrus Smith và Gédéon Spilett chỉ biết nhau qua lời người ta nói. Cả hai đều được phái đến Richmond. Viên kỹ sư mau chóng được chữa khỏi vết thương và trong thời gian bình phục ông đã làm quen với nhà báo. Họ cảm thấy quý nhau và kết bạn. Chẳng mấy chốc mục đích mà hai người luôn luôn đeo đuổi đã gắn bó họ lại với nhau. Cả hai người đều chỉ mong muốn một điều: chạy trốn, trở về với quân đội của tướng Grant, và tiếp tục chiến đấu cho sự thống nhất liên bang.

Đôi bạn đã quyết định tranh thủ mọi dịp thuận lợi để chạy trốn. Mặc dù ở Richmond họ được sống tự do, song thành phố được bảo vệ nghiêm ngặt, nên việc chạy trốn do đó không thể thực hiện được.

Giữa lúc ấy thì người đầy tớ rất mực trung thành của Smith đã khôn khéo lách tìm được đến chỗ của ông ta. Con người dũng cảm đã được nhìn thấy ánh sáng tự do ở trang trại của cha mẹ viên kỹ sư ấy là một người da đen, con của những người nô lệ và bản thân anh ta cũng là nô lệ. Nhưng Cyrus Smith là người chống chế độ nô lệ, nên đã cho người da đen ấy được tự do. Người nô lệ, sau khi trở thành người tự do, đã không muốn từ giã ông chủ của mình. Anh yêu chủ nông nàn và sẵn sàng chết vì chủ. Người da đen ấy đã ba mươi một tuổi, khỏe mạnh, nhanh nhẹn, tháo vát và sáng dạ, nhu mì và bình tĩnh, đôi lúc rất ngây thơ, luôn luôn tươi cười, hiền lành và hay giúp đỡ mọi người. Anh tên là Nabuchodonosor, nhưng lại không thích cái tên hoa mỹ ấy và ưa được gọi bằng cái tên thân quen từ bé là Nab.

Sau khi hay tin ông chủ bị bắt làm tù binh, Nab đã không do dự rời ngay Massachusetts, tìm đến Richmond và, bằng đủ mọi mưu kế, hai mươi lần liều mạng mới đột nhập được vào thành phố bị bao vây. Không lời nào có thể diễn đạt nổi niềm sung sướng của Cyrus Smith khi ông trông thấy người hầu của mình, và niềm hạnh phúc của Nab khi anh liên lạc được với ông chủ yêu quý.

Thế là Nab đã lọt được vào Richmond, nhưng thoát ra khỏi nơi đây thì lại khó hơn nhiều, vì số tù binh của quân đội liên bang bị giám sát rất ngặt nghèo. Muốn chạy trốn, mặc dù hy vọng trốn lọt rất mỏng manh, thì phải đợi dịp hiếm hoi, nhưng những dịp như thế mãi vẫn chưa đến, mà tạo ra được dịp đâu phải dễ dàng.

Trong khi ấy, tướng Grant tiếp tục tiến hành những hành động quân sự có tính chất quyết định. Trong trận kịch chiến với quân phía nam ở Petersburg ông đã giành được thắng lợi. Nhưng liên quân của ông và của Butler vẫn chưa thể đạt được điều gì trong cuộc bao vây Richmond và chưa có gì báo hiệu sắp giải thoát được tù binh cả. Cuộc sống đơn điệu của người tù chẳng có gì để cho phóng viên viết được, vì vậy, ông đã không đủ sức chịu đựng nữa. Ý nghĩ chạy trốn khỏi Richmond, trốn bằng bất kỳ giá nào, cứ ám ảnh ông hoài. Đã mấy lần ông định thực hiện điều ấy mà không được: có nhiều trở ngại không thể khắc phục nổi.

Cuộc bao vây thành phố vẫn tiếp diễn, và nếu những người tù binh khao khát chạy trốn khỏi đó để trở lại quân đội của tướng Grant, thì lại có những người bị bao vây rất muốn rời khỏi Richmond để về với quân đội của phái phân lập; trong số những người lính ấy có cả Forster - một người rất mực trung thành với quân đội phương nam. Thật ra, nếu những tù binh của quân đội liên bang không thể thoát khỏi thành phố thì cả những người theo phái phân lập cũng không thể làm được điều đó, bởi vì quân đội phương bắc đã bao vây thành phố từ các phía. Thị trưởng Richmond đã từ lâu mất liên lạc với tướng Lee, mà điều cực kỳ quan trọng là làm sao thông báo được cho ông ta biết tình hình trong thành phố và yêu cầu nhanh chóng điều quân đến cứu viện những người bị bao vây. Thế là Jonathan Forster nảy ra ý định ngòilên nôi của một khí cầu để bay khỏi Richmond, vượt qua tuyến quân đội bao vây để tìm đến bản doanh của quân đội phân lập.

Viên thị trưởng cho phép thực hiện ý đồ ấy. Một quả khinh khí cầu đã được chuẩn bị và giao cho Jonathan Forster sử dụng để hoàn thành một cuộc hành trình trên không với năm người cùng đi. Các nhà du hành bằng khí cầu được trang bị vũ khí phòng khi đổ xuống mặt đất đụng độ với quân địch sẽ phải chiến đấu để tự vệ. Họ còn được dự trữ lương thực phòng khi phải bay quá lâu trong không trung.

Chuyến bay được ấn định vào ngày 18 tháng ba, lúc ban đêm, khi gió tây bắc bắt đầu thổi. Các nhà du hành dự tính sau vài giờ sẽ bay đến văn phòng bộ tham mưu của tướng Lee.

Nhưng gió tây nam hóa ra lại khác so với dự kiến. Ngày 18 tháng ba, ngay từ sáng đã thấy rõ một cơn bão đang đến. Và chẳng bao lâu một trận cuồng phong đã nổi lên, khiến chuyến bay của Forster phải hoãn lại, bởi vì thả một khinh khí cầu với năm nhà du hành trong lúc đang có thiên tai thế này rất nguy hiểm.

Quả khí cầu bơm đầy hơi được để tại quảng trường chính của Richmond, sẵn sàng bay lên ngay khi bão yên, và cả thành phố đều nóng lòng chờ đợi sự lắng yên ấy, vậy mà thời tiết vẫn không thấy khá hơn.

Ngày mười tám và mười chín tháng ba, bão nổi lên không lúc nào ngớt. Khó khăn lắm người ta mới giữ cho quả khí cầu được neo bằng những sợi dây cáp ấy khỏi bị những cơn bão giật dè xuống sát mặt đất.

Đã qua đêm mười chín rạng ngày hai mươi, nhưng sáng ra, bão lại càng mạnh hơn. Không thể nào bay được.

Ngày hôm ấy, có một người lạ nào đấy đi trên phố đã đến gặp kỹ sư Cyrus. Đó là một thủy thủ chừng ba mươi lăm hoặc bốn mươi, tên là Pencroff, cao lớn, rắn chắc và sạm nắng, đôi mắt linh lợi, gương mặt hiền

hậu. Anh ta là người gốc quê Bắc Mỹ, đã từng chu du khắp các biển, chịu đựng đủ mọi cảnh cùng cực, từng trải nhiều cuộc phiêu lưu lạ thường mà một người ở trên cạn nào khác năm mơ cũng không thấy. Khởi cần nói, đó là một người tháo vát, một người gan dạ, không sợ bất cứ điều gì. Đầu năm 1865, Pencroff từ New Jersey có việc đến Richmond cùng chú bé mười lăm tuổi Harbert Brown, con trai người thuyền trưởng của anh ta: chú bé mồ côi cha. Pencroff yêu chú bé ấy như con đẻ. Trước khi thành phố bị bao vây, anh đã không kịp thoát ra khỏi đó, và thật là đau khổ, anh đã bị giam hãm ở Richmond. Bây giờ anh cũng có một nguyện vọng: chạy trốn trong bất kỳ trường hợp nào. Pencroff đã từng nghe nói về kỹ sư Cyrus Smith; anh biết rằng con người kiên quyết ấy đang khao khát được tự do. Và đây, đến ngày bão thứ ba, anh đã mạnh dạn đến gặp Smith và hỏi không cần rào trước đón sau gì hết:

- Thưa ngài Smith, ngài không ngăn cái thành phố Richmond quý quái này sao?

Viên kỹ sư nhìn chăm chăm người lạ mặt vừa bắt chuyện với ông, còn Pencroff thì khẽ hỏi thêm:

- Thưa ngài Smith, ngài có muốn chạy trốn không?

- Bao giờ? - Viên kỹ sư lên tiếng ngay, và có thể nói chắc chắn rằng câu trả lời ấy đã bật ra từ lưỡi ông một cách vô tình, bởi vì, ông thậm chí cũng chưa kịp quan sát người lạ mặt vừa nói với ông lời đề nghị ấy.

Tuy nhiên, sau khi nhìn kỹ vào gương mặt cởi mở của người thủy thủ, ông không hề nghi ngờ rằng mình đang gặp một con người trung thực.

- Ông là ai? - Ông hỏi nhát gừng.

Pencroff nói tóm tắt về mình.

- Tuyệt diệu! - Smith nói. - thế ông dự định chạy trốn bằng cách nào?

- Thế này nhé, quả khí cầu để đây vô tích sự, dường như cái đồ vô công rồi nghề ấy cố ý chờ đợi chúng ta đấy!

Pencroff không cần đi vào những chi tiết. Viên kỹ sư hiểu ý anh ngay. Ông ta khoác tay người thủy thủ dẫn luôn về nhà mình.

Pencroff đã kể lại cho Smith nghe kế hoạch của mình. Mọi việc rất đơn giản. Tất nhiên như vậy là mạo hiểm, nhưng biết làm sao được! Bao tố rõ ràng là đang hoành hành, gầm thét hết mức, nhưng một kỹ sư giỏi giang và dũng cảm như Cyrus Smith sẽ biết điều khiển thành thạo một con tàu khí cầu. Nếu như anh ta, Pencroff, biết điều khiển quả khí cầu này thì tất nhiên anh ta đã không do dự cho Harbert cùng bay đi rồi. Trong đời của thủy thủ của mình Pencroff đâu phải chưa lần nào gặp bão! Bão như thế này đâu có làm anh ngạc nhiên!

Cyrus Smith im lặng nghe, nhưng đôi mắt ông sáng lên. Tình huống thuận lợi là quả khí cầu này đây. Không lẽ lại bỏ qua. Kế hoạch rất mạo hiểm, nhưng chính vì vậy nó mới hoàn toàn có thể thực hiện được. Mặc dù có bảo vệ, nhưng về ban đêm vẫn có thể lên đến quả khí cầu, chui vào nôi, sau đó cắt đứt các sợi dây cáp neo! Dĩ nhiên, có thể mất mạng như chơi, nhưng cũng có thể là mọi việc sẽ trót lọt, nếu không có trận bão này. Mà đã không có trận bão này thì quả khí cầu đã bay đi từ lâu rồi, chứ đâu còn cơ hội thuận lợi như thế này nữa?

- Tôi không phải chỉ có một mình! - Kỹ sư vẫn tắt kết thúc bằng lời những điều suy nghĩ của mình.

- Ngài muốn mang theo bao nhiêu người? - Người thủy thủ hỏi.

- Hai - anh bạn Spilett của tôi và người đầy tớ Nab.

- Vậy là ngài có ba người. - Pencroff nhận xét, - còn tôi và Harbert nữa. Cộng tất cả là năm người. Nhưng khí cầu được dự trù cho sáu người bay.

- Tuyệt lắm. Chúng tôi sẽ bay! - Cyrus Smith thốt lên.

Ông ta nói “chúng tôi” có nghĩa là hứa hẹn thay cho cả nhà báo. Thật vậy, Gédéon Spilett là một người gan dạ; khi được biết về kế hoạch dự định, anh ta hưởng ứng liền. Anh chỉ ngạc nhiên là tự bản thân anh đã không nghĩ ra được cái ý đơn giản như thế. Còn nói về Nab thì anh ta sẽ đi theo chủ đến khắp mọi nơi mà chủ muốn.

- Có thể là trước khi trời tối, - Pencroff nói - cả năm người chúng ta cùng la cà quanh quả khí cầu, làm bộ như tò mò đứng xem.

- Trước lúc trời tối, - Cyrus Smith khẳng định, - chúng ta sẽ gặp nhau vào lúc mười giờ. Cho dù đến lúc chúng ta bay bão vẫn chưa tan!

Pencroff tạm biệt kỹ sư và trở về phòng mình, ở đó chú thiếu niên Harbert Brown đang đợi anh. Chú bé dũng cảm đã biết những ý đồ của người thủy thủ và bình tĩnh chờ đợi kết quả câu chuyện của anh với viên kỹ sư.

Bão táp vẫn chưa ngớt, vì vậy cả Jonathan Forster lẫn những người bạn đường của ông ta đều đã không thể đến được cái nôi khí cầu mỏng manh. Thời tiết suốt ngày thật là khủng khiếp. Viên kỹ sư chỉ sợ một điều là: vỏ khinh khí cầu bị gió ép sát mặt đất sẽ vỡ tung ra thành ngàn mảnh, Smith đã hàng giờ bách bộ trên quảng trường hầu như không một bóng người, vừa

đi vừa quan sát quả khí cầu. Pencroff cũng làm như thế, hai tay đút túi quần, anh đi đi lại lại trên quảng trường, thỉnh thoảng ngáp vặt, làm như anh ta quá bộ đến đây vì chẳng biết làm gì và không biết làm sao để giết thời gian. Kỳ thực Pencroff cũng nơm nớp lo vỏ khí cầu sẽ vỡ tung hoặc giả những sợi dây cáp bị đứt và quả khí cầu sẽ bay vút lên trời mất.

Trời đã bắt đầu tối. Màn đêm buông xuống mịt mù. Làn sương dày đặc là là trên mặt đất như những đám mây. Mưa rơi xen lẫn tuyết. Trời trở lạnh ngay. Richmond như có màn đêm ẩm ướt nào đẩy trùm lên. Dường như cơn bão điên cuồng đã tạo nên cuộc ngưng chiến giữa những người bao vây và những người bị bao vây. Ngay cả trên quảng trường, nơi quả khí cầu bị gió quất tơi bời, cũng không một bóng người; người ta cho rằng không cần thiết phải bảo vệ nó trong lúc thời tiết hung dữ như thế này.

Như vậy là mọi việc đều thuận lợi cho việc chạy trốn của các tù binh nhưng còn cuộc du hành khủng khiếp thì sao đây? Làm sao có thể phó thác số phận cho những cơn thiên tai dữ dội được?

- Thời tiết chẳng can chi! - Pencroff lẩm bẩm, rồi nắm tay đập vào mũ cho nó sụp xuống chắc hơn.

- Không sao hết! Bằng cách nào đấy ta sẽ liệu được tốt thôi.

Lúc chín giờ rưỡi, Cyrus Smith và những người cùng đi từ các ngả lên đến quảng trường; trời tối đen như mực, vì gió đã thổi tắt hết mọi ngọn đèn thấp bằng hơi đốt. Cả đến hình dáng quả khí cầu to tướng bị gió thổi tạt sát đất cũng không nhìn thấy đâu. Ngoài các bao tải trọng vật được buộc vào lưới bảo hiểm ra, nôi khí cầu còn được giữa bằng một sợi cáp chắc chắn luồn qua một cái vòng sắt chôn xuống mặt đường, hai đầu dây cáp được buộc vào chiếc nôi đan.

Năm người tù binh đã gặp nhau ở sát bên nôi khí cầu ấy. Không ai trông thấy họ cả - trời tối mịt đến nỗi chính họ cũng chẳng nhìn thấy nhau.

Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Nab và Harbert, chẳng nói chẳng rằng, trèo lên nôi khí cầu, còn Pencroff trong khi đó thì lần lượt tháo từng bao tải trọng vật ra theo sự hướng dẫn của viên kỹ sư. Chỉ sau mấy giây đồng hồ người thủy thủ ấy đã nhập chung vào với những người bạn của mình.

Bây giờ quả khí cầu chỉ còn một sợi dây cáp giữ nữa thôi, và Cyrus Smith chỉ còn việc ra lệnh cho nó bay lên.

Bỗng lúc ấy có một con chó nhảy vào trong nôi khí cầu. Đây là con Top, con chó cưng của viên kỹ sư. Nó đã giằng đứt xích và chạy theo chủ. Sợ con chó sẽ làm tăng thêm trọng tải vô ích, Cyrus Smith đã định đuổi nó xuống.

- Không sao cả, ta mang cả con chó theo! - Pencroff nói và quăng bớt hai bao cát ở trong nôi ra.

Sau đó anh ta tháo dây cáp và quả khí cầu vụt bay chếch lên trời, đụng vào hai cột ống khói.

Trận bão đã hoành hành với mức độ dữ dội nhất của nó. Ban đêm, chẳng thể nào nghĩ đến chuyện hạ xuống đã đành, nhưng lúc ban ngày thì lại không nhìn thấy gì hết, vì màn sương mù bao phủ dày đặc. Mãi sang ngày thứ năm, qua một luồng ánh sáng rọi xuyên những lớp mây đen bên dưới khí cầu đang bị gió xô đẩy với tốc độ kinh khủng, những người chạy trốn mới nhìn thấy biển.

Như bạn đọc đã biết, trong số năm người ngày 20 tháng ba ngồi lên khí cầu để trốn đi thì bốn người ngày 24 tháng ba đã bị bão quăng lên một vùng

bờ biển hoang vắng, cách Richmond^[6] sáu ngàn dặm, còn người bị mất tích mà trước hết những người sống sót lo tìm cứu thì không phải ai khác, đó chính là Cyrus Smith - người đã trở thành thủ lĩnh của họ một cách hoàn toàn tự nhiên.

CHƯƠNG BA

Người bị mất tích. - Những cuộc tìm kiếm ở hướng bắc. - Đêm đau khổ và lo âu. - Bơi qua eo biển. - Những con sò. - Lán tạm. - Dự trữ củi.

Kỹ sư Smith bám vào các ô lưới bảo hiểm của khí cầu đã bị sóng cuốn đi lúc các sợi dây bị đứt tung. Cả con chó Top trung thành cũng tự nhảy xuống biển để cứu chủ.

- Tiến lên! - Nhà báo kêu to.

Thế là cả bốn người - Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff và Nab - quên cả đói và mệt, lao vào những cuộc tìm kiếm người bạn của mình.

Chú Nab tội nghiệp đã khóc vì tức giận và thất vọng, cho rằng anh ta đã bị mất một con người quý nhất trên đời.

Từ lúc Cyrus Smith mất tích đến giờ chưa đầy hai phút: vì vậy, những người bạn cùng đi với ông ta, sau khi vào được bờ, vẫn còn có thể hy vọng kịp thời cứu kỹ sư.

- Phải tìm ông ấy - Tìm! - Nab kêu toáng lên.

- Đúng thế, Nab ạ - Gédéon Spilett trả lời. - Chúng ta sẽ tìm được ông ấy!

- Khi ông ấy còn sống chứ?

- Còn sống!

- Ông ấy có biết bơi không? - Pencroff hỏi.

- Biết! - Nab trả lời. - Hơn nữa cùng với ông ta còn có con Top.

Người thủy thủ lắng nghe tiếng gầm của đại dương và lắc đầu.

Viên kỹ sư đã bị mất tích ở vùng bờ biển phía bắc, cách nơi những người còn lại bị quăng xuống mặt đất chừng nửa hải lí. Nếu ông ta kịp vào được bãi nông gần nhất thì có nghĩa ông đã phải đi được nhiều nhất là nửa hải lí.

Đã sắp sáu giờ chiều rồi. Sương mù dày đặc, trời trở nên tối mịt. Các nhà du hành bằng khí cầu bị tai nạn đi về phía bắc, dọc theo bờ phía đông mảnh đất mà số phận đã run rủi họ đến, vùng đất họ hoàn toàn không quen biết, không thể có dự đoán gì về vị trí địa lí của nó. Họ đi, cảm thấy dưới chân lúc là cát, lúc là đá, dường như đất ở đây hoàn toàn mất lớp thực vật. Tiến về phía trước rất khó khăn. Họ mò mẫm trong đêm tối trên mặt đất mấp mô, có những chỗ bị thụt xuống hố sâu, từ đó chốc chốc lại có những chú chim lớn không nhìn thấy trong đêm vụt bay lên, buồn bã vỗ cánh tỏa về các phía để tránh họ. Những con chim khác nhỏ hơn, lanh lẹn hơn thì bay từng đàn thành một đám mây sống lướt trên đầu các du khách. Chàng thủy thủ cảm thấy đó là những con cốc và hải âu, anh nhận ra chúng qua những tiếng kêu the thé, ai oán, át cả tiếng gầm dữ dội.

Thình thoảng mấy du khách lại dừng lại, gào to lên gọi người bạn vừa mất tích, và chăm chú lắng nghe xem có tiếng của ông ta đáp lại từ phía đại dương không. Có thể là Cyrus Smith đã tự cứu thoát mình rồi, và họ đang ở cách nơi ông đã lên được bờ không bao xa. Còn nếu như tự Smith không đủ sức kêu cứu được nữa thì con chó của ông sẽ sủa, và tiếng sủa vang của con

Top sẽ vắng tới họ. Nhưng, họ đã không nghe thấy tiếng gì cả, ngoài tiếng réo ngiệt ngã của đại dương và tiếng đá sỏi bị sóng cuốn va đập vào nhau. Và toán quân nhỏ bé ấy lại đi tiếp, vừa đi vừa khảo sát từng chỗ bờ biển uốn khúc nhỏ nhất.

Chừng hai mươi phút sau, cả bốn người bỗng nhiên dừng lại, không còn biết đi đâu được nữa, trước mắt họ, những con sóng cao đang xô vào bờ, đập vào đá và tan ra. Họ đang ở chỗ đầu cùng của một mỏm đá nhọn, sóng biển sục sôi hung dữ.

- Ta đã đi ra một mũi biển, - chàng thủy thủ nói. - Phải quay lại thôi. Hãy lui về phía bên phải, xa bờ hơn nữa.

Lúc ấy toán du khách mới quanh qua đầu mũi biển và đi tiếp trên nền đất pha cát lờm chờm đá. Nhưng Pencroff nhận thấy bờ biển mỗi lúc một dốc đứng hơn, lên cao hơn... Họ đi chừng hai dặm, và thật là thất vọng, lại đến một mỏm khá cao, toàn những tảng đá trơn tuột.

- Chúng ta đã lạc vào một hòn đảo nhỏ nào rồi! - Pencroff nói - Và ta đã đi hết hòn đảo, từ đầu chí cuối rồi.

Ban đêm trời trở lạnh dữ. Những người chạy trốn rủi ro bị lạnh cứng, nhưng hầu như họ không để ý đến nỗi khốn khổ của mình. Họ thậm chí đã không nghĩ đến việc đặt lưng nằm nghỉ. Họ quên mình, chỉ nghĩ đến thủ lĩnh, đồng thời là người bạn của mình, hy vọng ông còn sống.

Đêm đã qua. Sang ngày 25 tháng ba, khoảng sáu giờ rưỡi, mặt trời mọc, sương mù mỗi lúc một thưa hơn. Chẳng mấy chốc đã hiện lên rõ nét toàn bộ hòn đảo nhỏ, sau đó, từ trong màn sương mù lại lộ ra một vùng biển hình bán nguyệt màu xanh thẫm, phía đông mênh mông, phía tây có bờ dốc đứng bằng đá hóa cương. Hy vọng bên ấy là vùng đất liền, là nơi cứu thoát,

những người khách viễn du đã đợi thủy triều xuống, bơi qua eo biển sang đó. Nab và Spilett đi dọc theo bờ biển, tiếp tục tìm kỹ sư Smith.

Harbert đã định đi cùng, nhưng Pencroff ngăn lại:

- Đừng đi, chú bạn nhỏ ạ! Anh và chú cần phải chuẩn bị chỗ trú ẩn và nếu được thì kiếm cái ăn. Khi các bạn của chúng ta trở về, họ cần phải được bồi dưỡng. Nghĩa là họ có việc của họ, chúng ta có việc của chúng ta.

- Em đồng ý, anh Pencroff - Harbert đáp.

- Thế thì tốt lắm. - chàng thủy thủ khen. - Chúng ta sẽ lần lượt thu xếp mọi việc. Chúng mình mệt rồi, bị đói, rét. Thành thử, mọi người cần có chỗ ở, lửa và cái ăn. Củi trong rừng chắc là vô thiên lủng, ở đó kiếm tổ chim cũng được thôi, nghĩa là ta sẽ lấy trứng. Chỉ còn việc kiếm chỗ ở nữa.

- Vậy thì, - Harbert hưởng ứng ngay - em sẽ tìm trong vách núi một cái hang. Chắc chắn em sẽ tìm được một cái hang nào đó và tất cả chúng ta sẽ vào đấy ở.

- Đúng đấy, - Pencroff nói - Ta đi thôi, em!

Rồi cả hai người bắt đầu đi học theo thành đá hoa cương khổng lồ, bước trên dải cát rộng lộ ra trong những giờ nước rút. Nhưng đáng lẽ phải đi về phía bắc như Gédéon Spilett và Nab thì họ lại đi về phía nam. Pencroff để ý thấy một cái khe nứt cắt ngang dãy núi thấp, cách chỗ họ bơi qua vài trăm bước và cho rằng đấy có lẽ là một dòng sông nhỏ hay con suối. Họ đi về hướng đó, bởi vì điều quan trọng là phải xây dựng chỗ ở gần nguồn nước ngọt; ngoài ra, không loại trừ khả năng là Cyrus Smith đã bị dòng nước cuốn về phía ấy.

Nhưng bờ biển dựng đứng thành một bức vách liền cao chừng 300 fut, nên không có lấy một cái hang, một hẻm sâu nào có thể dùng làm nơi tạm trú cho các du khách... Chim ở đây thì nhiều vô kể. Cứ bắn hú họa vào những đàn chim bay lượn trên không trung là cũng có thể kiếm được “mồi ngon” rồi. Nhưng muốn bắn thì phải có súng, mà cả Pencroff lẫn Harbert đều không có.

Nhưng đây, Harbert đã để ý thấy mấy vách đá phủ đầy rong - có lẽ lúc thủy triều lên chúng bị ngập dưới biển. Trên những vách đá ấy, xen giữa những đám cỏ biển trơn trượt có rất nhiều sò bám vào đá; đó là những thứ có thể ăn được mà lúc đói bụng không nên bỏ qua. Harbert lên tiếng gọi Pencroff; anh ta chạy lại ngay.

- Ồ, hén đây rồi! - Chàng thủy thủ thốt lên - Trong lúc mình chưa kiếm được chim đã có cái này thay trứng chim được rồi.

- Đây hoàn toàn không phải hén - Harbert chăm chú quan sát những con sò, nhận xét - đây là những con sò.

- Thế thứ này có ăn được không? - Pencroff hỏi.

- Còn phải nói!

- Thế thì ta nếm thử con sò xem sao.

Chàng thủy thủ có thể hoàn toàn trông cậy vào Harbert. Cậu bé đã tỏ ra rất am hiểu về kiến thức tự nhiên và luôn luôn say mê môn ấy. Người cha quá cố đã hướng cậu đi vào con đường này và tạo điều kiện cho cậu được học với những giáo sư nghiên cứu tự nhiên học xuất sắc nhất của thành phố Boston. Cậu bé thông minh và cần mẫn ấy đã lập tức được các thầy yêu mến. Những năng khiếu và kiến thức của nhà tự nhiên học trẻ tuổi về sau

đã nhiều lần giúp ích cho những người bạn lớn tuổi của chú, và ngay từ đầu chú đã xác định không lầm...

Pencroff và Harbert thả cửa ăn những con sò hé mở vỏ dưới ánh nắng. Ăn chúng cũng như ăn hào vậy. Cả hai người đều thấy sò có vị rất đậm đà và vì vậy không đến nỗi phải tiếc về chuyện thiếu tiêu và các gia vị khác.

Thế là các khách bộ hành đã đỡ đói phần nào. Nhưng cái khát ở cả hai người lại càng tăng hơn sau khi họ đã ăn khá nhiều động vật nhuyễn thể thơm ngon. Bây giờ đây cần phải tìm ở đâu đó nguồn nước ngọt và, dường như khó tin được rằng ở một vùng bờ biển nhiều núi như thế này mà lại không tìm được lấy một nguồn nước nhỏ sao. Sau khi lấy dự trữ khá nhiều sò, nghĩa là nhét đầy tất cả các túi và gói chặt các khăn tay, Pencroff và Harbert quay trở lại chân vách núi đá hoa cương.

Trong khi đi về phía nam chừng hai trăm bước nữa họ đã thực sự nhìn thấy một khe núi, trong đó, đúng như Pencroff nghĩ, có một con sông nhỏ, hẹp, nhưng đầy nước đang chảy. Ở chỗ ấy, bức tường đá hoa cương dường như bị toác ra do chấn động mạnh của núi lửa. Nơi cửa khe tạo thành một cái vịnh nhỏ gần như hình tam giác. Chiều ngang của dòng sông ở chỗ ấy rộng đến một trăm fut, còn lòng sông thì chiếm gần như hết cả cửa khe. Hai bờ sông rộng không quá hai mươi fut. Dòng sông trôi gần như theo một hướng thẳng giữa hai bức tường đá hoa cương hạ thấp dần về thượng nguồn. Cách đó không xa lắm, dòng sông uốn khúc đột ngột và sau nửa dặm thì mất hút trong các khoảnh rừng.

- Đây có nước, còn đằng kia có củi! - Pencroff thốt lên - Harbert này. Thế là bây giờ ta chỉ còn thiếu cái nhà nữa thôi!

Con sông nhỏ nước trong vắt, Pencroff tin chắc rằng khi nước rút, sóng biển không dâng tới thì nước sông ngọt và hoàn toàn có thể dùng uống

được. Chỉ khi giả thiết quan trọng ấy đã được khẳng định, Harbert mới bắt đầu đi tìm một cái hang nào đấy có thể ở được, nhưng uổng công. Chỗ nào vách đá hoa cương cũng dựng đứng như một bức tường bằng phẳng.

Tuy nhiên cách cửa sông không xa lắm, ở nơi cao hơn nước thủy triều lên, họ đã tìm thấy một đồng đá tảng chồng lên nhau rất độc đáo. Những công trình thiên nhiên như thế hiếm khi nào thấy có trên những vùng đá hoa cương cao.

Trong khi nghiên cứu “mê cung” ấy, Pencroff và Harbert đã đi khá sâu vào bên trong theo cái lối rải đầy cát, ánh sáng lọt vào đây qua những khe hở giữa các tảng đá được sắp xếp cân đối một cách kỳ diệu. Tuy nhiên, lọt qua các khe không chỉ có ánh sáng mà cả gió nữa - những cơn gió lùa thực sự thổi dọc theo các hành lang bằng đá mang theo cái rét thấu xương. Nhưng Pencroff đã quyết định nếu chặn vài lối, lấy đá bịt các lỗ thì “căn nhà ổ chuột”, như anh ta gọi, cũng có thể ở được.

- Chỗ ở dễ thương ghê! - Pencroff nói - Nếu khi nào ông Smith trở về với chúng ta, ông ấy sẽ biết sắp xếp trật tự trong cái “mê cung” này.

- Ông ấy nhất định trở về, anh Pencroff ạ! - Harbert thốt lên - Từ giờ đến lúc ông ấy về chúng mình phải lo liệu được ở đây một chỗ ở cho kha khá một chút. Trước tiên ta phải xây một cái lò ở hành lang bên trái và không bịt cái lỗ ở trên để cho khói thoát ra.

- Này chuyện lò thì xây có khó gì đâu, cậu bé thân mến ạ, - chàng thủy thủ nói - nhưng việc đầu tiên ta hãy đi kiểm củi dự trữ đã. Anh nghĩ củi cành hay củi gì cũng có ích, ta dùng để bịt các khe hở lại, kéo chống chênh quá.

Harbert và Pencroff ra khỏi nhà ổ chuột và mười lăm phút sau, đã ra đến chỗ sông uốn khúc đột ngột về bên trái. Bắt đầu từ đây dòng sông chảy qua cánh rừng gồm toàn những cây to. Mặc dù đang mùa lạnh trong năm, nhưng cây cối vẫn xanh tươi - đó là những cây thuộc các loài lá kim khác nhau, mọc phổ biến ở tất cả các nơi thời tiết khác nhau của trái đất - từ các kinh tuyến bắc đến các nước vùng nhiệt đới. Nhà tự nhiên học trẻ tuổi nhận ra ở đây loài cây deodor thường gặp ở vùng núi Himalaya với rất nhiều dáng vẻ khác nhau. Những cây này tỏa ra chung quanh một mùi rất dễ chịu. Xen giữa những cây khổng lồ là những cây thông tỏa tán rậm rạp như chiếc ô lớn vậy. Bên dưới mặt đất là một lớp thảm cỏ, đi trên đó Pencroff thấy dưới chân mình những cành cây khô kêu răng rắc.

- Nào, ta hái củi! - Harbert đáp và bắt tay ngay vào việc.

Kiểm củi hóa ra rất dễ, thậm chí chẳng cần phải bẻ những cành khô - củi nằm đầy ra trên mặt đất. Vậy là cái đun không thiếu, nhưng ở đây đặt ra vấn đề là làm sao đưa được củi về chỗ ở. Củi khô cháy rất mau - do đó cần phải đưa về “căn nhà ổ chuột” một đống củi hết sức lớn, một gánh nặng quá sức đối với cả hai người. Harbert nói với Pencroff điều ấy.

- Ồ, cậu bé yêu quý ạ, cần phải nghĩ cách chuyên chở củi chứ. Một khi mình muốn là có thể làm được mọi chuyện! Giá chúng mình có một cái xe kéo thì khỏi phải nói gì nữa.

- Thì ta có sông đây rồi còn gì! - Harbert kêu lên.

- Đúng! - Pencroff khẳng định - Có sông, nghĩa là để cho củi tự trôi được. Người ta nghĩ ra chuyện chuyên chở gỗ bằng bè đâu phải vô ích.

- Chỉ rui một điều là, - Harbert bác lại, - củi sẽ không trôi về hướng ta cần, bởi vì bây giờ thủy triều đang đẩy nước ngược dòng trôi.

- Vậy thì ta đợi lúc nước rút - chàng thủy thủ đáp, - và thế là chất đốt của chúng ta sẽ trôi về đến tận nhà một cách rất tự nhiên. Nào ta tranh thủ làm bè.

Một giờ sau, họ hoàn thành công việc chắt toàn bộ số củi lên đó và đẩy bè ra phía bờ sông, đợi khi nước xuống sẽ thả cho bè trôi.

Còn những vài giờ nữa nước mới bắt đầu xuống nên để giết thời gian, Pencroff và Harbert đã trèo lên các vách đá và tìm thêm nguồn thức ăn. Trong các hẻm, hốc ở đây có đến hàng trăm loại chim làm tổ. Trong khi nhảy từ tảng đá này sang tảng đá khác, Harbert đã làm cho bầy chim “cư dân” trên các vách núi hoảng sợ.

- Ô! - Cậu bé thốt lên - Đây không phải là chim cốc, cũng không phải hải âu!

- Thế là chim gì? - Pencroff hỏi. - Quí quái thật, lại giống chim bồ câu.

- Đúng, đây chính là chim bồ câu, chỉ có điều là bồ câu hoang dã - bồ câu núi mà thôi, - Harbert đáp. - Em nhận ra chúng ngay. Anh hãy nhìn đây này, chúng có đường viền kép màu đen ở cánh, đuôi trắng, còn lại toàn bộ lông đều màu tro xanh da trời nhạt. Em đã đọc và biết rằng bồ câu núi là loài chim thịt ngon, và có lẽ trứng của chúng cũng rất ngon. Có thể là trong các tổ còn trứng đấy!...

- Vậy thì ta sẽ làm món trứng tráng nhé! - Pencroff vui vẻ hưởng ứng.

- Thế lấy gì để tráng? Lấy mũ của anh nhé?

- Không, cậu bạn nhỏ ạ, tiếc rằng anh không phải người có phép thần thông. Không sao, đừng buồn. Chúng ta sẽ nướng trứng. Em muốn chúng mình thi xem ai ăn được nhiều hơn không?

Pencroff và cậu bé bắt đầu xem xét thật cẩn thận tất cả các hẻm, hốc giữa các tảng đá hoa cương; đây đó có trứng thật. Họ nhặt vài chục trứng bồ câu, đem bọc vào khăn tay của người thủy thủ. Sau đó, cho rằng con nước đã lên hết rồi, họ theo sườn núi đi xuống sông, trở lại chỗ để củi, chuẩn bị thả bè.

Pencroff kiểm sợi dây leo khô bện thành một sợi dây dài vài sải. Sợi chèo vừa bện xong được buộc vào phía sau bè, đầu kia người thủy thủ giữ trong tay, còn Harbert thì dùng một cái sào dài đẩy chiếc bè từ bờ ra lòng sông.

Phương pháp thả bè của họ tỏ ra rất thành công. Pencroff vừa đi trên bờ, vừa giữ sợi chèo cho chiếc bè chở nặng lặng trôi theo dòng. Khoảng hai giờ sau chiếc bè đã trôi đến cửa sông ở gần lán tạm của họ.

CHƯƠNG BỐN

Xây dựng tiện nghi trong lán tạm. - Nhà báo và Nab trở về. - Que diêm duy nhất. - Bữa tối. - Đêm đầu tiên trên cạn.

Vừa dỡ xong củi trên bè xuống, việc Pencroff quan tâm đầu tiên là làm cho cái lán tạm có thể ở được, che các hành lang khỏi bị những cơn gió lùa tung hoành, Pencroff và Harbert dùng cát, đá, những tấm đan bằng cành cây và đất sét nhão để bịt chặt các hành lang thông thống gió lạnh, chỉ chừa lại một hành lang hẹp, ngoằn ngoèn nối với hành lang bên cạnh để làm ống khói, tạo sức hút cho bếp lò. Bây giờ lán tạm đã có ba, bốn “phòng”, nếu có thể gọi như thế được đối với cái hang tối tăm mà ngay đến thú rừng cũng chưa chắc đã chịu ở. Nhưng ở đây khô ráo, và có thể đứng thẳng người, ít nhất là trong “phòng” lớn nhất ở chính giữa. Nền đất chỗ nào cũng được trải cát mịn.

Công việc sửa sang tiện nghi trong lán tạm đã mau chóng kết thúc, và Pencroff tuyên bố rằng anh ta hoàn toàn vừa lòng.

- Thế là bây giờ các bạn của chúng ta đã có thể về ở, - anh nói. - Nơi nương trú của chúng ta không tồi lắm.

Chỉ còn lại việc đắp bếp lò và chuẩn bị bữa trưa. Công việc thực chất là đơn giản, chẳng khó khăn gì. Họ đã xếp những viên đá thành một cái bếp lò bên cạnh lỗ “thông khói” ở sâu trong hành lang đầu tiên, phía bên trái. Dĩ nhiên là không phải tất cả nhiệt đều thoát ra bên ngoài theo khói, vì vậy các “căn phòng” đều được sưởi ấm. Họ đã biến một trong số các hành lang thành kho để củi. Chàng thủy thủ bắt đầu chất củi và các cành khô nhỏ vào

bếp lò. Anh ta chưa xong việc thì đột nhiên Harbert hỏi xem anh ta có diêm không?

- Thì dĩ nhiên, - Pencroff đáp. - Chứ không có diêm, không có đá đánh lửa thì chết mất chứ còn gì.

- Hoàn toàn không đâu. Chúng ta vẫn có thể lấy được lửa bằng cách cọ xát như những người hoang sơ từng làm ấy. - Harbert không chịu. - Cọ xát hai thanh gỗ khô vào với nhau là có lửa thôi à!

- Thôi được, hãy thử xem, chú bạn nhỏ. Chú sẽ thấy, chả được tích sự gì đâu, chỉ tổ thêm đau tay thôi.

- Nhưng thực ra đây chỉ là cách đơn giản, và cho đến nay người ta vẫn áp dụng nó trên nhiều hòn đảo ở Thái Bình Dương.

- Anh không nói rằng không thể lấy lửa bằng cách ấy. - Pencroff trả lời. - nhưng, chắc chắn là những người hoang sơ biết làm công việc ấy thạo hơn chúng ta, cũng có thể là họ biết cần phải chọn loại gỗ gì kia. Như anh đây chẳng hạn, đã từng đâu phải một lần định lấy lửa bằng cách đó rồi, nhưng có được gì đâu. Không, tốt hơn hết là anh sẽ nhóm lửa bằng diêm thôi. Ủa, anh để diêm đâu mất rồi?

Pencroff lục tìm trong các túi áo bludông hộp diêm mà theo thói thường của người nghiện thuốc lá, không khi nào anh rời ra được. Chẳng thấy cái hộp đâu cả. Anh sờ nắn các túi quần, nhưng cả ở đấy nữa cũng không tìm thấy cái hộp nhỏ bé quý giá ấy đâu.

- Bậy quá đi mất!... Tai họa thật rồi! - Pencroff nói, bối rối nhìn Harbert.
- Chắc là nó đã rơi khỏi túi rồi - Anh đã đánh mất cái hộp diêm. Còn em,

không có gì ư, Harbert? Một cái bật lửa nào đó cũng được để nhóm cái bếp của ta chứ?

- Không, anh Pencroff, không có gì cả.

Chàng thủy thủ, và theo sau anh là Harbert, ra khỏi Lán tạm, Pencroff bực tức lau trán.

Cả hai người bắt đầu cần mẫn tìm kiếm trên cát và giữa các vách đá trên bờ sông, nhưng những cuộc tìm kiếm của họ đều trở nên vô ích. Cái hộp con bằng đồng mà Pencroff đựng diêm trong đó có lẽ đã mất thật rồi.

- Anh Pencroff này, - Harbert hỏi, - thế khi ở trên nôi khí cầu, anh có quăng nó đi không đấy?

- Có lẽ nào anh lại quăng nó đi! - Chàng thủy thủ tức giận. - Chỉ có thể tự nó rơi mất thôi. Vì chúng mình lúc ấy bị xóc quá mà. Nhưng cái vật bé nhỏ ấy rơi mất lâu chưa không biết? Đã vậy, cái tẩu của anh cũng bị mất rồi. Cái hộp con chết tiệt! Tìm nó ở đâu được nhỉ?

- Vậy thì thế này, - Harbert nói, - bây giờ đúng lúc nước rút, ta đi ra bờ biển, chỗ chúng ta bị quăng xuống ấy. Có thể là ta sẽ tìm được nó đấy.

Ít hy vọng, tuy nhiên, cứ thử tìm xem, may ra thì thấy, vì vậy mà Harbert cùng với Pencroff đã vội vàng đi ra đúng chỗ đuôi doi đất mà hôm trước họ đã bị rơi xuống. Chỗ này cách lán tạm hai trăm mét. Tại đây họ đã xem xét kỹ toàn bộ chỗ bờ biển phủ đá sỏi, từng hùm trứng giữa các viên đá. Mọi cố gắng đều không có kết quả!

Pencroff không thể giấu nổi nỗi cay đắng của mình. Trên trán anh hẳn lên những nếp nhăn. Harbert rất muốn an ủi chàng thủy thủ, nên đã nói

rằng, có lẽ những que diêm đã bị ướt và chẳng nào chúng cũng chẳng có ích lợi gì nữa.

- Không đâu, chú bạn nhỏ ạ, chàng thủy thủ đáp - Anh đã để chúng trong một cái hộp con bằng đồng và cái nắp ấy được đậy kỹ lắm! Chúng ta biết làm sao bây giờ?

- Thế nào ta cũng tìm ra được cách lấy lửa, - Harbert nói. - Em nghĩ, ông Smith và ông Spilett sẽ không chịu bí như em với anh đâu!

- Cũng có thể như thế, - Pencroff chán nản nói.

- Nhưng bây giờ đây chúng ta không nhóm được lửa và thế là sẽ chẳng có gì cho các bạn của chúng ta ăn khi họ trở về.

- Anh đừng buồn, - Harbert nói với vẻ hoạt bát. - Không thể nào họ lại không có diêm hoặc đá đánh lửa.

- Anh ngờ lắm! - Chàng thủy thủ lắc đầu - Thứ nhất là Nab và ông Cyrus Smith không hút thuốc, còn ông Spilett, anh nghĩ, ông ta cố lo cứu lấy cuốn sổ ghi chép của mình hơn là cái hộp diêm con!

Harbert im lặng. Việc mất hộp diêm tất nhiên là một sự kiện đau lòng, nhưng cậu bé hy vọng rằng bằng cách này cách khác rồi cũng lấy được lửa. Mặc dù tính kiên quyết và là người có kinh nghiệm hơn, nhưng Pencroff không tán đồng niềm tin của chú bé mà anh nuôi dưỡng. Nhưng dầu thế nào thì cũng chỉ còn một cách là đợi Nab và nhà báo trở về. Thế là đành phải từ bỏ ý định đãi họ món trứng luộc, còn triển vọng đãi họ món sò sống thì chắc gì đã được họ thích, cũng như Pencroff đã chẳng mê gì.

Đề phòng trường hợp không thể nhóm lửa được, chàng thủy thủ và Harbert đã bổ sung thêm số sò dự trữ, và sau đó im lặng đi về chỗ ở của mình.

Gần sáu giờ, khi mặt trời đã khuất sau đỉnh núi nhô cao ở phía tây, Harbert đi lững thững bên bờ biển, bỗng reo lên báo tin Nab và Gédéon Spilett đã về. Nhưng họ chỉ về có mình thôi!... Tìm cậu bé thất lại, vì nỗi buồn khôn xiết. Có nghĩa là những linh cảm của Pencroff đúng thật! Không tìm thấy Cyrus Smith rồi!

Nhà báo tiến lại gần Harbert, lặng lẽ ngồi lên một hòn đá. Anh ta trở về trong tình trạng kiệt sức vì mệt và đói, không đủ sức nói lên lời.

Mắt Nab đỏ ngầu, anh ta đã khóc quá nhiều, và những giọt nước mắt mà giờ đây anh không ngăn nổi, đã nói lên rõ ràng nỗi thất vọng của anh.

Sau khi nghỉ lấy sức, nhà báo đã kể lại những cuộc tìm kiếm Cyrus Smith không đem lại kết quả. Cùng với Nab, anh đã đi dọc bờ biển hơn tám dặm, như vậy là họ đã đi cách rất xa nơi mà kỹ sư và con chó Top của ông đã bị mất tích. Bờ cát hoàn toàn hoang vắng, không thấy mảy may một dấu hiệu nào, một vết tích nào về ông cả.

- Ôi, tôi kiệt sức rồi, - Nab khẽ nói.

Harbert chạy đến chỗ anh.

- Anh Nab, - cậu bé nói. - Đừng thất vọng. Thượng đế sẽ trả ông ấy về với chúng ta! Còn bây giờ anh hãy bình tĩnh lại, hãy nghỉ đã. Anh bị đói rồi. Hãy bồi dưỡng một chút đi. Em mời anh ăn đi này.

Và, vừa nói những điều ấy, cậu bé vừa để trước mặt Nab tội nghiệp mấy vốc sò. Một món ăn nghèo nàn và hoàn toàn không đủ no.

Nab đã nhiều giờ qua không ăn gì, bây giờ lại từ chối ăn. Bị mất chủ, anh không thể và không muốn sống nữa!

Còn nói về Gédéon Spilett thì anh đã ăn không ít những con sò rồi nằm lên cát bên dưới một tảng đá. Anh cũng bị kiệt sức lắm rồi, nhưng bình tĩnh. Harbert bước lại chỗ anh, cầm tay anh, nói:

- Thưa ông Spilett, cháu và anh Pencroff đã tìm được một nơi nương trú, ông về đó nghỉ sẽ tốt hơn ở đây nhiều. Đêm đã bắt đầu xuống rồi. Ta đi nào. Ông cần nghỉ ngơi đã! Còn ngày mai ta sẽ tính xem cần làm gì.

Nhà báo đứng dậy và Harbert dẫn anh về Lán tạm.

Lúc ấy Pencroff mới lại chỗ Spilett và, bằng một giọng rất tự nhiên, hỏi xem anh ta tình cờ có giữ được que diêm nào không.

Nhà báo dừng lại, sờ nắn các túi; nhưng không tìm thấy gì cả, anh đáp:

- Diêm thì tôi có đấy. Nhưng chắc là tôi vứt đi mất rồi...

Khi ấy Pencroff mới kêu Nab hỏi, và cũng được trả lời y như vậy.

-Ồ, khỉ thật! - chàng thủy thủ không kiềm chế nổi, kêu lên.

Nghe thấy lời than ấy, nhà báo đến gần Pencroff.

- Không có lấy một que diêm nào à? - Anh ta hỏi.

- Không may may, và thế là chẳng có gì nhóm lửa cả.

- Chẳng có gì, - Nab đau khổ nhắc lại. - Giá ông chủ tôi ở đây thì ông ấy đã biết cách lấy lửa rồi đấy.

Cả bốn người lặng đi, lo lắng nhìn nhau. Harbert đầu tiên lên tiếng phá vỡ sự im lặng nặng nề.

- Thưa ông Spilett, ông hút thuốc kia mà, nên lúc nào cũng mang diêm theo người chứ ạ! Có thể là ông chưa tìm kỹ chẳng? Xin ông hãy tìm kỹ cho! Chúng ta chỉ cần một que diêm thôi cũng đủ.

Nhà báo lục tìm trong các túi áo gilê, túi quần, túi áo măng tô và cuối cùng, đã nắn thấy một que diêm mảnh mai ở dưới lớp lót áo gilê. Anh cảm nhận que diêm qua lớp vải, dùng mấy ngón tay giữ chặt lấy, nhưng không rút ra được. Chắc chắn đó là que diêm, que diêm duy nhất, và nhiệm vụ bây giờ là làm sao lấy nó ra được mà không làm ảnh hưởng đến đầu có phốt pho.

- Ông để cháu lấy ra nhé? - Harbert nói.

Và cậu bé đã rút được que diêm ra khỏi lớp vải lót áo gilê một cách rất nhanh chóng và nguyên vẹn. Que diêm chẳng đáng gì, nhưng quý giá, vì bây giờ đây nó có ý nghĩa rất quan trọng. Đầu diêm không bị sây sát gì hết.

- Que diêm! - Pencroff kêu lên. - Tôi mừng tưởng như chúng ta có nguyên cả một xe diêm vậy!

Anh ta thận trọng đỡ que diêm trong tay Harbert và đi theo các bạn của mình về lán tạm.

Những que diêm ở các vùng dân cư ít có giá trị, người ta xài một cách thờ ơ và hoang phí, nhưng ở đây lại quý như vàng, do vậy họ hết sức nâng niu que diêm duy nhất ấy.

Điều trước tiên chàng thủy thủ khẳng định là que diêm hoàn toàn khô. Đoạn anh nói:

- Cần có giấy nữa.

- Đây, anh cầm lấy. - Gédéon Spilett xúc động xé một tờ giấy nhỏ trong cuốn sổ ghi chép của mình ra.

Pencroff cầm lấy tờ giấy của anh nhà báo đưa cho và ngồi xồm trước bếp lò. Trong lò, củi đã chắt rất khéo, giữa các thanh đều có khe hở cho không khí lưu thông, bên dưới để lá khô, cỏ khô và rêu khô làm cho lửa bén ngay và củi mau cháy.

Pencroff cuộn tờ giấy thành hình cái ống loa kèn nhỏ như những người hút thuốc thường làm khi châm tẩu ngoài gió, và để cái ống giấy ấy vào giữa mớ rêu. Đoạn anh nhặt một viên sỏi nhám, lau chùi thật cẩn thận và, hồi hộp, nón thở, khẽ quẹt que diêm vào hòn đá.

Thử lần thứ nhất không đem lại kết quả: Pencroff sợ lớp phốt pho bị vụn ra nên quẹt yếu quá.

- Không, tôi không thể quẹt được, - anh nói, - tay run quá... Tôi làm hỏng que diêm mất thôi... Tôi sẽ không quẹt nữa! - Và, Pencroff ngẩng lên, yêu cầu Harbert làm thay mình.

Cậu bé chưa khi nào hồi hộp đến như vậy. Trống ngực cậu đập thành thịch. Có lẽ thần Promêtê khi quyết định đánh cắp lửa của trời cũng không hồi hộp đến thế! Tuy nhiên, cậu bé không nghĩ ngợi nhiều, lệ làng quẹt diêm vào đá. Một tiếng xẹt nhẹ phát ra, thế là ở đầu diêm đã thấy thấp thoáng một ngọn lửa xanh da trời nhạt và mùi khói hăng hắc tỏa ra. Harbert khê khàng chúc đầu diêm xuống dưới cho ngọn lửa cháy mạnh hơn, rồi cẩn thận châm que diêm vào ống giấy cuộn. Tờ giấy cháy bùng lên, và rêu cũng bén lửa ngay lập tức.

Vài giây sau đã nghe thấy tiếng củi cháy kêu lách tách, và trong bóng đêm ánh lửa reo vui vẻ, bố công chàng thủy thủ ra sức thổi cho đồng lửa cháy to lên.

- Có thể chứ! - Pencroff kêu lên và đứng dậy. - Tôi kiệt sức mất rồi! Chưa bao giờ tôi lại hồi hộp đến như thế.

Thật là vui sướng khi nhìn thấy ngọn lửa cháy rực trong bếp lò làm bằng mấy viên đá phẳng xếp lại. Khói thoát ra thoải mái qua một đường hẹp, sức hút tốt và chẳng bao lâu không khí ấm áp dễ chịu đã lan tỏa khắp lán tạm. Chuyện lửa tất nhiên cần phải chú ý trông nom; để khỏi bị tắt ngấm, bao giờ cũng phải vùi vài hòn than hồng dưới một lớp tro - việc ấy chẳng khó gì.

Pencroff quyết định trước hết dùng bếp lò để chuẩn bị bữa ăn tối no hơn món sò sống. Harbert mang đến độ ba chục quả trứng chim bồ câu. Nhà báo ngồi vào một góc và hững hờ nhìn các công việc chuẩn bị ấy. Anh cố gắng giải đáp ba câu hỏi đang giày vò mọi người: Cyrus Smith còn sống không? Nếu còn sống thì bây giờ ông ấy đang ở đâu? Nếu ông ấy còn nguyên vẹn sau khi rơi xuống biển thì vì sao lại không thấy tăm hơi đâu cả? Còn Nab trong khi đó lại dẫn vật mình trên bờ biển, thần thờ như một cái bóng không hồn.

Pencroff biết đến năm mươi hai cách làm món trứng, nhưng ở đây anh không được lựa chọn, nên đành chỉ đem trứng vùi vào tro nóng nướng lên mà thôi.

Vài phút sau, trứng nướng đã chín, chàng thủy thủ mời Gédéon Spilett cùng ăn bữa tối. Đây là bữa ăn đầu tiên của những người đi khinh khí cầu bị nạn trên vùng bờ biển xa lạ. Những quả trứng nướng hóa ra rất ngon, và do trứng chứa nhiều chất bổ cần thiết cho con người, nên các vị khách viễn du không may đã được bồi dưỡng tốt và chẳng bao lâu đã cảm thấy khỏe khoắn hơn.

Ôi, giá như người vắng mặt trong bữa ăn này sẽ trở về nhỉ! Giá như cả năm người tù binh chạy trốn khỏi Richmond bây giờ đều có mặt cùng nhau ở nơi nướng trú giữa vách đá này, bên ngọn lửa cháy rực này, trên nền cát khô này, thì họ đã phải hết lòng tạ ơn trời rồi. Nhưng, than ôi! Đã thiếu mất ông Cyrus Smith, một nhà phát minh tuyệt vời, một nhà bác học tuyệt vời mà họ đã tôn làm người cầm đầu - ông ấy đã chết mà thậm chí họ đã không mai táng được cho ông.

Thế là ngày 25 tháng ba đã trôi qua. Đêm đã đến. Từ bên ngoài vắng lại tiếng gió ù ù và tiếng sóng biển dội vào bờ đều đều. Sóng cuốn xô đá và sỏi kêu rào rào.

Sau khi ghi vọi vào cuốn sổ tay những sự kiện của một ngày xuất hiện trên vùng biển không quen biết, nhà báo nằm vào một góc hành lang tối và thiếp đi.

Harbert ngủ được ngay. Chàng thủy thủ thì, như người ta nói, “ngủ nửa mắt” bên bếp lò, vì anh không quên chất củi vào bếp.

Còn Nab thì suốt đêm vẫn cứ lang thang trên bờ biển và gọi ông chủ của mình, mặc dù các bạn hết lời khuyên anh nằm ngủ đôi chút.

CHƯƠNG NĂM

Tài sản của những người bị nạn. - Chẳng còn gì hết. - Ném chim zhakamar. - Bầy tetrar.

Tài sản của các nhà du hành bằng khinh khí cầu bị nạn có thể thống kê chẳng khó khăn gì; họ chẳng còn gì hết ngoài bộ quần áo mặc trên mình. Tuy vậy, có lẽ vì một sự hết sức tình cờ nên Gédéon Spilett còn giữ được nguyên vẹn chiếc đồng hồ và cuốn sổ ghi chép, nhưng không ai giữ được vũ khí, dụng cụ, thậm chí một con dao nhíp nào. Các du khách đã vứt bỏ hết mọi thứ ra khỏi nôi để giảm bớt trọng tải của khí cầu.

Các nhân vật tưởng tượng của Daniel de Foé và Wyss, tất cả những Selkirk và Raynal bị nạn ở quần đảo Juan Fernandez hoặc ở quần đảo Auckland đều không khi nào bị lâm vào tình trạng như thế này. Tất cả những gì cần thiết cho họ đều tìm được trên chiếc tàu bị vỡ - nào hạt giống, gia cầm, nào dụng cụ, vũ khí, nào dự trữ thuốc súng và đạn, - hoặc đã được biến quẳng lên bờ những mảnh tàu vỡ và một phần hàng chở trên tàu, tạo điều kiện cho họ đáp ứng được mọi như cầu thiết yếu nhất của mình. Họ không hề bị thiếu vũ khí để giáp mặt với thiên nhiên. Nhưng các lữ khách của chúng ta chẳng có lấy một thứ công cụ nào, một đồ dùng nào. Từ chỗ không có gì phải tạo ra tất cả!

Nếu như định mệnh còn trả Cyrus Smith về cho họ, nếu như ông ta mang kiến thức và đầu óc thực tiễn của mình giúp cho bạn bè trong lúc hoạn nạn thì vẫn có thể chưa mất hy vọng. Nhưng than ôi! Chẳng còn hy vọng ông ta trở về nữa. Những người bị nạn đành phải trông cậy vào chính mình và sự cứu giúp của mệnh trời mà thôi.

Nhưng trước khi định cư trên bờ biển này, lẽ nào các du khách lại không cần biết họ đã bị rơi xuống đâu? Họ đang ở đâu? Trên lục địa nào đó hay trên đảo? Ở những vùng ấy có người sinh sống không, hay đây là bờ của một vùng đất không dân?

Một vấn đề quan trọng như thế cần phải được làm sáng tỏ càng sớm càng tốt. Bởi vì tất cả những phương sách mà sau đó các vị lữ khách của chúng ta có thể thực hiện đều tùy thuộc vào điều ấy. Song, theo lời khuyên của Pencroff, họ đã quyết định chờ đợi thêm vài ngày nữa rồi hãy đi khảo sát. Đầu tiên cần phải kiếm ra lương thực và dự trữ thức ăn đi đường không phải bằng trứng bồ câu và sò, ốc, mà bằng loại thức ăn no hơn. Chắc chắn sẽ có những chặng đường vượt vất vả, ở những chỗ dừng chân sẽ phải gổi đất nằm sương, trong những điều kiện như vậy thì con người trước hết cần phải có chất để bồi dưỡng sức lực cho mình.

Để ở vài bữa thì có lán tạm được rồi. Lửa đã nhóm được, giữ lửa bằng cách ủ than hồng dưới lớp tro cũng không khó lắm. Tạm thời còn có đủ sò trên bờ biển và trứng bồ câu rừng trên các vách núi. Bồ câu lượn hàng trăm con trên bầu trời cao nguyên, vì vậy chắc chắn sẽ tìm được cách nào đẩy dùng gậy đập hoặc đá ném chết vài con. Có thể ở khu rừng bên cạnh có những loại cây ăn quả được. Và, cuối cùng, ngay sát bên có sông chảy qua - đó sẽ là nguồn nước ngọt. Nói tóm lại, họ đã quyết định ở lại lán tạm thêm ít ngày nữa và lo việc chuẩn bị cho cuộc thám hiểm nghiên cứu bờ biển và các vùng lân cận.

Nab nhiệt liệt tán thành ý định ấy. Anh ta vẫn một mực theo đuổi hy vọng của mình và không muốn rời khỏi nơi bờ biển đã xảy ra tai nạn. Anh ta không tin rằng Cyrus Smith không còn sống nữa....

Sáng 26 tháng ba, sau khi điếm tâm cũng vẫn chỉ với trứng chim bồ câu, sò, và thêm ít muối mà Harbert tìm được trong một hủm đá. Nab lại ra bờ biển, nhà báo ở nhà trông lửa, còn cậu bé và chàng thủy thủ vào rừng săn bắt muông thú.

Suốt ngày rình rập trong các bụi rậm, Harbert đã ném được một số con chim Zhakamar^[7] và Pencroff đã câu bẫy được những con chim tetras^[8]. Hai anh em hài lòng thấy mình đi săn không đến nổi trắng tay nên đi nhanh chân trở về nơi ở.

CHƯƠNG SÁU

Nab vẫn chưa về. - Một đêm lo âu. - Những cuộc tìm kiếm ban đêm. - Cách nơi trú ẩn đầu tiên tám hải lí.

Bảy giờ tối vẫn chưa thấy Nab về. Việc vắng mặt anh làm cho Pencroff rất lo lắng. Chàng thủy thủ sợ có tai họa gì đấy xảy ra với Nab trên vùng biển không quen biết này chẳng. Nhờ ra Nab tội nghiệp trong khi thất vọng đã bị kẹt chuyện gì đó thì sao? Nhưng Harbert lại có những kết luận hoàn toàn khác về sự vắng mặt lâu của Nab. Cậu tin rằng nếu Nab không trở về nghĩa là có điều gì đó đã thôi thúc anh ấy tiếp tục cuộc tìm kiếm, nghĩa là đã xuất hiện những tình huống nào đó tất nhiên là thuận lợi cho Cyrus Smith. Tại sao Nab không trở về? Không còn nghi ngờ gì nữa, là vì niềm hy vọng của anh đã được củng cố thêm. Có thể là, anh đã phát hiện thấy trên bờ biển những dấu chân của Cyrus Smith, mảnh vỏ khí cầu và tiếp tục những cuộc truy tìm của mình. Có thể là anh đã gặp được một dấu vết chính xác. Thậm chí có thể anh đã tìm thấy chủ của mình.

Harbert đã suy nghĩ và nói như vậy. Các bạn đồng hành không phản đối cậu bé. Thậm chí nhà báo đã gật đầu tỏ ý tán thành. Nhưng Pencroff nghĩ khác. Anh cho rằng trong lúc tìm kiếm Nab đã đi xa hơn hôm qua, vì vậy không kịp trở về lúc trời còn sáng.

Có những linh tính mơ hồ nào đấy làm cho Harbert hồi hộp và đã mấy lần cậu cố đi đón Nab. Nhưng Pencroff đã thuyết phục cậu bé rằng điều đó hoàn toàn vô ích: trời tối, thời tiết lại xấu nữa, không thể tìm được Nab, và tốt hơn hết cứ đợi anh ta ở nơi trú ẩn thôi. Nếu như sáng ngày mai anh da đen không trở về thì dẫu thế nào Pencroff cũng sẽ cùng Harbert đi tìm Nab.

Duy có Gédéon Spilett là không thể chợp mắt được. Anh trách mình tại sao đã không đi cùng với Nab. Nhưng linh tính làm cho Harbert lo âu, giờ đây cũng làm cho anh thắc thỏm. Anh nghĩ hoài đến Nab vì sao không trở về? Và trong nỗi lo lắng, nhà báo cứ trần trọc mãi trên khoảnh cát của mình. Thỉnh thoảng không chống đỡ nổi cái mệt mỏi anh díp mắt lại trong giây lát, nhưng lập tức, một ý nghĩ nào đấy thoáng nảy ra trong đầu đã thức tỉnh anh.

Thời gian cứ trôi đi. Lúc ấy chắc đã hai giờ sáng, Pencroff đang ngủ say bỗng có ai đó lắc vai anh.

- Gì thế? Ai đấy? - Pencroff thét lên và choàng ngay dậy...

Nhà báo cúi xuống khẽ nói với anh:

- Hãy lắng nghe, Pencroff, hãy lắng nghe!

Chàng thủy thủ chăm chú lắng nghe, nhưng không thấy gì cả, ngoài tiếng gió ù ù.

- Gió rít, - anh nói.

- Không, - Spilett gạt đi, lắng nghe một cách căng thẳng. - Hình như tôi đã nghe thấy...

- Anh nghe thấy cái gì?

- Tiếng chó sủa.

- Tiếng chó sủa à? - Pencroff thốt lên và đứng phắt dậy.

- Đúng, đúng... Tiếng chó sủa.

- Không, đâu phải!... Bão giạt đó thôi....

- Im đã. Nó lại sủa đấy! Anh hãy lắng nghe đã. - Nhà báo nói nhanh.

Pencroff để tai lắng nghe và quả thực trong khoảnh khắc lặng gió, hình như anh đã nghe thấy tiếng chó sủa từ xa vọng lại thật.

- Thế nào? - Nhà báo thì thào, siết chặt tay Pencroff.

- Đúng, đúng! - Pencroff trả lời. - Đó là con Top sủa đấy!

- Con Top! - Harbert vừa thức dậy kêu lên, và cả ba người cùng từ trong lán tạm lao ra cửa.

Chung quanh, trời tối như bưng. Trong bóng đêm đen kịt ấy không còn phân biệt được biển, trời và đất nữa. Dường như trên trần gian không có lấy một tia sáng còn con nào vậy...

Mấy phút qua, Gédéon và hai bạn đồng hành của anh không thể bước nổi một bước - gió giạt như muốn dán chặt họ vào vách núi, cả ba người đều ướt sũng, cát bụi mù mắt. Bỗng trong khoảnh khắc gió lặng họ lại nghe rõ ràng tiếng chó sủa đàng xa.

Chỉ có con Top mới sủa như vậy thôi! Nhưng con chó trung thành chạy đến đây một mình hay có ai đi cùng với nó nữa. Chắc chỉ có mình nó thôi - bởi vì nếu có Nab thì nhất định anh đã vội vàng trở về lán tạm rồi còn gì.

Trong lúc cơn gió ào qua không thể nào nói với nhau được điều gì, nên chàng thủy thủ chỉ biết nắm chặt lấy tay Gédéon Spilett như muốn nói với

anh ta: “Hãy đợi nhé”, rồi biến mất trong hành lang đá.

Thoáng sau, anh bước ra, tay cầm một bó củi đang cháy huơ vù vù trong đêm tối.

Con chó hình như chỉ đợi có tín hiệu ấy: tiếng sủa của nó nghe đã gần hơn, và chẳng bao lâu nó đã chạy xộc vào lối đi trong hang. Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett vội vã đi theo nó...

- Top! - Đúng là con Top đây rồi! - Harbert kêu to...

Quả đây là con Top, giống chó săn Anh - Normandie, được lai từ hai giống nên nó có những đặc tính của loài chó săn là rất thính và chạy nhanh.

Nhưng con Top chạy về đây có một mình. Cả chủ nó lẫn Nab đều không về theo nó.

Vậy bằng cách nào linh cảm đã có thể dẫn nó về đây, nơi lán tạm mà nó chưa hề đến lần nào, vả lại trong lúc đêm tối, bão táp?! Thật là một hiện tượng không tài nào hiểu nổi! Và càng lạ lùng hơn nữa là con chó không tỏ ra mệt mỏi, kiệt sức và thậm chí không bị lấm đất cát gì.

Harbert gọi con Top lại, hai tay nắm lấy mõm nó. Có lẽ được vuốt ve, con chó mừng lắm, nó vươn cổ lên, giụi đầu vào tay cậu bé.

- Một khi đã tìm thấy con chó thì cũng sẽ tìm thấy chủ của nó thôi! - Gédéon nói.

- Cầu trời phù hộ cho! - Harbert hưởng ứng - Ta đi mau lên! Con Top sẽ dẫn đường cho chúng ta.

Pencroff không phản đối cậu bé điều gì. Anh cảm thấy sự xuất hiện của con Top có lẽ sẽ bác bỏ điều phỏng đoán mơ hồ của anh.

- Lên đường! - Anh hô to...

Đêm ấy đã có trăng non: trăng non như cái lưỡi liềm nhỏ đã hé rạn trên trời, nhưng ánh sáng mờ nhạt của nó không thể xuyên qua những đám mây đen. Đi mỗi lúc một khó khăn hơn. Tốt nhất là dựa vào linh cảm của con Top. Mấy người bộ hành cũng đã làm như vậy. Gédéon Spilett bám theo sau con chó, chàng thủy thủ đi khóa đuôi. Họ không nói được với nhau lời nào.

Trong lúc đi đường, khi Harbert nhắc đến tên của Cyrus Smith, con Top lại sủa gâu gâu, dường như muốn nói rằng chủ của nó còn sống.

- Ông ấy còn sống! Đúng như vậy mà, phải không Top? Đúng hả? - Harbert khẳng định với một vẻ xúc động. - Ông ấy thoát nạn rồi!

Con chó khẽ rít lên, như khẳng định những điều cậu bé nói.

Họ đi tiếp qua những vách đá và dãy núi thấp...

Sáu giờ, trời sáng hẳn. Trên trời cao, mây bay vợi vãi, Pencroff và các bạn đồng hành đã đi được gần sáu dặm biển^[9]. Giờ đây họ đang đi trên bờ cát phẳng. Cách đó không xa, dưới biển có dãy đá ngầm thoáng nhô trên đầu sóng một chút, vì nước triều đã dâng đầy...

Bỗng con chó chạy rối rít: lúc phóng lên trước, lúc quay trở lại, đến chỗ Pencroff, như muốn khẩn nài anh hãy nhanh chân. Đoạn nó từ bờ biển rẽ ngoặt sang một bình nguyên. Và, bằng sự nhạy cảm tuyệt vời, không chút do dự nào hết, nó chạy đi giữa các đụn cát.

Những người bộ hành đi theo nó... Sau khi từ bờ rẽ vào được chừng năm phút, nhà báo và các bạn đồng hành của anh đã đến trước một cái hang không sâu lắm... Con Top dừng lại và sửa inh lên. Spilett, Harbert và Pencroff chui vào trong hang.

Ở đó, Nab đang quì, cúi mình trên một cái xác người bất động nằm sóng soài trên một vạt cỏ.

Mọi người nhận ra người nằm bất động ấy là Cyrus Smith.

CHƯƠNG BẢY

Cyrus Smith còn sống không? - Câu chuyện của Nab. - Những dấu vết trên cát. - Điều bí ẩn không giải đáp được. - Những lời nói đầu tiên của Cyrus Smith. - Nghiên cứu các dấu chân. - Trở lại Lán tạm. - Nỗi khiếp sợ của Pencroff.

Nab không động đậy. Chàng thủy thủ chỉ hỏi anh một lời:

- Sống?

Nab không đáp lại điều gì. Gédéon Spilett và Pencroff tái nhợt đi. Harbert đứng lặng người, hai tay nắm chặt. Rõ ràng anh da đen tội nghiệp đã bị nỗi đau khổ chi phối đến nỗi không nhận thấy những người bạn của mình, không nghe thấy câu hỏi của Pencroff.

Nhà báo quì xuống bên cái xác nằm sóng sượt, phanh quần áo trên người Cyrus Smith ra và áp tai vào ngực ông. Một phút sau - mà tưởng như lâu lắm - anh mới nghe thấy tiếng tim ông đập yếu ớt.

Nab ngẩng đầu lên và ngơ ngác nhìn quanh. Mặt anh mất hết thần sắc - anh trở nên tiều tụy vì đau khổ quá đỗi. Thân thể phờ phạc, tâm can giằng xé, anh đã thay đổi đến nỗi không thể nhận ra được. Bởi vì anh tưởng Cyrus Smith đã chết.

Gédéon Spilett chăm chú nhìn Cyrus Smith hồi lâu, rồi đứng lên nói:

- Sống!

Khi ấy Pencroff quì xuống, áp tai vào ngực Cyrus Smith và cũng nghe thấy tiếng tim ông đập yếu ớt, thậm chí còn cảm thấy hơi thở rất nhẹ của ông nữa.

- Nước! - Nhà báo nói ngắn gọn, và Harbert lao đi tìm nước. Cách hang chừng trăm bước cậu bé đã tìm thấy một dòng nước nhỏ trong veo tuôn chảy trên bãi cát. Nhưng lấy gì mà múc nước? Trong các cồn cát không có lấy một con sò! Lúc ấy cậu bé bèn lấy khăn tay nhúng nước và phóng ngay về hang.

May sao, chiếc khăn tay ướt cũng đủ nước để Gédéon thấm môi cho Cyrus Smith. Vài giọt nước lạnh đã tỏ rõ tác dụng kỳ lạ. Cyrus Smith đã hít thở sâu được và thậm chí định nói điều gì đó.

- Chúng ta sẽ cứu được ông ấy! - Nhà báo kêu lên.

Những lời đó lại khơi dậy trong trái tim của Nab niềm hy vọng.

Anh cởi hết quần áo của chủ, xem trên người ông có bị thương không. Nhưng không thấy chỗ nào bị sây sát, bầm dập, khiến mọi người hết sức ngạc nhiên, bởi vì chắc chắn là sông đã phải cuốn ông ta qua những dải đá ngầm kia mà. Thậm chí trên tay cũng không thấy có những vết trầy xước. Thật không thể hiểu nổi làm sao mà trên mình nạn nhân lại không thấy có dấu vết gì về cuộc vật lộn của ông với thiên tai hung dữ, về những cố gắng của ông vượt qua cả một dãy đá ngầm.

Nhưng, những lời giải thích về một hoàn cảnh kỳ diệu như thế đành phải đợi đến khi nào Cyrus Smith có thể nói được và kể hết những gì đã xảy ra với ông. Còn bây giờ phải làm cho ông sống lại đã. Có lẽ, muốn vậy, cần

xoa bóp chẳng? Chàng thủy thủ cởi chiếc áo bludông của mình ra và dùng áo lấy hết sức chà mạnh lên cơ thể lạnh cóng của Cyrus Smith. Sau khi xoa bóp mạnh, làm cho người nạn nhân ấm lên, ông ta đã khẽ động đậy được hai tay, hơi thở trở nên đều hơn. Ông bị ngất đi vì kiệt sức, và giá như Gédéon Spilett và các bạn của anh không đến kịp thì chắc là kỹ sư Cyrus Smith đã qua đời rồi.

- Vậy là anh tưởng ông chủ của anh đã chết rồi phải không? - Chàng thủy thủ hỏi Nab.

- Vâng, - Nab đáp, - Và nếu như con Top không tìm thấy các ông và các ông không kịp đến đây thì tôi đã chôn cất ông Cyrus Smith và chính tôi cũng đã chết bên cạnh nấm mồ của ông ấy! Các ông thấy đó, tính mạng của Cyrus Smith treo trên sợi tóc!

Đến đây Nab đã kể lại việc tìm thấy chủ như thế nào. Hôm qua, lúc trời tảng sáng, anh ra khỏi lán tạm và lại đi tìm kiếm dọc theo bờ biển về hướng bắc, đến nơi mà hôm trước anh đã đến... Anh ghé nhìn vào từng hùm giữa các vách đá, chăm chú nhìn trên mặt bãi cát xem có dấu vết nào có thể giúp cho việc tìm kiếm của anh không. Anh xem xét chủ yếu là phần bờ biển không bị ngập nước, bởi vì ở nơi mép nước thủy triều thường lên xuống, nhất định sẽ xóa mất mọi dấu vết. Nab không còn tin rằng sẽ tìm thấy chủ mình con sống. Anh đi tìm xác Cyrus Smith để được tự tay chôn cất ông ta!

Nab cứ tìm mãi. Mọi cố gắng của anh đều không có kết quả. Dường như trên bờ biển hoang vắng này chưa bao giờ có người đặt chân đến cả. Chỗ dải đất gần bờ, nơi thủy triều lên xuống thường xuyên, đây rầy hàng triệu vỏ sò, vỏ hến, nhưng không một cái vỏ nào bị giẫm nát...

Thế rồi bỗng nhiên hôm qua, lúc gần năm giờ chiều tôi để ý thấy trên cát có những dấu chân người.

- Những dấu chân người? - Pencroff kêu lên.

- Vâng? - Nab khẳng định.

- Thế những dấu chân ấy từ đâu đi tới? Từ những dải đá ngầm lên à? - Nhà báo hỏi.

- Không, chỉ từ mép nước triều trở lên thôi, còn giữa đó và các dải đá ngầm thì chắc là bị nước biển xóa mất rồi.

- Kể tiếp đi, Nab, - Gédéon Spilett nói.

- Khi trông thấy những dấu vết ấy, tôi như phát điên lên. Những dấu vết ấy in hình rất rõ và đi về hướng các đụn cát. Tôi chạy về phía đó; chạy độ một phần tư dặm, cứ bám theo các dấu chân, nhưng cố không giẫm lên chúng. Độ năm phút sau, khi hoàng hôn bắt đầu xuống thì tôi nghe thấy tiếng chó sủa. Đây là tiếng của con Top. Và chính nó đã dẫn tôi đến đây với ông chủ của tôi.

Rồi Nab kể anh đã đau khổ như thế nào khi nhìn thấy cái xác vô tri vô giác của Cyrus Smith. Anh đã uổng công thử phát hiện những dấu hiệu của sự sống trong cái xác ấy. Anh đã đi tìm cái xác chết, nhưng bây giờ đây, khi tìm thấy rồi, anh lại khao khát đem lại sự sống cho cái xác ấy! Mọi cố gắng của anh đều vô ích. Chỉ còn cách thực hiện nghĩa vụ cuối cùng đối với người mà anh hết lòng yêu quý.

Và khi ấy Nab đã nghĩ đến những người bạn của mình. Có lẽ, họ cũng muốn từ giã người quá cố. Bên cạnh anh có con Top. Lẽ nào lại không trông cậy vào sự sáng trí của một con chó khôn, một người bạn trung thành như thế? Nab đã mấy lần nhắc đến tên của nhà báo: trong số những người

bạn đồng hành của chủ, con Top biết rõ Gédéon Spilett hơn cả. Sau đó, Nab chỉ tay về phía nam, thế là con chó phóng đi theo dọc bờ biển về hướng ấy...

Các bạn của Nab đã nghe anh kể với một sự chăm chú căng thẳng. Tuy nhiên, có một điều không thể giải thích được là tại sao trên mình Cyrus Smith lại không bị một vết trầy xước nào, mặc dù ông ấy phải vất vả cật lực mới có thể thoát khỏi những con sóng bạc đầu sôi sục quanh các dải đá ngầm. Và một điều khó hiểu nữa là Cyrus Smith trong tình trạng dở sống dở chết như vậy đã làm thế nào để có thể đi được trên một dặm từ bờ biển đến cái hang ẩn hút giữa các đụn cát?

- Nab này, - nhà báo nói, - thế có nghĩa là không phải cậu đã đưa ông chủ của cậu lên đây à?

- Không, không phải tôi, - Nab trả lời.

- Như vậy là ông Cyrus Smith đã tự đến đây - rõ ràng là như vậy, - Pencroff nói.

- Rõ thì rõ rồi, nhưng mà khó tin! - Spilett nhận xét.

Điều khó hiểu này chỉ có riêng Cyrus Smith mới giải đáp được. Cần phải đợi khi nào ông ta nói được hãy hay. May sao, sự sống đã trở lại với ông, ông đã lại ngúc ngắc được hai tay, rồi quay đầu và nói được vài tiếng rời rạc nào đó.

Nab cúi xuống gọi ông, nhưng Cyrus Smith hình như không nghe thấy và, vẫn như cũ, không mở mắt ra. Sự sống đã thức dậy trong ông, ông động đậy được hai tay, nhưng đó là những cử động vô tình, không có ý thức.

Pencroff rất tiếc là trong hang không có lửa mà cũng không thể nhóm được lửa, bởi vì khi ra khỏi lán tạm, anh đã quên không mang theo cái mồi lửa làm bằng giẻ, thay nôm, dễ bốc cháy khi đánh lửa bằng hai viên đá lửa. Hóa ra kỹ sư cũng không có diêm, các túi của ông đều rỗng, duy trong túi áo gilê còn nguyên vẹn một chiếc đồng hồ. Sau khi trao đổi với nhau, các bạn của Cyrus Smith đã đi đến nhất trí là phải mau chóng đưa ông về lán tạm.

Nhờ sự săn sóc ân cần của các bạn, Cyrus Smith đã tỉnh lại sớm hơn dự tính. Những giọt nước thấm vào đôi môi khô rang của ông đã có tác dụng tốt. Pencroff đã nảy ra một ý hay là pha thêm vào nước một ít nước thịt ép từ chỗ thức ăn nướng mà anh mang theo đi đường. Harbert chạy ra bờ biển và mang ngoài đó về hai con sò to. Sau khi chế một thứ tựa như hợp dịch, chàng thủy thủ thận trọng rót vào miệng Cyrus Smith vài giọt, và ông ta đã nuốt lấy nuốt để.

Cuối cùng, ông đã mở mắt ra.

- Ngài Smith! Ngài Smith! - Nab gọi.

Cyrus Smith đã nghe thấy. Ông nhìn Nab và Spilett, rồi hai người bạn đồng hành khác của mình - Harbert và chàng thủy thủ, và bắt tay từng người một cách yếu ớt.

Ông lại nói những tiếng rời rạc gì đó, dường như là những tiếng mà ông đã bật ra trong lúc bị ngất xỉu và diễn đạt một ý mà thậm chí lúc ấy cũng đã làm ông không yên tâm. Nhưng bây giờ, những tiếng ấy đã có thể hiểu được:

- Đảo hay đất liền? - Ông khẽ hỏi.

- Quan tâm đến chuyện ấy làm gì! - Không kiếm chế nổi, Pencroff kêu lên. - Cốt sao ngài còn sống là được rồi, thưa ngài Smith! Đảo hay đất liền! Rồi ta sẽ biết.

Kỹ sư khẽ gật đầu, đồng ý với anh ta, rồi như thiếp đi.

Gédéon Spilett ở lại trong hang để trông cho Cyrus Smith ngủ, còn ba người kia, theo lời khuyên của nhà báo, đi làm một chiếc cáng để khiêng bệnh nhân về. Chàng thủy thủ cứ nhắc hoài với một vẻ kinh ngạc:

- Đảo hay đất liền? Ông ấy nghĩ như vậy đó, còn bản thân thì thờ thoi thóp! Đúng là một con người!

Sau khi leo lên đỉnh cồn, Pencroff và hai người bạn của anh, chẳng có công cụ gì khác hơn ngoài tay mình ra, đã bẻ cành cây làm một cái cáng, lót lá và cỏ lên để Cyrus Smith dễ nằm hơn.

Toàn bộ công việc ấy họ làm mất bốn mươi phút, đến khi chàng thủy thủ, Nab và Harbert quay lại hang với Cyrus Smith mà Spilett không rời một bước thì đã mười giờ sáng.

Cuối cùng, kỹ sư đã tỉnh lại sau một thời gian dài ngất lịm mê man. Trên gương mặt ông trước đó nhợt nhạt như sáp, bây giờ đã thấy ửng hồng. Ông chống khuỷu tay nhồm dậ và nhìn quanh ngơ ngác, như muốn hỏi ông ta đang ở đâu đây.

- Ngài có thể nghe tôi nói được không? - Spilett hỏi - Hay là như vậy sẽ làm ngài mệt quá?

- Anh nói đi, - kỹ sư đáp.

- Nhưng theo tôi, nếu ngài Smith được nếm thử món thịt tetras đông thì ngài sẽ nghe ông nói tốt hơn. - Chàng thủy thủ nói. - Mời ngài nếm thử đi, ngài Cyrus Smith. Đây là món thịt tetras đích thực đó. - anh nói thêm và đưa cho Cyrus Smith món thịt đông của mình.

Cyrus Smith ăn mấy miếng nhỏ; còn lại các bạn ông bụng đã đói chia nhau ăn nốt và cảm thấy bữa ăn sáng khá là đạm bạc.

- Không sao - Chàng thủy thủ nói. - Về lán tạm chúng ta sẽ ăn khá hơn... Xin nói để ngài Smith biết là ở phía nam đàng ấy chúng ta có một căn nhà riêng bà phòng, có đệm và bếp lò, còn trong kho thì chúng ta có vài chục chú chim mà Harbert bắt được. Càng đã làm xong, để ngài lại sức một chút, chúng tôi sẽ đưa ngài về phòng ở của chúng ta.

- Cảm ơn, bạn của tôi, - kỹ sư đáp. - Tôi nằm đây một tiếng nữa thôi là có thể lên đường được rồi. Còn bây giờ anh hãy kể đi nào, Spilett.

Nhà báo đã kể lại tất cả những gì đã xảy ra mà Cyrus Smith không thể biết, chuyện khí cầu bị ném lên bờ, có lẽ đây là nơi không có dân, mặc dù vẫn chưa hình dung được nó là đảo hay đất liền; họ đã tạo dựng được một nơi nương trú và bắt đầu đi tìm Cyrus Smith như thế nào; cuối cùng nhờ sự sáng trí của con chó Top trung thành mà họ đã đến được đây...

- Như vậy có nghĩa là không phải các bạn đã tìm thấy tôi ở trên bờ. - Cyrus Smith hỏi bằng một giọng yếu ớt.

- Không, - Gédéon Spilett đáp.

- Và, có nghĩa là không phải các bạn đã đưa tôi vào hang?

- Không.

- Thế từ dải đá ngầm đến đây có xa không?

- Độ nửa dặm biển, - Pencroff trả lời. - Thừa ngài Smith, ngài lấy làm lạ không biết ngài đã lên được đây bằng cách nào, còn chúng tôi thì lại thấy càng lạ hơn về chuyện ấy!

- Quả thực, lạ quá vậy! - Kỹ sư nhận xét.

Dần dần tươi tỉnh lên, mỗi lúc ông càng thêm hứng thú nghe các bạn mình kể chuyện.

- Vâng, lạ thật đấy, - Pencroff đồng ý. - Thế bây giờ ngài có thể kể lại chuyện gì đã xảy ra với ngài từ sau lúc ngài bị nước cuốn, được không?

Cyrus Smith cố tập trung tư tưởng. Nhưng ông nhớ lại được chẳng bao nhiêu. Ông đã bị hất khỏi lướt khí cầu và chìm sâu dưới nước đến mấy sải. Rồi ông ngoi được lên mặt biển. Trong lúc tranh tối tranh sáng ông nhận thấy bên cạnh mình có một sinh vật nào đó đang vật lộn với sóng. Đấy là con Top đã nhảy xuống để cứu chủ. Khi ngược mắt nhìn lên, Cyrus Smith không thấy khí cầu đâu nữa. Và thế là Cyrus Smith chơi vơi giữa những con sóng sục sôi ở cách bờ nửa dặm biển, ông định lấy hết sức bơi lên. Con Top hỗ trợ chủ bằng cách lấy răng túm vào quần áo chủ dìu đi. Nhưng bỗng một dòng chảy xiết đã cuốn ông về hướng bắc, ở đây một con sóng đã chồm tới và sau nửa giờ vật lộn với sóng ông bị chìm xuống đáy biển theo cả con Top.

Từ khoảnh khắc ấy cho đến giây phút tỉnh lại trong tay những người bạn của mình, ông không còn nhớ gì nữa.

- Vậy đúng là sóng biển đã ném ngài lên bờ, - Pencroff nói, - và ngài đã có đủ sức để lên được đây, bởi vì Nab đã tìm thấy những dấu chân của ngài trên cát mà.

- Phải... Đúng là phải như thế... - kỹ sư nói, vẻ tự lự. - Còn các dấu khác trên bờ anh có thấy không?

- Không có lấy một dấu nào khác cả, - nhà báo đáp. - Mà nếu như bỗng nhiên có vị cứu sinh bí ẩn nào đấy đã xuất hiện trong cái giây phút khủng khiếp ấy thì tại sao ông ta lại bỏ mặc kỹ sư sau khi đã cứu kỹ sư thoát khỏi vực thẳm của đại dương?

- Spilett thân mến, anh nói đúng. Nab, nghe đây, - kỹ sư nói thêm, nhìn chăm chặp người hầu của mình. - Có thể là do đau buồn mà đầu óc chú ta lúc ấy bị choáng váng, và chú đã quên mất... Ừ mà không, thật là một ý nghĩ vô lý... Thế những dấu vết ấy vẫn còn nguyên vẹn chứ? - Cyrus Smith hỏi.

- Vâng, một số dấu còn nguyên, - Nab trả lời, - kia, ở bên sườn cồn cát này những dấu vết ấy vẫn còn nguyên, tránh được gió mưa. Còn tất cả những dấu khác thì bão xóa mất rồi.

- Pencroff. - Cyrus Smith nói, - anh lấy giùm đôi giày của tôi thử xem chúng có khớp với những dấu in trên cát không?

Chàng thủy thủ làm theo yêu cầu của kỹ sư; anh cùng với Harbert đi theo Nab đến chỗ những dấu chân còn giữ nguyên trên cát.

Còn lại một mình với ký giả, Cyrus Smith nói:

- Ở đây đã xảy ra điều gì đó không thể cắt nghĩa nổi!

- Hoàn toàn không thể giải thích nổi! - Gédéon Spilett thừa nhận.

- Tạm thời ta sẽ không đi sâu vào bất kỳ điều bí ẩn nào, Spilett thân mến. Ta sẽ nói đến chuyện này sau.

Một phút sau Nab và Harbert đã quay lại. Không thể có điều gì nghi ngờ cả: đế giày của Cyrus Smith hoàn toàn khớp với những dấu in còn nguyên vẹn. Vậy là, những dấu vết trên cát là của ngài Cyrus Smith.

- Thế thì tốt lắm, - kỹ sư nói. - Nghĩa là chính tôi kém trí nhớ, mà tôi lại nghi ngờ Nab. Tôi đã đi như một người mộng du, hoàn toàn không ý thức được mình đi đâu. Còn con Top đã đưa tôi đến đây, thì nó đi theo linh cảm của nó. Và chính nó đã cứu tôi thoát khỏi sóng biển đấy. Nào lại đây, Top, lại đây, con chó khôn của ta!

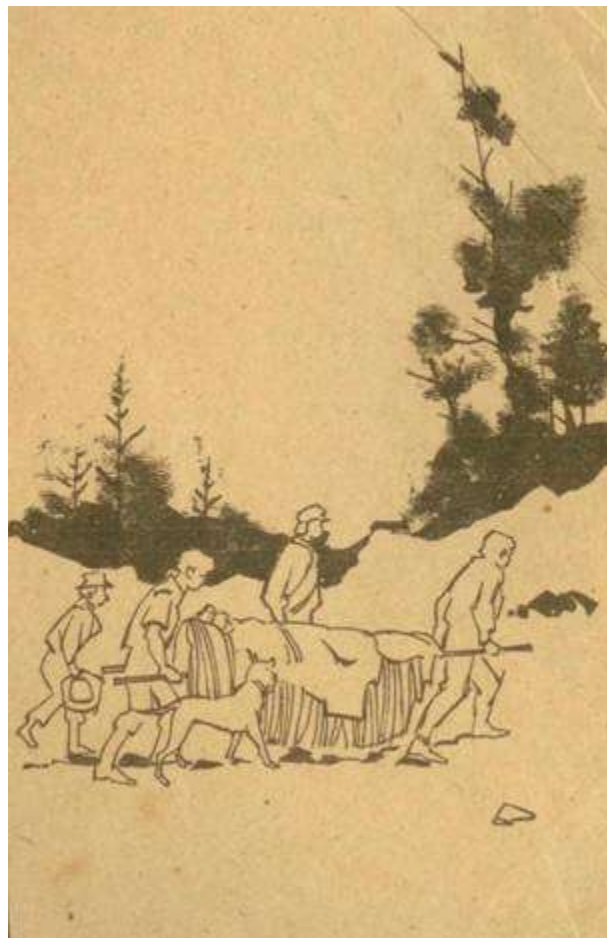
Chàng “điển cứu” mừng rít lên, chạy bổ đến với chủ. Và, dĩ nhiên, nó đã tha hồ được vuốt ve âu yếm, để thưởng cho sự trung thành của nó.

Bạn đọc hẳn cũng đồng ý rằng không thể giải thích việc cứu Cyrus Smith bằng cách nào khác được và điều vinh dự ấy hoàn toàn thuộc về con chó Top.

Đến gần trưa, Pencroff hỏi kỹ sư xem bây giờ đã có thể đưa ông về nơi nương trú được chưa. Thay vì trả lời, Cyrus Smith lấy nghị lực buộc mình đứng dậy, nhưng lập tức chân ông khụy xuống và để khỏi bị ngã ông đã bấu vào vai Pencroff.

- Được rồi, được rồi đấy! - Pencroff nói. - Đưa “xe” lại đây cho ngài kỹ sư!

Họ mang chiếc cáng đã được lót bằng rêu và cỏ đến, đặt Cyrus Smith lên và khiêng ông ra bờ biển. Pencroff chịu đầu cáng trước, còn Nab chịu đầu sau.



Từ đây đến lán tạm phải đi mất tám dặm, nhưng vì khiêng bệnh nhân cần đi chậm, không vội vã, và chắc chắn là phải dừng nghỉ thường xuyên, nên họ tính phải sau sáu tiếng đồng hồ mới về đến nơi.

Gió vẫn thổi mạnh như trước, nhưng mưa đã tạnh. Nằm trên cáng, kỹ sư chống khuỷu tay nhõm dậy và nhìn bao quát bờ biển, nhất là thềm đất trên. Ông không thốt ra lời nào, nhưng nhìn một cách chăm chú và, chắc chắn là những đường nét của bờ biển này, cát, vách đá và rừng của nó đã in sâu vào

trí nhớ của kỹ sư. Tuy nhiên, chừng hai tiếng sau, bị thấm mệt, ông nằm duỗi người trên cáng và thiếp đi.

Đến năm giờ rưỡi chiều toán cáng thương đã về đến lán tạm.

Mọi người dừng lại, hạ cáng xuống đất. Cyrus Smith không thức giấc - ông ngủ rất say.

Thật là hết sức ngạc nhiên, Pencroff thấy trận bão hoành hành đêm qua đã biến đổi hẳn quang cảnh quen thuộc. Những vụ sạt lở lớn đã xảy ra: trên cát ngồn ngang những tảng đá lớn bị lăn xuống, khắp bờ biển phủ đầy lớp rong biển. Rõ ràng là sóng đã tràn qua hòn đảo nhỏ đập vào tận chân núi đá hoa cương.

Mặt đất ở trước lối vào chỗ ở của họ bị đào xới nát - chắc chắn là những cơn sóng biển mạnh như trời giáng cũng đã ập lên các tảng đá này.

Một điều phỏng đoán khủng khiếp thoáng nảy ra trong đầu Pencroff, và anh đã lao vọt đến lối vào hang. Rồi từ trong đó anh đã chạy ngay ra và đứng lạng đi bên cửa hang, hốt hoảng nhìn các bạn...

Lửa đã bị tắt. Mặt đất ẩm ướt đã biến thành bùn. Miếng giẻ để làm mồi lửa đã biến mất. Biển đã tràn vào tận sâu trong hành lang, mọi thứ trong đó bị đảo lộn hết, bị hư hại hết!

CHƯƠNG TÁM

Cyrus Smith lại về với các bạn. - Những ý định của kỹ sư Cyrus Smith. - Săn heo biển. - Làn khói nhiều hứa hẹn.

Chàng thủy thủ thông báo vắn tắt cho Gédéon Spilett, Harbert và Nab biết về tai họa rủi ro đã xảy ra. Vậy nhưng điều rủi ro, mà theo Pencroff, đầy những hậu quả đáng buồn, đã gây cho mọi người những ấn tượng không giống nhau.

Nhà báo chẳng hạn sau khi nghe những lời than vãn của Pencroff, đã trả lời một cách đơn giản:

- Pencroff, anh cứ tin rằng điều ấy ít làm tôi quan tâm nhất.

- Nhưng tôi nói với anh rằng chúng ta không còn lửa nữa.

- Hừ!

- Và bây giờ không làm sao kiếm được lửa nữa đâu.

- Chuyện vặt vãnh!

- Sao lại nói thế, ông Spilett!...

- Chẳng phải chúng ta đang có Cyrus Smith đó sao? - Nhà báo nói, - Kỹ sư của chúng ta bình yên vô sự mà. Ông sẽ nghĩ được cách lấy lửa.

- Lấy từ cái gì?

- Từ cái không có gì!

Pencroff còn có thể trả lời được gì nữa về chuyện ấy? Anh im lặng, bởi vì tự đáy lòng anh cũng tin tưởng vào Cyrus Smith không kém gì những người bạn của mình. Đối với họ, thà sống có Cyrus Smith trên một hòn đảo không người còn hơn là ở một thành phố lớn và văn hóa nhất nước Mỹ mà lại thiếu Cyrus Smith. Có Cyrus Smith thì họ không thể thiếu thứ gì cả. Có ông thì không thể thất vọng được. Nếu như có ai đó nói với những con người nhân từ này rằng phún xuất của núi lửa sẽ hủy diệt mảnh đất mà họ bị quăng xuống, rằng mảnh đất ấy sẽ bị vùi sâu xuống vực thẳm Thái Bình Dương, thì họ cũng sẽ bình chân như vại mà trả lời rằng: “Ở đây đã có Cyrus Smith. Bạn không thấy sao, Cyrus Smith đang ở bên cạnh chúng ta mà!”

Nhưng tạm thời kỹ sư bị mệt sau chặng đường dài năm trên cánh vẫn đang ngủ say, vì vậy những người bạn đồng hành của ông chưa thể yêu cầu ông sáng chế cái gì. Đành chịu cảnh thiếu lửa và hạn chế ở bữa ăn tối quá ư đạm bạc vậy. Thịt tetras họ đã ăn hết rồi, còn nướng một loại thịt rừng khác nào đó thì không có điều kiện.

Trước hết, họ đưa Cyrus Smith vào hành lang giữa nơi ở tạm. Tại đây họ làm cho ông một cái ổ lót bằng rong biển khô. Giấc ngủ say chỉ có thể lợi cho kỹ sư mà thôi; nó phục hồi sức khỏe của kỹ sư còn tốt hơn món ăn sang trọng nhất...

Sang ngày hôm sau, 28 tháng ba, kỹ sư thức dậy lúc gần tám giờ sáng, thấy các bạn đang đứng bên cạnh đợi mình tỉnh giấc, và cũng như hôm qua, trước tiên ông hỏi:

- Đào hay đất liền?

Rõ ràng là ý nghĩa ấy không để ông được yên.

- Chúng tôi làm sao biết được, thưa ngài Smith? - Pencroff hỏi lại.

- Không biết à?

- Không ạ. Nhưng nhất định chúng ta sẽ biết sau khi ngài xem xét địa hình ở đây. - Pencroff nói tiếp.

- Tôi thấy tôi đã có thể đứng dậy được rồi, - kỹ sư trả lời và không đến nỗi cố sức lắm ông đã đứng lên được.

- Thế này thì tốt quá! - Chàng thủy thủ nói.

- Tôi đã bị xỉu đi vì kiệt sức đấy thôi, - Cyrus Smith nhận xét. - Các bạn của tôi, hãy cho tôi ăn một chút, và mọi việc sẽ ổn cả. Các bạn chắc là có lửa chứ?

Chàng thủy thủ lúng túng, không trả lời ngay vào vấn đề tế nhị ấy. Cuối cùng, chàng lấy hết tinh thần nói:

- Tai họa chính là ở chỗ đó, thưa ngài Cyrus Smith! Chúng ta không có lửa, hay nói đúng hơn, đã có, nhưng bị mất hết cả rồi

Và Pencroff đã kể lại chuyện xảy ra hôm trước. Cái cảnh chỉ có mỗi một que diêm, rồi sau đó ý định lấy lửa theo lối của người hoang sơ nhưng không thành công đã làm cho kỹ sư tức cười.

- Chúng ta sẽ liệu, - ông nói. - Nếu như không tìm được thứ gì có thể làm bùi nhùi được thì...

- Thì lúc đó làm sao? - Chàng thủy thủ nói.

- Lúc đó ta sẽ làm diêm.

- Diêm hóa học?

- Diêm hóa học!

- Việc ấy không đến nỗi khó lắm đâu, - nhà báo nói, vỗ vào vai Pencroff...

Harbert mang đến cho ông mấy vỏ sò và rong biển và nói bằng một giọng có lỗi:

- Tất cả chúng ta chỉ có chừng này thôi, thưa ngài Cyrus Smith.

- Chừng này cũng tốt rồi, cảm ơn cháu yêu quý, - kỹ sư đáp. - Cho buổi sáng hôm nay thế là đủ...

Các bạn lặng lẽ nhìn ông ăn. Sau khi khó khăn lắm mới làm dịu được nửa bụng đói, Cyrus Smith khoanh hai tay trước ngực nói:

- Các bạn, như vậy là các bạn vẫn chưa biết chúng ta bị ném lên đâu - đất liền hay đảo?

- Chưa ạ, thưa ngài Cyrus Smith, - cậu thiếu niên đáp.

- Vậy thì ngày mai chúng ta sẽ biết, - kỹ sư nói. - Đành đợi đến ngày mai vậy.

- Chỉ có điều là... - Pencroff lên tiếng, giọng buồn rầu.

- Là gì?

- Là chuyện lửa ấy, thì sao? - Pencroff hỏi, lúc nào anh chàng cũng bị cái ý nghĩ ấy ám ảnh.

- Anh đừng lo, Pencroff, lửa chúng ta sẽ có, - Cyrus Smith nói. - Còn các bạn, hãy nói cho tôi biết... Hôm qua, khi các bạn cáng tôi đi, hình như tôi thấy ở phía tây có ngọn núi cao nhất vùng này.

- Vâng, - Gédéon Spilett xác nhận, - núi thì có, nhưng khá cao...

- Tuyệt lắm, - kỹ sư nói tiếp. - Ngày mai chúng ta sẽ trèo lên đỉnh núi và sẽ biết chúng ta bị lạc đến nơi nào - lên đảo hay đất liền. Còn từ bây giờ đến lúc đó, tôi nhắc lại, chúng ta sẽ không thể làm được điều gì cả...

- Thưa ngài Cyrus Smith, liệu ngày mai ngài có đủ sức để thực hiện một chuyến leo núi vất vả như thế không ạ? - Harbert tỏ ra lo lắng.

- Tôi hy vọng là sẽ chịu đựng được, - kỹ sư đáp, - nhưng với điều kiện là Pencroff và cháu, cháu bé của ta, phải là những thợ săn thiện nghệ và tháo vát kia.

- Ngài Cyrus Smith, - chàng thủy thủ năn nỉ, - một khi ngài đã nói đến chuyện săn, thì xin ngài cho phép tôi được nói rằng, chúng tôi mang thịt

rừng về sẽ uống công vô ích mà thôi, nếu như chẳng có cái gì để mà nướng cả.

- Cứ mang về đi, Pencroff, cứ mang thịt rừng về đi, - Cyrus Smith nói.

Họ đã quyết định: kỹ sư và Gédéon Spilett sẽ ra gần lán tạm để quan sát bờ biển và cao nguyên. Trong khi Nab, Harbert và Pencroff sẽ vào rừng lấy thêm củi và cố gắng mang được càng nhiều thịt rừng về càng tốt - thịt chim hay thịt thú cũng được...

Harbert, Nab và Pencroff bẻ cành cây vân sam làm ba chiếc gậy và đi theo con chó Top chạy luồn trong đám cỏ cao...

Mặt trời vẫn chưa đứng bóng, nên cuộc thám hiểm có thể tiếp tục. Harbert đã có một sự khám phá - chú tìm thấy được một cây có quả ăn được. Đó là cây thông bá hương mọc ở vùng khí hậu ôn đới của nước Mỹ và châu Âu, cho loại hạt tuyệt vời và rất quý. Hạt trong quả đều chín hết cả, vì vậy Harbert và các bạn đã lấy ăn một cách ngon lành.

- Vậy đó, - Pencroff nói, - thay vì bánh mì đã có rong biển, thay thịt có sò, hào s ống, còn món đét xe thì đã có hạt thông bá hương. Đối với những người không có lấy một que diêm thì bữa ăn trưa của họ còn gì có thể hơn được nữa!

- Con Top đã thấy cái gì rồi kìa! - Nab kêu lên và chạy lại phía rừng rậm, nơi có tiếng chó sủa vắng lại xen lẫn tiếng kêu ủn ỉn lạ tai nào đó.

Sau khi lặn lội vào các bụi cây xanh rậm rì, những người thợ săn đã nhìn thấy con Top đang cào cấu vào tai một con vật gì đó. Đó là con vật bốn chân, giống như một con heo con, dài chừng hai fut rưỡi, lông màu nâu

sẫm, cứng, ở bụng màu sáng hơn. Chân con vật có màng, nhờ vậy nó bám chắc vào đất.

Harbert cho rằng đây là con heo nước - một trong những giống lớn nhất của họ động vật gặm nhấm.

Con heo nước không chống đỡ nổi con chó, chỉ biết trốn hai con mắt đàn độn mập ú ra mà nhìn, chắc là lần đầu tiên nó gặp người.

Nab nắm chặt hơn cây gậy của mình, định phang cho nó một nhát, nhưng con vật đã dứt chạy thực mạng, để lại một cái đầu tai nhỏ xíu dính răng con Top.

Cả ba người lao theo con Top đuổi con heo, đến lúc sắp tóm được rồi thì đột nhiên con vật nhào xuống một cái hồ nước nhỏ chung quanh um tùm những cây thông cổ thụ, và biến mất dưới nước.

Những người đi săn ngỗ ngàng dừng lại. Con Top nhảy ào xuống nước, nhưng con heo nước đã lặn sâu dưới đáy, không thấy đâu nữa.

- Ta nán đợi, - Harbert nói, - nó sắp ngôi lên đấy.

- Có thể nó chết đuối rồi chẳng? - Nab hỏi.

- Không. - Harbert đáp. - Các anh có thấy chân của nó như thế nào không? Có màng. Đây hầu như là giống vật vừa sống trên cạn, vừa sống dưới nước. Ta đứng rình nó coi.

Con Top vẫn chưa lên khỏi mặt nước. Những người đi săn đứng mỗi người ở một đầu bờ để cắt đường tháo chạy của con heo nước, còn con Top thì bơi trên mặt hồ, lùng sục nó.

Harbert nói quả không sai. Mấy phút sau, con heo nước đã ngoi lên, con Top vồ ngay lấy, không cho nó lặn xuống nước nữa. Trong nháy mắt họ đã lôi được con heo nước lên bờ và Nab đã kết liễu nó bằng một nhát gậy.

- Hoan hô! Pencroff reo mừng chiến thắng, hét toáng lên. - Giá bây giờ mà có than hồng thì ta sẽ gặm cái loài gặm nhấm này đến từng cái xương!

Anh ta lẳng con thú bắt được lên vai và, sau khi xác định theo mặt trời thấy đã gần hai giờ chiều, anh ra lệnh trở về. Khi cách lán tạm chừng năm mươi bước Pencroff bỗng dừng lại, kêu tướng lên “hoan hô” và đưa tay chỉ về phía nóc hang đá.

- Harbert! Nab! Hãy nhìn kia! - Anh ta gào to.

Bên trên các vách đá một cột khói đang cuồn cuộn bốc lên theo gió!

CHƯƠNG CHÍN

Sáng chế của kỹ sư. - Vấn đề làm Cyrus Smith lo lắng. - Cuộc thám hiểm lên núi. - Những người khai khẩn vùng di dân. - Những địa danh mới đặt. - Kiểm tra đồng hồ. - Tài nguyên của đảo.

Một phút sau, cả ba người thợ săn đều đã có mặt bên ngọn lửa cháy bùng bùng trong bếp lò, cạnh đấy có Cyrus Smith và nhà báo đang ngồi. Pencroff đứng lại và lặng thinh nhìn họ, tay vẫn xách con vật săn được.

- Thế nào, anh bạn yêu quý nhất? - Nhà báo kêu lên. - Lửa đang cháy đó! Lửa thật sự nhé. Có thể nướng con thú này được rồi, và chúng ta sẽ làm bữa tiệc.

- Ai nhóm được lửa thế? - Pencroff thắc mắc.

- Mặt trời!

Câu trả lời hoàn toàn đúng. Ngọn lửa làm cho Pencroff phấn khởi đúng là mặt trời cho thật. Chàng thủy thủ không tin vào mắt mình và sững sốt đến nỗi không nghĩ đến việc hỏi kỹ sư một cách cặn kẽ nữa.

- Ngài có kính lúp ạ, thưa ngài Smith? - Harbert hỏi.

- Không phải đâu, con, - kỹ sư trả lời, - nhưng ta đã chế ra nó.

Và Cyrus Smith đã giới thiệu dụng cụ đóng vai trò chiếc kính lúp ấy. Nó chỉ dùng vền vền hai cái mặt kính lồi ở đồng hồ bỏ túi - của cá nhân ông và của Gédéon Spilett thôi. Sau khi đổ nước vào các mặt kính ông xếp chúng lên nhau và lấy đất sét trét vào cạnh. Thế là ông đã có chiếc kính nhen lửa hai mặt lồi. Sau khi bắt được chím tia nắng vào tiêu điểm của kính, ông hướng những tia ấy vào một nắm rêu khô, thế là rêu bốc lửa cháy.

Chàng thủy thủ nhìn dụng cụ độc đáo, rồi nhìn kỹ sư, chẳng nói chẳng rằng. Nhưng đôi mắt chàng mới nói lên nhiều ý nghĩa biết bao! Nếu Cyrus Smith đối với chàng không trở thành thần thánh thì trong mọi trường hợp ông cũng không còn là một người trần tục bình thường nữa. Cuối cùng, tài nói của Pencroff lại được trở ra:

- Ghi chép đi chứ, ông Spilett. - Chàng nói, - hãy ghi điều này vào cuốn sổ con của mình đi.

- Ghi rồi, - nhà báo trả lời.

Họ đã ăn một bữa cơm tối rất ngon. Thịt heo nước hóa ra tuyệt vời. Bữa ăn được bổ sung thêm món rong biển và hạt thông bá hương. Kỹ sư hầu như không nói gì, ông đang mải mê nghĩ đến chuyến leo núi ngày mai để quan sát địa hình...

Sau một đêm các cư dân của lán tạm, kể cả con chó Top, ngủ say sưa, sáng hôm sau họ bắt đầu cuộc hành trình đầy vất vả, vượt qua những sườn dốc cheo leo và đã lên tới đỉnh núi với hy vọng từ đây sẽ khẳng định được rằng họ đang bị lạc ở một nơi đất liền nào đó. Nhưng, khi trăng non vừa lặn xuống mặt biển, kỹ sư Cyrus Smith đã nắm lấy tay cậu bé và thốt lên:

- Đảo!...

Kỹ sư và các bạn đồng hành của ông lặng người đi hồi lâu, mắt đăm đăm nhìn đại dương... Và, hôm sau, họ lại trèo lên một ngọn núi lửa đã tắt với hy vọng phát hiện nơi gần đây một vùng đất khác, một hòn đảo khác mà hôm qua trong đêm tối họ đã trông thấy. Nhưng, đến tận chân trời, nghĩa là trên một khoảng cách quanh đó năm mươi dặm, chỉ thấy sóng nước hoang vắng trải dài. Không thấy một mảnh đất nào! Cũng chẳng thấy có cánh buồm nào! Chỉ thấy đại dương mênh mông vô tận, và hòn đảo của họ lẫn hút trong đó.

- Thế hòn đảo của ta có lớn không?

Thật ra, giữa đại dương vô tận một hòn đảo như thế này chẳng đáng vào đâu.

Cyrus Smith chăm chú xem xét hình dáng hòn đảo, ước lượng chiều cao của quả núi nơi họ đang đứng và nghĩ ngợi một lúc, rồi nói:

- Các bạn của tôi, tôi cảm thấy tôi sẽ không sai, nếu tôi nói rằng bờ đảo của chúng ta kéo dài hơn một trăm hải lý.

- Thế diện tích của nó bao nhiêu?

- Khó mà nói được. Nó bị chia cắt lung tung quá.

Cyrus Smith đã xác định không sai - hòn đảo có độ lớn gần bằng nước Malta^[10] hoặc đảo Zakinth^[11] ở Địa Trung Hải, nhưng khác ở chỗ hình dáng nom thất thường hơn nhiều, mà đồng thời ít có những mũi, cồn, doi cát, những vịnh, vũng biển hơn. Hình dạng của đảo làm cho người ta rất ngạc nhiên, và khi Gédéon Spilett, theo yêu cầu của kỹ sư, phác họa đường chu vi của đảo thì mọi người đều thấy nó giống như một con vật hoang tưởng

nào đấy, một con vật kỳ quái có chân là cánh đang nằm ngủ trên sóng Thái Bình Dương...

- Đây là hòn đảo đã từng có người ở chẳng?

Nhà báo là người đầu tiên hỏi to lên câu hỏi ấy. Mọi người đều cảm thấy rằng sau khi họ từ trên đỉnh núi quan sát khắp lượt hòn đảo thì đã có thể trả lời câu hỏi ấy bằng một câu phủ định.

Không thấy chỗ nào có sự sáng tạo của bàn tay con người cả...

Nhưng biết đâu có những thổ dân từ các hòn đảo lân cận nào đấy ghé lên đảo này, dù chỉ một thời gian ngắn thôi thì sao? Tạm thời chưa thể nào trả lời được câu hỏi ấy. Trong phạm vi năm mươi hải lý chung quanh đây không thấy có vùng đất liền nào. Liệu sau đây, không có dụng cụ gì thì Cyrus Smith có thể xác định được độ vĩ và độ kinh của đảo không? Nhiệm vụ rất khó khăn. Nhưng không phải vì tạm thời chưa biết gì cả mà cản trở họ thực hiện các biện pháp để phòng trường hợp có thể bị những người láng giềng hoang dã đổ bộ lên đảo.

Công việc tìm hiểu hòn đảo một cách tổng quát đã xong, đã xác định được hình thể và địa hình của đảo, đã tính được diện tích, ấn định được tình hình địa lý thủy văn và sơn văn của đảo. Trên sơ đồ mặt bằng do nhà báo vẽ vội vã đã làm ký hiệu địa thế, vị trí các khu rừng và đồng bằng. Bây giờ cần phải men theo sườn núi đi xuống và nghiên cứu những tài nguyên khoáng sản, hệ động vật và thực vật của đảo.

Nhưng trước khi ra hiệu xuất phát, Cyrus Smith nói vài lời với mọi người:

- Các bạn của tôi, - ông nói với vẻ bình tĩnh và đứng đắn thường ngày của mình. - Ý trời đã định quăng chúng ta lên mảnh đất nhỏ bé này. Tôi và các bạn phải sống, và có lẽ rất lâu đấy, ở cái chốn này. Tất nhiên, có thể là bất thành lình chúng ta sẽ được cứu, nếu như tình cờ có một con tàu đi ngang qua đảo... Tôi nói “tình cờ” bởi vì hòn đảo chẳng lớn gì, ở đây lại không tìm thấy một bến cảng thiên nhiên nào để cho tàu bè có thể đậu được, và tôi sợ rằng đảo không nằm trên tuyến đường đi lại thường xuyên của các tàu biển, nghĩa là lệch quá về phía nam tuyến đường tàu chạy đi các quần đảo ở Thái Bình Dương, và lệch quá về phía bắc tuyến đường tàu chạy đi Australia, vòng qua mũi Horn. Tình cảnh chúng ta là như vậy đó. Tôi không muốn giấu các bạn điều gì hết...

- Và ngài làm như vậy là tốt, Cyrus Smith thân mến, - nhà báo nhiệt tình đáp lại. - Ngài đang có quan hệ với những người đàn ông thực sự. Chúng tôi tin tưởng nơi ngài. Ngài có thể trông cậy vào chúng tôi. Có phải thế không, các bạn?

- Cháu sẽ nghe lời ngài trong hết mọi việc, thưa ngài Cyrus Smith, - Harbert nói, nắm chặt tay kỹ sư.

- Con sẽ đi với ngài đến cùng trời cuối đất ạ! - Nab kêu lên.

- Còn tôi thì xin nói thế này nhé, - chàng thủy thủ nói. - Pencroff không bao giờ trốn tránh công việc cả! Và nếu ngài muốn, thưa ngài Smith, thì chúng ta sẽ làm cho hòn đảo này thành một nước Mỹ nhỏ! Chúng ta sẽ dựng lên ở đây những thành phố, sẽ đặt những con đường sắt, sẽ mắc đường dây điện báo, và đến một ngày đẹp trời nào đấy, khi đã cải tạo, đã văn minh hóa mọi thứ ở đây, chúng ta sẽ đem hiến hòn đảo này cho chính phủ nước ta. Tôi chỉ yêu cầu ông một điều thôi.

- Điều gì? - Nhà báo hỏi.

- Chúng ta hãy xem mình không phải như những người xấu hổ bị tai nạn, mà là những người đi khai khẩn, đến hòn đảo này với một mục đích nhất định là tạo dựng di dân ở đây!

Cyrus Smith không thể nén nổi nụ cười. Lời đề nghị của chàng thủy thủ được chấp nhận. Sau đó, kỹ sư đã cảm ơn những người bạn của mình về sự tin cậy và nói thêm rằng ông hết sức trông mong vào nghị lực của họ và sự phù hộ của trời.

- Thôi được rồi, đã đến lúc quay trở về lán tạm! - Pencroff kêu lên.

- Chút xíu đã, các bạn, - kỹ sư ngăn mọi người lại. - Tôi thiết nghĩ, nên đặt tên cho cả hòn đảo của chúng ta, cho từng mũi biển, từng doi đất, lẫn những con suối mà chúng ta sẽ nhìn thấy ở đây.

- Tuyệt lắm, - nhà báo nói. - Tới đây, khi chúng ta phải nói đến một địa hạt nào đấy trên hòn đảo của chúng ta, như thế sẽ tiện lắm.

- Đúng rồi! - Chàng thủy thủ đồng ý. - Mỗi khi muốn nói đi đâu hay từ đâu về, sẽ rất tiện. Như vậy các bạn biết không, lịch sự hơn chứ, cứ y như chúng ta đang ở một nơi đàng hoàng.

- Ở “Lán tạm” chẳng hạn, - Harbert nhận xét một cách hóm hỉnh.

- Phải đấy, - Pencroff xác nhận. - Một cái tên rất thích hợp mà chính tôi cũng mới nảy ra trong óc. Vậy ta dành cái tên “Lán tạm” cho nơi trú chân đầu tiên của chúng ta nhé. Ngài Cyrus Smith đồng ý không?

- Tất nhiên, Pencroff, - một khi anh đã đặt cho nó cái tên như vậy rồi mà.

- Vâng, tất nhiên rồi, nghĩ ra tên đặt cho cả các nơi khác nữa cũng chẳng khó gì, - chàng thủy thủ nói tiếp, vẻ thích chí.

- Theo tôi, nên tìm những cái tên nào thường xuyên nhắc nhở chúng ta nhớ đến tổ quốc ấy, - Gédéon Spilett trả lời.

- Phải, đối với những điểm chủ yếu, đối với những vũng, những vịnh thì nên làm như vậy, - Cyrus Smith nói. - Tôi hoàn toàn đồng ý với điều đó. Chẳng hạn, ta gọi cái vũng to ở phía đông kia là “vịnh Hợp chủng”, còn cái vũng lớn bên bờ phía đông thì gọi là “vũng Washington”^[12]. Quả núi mà ta đang đứng đây thì gọi là “núi Franklin”^[13], còn cái hồ trước mặt ta kia thì mang tên “Grant”. Thật vậy, các bạn của tôi, như thế tốt hơn cả. Hãy để cho những cái tên ấy nhắc chúng ta nhớ về tổ quốc và tất cả những người công dân cao thượng đã làm rạng rỡ tổ quốc. Nhưng đối với những con sông, đối với những vịnh nhỏ, đối với những mũi, những vách đá mà ta nhìn thấy từ trên đỉnh cao của ngọn núi này, tôi đề nghị chọn cho chúng những cái tên làm sao nói lên được hình dạng và những đặc điểm nào đấy của chúng. Những cái tên như thế dễ nhớ hơn và sẽ có ích lợi thực tế.

Đề nghị của kỹ sư được nhất trí thông qua. Gédéon Spilett ghi lại những cái tên ấy, và danh mục địa lý của đảo đã được xác định xong xuôi: vịnh Hợp chủng, vũng Washington, núi Franklin, bán đảo Uốn khúc, mũi Rắn, vịnh Cá mập, mũi Xương hàm v.v...

Thế là mọi việc đã xong: những người chủ mới của đảo chỉ còn việc xuống núi Franklin và trở về nơi trú ngụ của mình trong Lán tạm. Bỗng Pencroff kêu lên:

- Còn đảo nữa, ta đã đặt tên cho hòn đảo đâu!

Harbert đã đề nghị lấy tên của Cyrus Smith đặt tên cho đảo - chú biết mọi người sẽ đồng tình hoan nghênh đề nghị ấy, nhưng kỹ sư đã vượt lên trước chú.

- Các bạn của tôi, - ông nói chân tình, - chúng ta sẽ đặt tên hòn đảo của chúng ta để chào mừng vị công dân cao thượng nhất của nước Cộng hòa Mỹ, chào mừng con người đang đấu tranh để bảo vệ sự thống nhất của đất nước. Hãy đặt tên cho mảnh đất này là đảo “Lincoln”!^[14]

Đáp lại lời đề nghị của Cyrus Smith, mọi người phấn khởi reo to “hoan hô”.

Buổi tối hôm ấy, trước khi đi ngủ những người di dân đã nói về tổ quốc của họ và về cuộc chiến tranh khủng khiếp đang làm cho tổ quốc họ bị nhuốm máu. Họ tin tưởng vững chắc rằng chẳng bao lâu nữa phía Nam sẽ bị thất bại, và nhờ Grant và Lincoln mà sự nghiệp chính nghĩa của những người công dân các bang phía Bắc sẽ toàn thắng!

Đó là ngày 30 tháng ba năm 1865. Họ đâu có biết được rằng mười sáu ngày sau ở Washington đã xảy ra một tội ác dã man: vào hôm thứ sáu khủng khiếp, Abraam Lincoln đã ngã xuống do bàn tay của một kẻ cuồng tín.

Các cư dân của đảo Lincoln nhìn quanh đảo lần cuối cùng, vòng qua miệng núi lửa theo một đường gờ hẹp và bắt đầu đi xuống; nửa giờ sau họ đã có mặt ở cao nguyên đầu tiên, nơi họ đã dừng lại nghỉ đêm khi leo lên.

Pencroff tuyên bố đã đến lúc ăn sáng và tiện dịp Cyrus Smith và nhà báo đã quyết định kiểm tra lại đồng hồ của mình.

Cần nói rằng, chiếc đồng hồ của Gédéon Spilett không bị nước, bởi vì anh không bị ném xuống biển. Đó là một chiếc đồng hồ bỏ túi thật sự tuyệt vời, được nhà báo hàng ngày lên dây rất cẩn thận.

Cyrus Smith tất nhiên không thể lên dây chiếc đồng hồ của mình trong khi ông nằm bất tỉnh ở đụn cát. Nhưng về đây ông đã lên dây nó và căn cứ theo mặt trời ông xác định thời gian khoảng gần chín giờ, và vặn lại kim đồng hồ.

Gédéon Spilett định làm theo ông, nhưng Cyrus Smith ngăn anh ta lại:

- Đừng, bạn thân mến của tôi. Đồng hồ của anh lấy theo giờ Richmond phải không?

- Vâng, thưa ngài Smith.

- Anh biết gì không? Đừng vặn lại giờ. Hãy lên dây đồng hồ của mình thật cẩn thận, nhưng đừng có động vào kim - cứ để chúng như vậy đi. Điều đó có ích cho chúng ta.

Sau bữa ăn sáng Cyrus Smith đề nghị các bạn đi về Lán tạm bằng con đường khác. Ông muốn xem xét hồ Grant được gần hơn, cây cối bao quanh nó rất đẹp.

Cyrus Smith bình thản đi bên cạnh nhà báo lúc nào cũng kè kè cuốn sổ tay để ghi chép bất kỳ việc gì xảy ra. Thỉnh thoảng kỹ sư lại tạt sang một bên để lựa những mẫu khoáng sản hoặc bứt một loài thực vật nào đó, lẳng lặng bỏ vào túi, chẳng nói một câu nào thừa cả:

- Ông ta thu nhặt cái gì ở đó thế nhỉ? - Pencroff lầm bầm. - Mình cứ để ý hoài mà chẳng thấy cái gì thiết thực ở đây cả. Chẳng đáng mất công vì cái

chuyện không đâu ấy!...

Sau bữa ăn tối, khi những người bộ hành đã định đi ngủ, Cyrus Smith mới móc ở trong túi ra những hòn đá nhỏ - đó là các mẫu khoáng sản khác nhau - và giải thích ngắn gọn:

- Các bạn hãy xem. Đây chính là quặng sắt, đây là pirit, đây là đất sét, đây là đá vôi, đây là than. Thiên nhiên ở đây giàu có thế đấy. Đây là sự đóng góp của nó cho sự nghiệp chung của chúng ta. Ngày mai đến lượt chúng ta ra tay.

CHƯƠNG MƯỜI

Nhà máy gạch. - Lò gốm. - Đồ làm bếp. - Quan sát thiên văn quan trọng.

- Thưa ngài Cyrus Smith, chúng ta bắt đầu từ cái gì bây giờ đây? - Sáng hôm sau Pencroff hỏi.

- Bắt đầu từ đâu, - kỹ sư đáp.

Thật vậy, những người di dân trên đảo đã phải bắt đầu “từ đầu”. Họ chẳng có dụng cụ gì để mà chế ra đồ làm bếp cần thiết. Họ cũng chẳng thể bắt chước thiên nhiên, bởi vì thiên nhiên có ở phía trước nhiều thời gian, và vì vậy nó giữ sức, chẳng vội vã gì. Họ thì lại không có thời gian; trong khi đấu tranh để sinh tồn, họ phải làm ra ngay nhiều thứ, và nếu không sáng chế được thì ít nhất cũng áp dụng kinh nghiệm của những người khác. Đối với họ, sắt và thép còn tồn tại ở dạng khoáng sản, các đồ gốm thì mới đơn giản là đất sét, còn để có quần áo thì họ còn phải tìm ra nguyên liệu.

Tuy nhiên, cần nói rằng, những người ở trên đảo của chúng ta thật sự là những con người với ý nghĩa hay nhất, cao nhất của ngôn từ này. Kỹ sư Smith không thể mong muốn có được những người giúp việc sáng trí và tận tâm hơn, những người bạn trung thành hơn. Ông đã nói chuyện với từng người và biết những khả năng và sở trường của họ.

Gédéon Spilett, một nhà báo tài năng, từng nghiên cứu rất nhiều để có thể nói được trong các bài báo của mình đủ mọi chuyện; bằng trí tuệ và đôi tay anh phải giúp cho việc tổ chức di dân trên đảo. Spilett sẽ hoàn thành bất kỳ nhiệm vụ nào...

Harbert là chú bé dễ thương, am hiểu nhiều về lịch sử tự nhiên; chú sẽ giúp đỡ đặc lực cho công việc chung.

Nab - đó là một mẫu mực về lòng trung thành, thông minh, nhanh nhẹn và nhẫn nại, khỏe như sắt thép, hơn nữa, anh ta lại thạo nghề rèn. Tất nhiên là Nab sẽ rất có ích cho việc di dân.

Pencroff đã bơi trên tất cả các biển và đại dương, đã làm thợ mộc trong xưởng đóng tàu ở Bruclin, cũng có khi đã làm phụ thợ máy trên các tàu quốc doanh, trồng vườn và làm ruộng mỗi khi về nghỉ phép - tóm lại, đúng là một thủy thủ, anh ta thạo đủ mọi việc.

Quả thực ở đây dường như đã cố ý lựa chọn được một bộ năm người bạn biết chiến đấu với số phận và chiến thắng nó.

“Chúng ta sẽ bắt đầu từ đầu”, - Cyrus Smith nói. - Bắt đầu từ việc làm một thiết bị để gia công khoáng liệu mà thiên nhiên phú cho. Ai cũng biết là trong việc gia công này nhiệt độ cao đóng vai trò quan trọng như thế nào. Nhiên liệu, như củi lẫn than đá thì đều đã có đủ. Chỉ còn cần xây lò nữa thôi.

- Thế cái lò ấy dùng để làm gì? Pencroff hỏi.

- Chúng ta sẽ tự chế lấy mọi thứ đồ đựng. Những thứ này rất cần, - Cyrus Smith trả lời.

- Thế xây lò bằng gì?

- Bằng gạch.

- Thế gạch làm bằng gì?

- Bằng đất sét. Lên đường thôi, các bạn! Để khỏi mất công chuyên chở nguyên liệu, ta sẽ xây dựng các xưởng ngay tại chỗ khai thác. Nab sẽ mang cái ăn đến cho chúng ta, còn lửa để nấu nướng thì chúng ta sẽ có đủ.

- Tuyệt, - nhà báo nhận xét. - Lửa thì sẽ có thôi, nhưng còn cái ăn thì có thể lại không có, một khi chúng ta không có súng để đi săn.

- Ồ, giá có được một con dao con bình thường nhất thôi nhỉ! - Chàng thủy thủ xuýt xoa.

- Vậy thì sao? - Cyrus Smith hỏi.

- Thì tôi sẽ làm ngay một cái cung và những mũi tên chứ “sao”? Và thế là chúng ta sẽ tha hồ mà ăn thịt thú!

- Ừ... con dao, một cái lưỡi nhọn nào đấy, - kỹ sư nói về suy tư, như tự chuyện trò với bản thân mình.

Tình cờ ông trông thấy con Top chạy tung tăng trên bờ biển. Mắt Cyrus Smith ngời lên.

- Top, lại đây! - Ông gọi.

Con chó chạy lại chỗ chủ, Cyrus Smith dùng hai tay ôm lấy đầu con chó, tháo cái vòng cổ của nó ra, bẻ làm đôi, nói:

- Đây nhé, Pencroff, cho anh hai con dao!

Để đáp lại, chàng thủy thủ reo lên “hoan hô” hai lần. Chiếc vòng cổ của con Top được làm bằng một thanh thép mỏng đã tôi. Chỉ cần mài nó vào đá là được một lưỡi dao sắc, rồi sau đó dùng một mảnh sa thạch mịn làm cho nó khỏi nhám là xong, và thế là sau hai tiếng đồng hồ vùng di dân đã có được hai cái lưỡi dao sắc, mỗi cái đều được tra cán chắc chắn một cách dễ dàng.

Sự xuất hiện của chiếc công cụ đầu tiên được hân hoan đón chào như một thắng lợi lớn lao. Và đó thực sự là thắng lợi, hơn nữa lại là thắng lợi đã giành được đúng lúc.

Họ lên đường - Cyrus Smith dẫn các bạn ra bờ hồ phía tây, nơi hôm qua ông đã để ý thấy có nhiều đất sét và đã lấy mẫu về. Thoạt đầu, họ đi dọc theo sông Tạ ơn, sau đó băng qua cao nguyên Tâm nhìn và đi khoảng năm dặm thì dừng lại trên một bãi trống cách hồ Grant hai trăm bước.

Harbert thân mến đã tìm được một cây mà cành của nó những người da đỏ ở Nam Mỹ dùng làm những cái cung. Đó là cây “Crecimba” - thuộc họ dừa, nhưng không cho trái ăn được. Pencroff đã chọn và cắt lấy những tàu lá dài và đều đặn, bóc hết lá, rồi chuốt hai đầu làm cho thân giữa dày và chắc hơn. Chỉ còn việc tìm một cây thích hợp để làm dây cung nữa thôi. Cây ấy thuộc về họ cẩm quỳ^[15], có những sợi xơ rất chắc mà về độ bền thì hầu như không thua gì dây chằng của động vật. Thế là Pencroff đã làm xong những cái cung khá cơ bản, chỉ còn thiếu mũi tên thôi. Thật ra làm mũi tên bằng các cành cây cứng và thẳng không có mấu chằng khó gì, nhưng làm sao tạo cho chúng những đầu nhọn? Bởi vì nguyên liệu có thể thay sắt được chắc gì dễ dàng kiếm nổi. Pencroff an ủi mình bằng ý nghĩ cứ làm việc cho trọn lương tâm, còn lại mọi chuyện sẽ có cơ hội phù trợ.

Các cư dân của đảo đã đi đến nơi mà họ khảo sát hôm qua. Đất ở đây là đất sét đỏ, thích hợp với việc nung gạch và ngói, và do đó, họ hoàn toàn có

thể thực hiện được ý đồ của mình. Tay nghề đã có rồi... Sản xuất gạch chẳng phải là việc đến nỗi phức tạp lắm. Chỉ cần nhào đất sét với cát, nặn thành viên gạch và đem nung trong ngọn lửa mạnh.

Thông thường người ta làm gạch bằng khuôn, nhưng những người di dân phải dùng tay trần để nặn. Suốt ngày hôm ấy cho đến tận lúc trời tối, và cả ngày hôm sau họ giành cho việc sản xuất gạch. Họ nhào đất sét với nước bằng cả tay lẫn chân, rồi phân ra thành những cục to bằng nhau. Năm người thợ của chúng ta trên đảo Lincoln sau hai ngày làm việc đã nặn được không quá ba ngàn viên gạch: họ xếp gạch ướm thành những hàng, để như vậy ba, bốn ngày cho chúng thật khô, rồi sau đó đã có thể bắt đầu đem nung.

Mồng 2 tháng tư, ban ngày, Cyrus Smith đã quyết định thực hiện việc xác định vị trí của đảo theo các hướng.

Ngày hôm trước, ông đã nhận xét chính xác thời gian lúc mặt trời lặn, đồng thời để ý cả hiện tượng khúc xạ. Còn sáng mồng 2 tháng tư, ông xác định không kém phần chính xác thời gian lúc mặt trời mọc. Từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc là mười hai giờ hai mươi bốn phút. Như vậy là hôm ấy sau sáu giờ và mười hai phút thì mặt trời phải đi qua kinh tuyến của đảo, và điểm, nơi mặt trời dừng lại trên trời ở thời khắc ấy sẽ cho biết đâu là phương bắc^[16].

Đúng giờ đã định, Cyrus Smith ghi nhận điểm ấy ở trên trời và vạch một đường tưởng tượng từ mặt trời qua hai cái cây mà ông chọn làm cột mốc, và tìm được kinh tuyến cố định cho các quan sát thiên văn của mình.

Trước khi nung gạch hai ngày họ đã dự trữ nhiên liệu. Họ bẻ cành ở những cây mọc chung quanh bãi trống, thu nhặt hết số củi rơi vãi ở các góc rừng gần đó. Tất nhiên là vừa kiếm củi, họ vừa săn bắt ở khu vực lân cận. Hơn nữa, bây giờ Pencroff đã có được vài chục mũi tên đầu rất nhọn. Kiếm

được những con thú ấy không phải ai khác, mà chính là con Top trung thành: Nó đã tha từ trong rừng ra một con chim - con này ăn thịt không ngon lắm, nhưng những cái lông kim của nó thì lại rất quý. Họ đã cắm cái lông kim ấy vào đầu mũi tên, còn đuôi tên thì họ cắm lông của một loài vẹt có mào, để cho mũi tên bay được thẳng hơn. Harbert và nhà báo đã học được cách bắn cung thiện nghệ rất mau, và bây giờ trong lán tạm lúc nào cũng có đủ loại thịt heo nước, bồ câu, gà rừng v.v...

Mẻ nung đã diễn ra hai ngày đêm và thành công mỹ mãn. Sau đó, họ để cho tháp nung nguội đi, trong khi ấy Nab và Pencroff, theo lệnh của Cyrus Smith, dùng cành cây đan thành cái cang và khiêng về mấy chuyến được một đồng đá vôi khá to lấy ở bờ bắc của hồ Grant. Số đá này sau khi đem nung lửa đã hóa thành vôi sống, sau đó được tôi lên, cũng tinh khiết y như loại vôi thu được khi nung đá hoa hay phấn vậ. Những người di dân đem trộn dung dịch vôi tôi sền sệt với cát và họ được một chất dính kết tuyệt vời.

Ngày mùng 9 tháng tư, do kết quả của tất cả những công việc trên Smith đã có trong tay một ít vôi tôi và mấy ngàn viên gạch.

Khi ấy họ đã tranh thủ thời gian từng phút để xây một chiếc lò nung đủ các loại đồ gốm cần thiết cho sinh hoạt trong nhà. Việc xây lò đã hoàn thành chẳng có khó khăn gì đặc biệt. Năm ngày sau, họ chất than đá vào lò. Cyrus Smith đã tìm thấy các vỉa than lộ ra trên mặt đất ở gần cửa suối Đỏ, và từ ống khói cao hai mươi fut, cột khói đầu tiên đã bốc lên. Khoảnh đất trống đã biến thành công xưởng, và Pencroff không thấy xa lạ nữa với ý nghĩ rằng từ cái lò này sẽ làm ra mọi thứ sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại.

Trước hết, họ nặn một cái nồi đất sét thông thường nhất, khá thô thiển, nhưng hoàn toàn thích hợp cho việc nấu đồ ăn. Nguyên liệu để làm các thứ

đồ gốm cũng là đất sét làm gạch, nhưng Cyrus Smith đã cho bỏ thêm vào một ít vôi và thạch anh. Thế là họ có đất sét làm đồ gốm thật sự, từ đó làm ra những chiếc nồi chén, đĩa, lu đựng nước v.v... Tất cả những thứ ấy đều vụng về, méo mó, vênh cong, nhưng khi đem nung trong lò dưới nhiệt độ cao, thì những người di dân cũng đã có được các thứ đồ dùng cần thiết mà giờ đây đối với họ còn quý hơn tất cả những bộ đồ sứ sang trọng nhất.

Sẽ chẳng phải là thừa nếu nhắc lại rằng Pencroff muốn biết đất sét này có làm ống tẩu hút thuốc được không, và đã làm cho mình vài chiếc; những chiếc tẩu xấu xí hết mức, nhưng Pencroff lại cho là tuyệt trần. Thương ôi! Họ chẳng có gì để hút cả. Trên đảo họ không phát hiện thấy cây thuốc lá. Thật là một sự tước đoạt không nhỏ đối với Pencroff!

- Không sao! Chúng ta sẽ có cả thuốc lá. Mọi thứ đều sẽ có, - Pencroff nói, tràn đầy niềm tin tưởng không gì lay chuyển nổi.

Chiều ngày 15 tháng tư, họ trở về Lán tạm, mang theo loạt nồi, chén, đĩa cuối cùng và tắt lò cho đến đợt nung mới.

Sau khi ăn tối, Cyrus và các bạn cộng sự của ông đi ra bờ biển hít thở không khí trong lành. Đã tám giờ tối. Vàng trắng mà năm hôm trước đây đã bước vào tuần tròn đầy, vẫn chưa lên, nhưng ở phía chân trời đã lấp lánh ánh bạc mờ diệu - có thể gọi ánh bạc ấy là bình minh trắng cũng được. Trên trời cao nổi bật lên các chòm sao gần cực, và sáng tỏ hơn cả là chòm sao Chữ Thập Phương Nam mà Cyrus Smith mới đây đã quan sát thấy từ trên đỉnh núi Franklin.

Và bây giờ Cyrus Smith lại nhìn hồi lâu chòm sao tuyệt trần này, ở phía trên và phía dưới của nó thấy lấp lánh hai ngôi sao hạng nhất, ở bên trái là ngôi sao hạng nhì, còn bên phải là ngôi sao hạng ba.

Sau khi suy nghĩ, ông nói:

- Harbert, hôm nay là ngày mười lăm tháng tư phải không?

- Vâng, thưa ngài Cyrus, - cậu bé đáp.

- Thế này nhé, nếu tôi không nhầm, thì ngày mười sáu tháng tư sẽ là một trong bốn ngày trong năm mà giờ thật sẽ trùng hợp với giờ trung bình, tức là giữa trưa ngày mai theo đồng hồ (sai số chỉ có thể là vài giây) thì mặt trời sẽ đi qua kinh tuyến của vùng này. Nếu thời tiết nắng ráo chiều theo ý chúng ta, thì tôi nghĩ là tôi sẽ xác định được hòn đảo nằm ở độ kinh nào, với độ chính xác vài độ.

- Không cần các máy đo, không cần kính lục phân? - Gédéon Spilett hỏi.

- Phải, - kỹ sư đáp. - Còn nếu đến đêm không bị mây che thì tôi sẽ thử xác định ngay tối nay cả độ vĩ nữa bằng cách tính xem chòm sao Chử Thập Phương Nam cao cách chân trời bao nhiêu. Bởi vì, các bạn cũng biết rằng trước khi bắt tay vào những công việc lớn và thu xếp ở đây lâu dài thì, nếu có thể được, phải xác định xem hòn đảo của chúng ta ở cách nước Mỹ, cách châu Úc hoặc cách các quần đảo chủ yếu của Thái Bình Dương bao xa.

- Ngài nói đúng, - Gédéon Spilett nhận xét. - Thay vì xây nhà, có lẽ đối với chúng ta quan trọng hơn sẽ là đóng một chiếc tàu thủy - bỗng nhiên nhờ ta chỉ ở cách vùng bờ biển có dân cư nào đấy vài trăm hải lý thì sao.

- Chính vì thế đó mà tôi muốn thử xác định ngay tối nay xem đảo Lincoln ở trên độ vĩ nào. Còn trưa ngày mai thì sẽ thử tính cả độ kinh của nó nữa.

Cyrus Smith trở về Lán tạm. Dưới ánh lửa bập bùng trong đó, ông bắt tay chuẩn bị một chiếc compa và những dụng cụ cần thiết cho việc xác định tọa độ của đảo.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Chiều cao của bức tường đá hoa cương. - Ứng dụng định lý về các tam giác đồng dạng. - Độ vĩ địa lý của đảo. - Mặt trời đi qua kinh tuyến. - Tọa độ của đảo Lincoln.

Sang ngày hôm sau, 16 tháng tư, ngày lễ phục sinh, những người di dân ngay từ lúc rạng đông đã ra khỏi lán và bắt đầu giặt giũ quần áo, đập bụi và chải bộ đồ mặc ngoài. Kỹ sư định hề tìm được các thành phần cần thiết như xút hoặc bồ tạt, mỡ hoặc dầu thực vật là sẽ nấu xà phòng. Vấn đề quan trọng là bổ sung quần áo cũng đã được dự kiến giải quyết kịp thời. Quần áo của họ dù có lao động chân tay cũng còn chịu đựng được nửa năm nữa, vì được may bằng những loại vải bền. Tạm thời điều quan trọng nhất là xác định đảo cách bờ có dân cư bao xa, và những người di dân muốn làm việc ấy ngay trong ngày hôm đó, nếu thời tiết cho phép.

Mặt trời lên phía chân trời hứa hẹn một ngày đẹp tuyệt vời.

Harbert là một thiếu niên rất ham hiểu biết đã cũng đi với Smith ra bờ biển.

Cyrus Smith mang theo một cái sào thẳng tắp dài gần hai mươi fut. Chiều dài này ông xác định theo chiều cao của bản thân mà ông biết hoàn toàn chính xác. Harbert được Cyrus Smith giao cho mang dây dọi - đó là một sợi dây leo mềm, một đầu buộc một hòn đá thông thường.

Họ dừng lại cách mép nước biển chừng hai mươi bước và cách bức tường đá hoa cương chừng năm trăm bước. Smith cắm cây sào xuống cát

theo đường dây dọi, sao cho cây sào thẳng góc với mặt phẳng đường chân trời.

Sau khi làm như vậy, Cyrus Smith tránh xa và nằm xuống đất cách sào một khoảng đủ thu vào tầm mắt mình cả ngọn sào lẫn hình răng lược của bức tường đá hoa cương. Ông đánh dấu chỗ ấy trên cát bằng một chiếc cọc con và quay sang Harbert hỏi:

- Cháu có biết môn hình học chứ?

- Ít thôi ạ, thưa ngài Cyrus Smith, - Harbert trả lời sợ lâm vào thế bí.

- Cháu nhớ các tính chất của tam giác đồng dạng chứ?

- Vâng ạ, - chú bé trả lời, - các tam giác đồng dạng có các cạnh tương ứng bằng nhau ạ.

- Đúng thế, đây tôi có hai tam giác vuông đồng dạng - một cái nhỏ hơn, trong đó hai cạnh của nó sẽ là: cái sào cắm thẳng góc xuống cát, và cạnh thẳng bằng khoảng cách từ chân sào đến cây cọc nhỏ, còn đường huyền là tia nhìn của tôi; các cạnh của tam giác thứ hai là đường dây dọi của bức tường đá hoa cương mà độ cao của nó ta cần phải đo, và khoảng cách từ cái cọc nhỏ đến chân tường, còn đường huyền là cái nhìn của tôi, tức là đường huyền của tam giác thứ nhất kéo dài.

- Hiểu rồi, thưa ngài Cyrus! Cháu hiểu hết rồi! - Harbert kêu lên. - Khoảng cách từ cái cọc nhỏ tới cây sào tỷ lệ thuận với khoảng cách từ cái cọc nhỏ tới chân tường, còn chiều cao của cây sào tỷ lệ thuận với chiều cao của bức tường.

- Đúng rồi, Harbert, - kỹ sư xác nhận. - Và khi đo cả hai khoảng cách tính từ cái cọc nhỏ, thì nếu biết chiều cao cây sào, ta nhanh chóng tính được tỷ lệ thức và do đó biết được độ cao của bức tường, khỏi phải vất vả đo trực tiếp.

Các cạnh đáy của cả hai hình tam giác đều đã được đo bằng chính cây sào mà độ cao của nó trên mặt cát bằng mười fut: vậy là khoảng cách giữa cái cọc nhỏ và cây sào là mười lăm fut, còn khoảng cách giữa cái cọc và chân tường là năm trăm fut.

Đo xong, Cyrus Smith đã lập được tỷ lệ thức như sau:

$$500 \times 10 : 15 = 333,33$$

Vậy là chiều cao của bức tường đá hoa cương bằng ba trăm ba mươi ba fut.

Khi ấy Cyrus Smith lấy dụng cụ làm hôm trước ra, góc giữa hai chân compa mở tương ứng với khoảng cách góc từ sao alfa của chòm Chử Thập Phương Nam tới mặt phẳng đường chân trời. Ông đo chính xác góc ấy theo hình tròn sau khi chia hình tròn ra thành 360 phần bằng nhau. Góc đo được bằng mười độ. Sau khi tăng thêm cho góc đó hai mươi bảy độ phân cách chòm alfa với cực Nam, và hiệu chỉnh độ cao của bình sơn nguyên được dùng để tiến hành quan sát, ông được ba mươi bảy độ. Thế là, Cyrus Smith đã đi đến kết luận đảo Lincoln ở 37 vĩ độ Nam. Nhưng, xét thấy những quan sát và tính toán của mình không hoàn chỉnh, có thể sai đến năm độ, nên ông thấy kết luận đảo ở giữa vĩ tuyến ba mươi lăm và bốn mươi thì đúng hơn.

Để có được cả hai tọa độ của đảo, chỉ còn xác định độ kinh nữa thôi. Cyrus Smith đã quyết định thử làm việc đó ngay trưa hôm ấy, khi mặt trời

đi qua kinh tuyến của vùng này...

Ông đã xác định được rằng khoảng cách giữa kinh tuyến của Washington và kinh tuyến của đảo Lincoln khác nhau về thời gian là năm giờ: trên đảo Lincoln đang giữa trưa thì ở Washington đã năm giờ chiều. Song, mặt trời cứ bốn phút lại đi được một độ, một giờ đi được mười lăm độ, sau khi nhân mười lăm độ với năm, Gédéon Spilett thu được bảy mươi lăm độ.

Nếu độ kinh địa lý của Washington bằng $77^{\circ}3'11''$, lấy tròn là bảy mươi bảy độ so với kinh tuyến gốc Greenwich thì, có nghĩa là đảo ở về phía tây kinh tuyến Greenwich bảy mươi bảy độ (độ kinh của Washington) cộng với bảy mươi lăm độ, tức ở một trăm năm mươi hai độ kinh Tây.

Cyrus Smith đã thông báo cho các bạn biết kết quả các tính toán của mình và cho rằng, cũng như trong khi xác định độ vĩ, việc quan sát có thể có sai số, nên ông thấy công bố được là đảo Lincoln nằm giữa ba mươi lăm và ba mươi bảy vĩ tuyến Nam và giữa một trăm năm mươi và một trăm năm mươi lăm kinh tuyến Tây so với kinh tuyến Greenwich... Như vậy, đã hoàn toàn rõ ràng là đảo Lincoln cách quá xa bất kỳ vùng đất liền nào: chẳng làm sao mà thử vượt qua khoảng cách ấy bằng một chiếc thuyền mỏng manh được.

Các tọa độ tính được đã cho thấy họ đang ở cách đảo Tahiti^[17] và các hòn đảo của quần đảo Tuamotu^[18] ít nhất một ngàn hai trăm hải lí; nghĩa là cách Tân Tây Lan trên một ngàn tám trăm hải lí và cách bờ biển nước Mỹ trên bốn ngàn rưỡi hải lí...

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Vấn đề luyện kim. - Nghiên cứu đảo “Cứu thoát” - Nấu sắt.

Thứ hai, 17 tháng tư, những lời đầu tiên buổi sáng hôm ấy Pencroff nói với Gédéon Spilett:

- Thế nào, ông Spilett, hôm nay chúng ta sẽ làm nghề gì?

- Chuyện ấy thì đã có ngài Cyrus nói, - nhà báo trả lời.

Hóa ra từ những người thợ làm gạch và thợ gỗ, bây giờ họ phải trở thành thợ luyện kim.

Hôm ấy họ tiếp tục cuộc du hành đến mũi Xương hàm cách Lán tạm sáu - bảy dặm. Tối về tất cả đều không đi ngủ trong khi chưa giải quyết xong vấn đề liệu bây giờ họ có thể thực hiện được ý đồ thoát khỏi đảo Lincoln không?

Họ ở cách quần đảo Tuamotu quá xa - một ngàn hai trăm hải lí. “Một chiếc thuyền thông thường không thể bơi xa được như vậy, nhất là trong tiết thu xấu trời” - Pencroff thẳng thừng tuyên bố. Và lại, đóng một chiếc thuyền thông thường thôi cũng đâu có dễ, ngay cả khi có đủ những dụng cụ cần thiết cũng vậy, thế mà những người di dân trên đảo Lincoln lại chẳng có dụng cụ gì. Nghĩa là, trước hết họ phải làm búa, rìu lớn, rìu nhỏ, cưa, khoan, bào v.v... đã, mà muốn vậy đòi hỏi phải có thời gian. Thế là họ đã quyết định trú đông trên đảo và tìm một chỗ thuận tiện hơn Lán tạm, để sống qua mùa đông dễ dàng hơn.

Trước tiên phải bắt tay khai quặng sắt ở những mỏ mà kỹ sư đã phát hiện nơi phía Tây Bắc đảo, nấu sắt, thậm chí thép nữa...

Cyrus Smith đã lấy mang về Lán tạm hai mẫu quặng: một mẫu là quặng sắt từ không có hỗn hợp cacbon, còn mẫu thứ hai là pirit sắt. Nếu loại quặng thứ nhất, một loại oxit sắt, dễ dàng hơn - chỉ việc đem nung nó lẫn với than để khử oxi đi và được sắt nguyên chất... Trên đảo Lincoln, cách mỏ quặng sắt ấy không xa lắm, có cả những vỉa than đá mà những người di dân đã sử dụng. Do đó, việc luyện quặng đỡ khó khăn hơn rất nhiều, bởi vì mọi thứ cần thiết cho việc sản xuất đều tập trung ở một nơi.

- Ngài Cyrus, vậy là, chắc chắn bây giờ chúng ta sẽ luyện sắt? - Pencroff hỏi.

- Phải, anh bạn của tôi ạ, - kỹ sư đáp. - Mà muốn vậy thì trước hết anh hãy cho chúng tôi đi ra hòn đảo nhỏ “Cứu thoát” để săn hải báo ở đó đã.

- Săn hải báo? - Chàng thủy thủ ngạc nhiên hỏi lại và quay về phía nhà báo. - Chẳng lẽ để chế biến quặng cần phải có hải báo ư?

- Một khi ngài Cyrus Smith đã nói như vậy thì có nghĩa là cần! - Nhà báo đáp.

Những người di dân thận trọng di chuyển về đầu Bắc của đảo. Cách bờ xa có những vệt đen lớn đang bơi trên mặt biển, tựa hồ như những tảng đá ngầm di động. Đó là những con hải báo. Những người thợ săn nấp sau các vách đá rải rác trên bờ và lặng thinh chờ đợi lũ hải báo bò lên.

Một giờ trôi qua và bầy hải báo cuối cùng đã lên bờ phơi nắng. Bất thình lình cái thân hình cao lớn của Pencroff đứng bật dậy trên bờ và kêu to lên;

kỹ sư và hai người cùng đi, ba chân bốn cẳng phóng tới chặn không cho những con hải báo xuống biển. Họ dùng gậy phang chết hai con.

- Thưa ngài Cyrus Smith, có hải báo cho ngài đây ạ! - Pencroff bước lại gần kỹ sư nói.

- Tuyệt, - Cyrus Smith trả lời. - Chúng ta sẽ dùng chúng làm ống bể lò rèn!

- Bể lò rèn ư? - Pencroff thốt lên.

Kỹ sư quả thực đã trù tính lấy da hải báo khâu lại để làm những ống bể lò rèn cần thiết cho việc thổi lửa khi nấu chảy kim loại.

Thế là từ sáng ngày 20 tháng tư đã bắt đầu “thời kỳ luyện kim”, như nhà báo đã viết trong các ghi chép của mình. Để cho tiện, những người di dân đã tiến hành công việc ở ngay nơi có các vỉa than và quặng sắt ở phía Đông Bắc núi Franklin, cách Lán tạm chừng sáu dặm biển. Các vỉa quặng ở đây nằm lộ thiên, rất giàu chất sắt và thích hợp với phương pháp luyện mà Cyrus định áp dụng, gọi là phương pháp “Catalon”, được dùng phổ biến ở Corse^[19] dưới hình thức đơn giản. Phương pháp “Catalon” đích thực đòi hỏi trang bị những lò và nồi nấu chảy lớn, quặng và than được xếp vào lò thứ tự theo lớp, biến thành kim loại và được khử xỉ. Nhưng Cyrus Smith muốn tránh những thiết bị cồng kềnh, đã quyết định xếp đơn giản quặng và than thành một khối lớn và dùng ống bể thổi một luồng không khí vào giữa khối liệu ấy. Không khí từ ống bể được thổi qua một cái ống nhỏ làm bằng đất sét chịu lửa - ống này được những người di dân nặn và nung riêng tại lò gốm để tạo một luồng không khí mạnh, nâng nhiệt độ quặng nung lên, đồng thời tạo điều kiện cho quá trình hóa học tạo thành sắt khi quặng và than tác động lẫn nhau.

Công việc phức tạp, những người di dân đã phải tỏ ra rất kiên nhẫn để hoàn thành. Nhưng cuối cùng họ cũng đã giành thắng lợi và thu được loại sắt hạt mặt lỗ rỗ, còn cần phải rèn nữa để loại bỏ lớp xỉ bám vào. Lẽ tất nhiên, những người thợ rèn tự học này không có búa rèn, nhưng họ đã thoát khỏi thế bi theo cách những người bạn đồng nghiệp luyện kim thời thượng cổ đã làm.

Thỏi sắt đầu tiên được họ tra cán và dùng làm búa để rèn những thỏi sắt hạt tiếp theo trên đe bằng đá hoa cương, và thế là họ đã có được sắt rèn thô, nhưng thích hợp cho bất kỳ sản phẩm nào - kim, cuốc chim, xà beng v.v...

Tất nhiên, thép có thể đem lại ích lợi hơn sắt nguyên chất nhiều... và, Cyrus Smith đã luyện thép bằng cách nấu sắt lẫn với than đập nhỏ trong một cái nồi làm bằng đất sét chịu lửa.

Thép được gia công nóng và nguội. Dưới sự chỉ đạo khéo léo của Cyrus Smith, Nab và Pencroff đã chế ra những chiếc rìu, các lưỡi bào, các thanh thép, cửa và kéo, cuốc chum, mai, xà beng, búa, đinh v.v...

Ngày mùng 5 tháng năm, “thời kỳ luyện kim” đầu tiên đã kết thúc, những người thợ rèn trở lại Lán tạm. Chẳng bao lâu sau, họ đã bắt tay vào những công việc mới, nắm vững những thói quen mới và có quyền gọi mình là những người thợ cả của cả những nghề thủ công khác nữa: Nấu xà phòng, pirit sắt, xút, glixerin, axit sunfuric, axit nitric... Tất cả đều được chế biến từ nguyên vật liệu tại chỗ, từ thứ nọ sản xuất ra thứ kia. Chẳng hạn: từ rong rêu biển họ chế ra xút; từ pirit sắt họ sản xuất ra axit nitric. Và chẳng bao lâu sau Cyrus Smith đã dùng axit nitric pha chế với glixerin để sản xuất ra nitroglixerin - một chất nổ rất mạnh, có lẽ sức công phá mạnh hơn thuốc súng cả chục lần và đã từng gây ra biết bao nhiêu trường hợp rủi ro. Quả thực việc sử dụng nitroglixerin đã trở nên bớt nguy hiểm hơn từ khi các nhà hóa học tìm ra được cách biến nó thành đinamit bằng cách pha lẫn nó với

các chất như đường hoặc đất sét là những chất có thể hút thấm chất lỏng nguy hiểm này. Nhưng vào thời gian những người di dân bị quăng xuống đảo Lincoln thì đinamit vẫn chưa được biết tới.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Đường thoát nước cũ. - Lối đi ngầm. - Những nhát cuốc chim. - Lâu đài đá hoa cương.

Bấy lâu nay Cyrus Smith vẫn muốn tìm một chỗ ở mới vừa thuận tiện vừa an toàn hơn để đề phòng thú dữ, hoặc cuộc tấn công bất trắc của bọn cướp biển. Ông cùng những người bạn của mình đi nghiên cứu hồ Grant, hy vọng tìm được ở đây một cái động nào đấy. Ông phát hiện hồ có đường nước thông xuống biển, và điều đó làm ông nảy ra ý định nghiên cứu và sử dụng đường thông ấy làm chỗ ở. Và, chất nổ nitroglycerin mới điều chế đã được kỹ sư đem ứng dụng ngay vào việc phá bức tường đá hoa cương cho nước hồ thoát ra lối khác, để lộ lối thông xuống biển.

Nab và Harbert vào rừng lấy những cành cây có nhựa làm đuốc soi đường cho cả toán vào hang. Họ dò đi rất chậm chạp, ai nấy đều hồi hộp khi đi sâu vào lòng dãy núi đá, nơi lần đầu tiên con người đặt chân đến, và hẳn là mỗi người trong số họ đều thoáng nghĩ rằng ở một xó xỉnh nào đấy của con mương ngầm thông với đại dương này có con ngáo ộp hay một con quái vật khổng lồ khác đang ẩn náu. Cần phải di chuyển thận trọng. Tuy nhiên, đã có con Top chạy trước nên có thể trông cậy vào sự thính nhạy và sáng trí của nó: trường hợp có nguy hiểm nó sẽ báo động.

Những người di dân đi xuống mỗi lúc một sâu hơn. Bỗng có những âm thanh nào đó từ sâu dưới đường thông văng lên khiến họ chú ý. Mọi người dừng lại nghe ngóng. Những âm thanh ấy văng đến theo hành lang đá nghe rõ mồn một.

- Con Top sửa đấy! - Harbert kêu lên.

- Ủ, - Pencroff đáp, - Mà nó sửa mới ghê chứ! Đúng là con chó dễ thương của chúng ta hoá điên rồi!

- Chúng ta có vũ khí - gậy bịt sắt đây, - Cyrus Smith nói, - Hãy cẩn thận đề phòng. - Tiến bước!

Cyrus và các bạn lao đến cứu con Top. Tiếng sửa của nó mỗi lúc một rõ hơn. Và trong tiếng sửa đứt quãng của nó cảm thấy có sự giận dữ khác thường. Có thể nó đã vồ được một con thú nào đó khiến nó ngẫu nhiên trở nên sợ hãi chẳng? Trong nỗi lo âu không nén nổi, những người bộ hành hoàn toàn không nghĩ tới nguy hiểm có thể đe dọa họ. Họ không phải tụt xuống một cách đơn thuần nữa, mà lặn theo đáy trơn tuột của đường mương, vài giây sau đã xuống sâu hơn 50 fut và thấy con Top.

Ở nơi đây đường thông dẫn vào một cái hang to, rất đẹp mà con Top đã tìm được và sửa lên một cách dữ tợn. Pencroff và Nab hươ đuốc soi tất cả những chỗ nhô ra và hõm vào trên các vách hang bằng đá hoa cương, còn Cyrus Smith, Gédéon Spilett và Harbert thì giơ gậy bịt sắt lên, sẵn sàng nghênh chiến với bất kỳ kẻ thù nào. Nhưng, cái hang lớn hoá ra hang trống. Thế mà sao con Top vẫn cứ sửa như điên dại? Dễ dàng, đe dọa cũng không thể làm cho nó yên đi được.

- Có lẽ đâu đó ở đây có lối nước bờ hồ chảy ra biển. Top, hãy tìm đi, tìm đi! - Cyrus Smith nói.

Con chó rũ mình và lao về phía cuối hang, ở đó nó lặn sửa còn to hơn nữa.

Cyrus Smith lấy một cành cây đang cháy vứt xuống hố sâu. Do rơi xuống nhanh nên cành cây cháy tọn, soi rõ lòng giếng. Sau đó, ngọn lửa bắt đầu run rẩy và tắt ngấm - hẳn là cành cây đã chạm nước, nghĩa là đã rơi xuống đến biển.

Sau khi tính thời gian cành cây rơi, Cyrus Smith đã xác định được độ sâu của giếng nước chừng chín mươi fut.

Vậy là nền của hang đá hoa cương ở độ cao cách biển chín mươi fut.

- Đây chính là chỗ ở của chúng ta, - Cyrus Smith nói.

- Nhưng, hình như có con vật nào đó đã sống ở đây, - Gédéon Spilett nhận xét. Sự tò mò của anh ta vẫn chưa được thoả mãn.

- Thì đã sao, chủ cũ là một loài lưỡng thê hay một sinh vật khác đã nhường chỗ cho chúng ta, còn bản thân nó thì thoát xuống giếng rồi, - kỹ sư đáp.

- Nhưng dầu sao tôi vẫn cứ muốn ở chỗ con Top sửa cách đây mười lăm phút, - chàng thủy thủ nói. - Đâu phải uổng công mà con chó sửa dữ vậy!

Cyrus Smith nhìn con chó của mình, và nếu như những người bạn của ông lúc ấy đứng gần ông hơn, họ sẽ nghe thấy ông nói nhỏ

- Phải, tôi nghĩ con Top biết nhiều thứ. Biết hơn chúng ta nhiều!

Hoá ra cái hang tìm được đáp ứng hầu như toàn bộ các yêu cầu của những người di dân. Ở đây có thể dùng gạch để xây ngăn ra vài “phòng”, và thế là họ đã có cái nhà nếu không phải thực sự thì ít nhất cũng là một chỗ ở rộng rãi.

Quả thật còn hai điều khó phải giải quyết: làm sao có ánh sáng cho cái hang lớn kín trong núi và làm lối vào thế nào cho tiện? Không thể nghĩ đến chuyện đục lỗ ở bên trên được, vì lớp đá hoa cương trên vòm hang rất dày. Vậy nếu đục một cái cửa sổ ở phía thành trước quay ra biển có được không? Cyrus Smith đã nghiên cứu và xác định được rằng vách tường trước cửa hang không dày lắm. Mà nếu đã đục được cửa sổ thì cũng có thể đục được cả cửa ra vào, làm một cái thang ở bên ngoài, và khi đó lối vào sẽ thuận tiện hơn.

- Thế thì được rồi, thưa ngài Cyrus, - bắt tay làm thôi! - Pencroff trả lời. - Tôi có cuộc chim đây. Ngài cứ yên tâm, chúng tôi sẽ đục được cái cửa sổ con. Vậy nên đục ở chỗ nào?

- Chỗ này đây, - kỹ sư đáp và chỉ cho lực sĩ Pencroff một cái hùm khá sâu, nhờ vậy chắc chắn độ dày của bức tường ở đó bớt đi.

Hai giờ sau, ô cửa sổ được đục xong qua lớp đá dày ba fut. Pencroff reo lên: Hoan hô! Hoan hô! Hoan hô!

Cyrus Smith nhìn vào cái lỗ được đục trên độ cao chín mươi fut. Ông trông thấy dải bờ cát, hòn đảo nhỏ Cứu thoát, khoảng mênh mông của đại dương.

Những luồng ánh sáng ủa vào hang, và trước mặt những người di dân mở ra một cảnh tượng hùng vĩ. Họ lặng đi vì mê thích. Họ đã tưởng tìm được một hang nhỏ, thì trước mặt họ lại hiện lên một lâu đài nguy nga, và Nab đã bỏ mũ ra, y như anh đang ở trong nhà thờ vậy:

- Ô, các bạn của tôi ơi! - Cyrus Smith thốt lên, - Chúng ta sẽ cho ánh sáng, nhiều ánh sáng vào trong lòng bức thành đá hoa cương này; phía bên

trái, chúng ta sẽ làm các phòng ở, kho tàng, công xưởng, còn nơi trống lẹ này đây sẽ là phòng làm việc và bảo tàng của chúng ta.

- Chúng ta sẽ đặt tên cho cái hang này như thế nào? - Harbert hỏi.

- “Lâu đài đá hoa cương” - Cyrus Smith đáp, và mọi người đã chào đón cái tên gọi ấy bằng những tiếng “hoan hô!” mới.

Sau đó, họ đã trèo theo đường thoát nước, ngược lên phía bờ hồ, Con Top lần này đi khoá đuôi và, thật là lạ, thỉnh thoảng nó vẫn sủa lên một cách thật giận dữ...

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Thang dây. - Ước mơ của Pencroff. - Đường ống dẫn nước cho chỗ ở mới.

Hôm sau, 22 tháng năm, các công việc xây dựng chỗ ở mới bắt đầu. Những người di dân không định bỏ hoàn toàn Lán tạm. Cyrus Smith đề nghị xây dựng ở đó một xưởng sản xuất. Còn ở hang mới, kỹ sư cho xây gạch ngăn ra năm phòng, lối đi, đục trên “mặt tiền” của hang năm ô cửa sổ và một cửa ra vào.

Ngày 28 tháng năm, cuối cùng họ cũng đã đặt xong một chiếc thang ít nhất có một trăm bậc. Thang được bện hết sức cẩn thận bằng các thứ dây rừng, bền không kém gì một sợi cáp to, buông từ ngưỡng cửa ra vào xuống bờ cát. Nhờ vậy, họ khỏi phải đi vòng qua đường thoát nước, vừa đỡ mất thời gian vừa đỡ mệt. May sao Cyrus Smith đã tìm được một cái bậu đá ở giữa chừng, cách biển độ bốn mươi fut, để làm điểm tựa gia cố cho đoạn thang thêm chắc chắn. Nhờ cấu trúc như vậy việc lên xuống thang không khó lắm. Tuy nhiên, Cyrus Smith cũng đã trù tính xây dựng sau đó một cái thang máy chạy bằng thủy lực để tiết kiệm thời gian và công sức của những người sống trong Lâu đài đá hoa cương.

Những người di dân nhanh chóng quen với việc leo thang, Pencroff đã từng là thủy thủ quen với thừng chằng cột buồm và trục buồm, nên có thể dạy cho họ cách leo thang. Nhưng chàng cũng đã phải dạy cho cả con Top nữa, và chẳng bao lâu nó cũng đã leo được lên tận đỉnh thang chẳng khác gì những chú chó được dạy để làm xiếc.

Mỗi lần trèo xong, các chủ lâu đài lại rút thang lên, thế là không ai có thể từ phía dưới đột nhập được vào chỗ họ.

Các chủ lâu đài còn bện dây rừng và đặt một cái tời thô sơ ngay cạnh cửa ra vào để vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng: gạch, vôi, gỗ lên, và chỉ trong một thời gian ngắn “căn hộ” của họ đã được phân thành các phòng ở và kho.

Dưới sự lãnh đạo của Cyrus Smith, mọi việc tiến triển hết sức nhanh chóng; bản thân ông khi thì cầm rìu thợ mộc, lúc thì cầm bay thợ nề. Mọi người làm việc một cách tận tâm, thậm chí vui vẻ. Ai nấy tin tưởng Cyrus Smith sẽ giúp họ vượt qua mọi khó khăn: có quần áo mới, giày, có cái thắp sáng trong những đêm đông dài, có thể tận dụng mọi tài nguyên thiên nhiên trên đảo, biến lớp thực vật hoang dại ở đây thành những cây ngũ cốc. Pencroff ước mơ có những con kênh làm nhẹ bớt công việc vận chuyển những tài nguyên thiên nhiên khai thác được trên đảo, ước mơ khai thác các mỏ, ước mơ những chiếc máy sản xuất đủ loại sản phẩm công nghiệp và ước mơ có nguyên một mạng lưới đường sắt chạy trên khắp đảo.

Khi việc xây dựng căn hộ ở đã xong, Cyrus Smith bắt tay làm một công việc khác - ông quyết định lấp miệng đường thoát nước cũ để chặn hoàn toàn lối đi từ phía hồ xuống Lâu đài đá hoa cương. Họ lăn những tảng đá lớn đến và bịt vào miệng, rồi lấy xi măng trám lại. Cyrus Smith tạm thời chưa thấy cần thiết phải đắp đập dâng nước trong hồ lên ngang mức nước cũ. Ông chỉ trồng cỏ và các bụi cây xen giữa các hòn đá để ngụy trang; mùa xuân cây cỏ sẽ lên rậm rạp.

Ông vẫn tận dụng đường thoát nước để dẫn nước ngọt từ hồ vào chỗ ở mới qua một cái lỗ hẹp được làm thấp dưới mực nước hồ. Và, mỗi ngày con lạch nhỏ ấy cung cấp từ hai mươi đến ba mươi gallon^[20] nước. Thế là,

những người ở trong Lâu đài đá hoa cương không bao giờ phải chịu thiếu nước ngọt cả...

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Harbert tìm thấy gì trong túi áo của mình.

Như các bạn đọc đã thấy, đảo Lincoln mặc dù mới được những người khai khẩn nghiên cứu chưa bao nhiêu, nhưng đã đem lại cho họ mọi thứ cần thiết. Và dường như rất rõ ràng là trong các rừng của đảo kéo dài từ sông Tạ ơn đến mũi Rắn, trong các hang cùng hóc hiểm nhất, thiên nhiên hậu hĩ đã dành sẵn cho họ những của báu mới.

Chỉ có một tặng vật những người khai khẩn đảo còn thiếu, và điều đó hình như là sự thiếu thốn nặng nề đối với họ. Họ đã có đủ thực phẩm thịt và các loại thực vật làm gia vị cho thịt, có nước rễ cây thuốc nam để lên men làm nước hơi chua giống như nước bia, thích uống hơn nước thường; mặc dù trên đảo không có mía không có củ cải đường, nhưng họ đã tách được đường từ nước ngọt của cây phong đường (*Acersacharium*), một trong những đại diện của họ phong sinh trưởng ở tất cả các nước khí hậu ôn đới, trên đảo có khá nhiều; họ đã chế biến được loại trà rất ngon từ một loại lá cây mọc đầy trong nhà nuôi thỏ, và cuối cùng, họ có thừa muối, chất khoáng duy nhất được con người dùng làm món ăn. Họ chỉ còn thiếu bánh mì.

Có thể, về sau này những người di dân sẽ thay thế được bánh mì bằng một thứ gì đó giống như vậy - bằng bột lõi cây vạn tuế hay bằng quả của cây bánh mì có rất nhiều tinh bột, có thể mọc trong rừng phía nam của đảo, nhưng tạm thời những người di dân còn chưa gặp nó.

Tuy nhiên, cả ở đây nữa mệnh trời cũng đã phù hộ họ. Quả thực, sự phù hộ này dưới dạng một đại lượng nhỏ vô cùng, nhưng với tất cả tài năng sáng chế của mình, với tất cả trí thông minh của mình, Cyrus Smith cũng không thể tạo ra được:

Hôm ấy mưa rào, những người ở trong Lâu đài đá hoa cương giết thời gian bằng các việc làm khác nhau, cùng quay quần trong “phòng họp” của mình, bỗng nhiên chú bé Harbert thốt lên:

- Thế đấy! Thưa ngài Cyrus Smith, hãy xem đây: một hạt lúa mì!

Và chú đưa cho mọi người xem hạt lúa mì, một hạt lúa duy nhất lọt qua cái túi áo vét thùng mà chú đang mang ra chữa lại.

Việc tìm thấy này được giải thích rất đơn giản. Ở Richmond, Harbert luôn luôn tự cho những con chim bồ câu hoang ăn; những con chim này Pencroff tặng chú. Chú có thói quen để dành thức ăn trong túi cho chúng.

- Hạt lúa mì? - Kỹ sư sốt sắng hỏi.

- Vâng, thưa ngài Cyrus. Nhưng chỉ có một hạt, một hạt duy nhất mà thôi!

- Chà, chú bạn thân mến, - Pencroff cười, thốt lên, - Chúng ta có thể làm được gì với một hạt lúa?

- Sẽ nướng bánh mì, - Cyrus Smith đáp.

- Bánh mì, bánh ngọt, bánh gatô! - Chàng thủy thủ nói về giễu cợt. - Mút mùa thì hạt lúa mì này mới cho ta được bữa ăn no.

Không coi việc tìm thấy hạt lúa mì của mình có ý nghĩa gì hết, chú bé đã định ném nó xuống sàn nhà, nhưng Cyrus đã cầm hạt lúa từ tay Harbert, và sau khi chăm chú quan sát, ông đã xác định hạt lúa không bị hư hại chút nào cả.

- Pencroff, - ông bình tĩnh hỏi, nhìn chàng thủy thủ chăm chặp, - một hạt lúa mì mọc lên sẽ cho bao nhiêu bông lúa? Anh có biết không?

- Một bông, tôi cho là vậy, - chàng thủy thủ ngạc nhiên nhìn kỹ sư, đáp.

- Không phải đâu, Pencroff ạ, mười bông! Thế anh có biết mỗi bông lúa có bao nhiêu hạt không?

- Quý quá thật, tôi không biết.

- Bình quân là tám mươi, - Cyrus Smith nói. - Vậy là, nếu chúng ta trồng hạt lúa này thì vụ thứ nhất ta sẽ thu hoạch tám trăm hạt, còn những hạt này vụ thứ hai sẽ cho sáu trăm bốn mươi ngàn hạt, vụ thứ ba - năm trăm mười hai triệu, vụ thứ tư - trên bốn trăm tỷ hạt. Một tỉ lệ thức như thế đó.

Các bạn im lặng nghe ông. Những con số ấy làm họ kinh ngạc. Tuy nhiên, các tính toán của Cyrus Smith đều đúng cả.

- Phải, các bạn của tôi, - kỹ sư nói tiếp. - Nhờ ý nguyện của tự nhiên mà hậu thế của hạt lúa mì tăng theo cấp số nhân. Vậy nhưng sự sinh sôi nảy nở của một hạt lúa mì vụ đầu cho tám trăm hạt chẳng thấm gì so với thuốc phiện, một quả nang của nó cho ba mươi hai ngàn hạt, và so với thuốc lá, mỗi gốc của nó cho ba trăm sáu mươi ngàn hạt giống. Nếu như không có vô số những nguyên nhân cản trở sự sinh sôi của chúng thì hai loài cây này sẽ phủ kín toàn bộ trái đất trong vài năm,

Và kỹ sư bắt đầu lục vấn Pencroff:

- Còn bây giờ, Pencroff anh có biết bốn trăm tỷ hạt là bao nhiêu buaso không?

- Không, tôi không biết, - chàng thủy thủ trả lời. - Thế nhưng tôi biết chắc rằng tôi là một kẻ ngu ngốc.

- Rồi anh sẽ biết chừng ấy là ba triệu buaso, tính mỗi buaso là một trăm ngàn hạt..

- Ba triệu buaso? - Pencroff thốt lên.

- Ba triệu.

- Sau bốn năm?

- Sau bốn năm, - Cyrus Smith khẳng định, - và thậm chí sau hai năm, nếu ở các vĩ tuyến này, như tôi hi vọng, chúng ta sẽ thu hoạch một năm hai vụ.

Đến đây Pencroff không thể kìm được nữa, nên theo thói thường của mình, anh ta kêu toáng lên “hoan hô!”.

- Vậy là, Harbert, - kỹ sư nói thêm, - cái việc cháu tìm được ấy rất quan trọng đối với chúng ta. Trong những điều kiện như chúng ta đang lâm vào thế này đây, các bạn của tôi ạ, mọi thứ đều có thể có ích hết. Tôi yêu cầu các bạn chớ quên điều đó.

- Ngài Cyrus hãy yên tâm, chúng tôi sẽ không quên đâu, - Pencroff đáp. - Và nếu tôi tìm thấy hạt thuốc lá mỗi vụ cho ba trăm sáu mươi ngàn hạt

giống thì xin ngài hãy yên tâm - tôi không quăng nó đi đâu! Còn bây giờ, các bạn có biết chúng ta phải làm gì không?

- Đem trồng hạt lúa, - Harbert trả lời.

- Đúng - Gédéon Spilett đồng ý, - và phải trồng nó với tấm lòng tôn kính thích đáng, bởi vì những vụ mùa tương lai của chúng ta đều trông vào đấy.

- Chỉ mong cho nó mọc lên thôi! - Chàng thủy thủ kêu lên.

- Nhất định nó sẽ mọc, - Cyrus Smith trả lời.

Sự việc diễn ra vào 20 tháng sáu, đúng vào lúc thuận lợi nhất cho việc trồng hạt lúa mì duy nhất và do đó rất quý giá. Thoạt đầu họ định trồng nó vào một cái chậu đất sét nhưng sau khi cân nhắc, họ đã quyết định trồng cây vào thiên nhiên và phó thác nó cho đất. Họ đã tiến hành trồng cây trong ngày, và, tất nhiên, mọi biện pháp đã được áp dụng để cho công việc quan trọng nhất ấy diễn ra mỹ mãn.

Trời đã quang đãng hơn đôi chút; những người di dân trèo lên cao nguyên Tâm nhìn và chọn ở gần ngay Lâu đài đá hoa cương một chỗ khuất gió và tràn đầy ánh nắng mặt trời. Họ dọn sạch đá và cố gắng đào, xới đất tươi ra, thậm chí dùng tay bóp từng cục đất nhỏ, loại bỏ hết những con giun và bọ hung, cho thêm một lớp mùn, trộn lẫn vào đó một ít vôi, và, cuối cùng trịnh trọng bỏ hạt lúa xuống đất đã được làm ấm và rào chỗ ấy lại.

Những người di dân có cảm giác như họ đã đặt viên đá tảng cho một toà nhà hùng vĩ. Pencroff nhớ lại hôm nào anh cũng thận trọng như thế khi chuẩn bị đánh que diêm duy nhất còn lại. Nhưng giờ đây công việc quan trọng hơn - bởi vì các nhà du hành rủi ro, bằng cách này hay cách khác,

sớm muộn gì họ cũng lấy được lửa, song không có sức mạnh nào của con người có thể làm sống lại một hạt lúa mì chẳng may nó đã bị chết.

PHẦN HAI

NGƯỜI BỊ TỪ BỎ

CHƯƠNG MỘT

Viên đạn chì. - Đóng thuyền. - Không chứng tỏ có người. - Nab và Harbert đi bắt cá.

Đúng bảy tháng đã trôi qua kể từ ngày các hành khách khinh khí cầu sống ở trên đảo Lincoln. Và từ đó đến nay, bất chấp mọi cuộc tìm kiếm, họ đã không phát hiện được một sinh vật người nào. Chưa bao giờ họ trông thấy một làn khói nhỏ nói lên rằng trên đảo có người. Chưa lần nào họ tìm thấy những đồ vật do bàn tay con người làm ra và chứng tỏ rằng con người đã sống ở đây vào thời đồ đá hoặc mới gần đây thôi. Ấy thế mà bây giờ đây, hôm ấy là ngày 24 tháng mười một, trong bữa ăn trưa, Pencroff đã nhai phải một viên đạn chì trong món thịt heo quay.

Đúng là viên đạn chì đã được bắn ra từ một hỏa khí. Vậy thì ai, ngoài con người, có thể sử dụng loại hỏa khí như vậy?

Pencroff đặt viên đạn chì lên bàn, các bạn của anh ngạc nhiên nhìn viên đạn. Rõ ràng là họ đã hình dung được ngay những hậu quả của trường hợp tương tự như chẳng đáng kể này. Thậm chí, nếu bỗng dưng họ nhìn thấy một cái gì đấy siêu nhiên, họ cũng không kinh ngạc đến thế.

Cyrus Smith đã nói ngay ra một số giả thuyết của mình về cái vật kỳ lạ và bất ngờ ấy. Ông nhón viên đạn chì bằng hai ngón tay, xoay xoay, sờ nắn, rồi hỏi Pencroff:

- Anh có tin chắc rằng con heo này bị thương bởi viên đạn này đã được khoảng ba tháng tuổi không?

- Không thể nào hơn được, thưa ngài Cyrus, - Pencroff trả lời, - Con heo con đang bú mẹ, khi tôi thấy nó dưới hố bẫy mà.

- Vậy là, - kỹ sư nói tiếp, - độ ba tháng trước đây trên đảo Lincoln này có ai đó đã bắn súng...

- Và viên đạn chì, - Gédéon Spilett nói thêm, - đã làm cho con thú bị thương, tuy chưa phải tử thương.

- Hiển nhiên rồi, - Cyrus Smith nói tiếp. - Và đây, từ tất cả những điều ấy cần phải rút ra kết luận gì: hoặc là trên đảo, trước chúng ta, đã có ai đó sống, hoặc là có người đã lên đây chừng ba tháng trước, không hơn. Họ chủ tâm hay bắt buộc phải cập vào bờ biển của ta, họ bị tai nạn tàu thủy hay khinh khí cầu chăng - ai mà biết được? Mọi điều ta sẽ giải thích sau. Rồi họ là người châu Âu hay Mã Lai. Là kẻ thù của chúng ta hay là bạn - tạm thời ta chưa giải đoán được. Và chúng ta cũng chưa biết được họ còn sống trên đảo không, đã rời đảo chưa? Nhưng, vấn đề này quan hệ đến chúng ta thiết thân tới mức không thể để lâu hơn nữa.

- Tôi sẵn sàng nhắc lại trăm lần, ngàn lần rằng trên đảo Lincoln không có ai khác ngoài chúng ta, - chàng thủy thủ từ sau bàn đứng dậy, kêu to lên. - Quý quái thật đấy! Đảo không lớn, có ai trên đảo thì ta đã thấy rồi còn gì!...

- Không còn nghi ngờ gì nữa, - Cyrus Smith nói, - có ai đó đã bắn súng trên đảo này và cách đây không quá ba tháng. Nhưng tôi bảo đảm rằng những người đã lên đảo ở lại đây không lâu và chỉ đơn giản đi qua đảo thôi. Nếu họ sống ở đây thì khi đi khảo sát đảo từ trên núi Franklin ta đã thấy họ, còn họ thì đã thấy ta. Có thể là bão đã quăng vào đây những người bị nạn đắm tàu mới chỉ vài tuần trước. Trong bất kỳ trường hợp nào, tất cả những điều ấy phải được giải thích.

- Theo tôi, cần phải hành động một cách thận trọng, - nhà báo nhận xét.

- Ý kiến của tôi cũng vậy, - Cyrus Smith trả lời, - tôi e bọn cướp biển Mã Lai đã lên đảo chẳng!

- Thưa ngài Cyrus, - chàng thủy thủ nói. - Chẳng phải tốt hơn sao, trước tiên ta hãy đóng cái thuyền, rồi sau đó đi thám thính: bơi ngược dòng sông, còn nếu muốn thì ra biển và vòng quanh đảo! Chỉ cốt sao chúng không bắt chộp ta!

- Một ý hay đấy, Pencroff ạ, - kỹ sư trả lời, - nhưng không thể chờ đợi được. Bởi vì nhanh nhất cũng phải mất một tháng anh mới đóng xong chiếc thuyền...

- Thuyền thực sự thì vậy, - thủy thủ trả lời. - Nhưng chúng ta không cần thuyền để bơi trên biển, mà nhiều nhất là năm ngày tôi bảo đảm đóng xong một cái thuyền đáy bằng kiểu của người da đỏ có thể bơi trên sông của ta...

- Bằng gỗ chứ? - Nab hỏi với vẻ nghi ngờ.

- Bằng gỗ, - Pencroff đáp, - hay đúng hơn là bằng vỏ cây. Tôi nhắc lại, thưa ngài Cyrus, trong năm ngày có thể xong cái việc mọn này.

- Nếu trong năm ngày thì tôi đồng ý.

- Nhưng từ hôm nay phải đề phòng cẩn thận hơn, - Harbert nhận xét.

- Phải thường xuyên đề phòng cẩn thận, các bạn, - Cyrus Smith nói, - và tôi đề nghị các bạn không đi săn xa Lâu đài đá hoa cương.

Bữa ăn trưa diễn ra không được vui vẻ như Pencroff muốn.

Vậy là trên đảo có những người nào đó đang sống hoặc đã sống mới gần đây thôi. Sau khi tìm thấy viên đạn chì, điều ấy trở thành một sự thật hiển nhiên khiến những người di dân lo lắng.

Trước khi đi ngủ, Cyrus Smith và Gédéon Spilett còn nói chuyện với nhau lâu về viên đạn chì. Chẳng lẽ việc này không liên quan gì với việc cứu thoát kỹ sư chưa giải thích được và các hiện tượng kì lạ khác đã từng không phải một lần làm cho họ kinh ngạc sao? Khi họ đã bàn luận xong mọi chuyện, Cyrus Smith nói:

- Nói tóm lại, anh có muốn biết ý kiến của tôi không, Spilett thân mến?

- Tất nhiên rồi, Cyrus!

- Thế này nhé: chúng ta sẽ không phát hiện được điều gì cả, nếu chưa nghiên cứu đảo một cách kỹ lưỡng.

Ngay ngày hôm sau, Pencroff hối hả bắt tay vào việc đóng thuyền dưới sự hướng dẫn của kỹ sư. Trong khi ấy, Gédéon Spilett và Harbert không chịu khoanh tay ngồi yên. Họ lo cung cấp lương thực thực phẩm cho mọi người. Nhà báo cũng không chịu thua tài bắn cung và phóng lao của Harbert.

CHƯƠNG HAI

Thử thách đầu tiên của chiếc thuyền. - Những đồ vật tìm thấy trên bờ biển. - Câu thơ trong sách thánh.

Ngày 29 tháng mười, chiếc thuyền được đóng xong hoàn toàn. Pencroff đã giữ được lời hứa và trong năm ngày đã đóng xong chiếc thuyền bằng vỏ cây, thân được gắn kết bằng những thân cây mềm dẻo. Một thang đặt ở đuôi thuyền, thang giữa gia cố hai mạn thuyền, thang thứ ba ở mũi thuyền để làm cọc chèo; hai mái chèo, mái chèo ở đuôi dùng để lái. “Con tàu nhỏ” ấy dài hai mươi fut và trọng lượng không quá hai tạ. Hạ thuyền xuống nước chẳng khó khăn gì. Con nước lên đã nâng nó trên mặt nước. Pencroff nhảy phắt vào thuyền, thử lái bằng mái chèo ở phía đuôi và tin chắc rằng con thuyền đạt yêu cầu.

- Hoan hô! - Chàng thủy thủ kêu to, được thể khoe khoang sự thành công của mình. - Có thể ngồi trên cái thúng này đi du lịch vòng quanh...

- Thế giới? - Gédéon Siplett nói hoà theo.

- Không, vòng quanh đảo... Nào các bạn, trèo lên, xem con tàu mới của chúng ta có chịu nổi hết năm người không!

Thế là tất cả đều ngồi vào thuyền, phân công nhau bơi. Họ bơi xa khỏi bờ để nhìn thấy hết tầm lớn của núi Franklin, rồi vòng trở lại cửa sông.

Cyrus Smith im lặng và nhìn tất cả cảnh vật bằng con mắt lo lắng, như thể nghiên cứu một vùng đất đầy những bí ẩn.

Họ bơi như vậy được ba phần tư giờ; con thuyền đã gần đến cuối mũi đảo và Pencroff đã định bơi vòng qua đó thì bỗng Harbert chồm lên và chỉ tay vào một chấm đen nào đó kêu to:

- Có cái gì trên cát đằng kia kìa!

Mọi người nhìn về phía đó.

- Đúng, ở đấy có cái gì thật, - nhà báo nói.

- Chà! - Pencroff kêu to. - Thế mà tôi lại biết đó là cái gì đấy.

- Cái gì vậy? - Nab hỏi.

- Các thùng phuy! Thùng phuy - và có thể là những thùng phuy chứa đầy hàng! - chàng thủy thủ đáp.

Con thuyền cập vào bờ...

Pencroff đã không lầm. Trên bờ là hai hàng thùng phuy bị cát vùi đến lưng chừng và buộc chặt vào một cái hòm to nổi trên mặt nước.

- Không nhẽ gần đảo của ta đã xảy ra tai nạn đắm tàu? - Harbert hỏi...

- Có lẽ, - Gédéon Spilett trả lời.

- Thế trong hòm có cái gì nhỉ! - Pencroff sốt ruột kêu lên. - Hòm đóng kín, lại chẳng có gì để cạy nắp ra!

Chàng thủy thủ đã định lấy hòn đá to đập vào thành hòm, nhưng kỹ sư ngăn lại, và yêu cầu mọi người buộc các thứ tìm được vào thuyền, kéo về Lâu đài đá hoa cương để mở và kiểm kê...

Có thể vật tìm thấy này có mối liên quan nào đấy với viên đạn chì chẳng? Có thể là những người trên tàu đã lên đầu kia của đảo? Có thể họ còn ở đó? Những người di dân khẳng định rằng những người bị nạn không phải bọn cướp biển Mã Lai, bởi vì đã rõ ràng là các đồ vật bị biển cuốn đi đều có xuất xứ từ Mỹ hoặc châu Âu.

Nửa giờ sau, họ về đến nơi, kéo thuyền và hòm lên bãi cát. Nab chạy đi lấy dụng cụ. Họ cẩn thận mở nắp hòm và bắt đầu ghi lại những thứ có trong đó. Pencroff hồi hộp ra mặt. Chiếc nắp kềm bị chặt tung ở giữa, lật về phía các thành hòm, và những người di dân bắt đầu lấy ra đủ mọi thứ đồ khác nhau, xếp lên cát. Mỗi khi lấy ra một thứ đồ nào đó Pencroff lại reo tướng lên “hoan hô”, còn Harbert vỗ tay đôm đốp, còn Nab thì múa một điệu của người da đen.

Tất cả những người di dân thật là hạnh phúc, bởi vì trong hòm có đủ các loại dụng cụ: dao, rìu, bào, đục, dũa, cưa, khoan, đinh ốc, đinh vít; nhiều thứ vũ khí: súng săn, súng cácbin, kèm theo nhiều đạn; các loại khí cụ: máy lục phân, ống nhòm, dụng cụ vẽ, địa bàn, nhiệt kế Farenhet, phong vũ biểu, bộ máy ảnh kèm theo các dụng cụ, phụ tùng cần thiết, ống kính, phim, giấy và hoá chất in phóng ảnh; nhiều quần áo vải và bút tất; đủ các loại dụng cụ nấu ăn: nồi, xoong, đồ dùng bằng nhôm, bình trà, dao; và sách gồm nhiều cuốn: Thánh kinh, tập bản đồ, từ điển thổ ngữ Polinezia, bách khoa toàn thư khoa học tự nhiên gồm sáu tập, giấy viết và sổ sách.

Sau khi thống kê xong, nhà báo nói:

- Chủ của chiếc hòm này là người biết lo xa không chê vào đâu được. Ở đây chẳng còn thiếu thứ gì. Quả thật, có thể nghĩ rằng ông ta đã chờ đợi tai nạn đắm tàu và đã chuẩn bị trước!

Những người di dân xem kỹ tất cả đồ vật, nhất là sách, khí cụ và vũ khí. Nhưng, khác với lệ thường, trên vũ khí và sách không có chỉ dẫn nơi nào sản xuất hoặc in, mặc dầu các sách đều in bằng tiếng Anh. Các thứ được bỏ vào hòm không phải hấp tấp, mà được cân nhắc từng thứ cẩn thận.

Họ cũng không đoán được chiếc tàu có lẽ mới đến vùng biển này không lâu - thuộc nước nào. Nhưng, cho dù hòm đồ đã xuất hiện như thế nào thì nó cũng đã làm giàu có thêm cho những người di dân trên đảo Lincoln. Từ trước đến nay họ đã tận dụng sự ưu đãi của thiên nhiên, tự mình làm lấy tất cả. Còn lí trí và kiến thức đã giúp họ thoát khỏi tình thế khó khăn. Phải chăng mệnh trời muốn ban thưởng cho họ những sản phẩm công nghiệp? Và những người khai khẩn đã dâng lên thượng đế lời cầu nguyện tạ ơn.

Tuy vậy, một người trong số họ - Pencroff - không được mãn nguyện lắm. Có lẽ, trong hòm không có thứ mà anh ta cần. Vì vậy, trong lúc lấy ra hết thứ nọ đến thứ kia, tiếng “hoan hô” của anh ta cứ khê dần, khê dần, còn khi bản thống kê đã chấm dứt thì mọi người lại nghe thấy anh ta phàn nàn:

- Mọi thứ trong đó đều tuyệt vời cả, nhưng tự các bạn thấy đó - trong hòm chẳng có thứ gì cho tôi hết.

Đến đây Nab hỏi anh:

- Vậy thế anh chờ đợi thứ gì?

- Thuốc lá! - Pencroff trả lời một cách nghiêm chỉnh. - Lúc ấy tôi mới hoàn toàn sung sướng.

Nghe lời nhận xét ấy của Pencroff mọi người bật cười vui vẻ.

Trong ngày, những người khai khẩn đã chuyển hết các thứ đồ vào Lâu đài đá hoa cương và xếp cẩn thận trong phòng lớn.

Hôm ấy, 29 tháng mười, là ngày chủ nhật, và trước khi nằm ngủ, Harbert đã hỏi kỹ sư xem ông có thể đọc cho họ nghe vài dòng trong sách Phúc âm không.

- Tôi sẵn sàng đọc, - Cyrus Smith trả lời.

Ông cầm cuốn sách và đã định mở ra, nhưng Pencroff bỗng nói:

- Thưa ngài Cyrus, tôi là người mê tín dị đoan. Ngài hãy giữ một cách hú hoạ và đọc cho chúng tôi nghe câu thơ đầu tiên đập vào mắt ngài. Chúng tôi xem nó có ứng hợp với tình hình của chúng ta không!

Cyrus Smith cười mát, nhưng đã thực hiện điều mong muốn của người thủy thủ. Ông mở sách Phúc âm ra đúng ngay chỗ để dải đánh dấu trang.

Và ánh mắt ông rơi vào dấu chéo đỏ vạch bằng bút chì trước câu thơ thứ tám, chương VII của sách Phúc âm phần Matfây.

Và ông đã đọc câu thơ ấy, nói rằng:

“Hãy xin, rồi sẽ được; hãy tìm rồi sẽ thấy”

CHƯƠNG BA

Tìm kiếm dấu vết tai nạn đắm tàu. - Mảnh còn lại của khinh khí cầu. - Chiếc thuyền trôi.

Sang ngày hôm sau, 30 tháng mười, những người di dân chuẩn bị lên đường. Bây giờ, sau tất cả những gì mới xảy ra, việc nghiên cứu đảo không thể trì hoãn được nữa.

Gédéon Spilett đề nghị khảo sát đảo để giải quyết dứt khoát vấn đề ở đây đã có xảy ra tai nạn đắm tàu không.

Để đề phòng mọi trường hợp có thể xảy ra, họ mang theo đủ lương ăn, thức uống cho ba ngày, súng săn, rìu, dao, ống nhòm và địa bàn.

Con thuyền cố bơi ngược dòng sông Tạ ơn xa hơn, rồi vòng qua mũi Cái móng.

Ba giờ chiều, họ đến một cái vịnh hẹp, kín, là một bến cảng thiên nhiên tốt. Mọi người lên bờ, ăn trưa, rồi hết sức chăm chú nhìn qua ống nhòm quan sát vùng duyên hải cần nghiên cứu, bắt đầu từ bờ cát tới các dải đá ngầm, nhưng không phát hiện dấu vết của tai nạn đắm tàu nào.

- Rõ rồi, Gédéon Spilett nói, - chúng ta có thể tự an ủi rằng sẽ chẳng ai giành mất quyền lợi của chúng ta về hòn đảo Lincoln.

- Thế viên đạn chì thì sao? - Harbert hỏi. - Nó cứ ám ảnh chúng ta hoài!

- Quái thật, tất nhiên là không có rồi! - Pencroff kêu lên, sau khi nhớ lại chuyện cũ.

- Vậy thì kết luận thế nào đây? - Nhà báo hỏi.

- Kết luận là thế này, - kỹ sư đáp, - khoảng ba tháng trước, có một con tàu lạ đã cố ý hoặc bị bắt buộc ghé vào đây...

- Thế nghĩa là, thưa ngài Cyrus, ngài cho rằng con tàu đã biến mất tăm? - Nhà báo hỏi.

- Không, Spilett thân mến, nhưng anh hãy đồng ý rằng bây giờ nó không còn ở đây nữa.

- Nghĩa là, thưa ngài Cyrus, nếu cháu hiểu ngài đúng thì con tàu đã bơi đi mất rồi? Harbert nói.

- Có lẽ!

- Và chúng ta đã vĩnh viễn bỏ lỡ cơ hội trở về tổ quốc? - Nab thốt lên.

- Tôi sợ rằng đúng như vậy.

- Nếu đã lỡ cơ hội rồi thì ta về thôi! - Pencroff nói. Anh chàng đã bắt đầu nhớ Lâu đài đá hoa cương.

Nhưng, anh vừa đứng dậy thì thấy có tiếng con Top sủa vang. Con chó từ trong rừng phóng ra, răng ngoạm một miếng gì bắn thủ. Nab giật miếng ấy ra khỏi mõm con chó. Đó là một mảnh vải gai.

Con Top sủa đầy kích động, nó chạy, nhảy như muốn mời chủ đi theo nó vào rừng.

- Biết đâu lời giải đáp về phía viên đạn chì ở đó cũng nên! - Pencroff thốt lên.

- Người bị nạn đắm tàu! - Harbert kêu to.

- Có nhẽ người bị thương, - Nab nói.

- Hoặc người chết! Nhà báo nói thêm.

Và tất cả đều đi theo con chó, lách giữa những cây thông cao dựng thành bức tường ở cửa rừng. Cyrus Smith và các bạn của ông đều lên đạn súng, đề phòng mọi sự bất trắc.

Những người khai khẩn đi sâu vào rừng, nhưng, thất vọng to, họ không phát hiện thấy dấu chân người. Trong khi đó, con Top cứ chạy tới chạy lui, không như mọi khi vừa chạy vừa ngửi những dấu vết ngẫu nhiên, mà xăm xăm hướng thẳng đến mục tiêu nào đấy...

- Mà làm sao thế, Top? Cyrus Smith hỏi.

Con Top càng sủa to hơn và nhảy bên cạnh một gốc thông không lồ cành lá sum sê.

- Tuyệt thật! Ra thế đấy! - Bỗng nhiên Pencroff leo lên.

- Cái gì vậy? Gédéon Spilett hỏi.

- Thế mà chúng ta lại đi tìm những mảnh tàu đắm dưới biển và trên cạn!

- Vậy là sao kia chứ?

- Mà chúng lại ở trên không.

Và chàng thủy thủ đã chỉ lên một mảnh vải lớn nào đấy hiện ra trắng trắng trên ngọn thông: con Top có lẽ đã tha về miếng vải rách, rơi dưới đất.

- Mà đây đâu phải mảnh tàu đắm, - Gédéon Spilett thốt lên.

- Tôi xin thưa rằng... - Pencroff nói.

- Không nhẽ đó là...

- Phải rồi, đó là tất cả những gì còn sót lại của quả khí cầu ta bay đó, nó bị mắc trên cây.

Pencroff đã không nhầm và kêu toáng lên “hoan hô”, anh ta nói thêm:

- Thế là lại có thứ vải tuyệt diệu nữa! Chúng ta sẽ có cái để may quần áo trong nhiều năm liên tiếp! Chúng ta sẽ may khăn tay và áo! Thế nào, thưa ngài Smith, ngài sẽ nói gì về hòn đảo có áo mọc trên cây?

Và quả thực những người khai khẩn đảo Lincoln đã gặp may: trong lần cuối cùng vọt lên trời, khí cầu đã rơi trên đảo, và họ đã có phước tìm thấy nó. Họ quyết định giữ vỏ khí cầu để sau này nếu cần sẽ du hành trên không, hoặc dùng vài trăm vuông vải sợi rất tốt vào việc có ích, sau khi đã khử hết chất dầu trong vải. Dĩ nhiên là mọi người đã chia sẻ niềm vui của Pencroff.

Nhưng cần phải hạ vỏ khí cầu từ trên cây xuống và cất giấu vào một nơi chắc chắn - đó không phải là một việc dễ dàng. Nab, Harbert và chàng thủy thủ đã leo lên ngọn thông và loay hoay mất hơn hai giờ mới hạ được xuống đất những vỏ khí cầu cùng với van khí, lò so, các bộ phận bằng đồng, mà còn cả lưới, hay nói cách khác là các dây cáp - Những thứ ấy trong tương lai đều có thể sử dụng được cho tàu thủy.

Đến sáu giờ chiều công việc cất giấu khí cầu mới xong. Sau khi đặt tên cho vịnh “Cảng Khí cầu” các khách bộ hành đi về mũi Cái móng. Pencroff và kỹ sư bàn với nhau kế hoạch bắc một chiếc cầu qua sông Tạ ơn để nối liền việc thông thương liên lạc với phần nam của đảo, sau đó đưa xe ba gác đến chở vỏ khí cầu về, vì thuyền không chở nổi. Và Pencroff đề nghị cần phải đóng một chiếc tàu có boong... và có thể dùng vỏ khí cầu để làm buồm...

Đêm xuống dần. Những người di dân quyết định để thuyền lại, đi bộ trở về. Khi các khách bộ hành của chúng ta trở về mũi Tim thấy, nơi họ phát hiện ra hòm đồ quý báu, thì trời đã bắt đầu tối. Cả ở đây nữa họ cũng không tìm thấy dấu vết tàu đắm và đành phải đồng ý với kết luận của Cyrus Smith đã rút ra.

Từ mũi Tim thấy đến Lâu đài đá hoa cương còn bốn dặm nữa. Họ đi men theo bờ biển và về đến khúc sông Tạ ơn thì đúng lúc nửa đêm.

Khúc sông ở đây rộng tám mươi fut, nhưng vượt qua không phải dễ dàng. Phải nói rằng, các khách bộ hành của chúng ta đã đuối sức lắm rồi. Họ chỉ muốn mau mau về đến Lâu đài đá hoa cương, ăn bữa tối và nằm ngủ. Giá có một cái cầu thì chỉ mười lăm phút sau là họ đã về đến nhà.

Trong lúc Pencroff và Nab đóng mảng để qua sông thì Cyrus Smith và Gédéon Spilett ngồi đợi, cần gì thì giúp, còn Harbert đi dạo ngược dòng gần ngay đó. Bỗng chú quay trở lại, chỉ xuống sông, kêu lên:

- Xem kìa, cái gì dưới đó vậy?

Pencroff ngừng tay và nhìn xuống sông thấy có vật gì đó mờ mờ trôi theo dòng trong đêm tối.

- Đúng là thuyền rồi! - Anh ta kêu lên.

Mọi người chạy lại nơi ấy và, thật là ngạc nhiên, họ đã nhìn thấy chiếc thuyền đang trôi xuôi.

- Ê, thuyền kia! Pencroff kêu theo thói quen vốn dĩ của thủy thủ, không nghĩ rằng, có lẽ nên im lặng thì tốt hơn.

Không một lời đáp lại! Con thuyền vẫn tiến lại gần, và khi nó chỉ cách chừng mười hai bước, chàng thủy thủ kinh ngạc thốt lên:

- Ồ, thuyền của chúng ta đây mà! Bị đứt neo, nên nó mới trôi theo dòng. Thật là đúng lúc ghê!

- Thuyền của chúng ta ư?... - Kỹ sư lẩm bẩm.

Pencroff nói đúng, đó là thuyền của họ. Nab và chàng thủy thủ đã khéo léo dùng một cái sào dài móc chiếc thuyền vào bờ.

Kỹ sư nhảy xuống thuyền trước tiên, tóm lấy sợi dây neo, sờ nắn và tin chắc nó đã bị cửa vào vách đá đứt thật. Nhà báo khẽ nói với ông:

- Tôi cho đây là một trường hợp ...

- Rất kì lạ! Cyrus Smith nói nốt ý của nhà báo.

Dầu sao thì sự ngẫu nhiên này cũng là một dịp may! Mọi người xuống thuyền. Họ không nghi ngờ rằng dây neo đã bị cắt đứt! Kỳ lạ hơn cả là con thuyền đã xuất hiện đúng lúc những người di dân ở trên bờ có thể tóm được nó. Chứ chậm một lát nữa thôi là nó trôi hút ra biển mất rồi.

Tất cả những chuyện ấy xảy ra vào thời người ta tin vào thần linh, nên những người bộ hành ấy hoàn toàn có quyền tin rằng trên đảo có một đấng siêu nhiên đã ban phát ân huệ của mình cho những người bị nạn.

Sau mấy nhịp chèo những người khai khẩn đã về đến cửa sông Tạ ơn. Họ lôi thuyền lên bờ cát gần Lán tạm, và tất cả đi về chỗ thang dây của Lô đài đá hoa cương.

Nhưng, bỗng con Top bắt đầu sửa dũ dội, còn Nab thì mò mẫm tìm bậc thang thứ nhất và bắt đầu hét lên...

Thang dây đã biến mất.

CHƯƠNG BỐN

*Những tiếng gọi của Pencroff. - Đêm ở Lán tạm. - Phát tên của Harbert.
- Kế hoạch của Cyrus Smith. - Bất ngờ tìm được lối thoát. - Chuyện gì xảy ra trong Lâu đài đá hoa cương. - Người hầu mới xuất hiện.*

Cyrus Smith im lặng dừng lại. Các bạn của ông sờ soạn tìm trong đêm tối bức tường đá hoa cương. Thoạt đầu họ tưởng gió đã thổi hất chiếc thang đi, sau lại cho rằng thang bị đứt, nên tìm mãi trên mặt đất. Nhưng chiếc thang dây đã biến mất tăm.

- Tôi bắt đầu nghi rằng trên đảo Lincoln đang xảy ra những việc kỳ quái!
- Pencroff càu nhàu.

- Những việc kỳ quái à? - Gédéon Spilett hỏi lại. - Quả thật vậy, Pencroff, tất cả những điều đó hoàn toàn tự nhiên. Ai đấy đã đến đây trong lúc chúng ta đi vắng, trú lại trong nhà của ta và rút thang lên.

- “Ai đấy”! - Chàng thủy thủ thốt lên. - Theo anh thì là ai chứ?

- Một người đi săn chằng hạn, - nhà báo trả lời, - nếu vậy thì xạc cho hẳn ta một trận.

- Thế này nhé, nếu trên đó có ai, - Pencroff nói và nổi cáu, - thì ta sẽ được trả lời ngay bây giờ.

Và chàng thủy thủ lớn tiếng gọi:

- Ê, ai ở trên đó!

Nhưng chỉ có tiếng vọng nhắc lại nhiều lần tiếng gọi của anh ta.

Sự việc diễn ra khiến những người di dân quên hết mệt nhọc. Họ cứ đứng dưới chân Lôu đài đá hoa cương mà không biết nghĩ sao, làm gì.

- Các bạn của tôi, - Cyrus Smith, nói, - chúng ta chỉ còn mỗi một cách: đợi đến sáng và lúc đó tùy tình hình mà hành động. Còn tạm thời bây giờ hãy về Lán tạm, nhịn bữa tối đi, ngủ vậy.

Nói thế chứ làm sao mà họ chộp mắt được. Lôu đài đá hoa cương đâu chỉ là chỗ ở, mà còn là kho chứa tài sản của họ: vũ khí, dụng cụ, khí cụ, đạn dược v.v... Nếu những thứ ấy bị cuỗm sạch, chẳng dễ dàng gì họ gây dựng lại được.

Trời vừa hửng sáng, những người khai khẩn trang bị đủ lệ bộ trở lại Lôu đài đá hoa cương.

Không còn nghi ngờ gì nữa, đúng là có ai đó đã vào lôu đài của họ.

Đoạn thang trên từ bậu đá dưới dẫn lên cửa ra vào vẫn còn nguyên tại chỗ, thế nhưng đoạn thang dưới đã bị ai đó kéo lên tận thềm cửa. Rõ ràng là những người xộc vào nhà đã tìm cách đề phòng mọi chuyện bất ngờ.

Pencroff lại kêu lên, nhưng không một tiếng trả lời.

Lúc ấy trời đã sáng hẳn, Lôu đài đá hoa cương bừng lên trong ánh nắng sớm. Nhưng trong nhà cũng như bên ngoài vẫn im ắng, lặng êm.



Những khách không mời mà đến, cho dù là kẻ nào, cũng chẳng thể chạy thoát được! Nhưng làm sao lên được chỗ chúng?

Harbert nảy ra ý buộc dây vào mũi tên bắn lên, sao cho mũi tên xuyên qua những bậc thang dưới lòng lũng lảng bên thềm cửa, rồi khẽ kéo sợi dây - thang rơi xuống đất, khi đó sẽ có thể trèo lên Lô đài đá hoa cương được.

May sao cung, tên vẫn còn giữ được trong Lán tạm và cũng đã tìm thấy vài chục mét dây nhỏ bện bằng sợi dây rừng. Pencroff xử dây ra và buộc vào mũi tên có gắn đuôi cẩn thận. Sau đó, Harbert đặt mũi tên vào cung và ngắm chính xác vào chỗ thang thông xuống.

Mũi tên bay trúng đích. Công việc đã xong. Harbert chụp ngay lấy đầu dây; nhưng đúng lúc chú kéo cho thang rơi xuống thì trong khoang cửa ra

vào thoáng xuất hiện cánh tay của ai đó túm lấy chiếc thang và kéo nó trở lại Lâu đài đá hoa cương.

- Ai thế nhỉ? - Nab hỏi.

- Đó là con khi đấy! Bây khi đã chiếm nhà của chúng ta rồi - chúng đã leo lên thang dây trong lúc chúng ta đi vắng.

Đúng lúc ấy như để khẳng định lời chàng thủy thủ đúng là ba - bốn con vật bốn chân thò đầu ra cửa sổ: những con khi bắt đầu mếu mòi, nhìn mặt như muốn chào, theo kiểu của mình, những người chủ thật sự của ngôi nhà.

- Tôi đã biết mà, tất cả chuyện này là trò giễu cợt của kẻ nào đó thôi, - Pencroff thét lên. - Hãy cho một tên cợt nhả ấy trả giá cho tất cả bọn chúng.

Chàng thủy thủ nâng súng lên, ngắm nhanh và bóp cò. Bây khi biến mất nhanh, chỉ có một con tử thương, rơi xuống bờ cát.

Đó là một con vượn to thuộc giống gì - hắc tinh tinh, đười ươi, vượn Gôri-la hay vượn Hibôn - không rõ, nhưng thuộc vượn người, gọi như vậy vì nó rất giống người...

Hai giờ đã trôi qua, mà vẫn không thấy bầy vượn xuất hiện; chúng trốn trong nhà, nhưng có mấy lần lúc thì cái mõm vượn, lúc thì cái chân vượn xuất hiện ở cửa ra vào hoặc trong cửa sổ, lập tức chúng được những phát súng “bắn chào” ngay...

- Ta trốn đi cái đã, - kỹ sư đề nghị. - Có thể lũ vượn tưởng ta bỏ đi rồi, nên sẽ lại xuất đầu lộ diện. Còn Harbert và Spilett nấp vào vách đá, hễ thấy một con ló ra cũng bắn.

Nhưng thêm hai giờ nữa, tình hình vẫn không thay đổi...

- Chẳng nhẽ không còn cách gì lên được đó hay sao? - Pencroff sốt ruột thốt lên.

- Có một cách, - kỹ sư, có lẽ đã nghĩ ra được điều gì, trả lời. - Ta thử lần theo đường thoát nước cũ để xuống lâu đài đá hoa cương xem.

Đã giữa trưa. Những người di dân vũ trang đầy đủ, mang theo cuốc, mai đi thực hiện kế hoạch của kỹ sư, sau khi ra lệnh cho con Top ở lại theo dõi.

Nhưng họ đi chưa đầy năm chục bước đã nghe con Top sủa vang gọi lại. Mọi người vội vã chạy trở về theo bờ sông và thấy bầy vượn đang hốt hoảng lao đến các cửa sổ. Năm sáu con đã trở thành mục tiêu cho họ nổ súng. Những con bị thương và chết rơi vào các phòng. Những con còn lại liều mạng nhảy xuống đất. Mấy phút trôi qua, hình như trong Lâu đài đá hoa cương không còn con vượn nào nữa.

Hoan hô, hoan hô! - Pencroff reo lên.

- Hoan hô sớm quá đấy, - Gédéon Spilett nhận xét.

- Sao vậy? Chúng bị giết sạch rồi mà, - chàng thủy thủ trả lời.

- Đồng ý, nhưng dẫu sao chúng ta vẫn chưa thể lên nhà được...

- Ta đến đường thoát nước đi! - Pencroff đề nghị...

- Đành thế, - kỹ sư nói. - Song, tốt hơn là...

Vừa lúc ấy, để trả lời cho nhận xét của Cyrus Smith, họ thấy chiếc thang được tuồn từ sau ngưỡng cửa ra và rơi xuống.

- Tuyệt thật, - chàng thủy thủ kêu to, ngó sang Cyrus Smith.

- Đúng, tuyệt thật! Nhưng đâu phải là quá đáng? - Kỹ sư lầm bầm và là người đầu tiên leo lên dây thang.

- Hãy cẩn thận đấy, ngài Cyrus, - Pencroff kêu, - có thể lũ vượn còn ở trên ấy...

- Bây giờ ta sẽ thấy, - kỹ sư nói, không dừng lại.

Các bạn của ông bắt đầu trèo theo và một phút sau họ đã lên ngưỡng cửa.

Họ lục soát khắp nhà. Không thấy ai trong các phòng ở, lẫn phòng kho - nơi bị chúng tự do hoành hành dữ tợn nhất.

- Thế dây thang thì sao nhỉ? - Chàng thủy thủ nhận xét. - Bạc quân tử nào đã thả nó xuống?

Vừa lúc ấy có tiếng kêu vang lên và một con vượn lớn trốn ngoài hành lang lao vào phòng, Nab đuổi theo sau.

- À, mày là tên ăn cướp! - Pencroff hét lên.

Và anh vung rìu định bổ vỡ sọ con vật, nhưng Cyrus Smith ngăn lại, nói:

- Hãy thương hại con vượn, Pencroff!

- Tha tội cho cái đồ súc sinh mồm đen này ư?

- Chính nó vứt thang xuống cho chúng ta đấy.

Và kỹ sư đã nói điều đó bằng một giọng kỳ lạ đến nỗi khó phân biệt ông nói nghiêm chỉnh, hay là nói giỡn.

Mọi người lao đến chỗ con vượn; nó chống cự một cách dữ tợn, nhưng đã bị đè xuống và trói lại.

- Ôi chao, - Pencroff thở hồng hộc, thế ta biết làm gì với nó bây giờ?

- Cho nó làm việc phụ dịch, - Harbert trả lời.

Khi nói điều ấy, chú bé không định đùa bỡn, chú biết một con vượn thông minh có thể đem lại ích lợi như thế nào.

Đến đây, mọi người bước lại chỗ con vượn và bắt đầu chăm chú quan sát nó. Nó thuộc loài vượn người. Ở những đại diện của họ vượn người này ta thấy có những nét gần với trí khôn của con người. Những con vượn đã được thuần dưỡng biết làm bồi bàn, biết dọn dẹp phòng ở, thu xếp quần áo gọn gàng, chải giày, biết khéo léo dùng dao, thìa nĩa và thậm chí uống rượu, bắt chước theo những người bồi.

Con vượn bị trói nằm trong phòng Lâu đài đá hoa cương là một con vượn khổng lồ cao sáu fut, thân hình cân đối, ngực nở, đầu lớn trung bình, góc mặt bằng sáu mươi lăm độ, sọ tròn, mũi to, mình phủ lớp lông mềm bóng, tóm lại, đó là một đại diện tuyệt vời của loài vượn người. Mắt nó nhỏ hơn mắt người, cái nhìn lạnh lợi, thông minh, hai hàm răng trắng ánh lên dưới bộ râu mép, còn bộ râu cằm nhỏ, xoắn thì màu hạt dẻ.

- Cậu chàng điển trai ghê! - Pencroff nói, - Giá biết tiếng của nó mà nói chuyện với nó nhỉ!

- Thật thế sao, thưa ông chủ? Nó sẽ phục dịch chúng ta ạ?

- Đúng vậy, Nab ạ, - kỹ sư mỉm cười, trả lời. - Có điều là chớ có ganh tỵ nhé...

- Cháu tin rằng nó sẽ là một người hầu tuyệt vời, - Harbert nhận xét. - Có lẽ, nó còn nhỏ nên dạy bảo nó không khó lắm. Chúng ta không cần phải dùng đến vũ lực, hoặc bẻ răng nanh của nó như người ta vẫn hay làm trong những trường hợp thế này! Hẳn nó cũng sẽ quăn quýt với các ông chủ, nếu như các ông chủ nhân từ với nó...

Thế là trên đảo lại xuất hiện thêm một người khai khẩn nữa, mà sau đó đã có nhiều công lao đối với mọi người. Theo đề nghị của chàng thủy thủ, và để kỷ niệm về một con vượn mà đã có hồi nào đó anh gọi là Jupiter, mọi người đồng ý đặt cho thành viên mới cái tên tắt là “Jup”.

CHƯƠNG NĂM

Cầu qua sông Tạ ơn. - Cao nguyên Tầm nhìn biến thành đảo. - Cầu nâng. - Những con la rừng. - Ra cảng Khí cầu.

Thế là những người khai khẩn đảo Lincoln đã giành lại được chỗ ở của mình.

Phần cuối ngày họ đã đem các xác vượn vào rừng chôn; sau đấy họ thu dọn lại trật tự trong nhà đã bị các vị khách không mời mà đến làm đảo lộn lung tung, nhưng hầu như không bị phá phách cái gì. Nab dùng các thứ dự trữ trong kho nấu bữa ăn trưa ngon lành.

Jup không bị lãng quên. Chú được ăn ngon lành những hạt bá hương, và các loại quả, củ. Pencroff cời trói tay cho chú, nhưng quyết định không cời trói chân cho đến khi tin chắc rằng chú biết nghe lời.

Trước khi đi ngủ, Cyrus Smith và các bạn của ông ngồi bàn một số kế hoạch cần phải thực hiện nhanh chóng hơn.

Họ thấy việc cấp bách nhất là bắc cầu qua sông Tạ ơn - cần phải thiết lập sự giao thông giữa Lâu đài đá hoa cương và phần nam của đảo; kế đến là xây dựng trại nuôi cừu và các giống vật khác mà họ đã quyết định thuần hoá.

Sau khi thực hiện hai kế hoạch đó, những người khai khẩn sẽ giải quyết được vấn đề bức bách nhất là may sắm quần áo. Thật vậy, vỏ khí cầu sẽ

được chở qua cầu một cách dễ dàng, từ đây sẽ có những bộ quần áo tuyệt đẹp, còn ở trại nuôi cừu thì sẽ có thể cắt lông để may quần áo rét.

Cyrus Smith dự định xây dựng trại chăn nuôi... ở cạnh nguồn suối Đỏ, gần các bãi chăn trên núi tha hồ cỏ tươi non. Con đường giữa cao nguyên Tâm nhìn và nguồn suối Đỏ hầu như đã được hình thành, còn khi nào đóng được chiếc xe kéo hoàn thiện hơn thì việc di chuyển của họ sẽ đỡ vất vả hơn, nhất là nếu họ bắt được con vật nào đó để kéo xe. Để tiện cho việc chăm sóc của Nab, chuồng nuôi gia cầm được đặt gần đường tháo nước. Họ đã quyết định thử thuần hoá một cặp chim giấu đuôi cái và đực mới bắt được trong một chuyến thám hiểm gần đây. Kỹ sư cũng cho làm chuồng để nuôi bồ câu rừng.

Sáng mùng 3 tháng mười một. Tất cả những người khai khẩn đều phải tham gia vào công việc quan trọng là xây dựng chiếc cầu qua sông Tạ ơn. Từ lâu đài đá hoa cương tới cảng Khí cầu chỉ có ba dặm rưỡi: giữa hai điểm ấy làm một con đường cho xe kéo đi chẳng khó khăn gì.

Những người xây dựng vào rừng chọn cây, ngã xuống, chặt cành, cưa thân cây ra thành các dầm, thanh và ván lát cầu. Phần cầu sát bờ sông Tạ ơn họ quyết định làm cố định, còn nửa bên trái của cầu thì có thể nâng lên bằng đối trọng giống như cửa cống.

Công việc tất nhiên là phức tạp, sông ở đây rộng tới tám mươi fut. Ở phần cần cố định họ phải đóng cọc, muốn vậy lại phải làm búa. Các nhà xây dựng đã dùng cọc để làm các mố cầu, do đó cầu có thể chịu được trọng tải lớn.

May sao, họ không thiếu thứ gì, kể cả dụng cụ, lẩn đỉnh và óc sáng tạo. Kỹ sư am hiểu công việc, còn các bạn của ông sau bảy tháng qua cũng đã tiếp thu được nhiều kỹ năng lao động và bây giờ giúp đỡ ông rất sốt sắng.

Vừa làm Cyrus Smith vừa trao đổi với các bạn về một kế hoạch mà ông đã nghĩ đến từ lâu. Thực hiện kế hoạch đó rất dễ và nó sẽ đem lại lợi ích lớn lao cho cả vùng di dân. Kế hoạch đó là ngăn cách cao nguyên Tầm nhìn với thế giới bên ngoài, đảm bảo cho nó được an toàn, tránh khỏi sự tấn công của kẻ thù bốn chân và hai chân. Như vậy, Lâu đài đá hoa cương, Lán tạm, sân nuôi gia cầm và toàn bộ phần trên cao nguyên dự tính dùng để gieo trồng đều được bảo vệ khỏi những kẻ tham lam đột nhập.

Thực hiện một dự án như vậy khá đơn giản, và đây là những cơ sở mà kỹ sư đã dự tính hành động.

Cao nguyên đã được ngăn cách sẵn từ ba phía bởi hồ nước và hai con sông nhân tạo và tự nhiên.

Ở phía Tây Bắc, hồ Grant trải rộng mênh mông, bờ hồ đi từ vịnh nhỏ, chỗ đường thoát nước cũ, tới nơi được phá bằng mìn ở bờ phía Đông để hạ mực nước trong hồ.

Từ chỗ phá này, ở phía Bắc của cao nguyên đã hình thành một thác nước đổ xuống biển; dòng nước tiếp tục chảy theo sườn núi và bờ cát. Chỉ cần đào sâu dòng suối nhân tạo này trên suốt đường chảy của nó là sẽ thành con hào ngăn thú dữ.

Dọc theo suốt mé phía Đông cao nguyên từ cửa con suối trên đến cửa sông Tạ ơn đã có biển bảo vệ.

Cuối cùng, ở phía nam cao nguyên đã được án ngữ bởi hạ nguồn sông Tạ ơn, từ cửa sông tới chỗ uốn khúc, nơi những người khai khẩn đảo đang định bắt cầu.

Như vậy là chỉ còn lại có mé Tây cao nguyên, giữa chỗ sông uốn khúc và bờ hồ phía Nam; đoạn này dài chừng một dặm trống trải, có thể bị bất kỳ cuộc xâm nhập nào. Những người khai khẩn đảo cần phải đào một cái hào rộng và sâu, dẫn nước hồ vào, làm một đường thoát nước thứ hai, nhưng lần này thì thoát ra phía sông Tạ ơn. Tất nhiên, mực nước trong hồ vì vậy mà bị hạ thấp xuống, nhưng Cyrus Smith đã trù tính rằng con suối Đỏ sẽ cung cấp đủ toàn bộ số nước để thực hiện ý định của ông ấy.

- Như vậy là, kỹ sư nói thêm, - cao nguyên Tầm nhìn sẽ biến thành hòn đảo thực sự, được bao bọc tứ phía bằng nước, còn việc lưu thông với các vùng lãnh địa còn lại của chúng ta thì sẽ có thể thực hiện được nhờ nguyên một hệ thống cầu, một chiếc ta sẽ bắc qua sông Tạ ơn, hai chiếc cầu nhỏ ta đã làm ở ngay đầu thác nước và nơi nó đổ ra biển, và, cuối cùng, chúng ta sẽ xây dựng thêm hai chiếc cầu nhỏ nữa - một cái bắc qua hào mà theo tôi thì cần phải đào, còn cái thứ hai - bắc qua sông Tạ ơn. Như vậy, nếu tất cả cầu lớn cầu nhỏ đều là cầu nâng thì sẽ không có kẻ nào có thể thọc được vào cao nguyên Tầm nhìn.

Cyrus Smith đã vẽ bản đồ cao nguyên để giải thích rõ hơn tất cả những điều trên cho các bạn của mình nghe, và họ đã hiểu ngay ý đồ của ông, nhất trí tán thành ý đồ ấy. Pencroff huơ huơ rìu hét to:

- Cầu trước hết!

Và suốt ba tuần liền họ miệt mài bắc cầu qua sông Tạ ơn. Họ ăn cơm trưa ở ngay nơi làm việc. Thời tiết rất tốt nên chỉ đến bữa tối họ mới trở về.

Trong thời gian ấy mọi người đều tin chắc rằng chú Jup đã thích nghi dễ dàng hoàn cảnh mới và quen với các ông chủ mà chú thường nhìn với một vẻ hết sức tò mò. Song, vì phòng xa nên Pencroff vẫn chưa chịu cởi trói hết cho chú; chàng quyết định đợi - và điều ấy có lý - đến khi nào xong các

công trình và cao nguyên trở thành nơi bất khả xâm phạm, chú không thể chạy trốn được, hãy hay. Top và Jup kết bạn với nhau và thích chơi với nhau, mặc dầu Jup nói chung lúc nào cũng làm bộ rất quan trọng.

Ngày 20 tháng mười một, họ hoàn thành việc xây dựng cầu. Phần nâng được cân bằng bằng các đối trọng và chỉ cần một lực không lớn lắm cũng có thể nâng lên một cách dễ dàng; giữa bản lề và rầm ngang cuối cùng thường xuyên đỡ phần nâng tạo thành một nhịp rộng chừng hai mươi fut, có thể cản đường bất kỳ con thú nào...

- Đã đến lúc chuẩn bị đất gieo lúa mì vụ hai! - Một hôm chàng thủy thủ kêu to với một vẻ quan trọng.

Đúng là nhờ sự chăm sóc của Pencroff, hạt lúa mì duy nhất đã được gieo và cho mười bông lúa, mỗi bông tám mươi hạt như kỹ sư đã hứa hẹn. Vậy là vùng di dân đã có tám trăm hạt lúa mì. Họ đã cất dự trữ năm mươi hạt, số còn lại đem gieo vụ hai và hết sức chăm sóc cho cánh đồng lúa mì mới của mình.

Ngày hôm sau, Cyrus Smith bắt đầu thảo kế hoạch đào hào để bảo vệ cao nguyên về phía Tây. Ở đây, dưới lớp đất màu mỡ dày hai, ba fut toàn là đá hoa cương. Thế là lại phải chế tạo nitroglixerin, và hóa chất ấy đã phát huy tác dụng của nó. Chưa đầy hai tuần, dưới lớp đất cứng, một đường hào ngang mười hai fut và sâu sáu fut đã được làm xong. Nước hồ Grant chảy vào đây thành suối ào ào đổ ra sông Tạ ơn. Cuối cùng, để biến cao nguyên thành một pháo đài bất khả xâm phạm, lòng suối đổ ra biển đã được những người khai khẩn mở ra thật rộng, còn các bờ cát của nó thì họ gia cố bằng một hàng rào cọc kếp.

Trong nửa đầu tháng mười hai, họ kết thúc toàn bộ những công việc ấy. Cao nguyên Tầm nhìn nom giống hình ngũ giác lệch với chu vi khoảng gần

bốn dặm đã được bảo vệ bằng một vòng đai nước, chống lại bất kỳ sự đột nhập nào.

Khỏi nói gì hơn, những người khai khẩn đã trả tự do hoàn toàn cho chú Jup ngay sau khi họ vừa ngăn cách xong cao nguyên với thế giới bên ngoài. Con vượn không rời những người chủ của mình và họ cũng không phát hiện ở chú mảy may nào ý định muốn trốn. Chú đặc biệt khỏe, nhanh nhẹn và hiền lành, leo lên thang thì không ai bì được. Chú đã được giao làm việc gì đấy: khuân củi, vác đá v.v...

Tháng mười hai rất oi bức, nhưng mọi công việc vẫn được tiến hành theo kế hoạch. Mọi người đã nhắc đến chuyện đi chở vỏ khí cầu về. Chiếc xe ba gác được đóng lại, thuận tiện hơn và nhẹ nhàng hơn. Nhưng cần phải kiểm tra sức kéo nữa mới được. Chẳng nhẽ trên đảo không có động vật nhai lại nào có thể thay được ngựa, lừa, bò hay sao? Không ai có thể trả lời được câu hỏi ấy.

Một hôm, đó là ngày 23 tháng mười hai, những người khai khẩn đang làm việc ở Lán tạm, bỗng nhiên thấy vang lên tiếng kêu của Nab và tiếng sủa vang của con Top. Mọi người chạy lại phía có tiếng kêu, sợ có tai nạn gì xảy ra chẳng.

Họ đã nhìn thấy gì vậy? Hai con vật tuyệt đẹp đã lạc vào cao nguyên, - những chiếc cầu nhỏ đã được hạ xuống. Các con vật, một con đực và một con cái, nom giống những con ngựa, đúng hơn là giống những con la, lông màu hung nhạt, đuôi và chân màu trắng, còn đầu, cổ, mình sọc đen như ngựa vằn. Chúng thản nhiên bước lại gần, chẳng hề sợ hãi gì, và nhìn những con người mà chúng chưa thừa nhận là chủ bằng những con mắt thông minh.

- Đúng, đây là những con la rừng! - Harbert kêu lên. - Chúng thuộc loại giữa ngựa vằn và lừa vằn.

- Thế sao không gọi thẳng chúng là la cho đơn giản? - Nab hỏi.

- Là vì tai chúng không dài lắm, và bản thân chúng cũng duyên dáng hơn.

- La hay ngựa, chẳng phải cũng vậy thôi sao, - Pencroff xen vào, - con này hay con nọ đều là “sức kéo” cả. Có nghĩa là cần phải bắt lấy chúng.

Chàng thủy thủ núp trong cỏ bò tới để khỏi làm những con vật hoảng hốt. Đến cây cầu nhỏ bắc qua suối Glixerin anh nâng cầu lên, những con la rừng đã bị bắt làm “tù binh”.

Làm sao với những con vật này, dùng sức mạnh bắt lấy chúng và thẳng vào xe kéo ư? Không! Mấy ngày đầu chúng vẫn được tự do gặm cỏ, để quen dần đã. Sau đấy, những người chủ đã đóng chuồng và nhử chúng vào ở. Chẳng mấy chốc Pencroff đã thuần hoá được những con vật. Chúng tự đến với anh, anh cầm tay cho chúng ăn. Chúng để cho mọi người đến gần, nhưng hễ thẳng vào xe là chúng nhảy lồng lên. Tuy vậy, chẳng bao lâu sau, những con vật cũng chịu quy phục số phận. Nói chung, những con la rừng không cứng đầu cứng cổ như ngựa vằn, thường ở vùng núi Nam Phi mà người ta vẫn dùng chúng để kéo xe, thậm chí chúng cũng thích nghi sống ở cả những đới lạnh của châu Âu.

... Và đã đến ngày tất cả những người di dân, trừ Pencroff đi trước dắt la, đều leo lên xe và đi ra cảng Khí cầu. Khởi phải nói họ đã bị sóc dữ dội như thế nào khi đi trên con đường gồ ghề lắm ổ gà. Nhưng chiếc xe vẫn đi đến nơi bình yên vô sự, và ngay hôm sau ấy những người khai khẩn đã chắt

vỏ và các bộ phận khác của khí cầu lên xe chở về. Tám giờ tối, họ dừng xe trước Lô đài đá hoa cương.

CHƯƠNG SÁU

Quần áo. - Giày bằng da hải báo. - Điều chế thuốc súng bông. - Chú Jup có tiến bộ. - Trại chăn nuôi. - Săn cừ rừng. - Những sản vật mới của thế giới thực vật và động vật. - Nhớ về quê hương xa xôi.

Cả tuần thứ nhất của tháng giêng, những người di dân dành để may quần áo cần thiết. Những chiếc kim khâu tìm thấy trong hòm thấp thoáng trên các ngón tay không được mềm mại lắm, nhưng lại rất mạnh mẽ, và có thể nói chắc được rằng tất cả các đồ vật đều đã được làm ra với một sự tận tình...

Chỉ thì không thiếu: Cyrus Smith đã đề nghị tận dụng chỉ tháo ở vỏ khí cầu ra.

Vải khí cầu đã được những người di dân khử bỏ chất dầu bằng xút và bồ tạt điều chế từ tro đốt cây. Sau khi khử, vải lại trở nên mềm mại và co giãn bình thường. Đem phơi nắng, nó bay màu và trắng ra.

Họ may vài tá áo sơmi và bít tất - tất nhiên, bít tất không phải được đan mà là bằng vải... Và, khoan khoái biết bao nhiêu khi những người khai khẩn, cuối cùng, được diện những chiếc áo, tất nhiên là rất thô thiển. Và nằm ngủ trên những tấm vải trải giường, các cư dân của Lâu đài đá hoa cương cảm thấy như họ được nằm trên chăn nệm.

Cũng vào thời gian ấy, họ đã khâu lấy giày bằng da hải báo. Rất đúng lúc, vì giày và ủng của họ mang từ Mỹ tới đã rách nát cả. Có thể nói chắc chắn rằng những đôi giày mới rộng rãi, chứ chẳng chật chít nào.

Đã sang năm mới 1886. Oi bức chưa bớt đi, nhưng việc săn bắn trong rừng vẫn được tiếp tục.

Cyrus Smith khuyên mọi người tiết kiệm đạn dược và đề ra một số biện pháp thay số thuốc súng và đạn tìm được trong hòm. Ông muốn để dành những thứ ấy cho tương lai. Kỹ sư có thể làm được thuốc súng lăm, bởi vì ông đã có sẵn diêm tiêu, lưu huỳnh, than, nhưng việc chế biến đòi hỏi hết sức cẩn thận, và không có các thiết bị đặc biệt thì khó làm được thuốc súng chất lượng tốt.

Bởi vậy, Cyrus Smith ưa sản xuất thuốc súng bông (piroxilin) hơn, tức là chất nổ thông thường làm bằng sợi bông. Tuy nhiên, có thể không cần bông cũng được, bởi vì thực chất chỉ cần dùng chất xenlulo, mà xenlulo thì có trong rất nhiều loại thực vật, kể cả cây rơm cháy mọc rất nhiều ở gần cửa suối Đỏ, và những người khai khẩn đã lấy quả của cây thuốc họ kim ngân này rang lên uống thay cà phê.

Còn một chất khác cần cho việc điều chế thuốc súng bông là axit nitric bốc khói. Cyrus Smith đã có axit sunfuric, nên ông có thể dễ dàng thu được axit nitric bằng cách dùng axit sunfuric để xử lí diêm tiêu sẵn có trong thiên nhiên.

Để được thuốc súng bông chỉ cần nhúng xenlulo vào axit nitric bốc khói trong một phần tư giờ, sau đó đem ra rửa và phơi khô. Bạn đọc thấy đó, chẳng có thứ gì đơn giản hơn...

Và thế là những người thợ săn ở đảo sắp có thêm một loại chất nổ tuyệt vời mà nếu khéo biết dùng thì nó sẽ phục vụ họ rất đắc lực...

Vào thời gian ấy, những người di dân đã vỡ được ba acre^[21] trên đất cao nguyên Tâm nhìn, số đất còn lại họ dành làm các bãi chăn nuôi dê rừng. Đã mấy lần những người khai khẩn vào rừng đánh giồng một số rau mọc hoang như diếp, củ cải, khoai tây... về trồng. Chẳng bao lâu, với sự chăm sóc khéo léo, các loại rau đều trở nên tốt hơn.

Nờ công của những người chủ Lôu đài đá hoa cương mà một số thỏ nuôi cũng phát triển ngày một nhiều. Ngoài ra, những người khai khẩn còn bắt cá trong hồ và dưới sông Tạ ơn. Cá câu được bây giờ phong phú hơn, vì Pencroff dùng cần câu với lưỡi bằng sắt, thường bắt được cá hồi rất ngon và còn thứ cá gì tuyệt vời nữa màu bạc có những đốm vàng.

Thêm vào đó là những cuộc săn rùa, nhật trứng rùa nhiều đến mức Gédéon Spilett phải gọi là “bãi trứng rùa”. Nhờ vậy, đầu bếp chính Nab đã có thể làm cho bữa ăn hàng ngày thay đổi nhiều món phong phú hơn.

Các chuồng trại bây giờ đã được xây dựng vững chắc bằng ván, và những người di dân bắt đầu những cuộc vây bắt những con vật nhai lại ở chân núi Franklin, trên các bãi cỏ. Mồng 7 tháng hai, một ngày hè nắng ráo, tất cả họ đều tham gia cuộc vây bắt này. Hai chú la tỏ ra rất được việc, chịu để Gédéon Spilett và Harbert cưỡi đi khắp nơi, bây giờ lại cùng con Top vây bắt cừu và dê rừng. Họ vây được cả trăm con, nhưng những con vật chạy toán loạn, đàn ít dần, nên cuối cùng chỉ lừa được cả thảy ba mươi con cừu và mười con dê, phần lớn là những con cái, vào khu chuồng trại. Không còn nghi ngờ gì nữa, đàn gia súc này sẽ ngày càng đông lên, bảo đảm thoả mãn lông và da cho những người khai khẩn...

Chiều chiều, sau một ngày hè oi bức, khi gió biển hây hây thổi vào cao nguyên Tâm nhìn, những người di dân thích ngồi dưới những dàn dây leo xoắn xuýt do chính tay Nab trồng. Họ chuyện trò, chia sẻ với nhau những kiến thức, xây dựng các kế hoạch cho tương lai, còn những câu chuyện pha

trò hơi thô tục, nhưng thiện cảm của chàng thủy thủ đã đem lại sự vui vẻ cho cái thế giới nhỏ bé lúc nào cũng hết sức hoà thuận này.

Họ nói về quê hương mình, về nước Mỹ thân thiết với trái tim họ. Cuộc nội chiến giữa phương Bắc và phương Nam còn diễn ra như trước nữa không? Chẳng thể nào nó còn tiếp diễn; không nghi ngờ gì nữa, Richmond đã nhanh chóng đầu hàng tướng Grant rồi! Sự thất thủ của thủ đô các bang chiếm hữu nô lệ phải là hành động kết thúc trận chiến đổ máu. Phương Bắc tất nhiên đã toàn thắng trong cuộc đấu tranh cho sự nghiệp chính nghĩa. Những người bị trục xuất đang nương thân trên đảo Lincoln muốn được đọc báo. Thế là đã mười một tháng trời nay họ bị cắt đứt với thế giới. Sắp đến 24 tháng ba - một năm tròn kể từ ngày khí cầu quảng họ xuống bờ biển chẳng ai biết đến này. Đạo ấy họ bị tai nạn và không biết liệu có thể thoát nổi cuộc đời thảm thương của mình trong cuộc chiến đấu với thiên tai hay không. Còn bây giờ, nhờ kiến thức của người lãnh đạo, nhờ trí thông minh của bản thân mỗi người, họ đã biến thành những người di dân. Họ có vũ khí, công cụ, dụng cụ, khí cụ. Họ biết khai thác động vật, thực vật và khoáng sản của đảo, nghĩa là cả ba giới tự nhiên, phục vụ cho mình.

Phải, họ đã thường nói về tất cả những điều đó, đã xây dựng những kế hoạch luôn luôn mới mẻ cho tương lai!

Còn Cyrus Smith hầu như bao giờ cũng im lặng nghe các bạn mình. Đôi khi, một lời nhận xét nào đấy của Harbert hay một trò tếu ngộ nghĩnh của Pencroff đã làm ông mỉm cười, nhưng bao giờ và ở đâu ông cũng suy nghĩ về những hiện tượng không giải thích được, về cái câu đố lạ kỳ mà bí mật của nó ông chưa khám phá ra.

CHƯƠNG BẢY

Thang thủy lực. - Sản xuất kính cửa sổ và bát đĩa. - Các toạ độ chính xác của đảo Lincoln. - Đề nghị của Pencroff.

Ngay tuần lễ đầu tiên của tháng ba thời tiết đã thay đổi. Đầu tháng, trăng tròn vành vạnh, nhưng trời vẫn nóng bức không chịu nổi. Có cảm giác như không khí tích đầy điện, do vậy, e rằng mùa mưa bão sẽ kéo dài khá lâu.

Thật vậy, ngày 2 tháng ba, sấm đã nổ rền vang. Gió đông nổi lên và mưa đá hạt to bằng trứng chim bồ câu rơi thẳng vào cửa Lâu đài đá hoa cương.

Thấy mưa đá, Pencroff báo động. Anh nghĩ ngay đến ruộng lúa mì vụ hai đang độ trở bông và đã chạy đi lấy tấm vải vỏ khí cầu phủ lên. Bị mưa đá đau điếng nhưng anh không kêu ca.

Tranh thủ lúc thời tiết xấu, những người khai khẩn làm công việc trong nhà, mỗi ngày lại làm thêm được một cái gì mới. Kỹ sư đã tạo ra được một cái máy tiện và tiện các đồ cho nhà bếp, phòng vệ sinh; ông làm khay áo, giá súng, tủ, giá sách v.v...

Pencroff lúc nào cũng khen:

- Jup của chúng ta tài lắm, ai cũng vừa lòng, chẳng hề nghe chú chửi tục một tiếng bao giờ. Một người hầu tuyệt trần thế chứ, Nab nhỉ!

- Học trò của tôi đấy, - Nab trả lời, - chú ta sắp theo kịp tôi rồi đó!

- Sẽ vượt cậu nữa đấy, - chàng thủy thủ cười trêu, - bởi vì Nab a, cậu ba hoa nhiều quá, còn chú ta thì im hơi lặng tiếng.

Quả thực là Jup hiểu thấu đáo trách nhiệm của mình. Chú rũ quần áo, trở que nướng thịt, quét nhà, phục vụ bàn ăn, xếp củi và điều đặc biệt làm cho Pencroff thán phục là trước khi ngủ bao giờ chú Jup cũng dọn giường cho chàng thủy thủ đáng kính.

Sức khỏe các thành viên trong tiểu khu di dân - thành viên hai chân và hai tay, bốn chân và bốn tay đều tuyệt vời. Họ sống ngoài không khí trong lành ở nơi khí hậu tốt, điều hoà, làm lao động trí óc và chân tay; họ chẳng có gì phải lo bệnh tật.

Và thật thế, mọi người đều cảm thấy khoẻ khoắn lắm. Harbert sau một năm đã lớn thêm hai duim^[22]. Gương mặt chú trở nên nghiêm nghị hơn, dũng cảm hơn, và nhìn chung thấy rằng chú sẽ thành một con người tốt, có thể lực và trí lực. Những lúc rảnh rỗi chú học tập. Chú đã đọc hết số sách tìm thấy trong hòm, còn sau những hoạt động thực tiễn liên quan trực tiếp đến đời sống trên đảo, chú lại hỏi kỹ sư hoặc nhà báo, và hai người lấy làm vui mừng giúp đỡ chú học thêm văn hoá:

Cyrus giúp về môn khoa học, Gédéon Spilett - giúp về kiến thức các thứ tiếng.

Kỹ sư tha thiết mong muốn truyền cho chú bé tất cả những gì ông biết, răn dạy chú bằng việc làm và lời nói; cái hay của Harbert là chú tiến bộ nhanh khi học với thầy giáo của mình.

“Nếu ta chết, - Cyrus Smith nghĩ, - chú ấy sẽ thay ta!”...

... Ngày 9 tháng ba, bão đã yên, nhưng bầu trời cho đến tận cuối tháng hè cuối cùng ấy vẫn không quang đãng trở lại... Hầu như lúc nào cũng mưa.

Vào thời gian ấy con la đã đẻ một con, vui thay, đây cũng lại là một con la cái. Ở trại chăn nuôi, số đầu cừu rừng, heo rừng cũng tăng lên...

Ngày 17 tháng ba, trước sự mãn nguyện của mọi người, chiếc thang thủy lực đã hoạt động lần đầu tiên.

Cyrus Smith đã thực hiện lời hứa của mình. Dưới sự hướng dẫn của kỹ sư, những người khai khẩn đã mở rộng lỗ thoát nước cũ của hồ, cho chảy xuống giếng sâu thành một cái thác. Sức nước đã làm quay bánh xe cuốn cáp, đầu cáp có buộc một cái thúng để đưa người hay hàng lên xuống.

Vào những ngày ấy Cyrus Smith còn thử chế tạo kính thủy tinh từ cát, đá phấn và xút. Công việc mới, nhưng ông đã tận dụng lò gốm cũ. Gédéon Spilett và Harbert đã giúp kỹ sư đắc lực trong việc thổi và cán thủy tinh. Và họ đã thành công: năm mươi tấm kính đã ra đời, được dùng để lắp vào các cửa sổ, tuy không được trong lắm, nhưng đủ cho ánh sáng lọt qua tốt. Sau đấy là các lô bát, đĩa, cốc, chai dùng hàng ngày cho những người di dân...

Chủ nhật, ngày mồng 1 tháng tư, lễ phục sinh, Cyrus Smith và các bạn của ông nghỉ ngơi và cầu nguyện. Ngày hôm ấy trời đẹp, thời tiết giống như vào tháng mười ở Bắc bán cầu.

Sau bữa ăn chiều, tất cả lại tụ tập dưới mái cây xanh. Thay món cà phê Nab dọn ra thứ nước giải khát nấu bằng cây cơm cháy. Câu chuyện lại nói về đảo Lincoln. Bỗng Gédéon Spilett hỏi:

- Cyrus thân mến, ngài đã dùng máy lục phân tìm được trong hòm để xác định vị trí hòn đảo của chúng ta chưa?

Bấy lâu nay, kỹ sư vẫn đinh ninh rằng ông đã xác định các tọa độ của đảo khá chính xác, chỉ sai số không quá năm độ kinh hoặc độ vĩ.

Ngày hôm sau, theo đề nghị của Gédéon Spilett, ông đã dùng máy lục phân kiểm tra lại sự xác định của mình.

Theo các số liệu đầu tiên của ông, đảo Lincoln ở:

giữa 150° và 155° kinh tuyến tây

giữa 30° và 35° vĩ tuyến nam

Bây giờ, những tính toán hoàn toàn chính xác cho biết đảo nằm trên

$150^{\circ}30'$ kinh tuyến tây

$34^{\circ}57'$ kinh tuyến nam.

Nghĩa là đúng như kết quả đầu tiên mà kỹ sư đã tính, sai số không quá năm độ.

- Bây giờ chúng ta không những có máy lục phân, mà còn có cả tập bản đồ nữa, - Gédéon Spilett nói. - Cyrus thân mến, ngài thử coi đảo Lincoln nằm ở nơi nào của Thái Bình Dương?

Harbert đem đến tập bản đồ có lẽ được in tại Pháp - bởi vì các địa danh đều được ghi bằng tiếng Pháp.

Họ giờ bản đồ Thái Bình Dương ra, kỹ sư cầm chiếc compa để xác định vị trí của đảo.

Bỗng ông lạng người đi, nói:

- Đúng, ở khu vực này của Thái Bình Dương trên bản đồ có vẽ một hòn đảo.

- Có đảo! - Pencroff kêu lên.

- Chắc là đảo của chúng ta? - Gédéon Spilett nói.

- Không, - kỹ sư trả lời. - Hòn đảo này nằm ở kinh tuyến một trăm năm mươi ba độ và ba mươi bảy vĩ tuyến độ mười một một fut, cách đảo Lincoln hai độ rưỡi về phía tây và hai độ về phía nam.

- Đó là đảo gì thế ạ? - Harbert hỏi.

- Đảo Tabor.

- Đảo có lớn không?

- Không, đây là một hòn đảo nhỏ mất hút ở Thái Bình Dương, chắc chẳng có ai lên đó làm gì!

- Vậy nhưng ta sẽ lên đó, - Pencroff tuyên bố.

- Chúng ta?

- Vâng, thưa ngài Cyrus. Chúng ta sẽ đóng một con tàu có boong, tôi sẽ đảm nhận lái nó. Thế chúng ta ở cách đảo Tabor bao xa?

- Khoảng một trăm năm mươi hải lý về phía tây bắc. - Cyrus Smith trả lời.

- Một trăm năm mươi hải lý! Chẳng sao hết, - Pencroff tuyên bố. - Nếu thuận gió thì chỉ hai ngày hai đêm là ta đến đó thôi.

- Nhưng mà để làm gì? - Nhà báo hỏi.

- Thì cứ đến thôi. Cũng cần phải đến xem chứ!

Sau câu trả lời ấy, những người di dân đã quyết định sẽ đóng tàu, và họ sẽ bơi đi vào tháng mười, là lúc thời tiết tốt.

CHƯƠNG TÁM

Đóng tàu. - Mùa gặt thứ hai. - Pencroff chẳng cần gì hơn.

Nếu Pencroff đã nảy ra trong đầu một ý định gì là anh không yên tâm nếu chưa thực hiện được ý định ấy. Chẳng hạn, anh nghĩ ra chuyện đi đến đảo Tabor, muốn vậy phải có một chiếc tàu khá lớn - thế là chàng thủy thủ lao vào đóng tàu.

Kỹ sư, với sự đồng tình của chàng thủy thủ, đã dừng lại ở phương án như sau. Chiều dài của tàu sẽ bằng ba mươi lăm fut, chiều ngang - chín fut, đủ tạo cho nó tốc độ. Boong tàu được quyết định lát liền từ mũi đến đuôi tàu, trên đó có hai nắp khoang. Trang bị tàu giống như thuyền buồm lớn, nghĩa là có nhiều buồm có thể điều khiển, điều phối một cách dễ dàng trong lúc có bão biển hoặc cua đột ngột về hướng gió ngược chéch mạn. Và, cuối cùng, họ quyết định đóng thân tàu với mạn cách mặt nước cao, các tấm ván của lớp học bên ngoài được nối với nhau theo kiểu đối đầu chứ không phải ốp lên nhau...

Đóng tàu bằng gỗ gì đây? Bằng gỗ đu hay gỗ thông sần có rất nhiều trên đảo? Họ đã dừng lại ở gỗ thông, thật vậy, đây là loại gỗ, theo lối nói của thợ mộc, rất dễ “bổ”, hơn nữa gia công không khó, lại không sợ nước.

Sau khi cân nhắc mọi điều đến từng chi tiết, những người khai khẩn quyết định chỉ có Cyrus và Pencroff lo việc đóng tàu thôi, bởi vì đến mùa xuân còn những nửa năm nữa. Gédéon Spilett và Harbert sẽ đi săn như cũ, còn Nab và người giúp việc là chú Jup thì lo làm các công việc nội trợ của mình.

Thế là một số cây thông đã được chặt, đẽo, bạt và xẻ ra thành ván. Chỉ sau một tuần, tại khu đất lồm năm giữa Lán tạm và dãy núi đá hoa cương, nơi đặt xưởng đóng tàu, đã thấy có một thanh gỗ ba mươi lăm fut làm sống tàu cùng với sống đuôi và sống mũi trước.

Cyrus Smith am hiểu công việc đóng tàu, cũng như nhiều việc khác; trước hết ông lập bản vẽ thi công. Quả là ông có một người giúp việc tuyệt vời - Pencroff, đã từng nhiều năm làm việc ở các xưởng đóng tàu Bruklin, nên anh biết cần phải làm gì.

Pencroff, lẽ dĩ nhiên hào hứng tham gia việc đóng tàu và sẵn sàng làm việc không nghỉ ngơi.

Nhưng vì một công việc mà có lần anh đã phải rời xưởng mất chỉ đúng một ngày thôi. Đó là ngày 15 tháng tư; hôm ấy anh đi gặt lúa mì. Vụ thu hoạch tuyệt vời, cũng giống như vụ đầu - dự tính bao nhiêu, thu được bấy nhiêu hạt.

- Năm buaso, thưa ngài Cyrus! - Pencroff reo lên, sau khi cân kỹ lượng tài sản của mình.

- Năm buaso, - kỹ sư nhắc lại, - Mà mỗi buaso là một trăm ba mươi ngàn hạt; nghĩa là, cả thảy chúng ta có sáu trăm năm mươi ngàn hạt.

- Đã vậy bây giờ ta gieo hết số hạt, chỉ để lại dự trữ một phần nhỏ thôi, - chàng thủy thủ nhận xét.

- Đồng ý, Pencroff ạ. Và nếu vụ sau cũng trúng như thế này thì chúng ta sẽ thu hoạch bốn ngàn buaso.

- Chúng ta sẽ có bánh mì?

- Sẽ có bánh mì!

- Sẽ phải làm cối xay!

- Chúng ta sẽ làm cối xay.

Vì vậy, vụ thứ ba này cánh đồng lúa mì được mở rộng hơn trước, đất được gia công hết sức kỹ càng rồi mới gieo hạt. Xong đâu đó Pencroff mới lại tiếp tục việc đóng tàu.

Chàng thủy thủ làm việc say mê không thể chê vào đâu được, và cũng chỉ nhờ có sức khỏe cường tráng chàng mới có thể vượt qua được sự mệt nhọc. Trong thời gian ấy, để thưởng cho tất cả các công trình lao động của chàng, những người bạn đã chuẩn bị cho chàng một sự bất ngờ thú vị, và ngày 31 tháng năm, chàng đã được hưởng một niềm vui sướng hầu như lớn nhất trong đời.

Hôm ấy, sau khi ăn trưa, Pencroff định đứng dậy rời khỏi bàn; bỗng chàng cảm thấy có ai đó đặt tay lên vai mình.

Đấy là tay Gédéon Spilett. Nhà báo nói:

- Khoan đã, Pencroff thân mến, sao cậu lại bỏ đi thế? Còn món tráng miệng nữa kia mà?

- Xin cảm ơn, ông Spilett, - chàng thủy thủ trả lời, - tôi không có thời gian.

- Thì dùng một ly cà phê con thôi đã nào?

- Không thích.

- Thế thì, một liều thuốc nhé?

Pencroff bỗng nhiên chồm lên, và khuôn mặt rộng, nhân hậu của chàng tái nhợt đi: chàng đã nhìn thấy nhà báo chìa cho chàng cái tẩu đã được nhồi thuốc, còn Harbert thì đưa cho chàng hòn than hồng.

Chàng thủy thủ định nói điều gì đó, nhưng không thốt nên lời, chàng chộp lấy cái tẩu, để lên môi, mời lửa ở hòn than và rít luôn mấy hơi.

Một làn khói xám thơm cuộn bốc lên thành đám mây nhỏ và từ trong đám mây ấy vang lên giọng nói hoan hỉ:

- Thuốc lá, đích thị là thuốc lá!

- Đúng đấy, Pencroff ạ, - Cyrus Smith lên tiếng, - và là thuốc lá đặc biệt đấy!

- Ôi, đấng thiên mệnh! Người sáng tạo của mọi sự hiện tồn! - Chàng thủy thủ kêu lên. - Bây giờ thì trên đảo của chúng ta có tất cả những gì mong muốn!

Và Pencroff lại hút, hút liên tục.

- Thế ai đã tìm thấy thuốc lá vậy? - Chàng bỗng hỏi. - Tất nhiên là em, Harbert?

- Không phải đâu, anh Pencroff. Ông Spilett đấy.

- Ông Spilett! - Chàng thủy thủ kêu lên, ôm chặt lấy nhà báo chưa từng bao giờ bị sa vào một gọng kìm như vậy.

- Ôi, Pencroff! - Gédéon Spilett rên, khó khăn lắm mới thở được. - Hãy trả ơn cả Harbert nữa - chú ấy đã xác định được đó là cây thuốc lá; cả Cyrus Smith nữa - ngài ấy đã chế biến thành thuốc hút; và Nab nữa - cậu ấy khó khăn lắm mới giữ được cái lưỡi, không tiếc lộ trước sự bất ngờ này.

- Vâng, các bạn, tôi nhất định phải mang ơn các bạn. Mãi đến khi chết tôi sẽ không quên!

CHƯƠNG CHÍN

Mùa đông. - Ép lông thú làm dạ. - Chim hải âu có thể làm được việc gì. - Top và Jup. - Cyrus Smith ở nhà nghiên cứu giếng.

Mùa đông đã đến vào tháng sáu - tháng này ở Nam bán cầu tương tự như tháng mười hai ở các vĩ tuyến Bắc. Đã đến lúc phải quan tâm đến quần áo ấm và bền chắc.

Những người di dân đã cắt lông cừu rừng và bây giờ cần phải làm ra vải từ loại nguyên liệu quý này.

Đương nhiên là Cyrus Smith không có máy chải, máy đập, máy là, máy xe, máy kéo để làm len, cũng như không có máy dệt để dệt vải, vì vậy, ông phải dùng những phương tiện đơn giản nhất để khỏi dệt và xe. Và thực tế ông đã tận dụng đặc tính của lông thú là khi đàn ra thì nó bị ép mịn lại, các sợi xơ lông đan kết vào nhau - bằng cách ấy họ đã làm ra dạ, tuy thô thiển, nhưng là loại vải rất ấm. Lông cừu rừng ngắn, mà để làm dạ thì lại cần đúng loại ngắn như vậy.

Tuyết đã rơi vào cuối tháng sáu. Những người khai khẩn lo dự trữ thức ăn cho gia súc để không phải hăng ngày, mà mỗi tuần; ra trại chăn nuôi một lần thôi.

Cần phải kể chuyện những người di dân lần đầu tiên đã định thiết lập mối liên hệ với thế giới bên ngoài như thế nào.

Từ lâu rồi Gédéon Spilett đã tính đi tính lại, nên chẳng viết một lá thư cho vào chai và thả xuống biển, hy vọng dòng hải lưu sẽ cuốn cái chai ấy đến những bờ biển có người ở, hoặc dùng chim câu để nhắn tin. Nhưng liệu có thể trông cậy được vào những con bồ câu hoặc cái chai không, bởi vì hòn đảo ở cách xa đất liền những một ngàn hai trăm hải lý! Hy vọng như vậy chỉ có hóa là điên.

Ngày 3 tháng sáu, chẳng khó khăn gì họ đã bắt được một con chim hải âu. Harbert đã bắn nó bị thương nhẹ vào chân. Con chim thật là tuyệt, đôi cánh rộng, sải cánh của nó đến mười fut; những con hải âu có thể bay thậm chí qua Thái Bình Dương.

Harbert muốn giữ con chim đẹp lại lắm - vết thương của nó đã mau chóng được chữa lành. Chú bé ước mơ thuần dưỡng nó. Nhưng Gédéon Spilett đã thuyết phục chú không nên coi thường khả năng liên lạc với vùng duyên hải của Thái Bình Dương và hãy thả “người báo tin hỏa tốc” ấy ra: Thế là Harbert đành chịu: quả thực, nếu chim hải âu đã từ một miền dân cư nào đó bay đến đây, thì cũng đáng thả nó ra, và ngay lập tức nó sẽ bay về với những nơi thân thuộc.

Hẳn là, trong lòng Gédéon Spilett đôi khi đã thức dậy một “người làm báo”, những muốn mang hết sức ra để viết một bài bút ký hấp dẫn về cuộc phiêu lưu của những người di dân trên đảo Lincoln! Sự thành công vang dội chờ đợi người phóng viên thường trú của tờ “New York herald” (Người đưa tin Nữ Ước)! Bạn đọc chắc sẽ giành nhau số báo có đăng bài ấy, nếu bài báo tới được tay ông tổng biên tập đáng kính John Benett!

Gédéon Spilett đã viết một mẫu ngắn và bỏ vào một cái túi nhỏ bằng vải không thấm nước, để lên ngoài lời yêu cầu chuyển ngay hộ bức thư tìm được này tới tòa soạn báo “New York herald”. Túi nhỏ được buộc vào cổ, chứ không phải vào chân con hải âu, vì nó thường thích nghỉ trên mặt biển.

Sau đấy họ thả con chim ra. Những người di dân không kém phần hồi hộp theo dõi cánh bay của nó, cho đến khi nó biến mất vào màn sương xa nơi phía Tây.

- Nó bay đi đường nào thế? - Pencroff hỏi.

- Về phía Tân Tây Lan, - Harbert trả lời.

- Chúc đến nơi may mắn! - Chàng thủy thủ kêu lên, mặc dù chàng cũng chẳng hy vọng vào một người đưa thư như thế...

Mùa đông, những người khai khẩn lại làm việc ở nhà: họ sửa chữa quần áo, làm các đồ dùng khác nhau, may buồm cho tàu bằng vỏ khí cầu...

Một hôm, họ đang quây quần nghe kỹ sư nói chuyện khoa học nghiên cứu dùng nước làm nguồn nhiên liệu cho các thế kỷ sắp tới, bỗng con Top cất tiếng sủa. Nó lại sủa với một vẻ gì đó lạ lùng, đến nỗi đã nhiều lần khiến kỹ sư phải nghĩ ngợi. Cũng như trước đây, con Top cứ chạy quanh giếng ở cuối hành lang trong mà sủa.

Cả chú Jup cũng càu nhàu, rõ ràng bị hưng phấn bởi một cái gì đấy.

- Có lẽ, - Gédéon Spilett nói, - cái giếng thông với đại dương, bởi vậy một động vật nào đó sống dưới biển thỉnh thoảng vào đó để thở.

- Có thể lắm, bởi vì đâu có giải thích khác được, - chàng thủy thủ lên tiếng. - Thôi, im đi, Top, - chàng quay lại bảo con chó, - Jup, về chỗ nào!

Con vượn và con chó im tiếng. Chú Jup đi ngủ, nhưng con Top vẫn ở lại trong phòng, suốt buổi tối cứ gầm gừ.

Họ không nói về chuyện ấy nữa, nhưng về mặt kỹ sư bản khoản, lo lắng...

Ngày mồng 3 tháng tám, những người di dân đi nghiên cứu bãi lầy ở phía đông nam đảo. Top và Jup cũng đi theo.

Kỹ sư ở lại nhà một mình. Ông muốn thực hiện kế hoạch đã định từ lâu là nghiên cứu kỹ cái giếng ẩn dưới nền hành lang của Lâu đài đá hoa cương. Cái giếng này chắc chắn thông với biển, vì trước đây nó đã là đường thoát nước thừa từ hồ xuống. Tại sao con Top cứ hay rú rít quanh cái giếng hoài như vậy? Tại sao nó cứ sửa một cách lạ lùng vậy? Tại sao cả con Jup cũng chia sẻ nỗi lo âu của con Top như vậy? Có thể là những nhánh ngầm dưới đất nối liền giếng với các bộ phận khác của đảo chăng? Cyrus Smith muốn làm rõ tất cả những điều ấy mà không nói với ai những sự nghi ngờ của mình.

Kỹ sư đã dùng chiếc thang dây cũ, thả xuống sâu dưới giếng chẳng khó khăn gì, chiều dài của thang hoàn toàn bảo đảm. Sau đấy ông đốt đèn, đeo khẩu cacbin, dắt dao vào thắt lưng và bắt đầu từng bậc xuống. Đến bậc thang cuối cùng ông cảm thấy chân đụng vào mặt nước, nhưng mặt nước đã phẳng lặng ngay lập tức. Ông rọi đèn soi kỹ thành giếng, nhưng không thấy gì. Còn lần theo đường mương thoát nước từ hồ thông xuống biển thì ông không thể thực hiện được.

Nghiên cứu giếng xong, Cyrus Smith trèo lên, rút thang theo, đẩy lỗ giếng lại và trở lại phòng chung trong Lâu đài đá hoa cương, nhắc lại với vẻ suy tư:

- Ta không phát hiện thấy gì cả, nhưng dưới đó vẫn ẩn náu điều bí mật nào đó!

CHƯƠNG MƯỜI

Trang bị của tàu. - Bầy chó rừng tấn công. - Jup bị thương. - Kết thúc việc đóng tàu. - “Bonadventur”. - Chuyển bờ đầu tiên đến bờ nam của đảo. - Cái chai dưới biển.

Lạnh kéo thêm một tuần nữa; những người di dân ngồi ở nhà và chỉ đi thăm trại chăn nuôi xem mọi việc có ổn không. Suốt cả tuần ấy, Pencroff, với sự giúp đỡ của Harbert đã khâu buồm và hăng say đến nỗi chẳng bao lâu mọi việc đã xong. Bộ trang bị của tàu gồm có các sợi cáp bện bằng tấm lưới tìm được cùng với vỏ khí cầu, chất lượng rất tốt. Các cánh buồm được khâu bằng dây cáp; cáp đủ để làm dây kéo, dây giăng, dây lèo và các dây khác... Như vậy là toàn bộ trang bị của tàu đều đã được chuẩn bị đầy đủ trước khi đóng xong tàu. Pencroff thậm chí còn làm một lá cờ, dùng màu đỏ và màu xanh nước biển sơn lên mảnh vải trắng. Các cây có thể lấy được màu trên đảo rất sẵn. Bên cạnh ba mươi bảy ngôi sao biểu hiện ba mươi bảy bang trên các lá cờ của các tàu Mỹ, chàng thủy thủ thêm vào ngôi sao thứ ba mươi tám của “bang Lincoln”, bởi vì chàng coi đảo đã được sáp nhập vào nước Cộng hòa Mỹ.

- Trái tim tôi cảm thấy như vậy, mặc dù sự thật chưa xảy ra, - chàng nói.

Còn tạm thời trong khi lá cờ chưa được kéo lên trên tàu, những người di dân đã treo nó lên trước cửa chính vào Lâu đài đá hoa cương trong tiếng “hoan hô” reo lên ba lần.

Trong lúc mùa đông sắp hết, những người di dân hy vọng mùa đông thứ hai sẽ trôi qua không có những sự kiện gì đặc biệt thì bỗng đêm rạng ngày

11 tháng tám, cao nguyên Tầm nhìn suýt nữa bị phá tan hoang.

Mệt mỏi sau một ngày lao động, những người khai khẩn đã nằm ngủ say sưa, nhưng gần bốn giờ sáng tiếng sủa của con Top đã đánh thức họ dậy.

Lần này con Top không chạy sủa quanh giếng nữa, mà xô ra cửa, y như muốn phá cửa ra. Con Jup thì thét inh ỏi.

- Im đi nào, Top! - Nab kêu lên; anh ta dậy sớm hơn cả.

- Có gì xảy ra thế? - Cyrus Smith hỏi.

Mọi người vội vàng mặc quần áo và mở toang cửa sổ ra, nhìn xuống.

Trước mắt họ trải ra một lớp tuyết phủ trắng trong đêm tối. Họ không nhận ra cái gì cả, nhưng trong màn đêm vang lên tiếng sủa lạ lùng. Rõ ràng là đã có những con vật nào đó đột nhập vào bờ biển, nhưng không thể nhận ra chúng được.

- Những con vật gì thế nhỉ? - Pencroff hỏi.

- Sói hoặc là vượn, - Nab trả lời.

- Quỷ quái thật! Làm sao chúng lại vào được cao nguyên; - nhà báo nói.

- Trại gia cầm của ta bị tiêu rồi, - Harbert thốt lên, - lúa gieo bị tiêu rồi!

- Nhưng mà làm sao chúng lọt được vào đây kia chứ? - Pencroff hỏi.

- Có lẽ, qua cầu, - kỹ sư trả lời, - ai đó trong chúng ta đã quên nâng cầu lên.

- Ôi phải rồi, tôi nhớ lại rồi, tôi quên... - Gédéon Spilett nói.

- Ông vô ý gây họa rồi, trời ơi! - Pencroff nổi xung lên.

- Chuyện đã xảy ra rồi, - Cyrus Smith nhận xét, - ta hãy nghĩ xem làm gì bây giờ.

- Phải đuổi chúng đi ngay, nếu cần thì xông vào chiến đấu với chúng. - Họ trao đổi với nhau và quyết định.

- Nhưng đó là những con thú gì? - Những người di dân thắc mắc, trong khi tiếng sủa vẫn mỗi lúc một to hơn.

Harbert lắng nghe và rùng mình sợ hãi nhớ lại, lần đầu tiên bên nguồn suối Đỏ chú đã từng nghe thấy tiếng sủa y hệt thể này.

- Đó là đàn chó Mỹ hoang! - Chú bé thốt lên.

- Tiến lên! - Pencroff hô.

Và những người di dân trang bị rìu, súng cacbin, súng săn, leo vào thang máy, hạ xuống bờ.

Những đàn chó hoang đói rất nguy hiểm. Nhưng những người di dân vẫn dũng cảm lao vào nơi nguy hiểm nhất. Những phát súng đầu tiên của họ lóe lên trong bóng đêm như ánh chớp đã buộc kẻ thù phải lùi lại.

Những người chủ cao nguyên biết rõ bày thú vào sẽ làm sạch đàn gia cầm, xéo nát cây trồng, gây ra thiệt hại lớn không thể bù đắp lại được, nhất là đồng lúa mì. Nhưng chúng chỉ có thể xộc vào theo bờ trái sông Tạ ơn, vì vậy cần phải chặn đứng chúng ở phần đất hẹp nhất giữa sông và bức tường đá hoa cương.

Theo lệnh của Cyrus Smith mọi người vội chạy về phía ấy; những đàn chó lao xối vào họ.

Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff và Nab siết thành một hàng. Con Top, hoác cái mõm kinh khủng của nó ra, đứng vào phía trước, còn sau nó là con Jup vung chiếc gậy xù xì lên.

Đêm tối mù mịt, qua các nháng lửa đạn những người di dân mới nhận ra được có ít nhất đến năm mươi con thú mắt rực lên như những hòn than, đang đột kích vào.

- Không nhẽ để chúng thọc vào được ư?! - Pencroff thốt lên.

- Không, chúng không thọc vào được! - Kỹ sư đáp.

Những con thú không chọc qua được bức tường “sống”, thậm chí cũng không lấn ép được thêm. Những lớp chó phía sau vẫn kéo đến ồ ạt, vì vậy những người di dân phải liên tục bắn và vung rìu bổ. Không ít xác chó đã nằm la liệt trên đất, nhưng bày chó hình như chưa bớt đi, những con thú vẫn vượt qua cầu lên bờ.

Chẳng mấy chốc bày thú đã áp sát những người di dân. Tình hình đã đến độ không tránh khỏi sát thương, may lắm là bị nhẹ. Harbert đã bắn và giết được một con thú nom giống như một con mèo hoang đang chồm lên lưng Nab. Con Top hăng tiết giấp chiến không kể gì. Nó cắn phập răng nanh vào

họng những con chó hoang, giết chúng chết tươi. Con Jup dùng gậy quật kẻ thù tươi bời, chẳng thể nào tìm nó lại được. Có lẽ nó có khả năng nhìn rõ trong đêm tối. Jup xông vào những nơi quyết liệt nhất. Trong ánh lửa đạn mọi người trông thấy nó bị năm - sáu con thú lớn bao vây, vậy mà nó đã đánh bật hết, bình tĩnh lạ thường.

Những người di dân đã giành được thắng lợi, nhưng phải sau một cuộc chiến đấu kiên cường kéo dài hai tiếng đồng hồ. Khi trời vừa hửng sáng, bầy thú đương nhiên phải tháo lui qua cầu về phía bắc, Nab lập tức nâng cầu lên. Lúc mặt trời đã soi rõ bãi chiến trường, những người di dân đếm được gần năm mươi con thú bỏ xác trên bờ sông.

- Còn Jup đâu mất rồi? - Bỗng Pencroff kêu lên. - Jup của chúng ta đâu?

Jup đã mất tích. Nab gọi chú, nhưng lần đầu tiên Jup không đáp lại tiếng gọi của bạn.

Mọi người bỏ đi tìm. Ý nghĩ Jup đã bỏ xác giữa những con thú bị giết làm cho họ khiếp sợ. Những người di dân bôi các xác thú nằm đầm máu trên tuyết và moi được Jup trong đống những con chó bị giết, con nào con nấy quai hàm bị vỡ, xương sống bị gãy, chứng tỏ chúng đã bị chú Jup can đảm giáng cho những đòn sinh tử. Jup tội nghiệp vẫn còn nằm trong tay một khúc gậy gãy: những con thú chắc là đã nhảy xổ vào cắn chú trong lúc chú không còn vũ khí; trên ngực chú toác ra những vết thương sâu hoắm.

- Còn sống! - Nab cúi xuống bên Jup kêu lên.

- Thế thì chúng ta sẽ chữa khỏi cho chú, - chàng thủy thủ tuyên bố, - sẽ săn sóc chú như chăm sóc một đứa con trai bé bỏng!...

Jup hình như hiểu, bởi vì chú đã ngã đầu vào vai chàng thủy thủ, tựa hồ tỏ ý biết ơn. Chàng thủy thủ cũng bị thương, nhưng những vết thương của anh và của các bạn anh không nguy hiểm - hỏa khí hầu như bao giờ cũng ghì được bầy thú trên một khoảng cách. Chỉ riêng có chú vượn là bị thương nặng thôi.

Pencroff và Nab đặt Jup vào thang máy và đưa lên Lâu đài đá hoa cương. Nab đặc biệt quan tâm chăm sóc, cho Jup được ăn uống những thứ ưu tiên.

- Ăn đi, bạn, - Nab bảo Jup, - ăn tất cả những thứ gì bạn thấy ưng bụng. Bạn đã đổ máu vì chúng tôi, thì trách nhiệm của tôi phải giúp bạn bình phục.

Nhà báo, “thầy thuốc” của trại, tìm các cây lá thuốc cho Jup uống. Thịnh thoảng, con Top lại rón rén đến giường Jup nằm, liếm chân bạn với một vẻ buồn rầu.

Sau mười ngày nằm, đến 21 tháng tám, Jup đã được phép ngồi dậy. Các vết thương của chú đã lành và rõ ràng chẳng bao lâu chú sẽ lại mạnh khỏe và nhanh nhẹn.

Và, thực là bất ngờ, ngày 25 tháng tám, mọi người nghe Nab gọi tướng lên:

- Ngài Cyrus, ngài Gédéon, em Harbert, lại đây nhanh lên!

Và họ đã trông thấy điều này đây: Chú Jup thanh thản ngồi bên thềm cửa Lâu đài đá hoa cương phì phèo tẩu thuốc và nhả ra những cụm khói dày đặc với một vẻ hết sức hài lòng.

- Cái tàu của tôi! - Pencroff thốt lên. - Nó đã lấy cái tàu của tôi! Ừ, thôi được, ông bạn già, hãy cầm lấy làm kỷ niệm! Hút đi, hút đi, ông bạn!

Từ đấy, Jup dùng riêng cái tàu của Pencroff trước đây. Chú tự nhồi thuốc, tự mỗi lửa từ một hòn than hồng, và cảm thấy như chú ta là một con vượn hạnh phúc hơn tất cả những con vượn trên trần gian. Thật là dễ hiểu, sở thích chung đã gắn bó tình bạn của Jup và chàng thủy thủ.

Đã sang tháng chín. Mùa đông đã kết thúc và những người di dân lại hăng hái bắt tay vào công việc.

Việc đóng tàu được tiến triển nhanh chóng. Thân tàu đã được ghép xong. Phần lát bên trong và boong đã kết thúc vào 15 tháng chín. Họ trét tàu bằng cỏ biển khô được tống vào các khe của boong, cũng như lớp lát boong và ngoài, sau đó tưới nhựa thông sôi lên; thứ nhựa này trong rừng có rất nhiều...

Pencroff đã tìm được cây để làm cột buồm chẳng khó khăn gì. Chàng đã chọn một cây bách tán thẳng, nhẵn nhụi, ngã xuống, đẽo bẹt và vạt tròn nơi đầu ngọn. Công việc đánh đai sắt cho cột buồm, tay lái và thân tàu được thực hiện trong lò rèn ở Lán tạm, tuy thô thiển nhưng chắc chắn. Cột cờ, các cột buồm khác và mái chèo được làm xong trong tuần đầu tiên của tháng mười. Và, những người di dân đã quyết định thử tàu ở gần bờ đảo, liệu xem nó có chịu nổi dưới nước không và có thể dùng nó để đi một chuyến xa không.

Ngày 10 tháng mười, họ cho tàu hạ thủy. Mọi việc đã diễn ra tốt đẹp. Khi họ cho tàu trượt trên những con lăn xuống sát bờ biển, nước triều đón ngay nó và con tàu kiêu hãnh nổi lên trong tiếng vỗ tay của những người di dân.

Mọi người nhất trí cử Pencroff làm thuyền trưởng. Để hỗ trợ cho thuyền trưởng Pencroff, họ quyết định trước hết đặt tên tàu, và sau những cuộc tranh luận kéo dài, tất cả đều đồng ý đặt tên tàu là “Bonadventur”, bởi vì đó là tên thánh của chàng thủy thủ đáng mến.

“Bonadventur” vừa cưỡi lên sóng mọi người đã tin chắc rằng nó sẽ chịu đựng được dưới nước trong bất kỳ hành trình nào.

Ngay ngày hôm ấy họ đã thử cho tàu chạy quanh đảo. Mười giờ rưỡi, tất cả mọi người, thậm chí cả Top và Jup, đều có mặt trên boong tàu. Nab và Harbert nhổ neo được cắm sâu vào cát ở gần cửa sông Tạ ơn. “Bonadventur” giương buồm cùng với lá cờ của đảo Lincoln phấp phới bay trên đỉnh, và lên đường ra khơi dưới sự chỉ huy của thuyền trưởng Pencroff.

Con tàu chạy cách bờ ba - bốn hải lý. Từ xa hòn đảo hiện lên trước mặt họ với một vẻ mới.

- Đẹp quá! - Harbert trầm trồ.

- Đúng, hòn đảo của chúng ta đẹp và mến khách, - Pencroff trả lời. - Anh yêu nó như yêu người mẹ ruột thịt! Nó đã che chở chúng ta, những người khốn khổ và cùng cực, và bây giờ đây phải chăng những đứa con trai của nó từ trên trời rơi xuống chẳng còn thiếu thứ gì nữa?

- Chúng ta có đủ cả, - Nab trả lời, - đủ hết thừa thuyền trưởng!...

- Thừa ngài Cyrus, - Pencroff quay sang phía kỹ sư, hỏi, - ngài thấy con tàu của chúng ta thế nào?

- Có vẻ tốt lắm! - Kỹ sư trả lời.

- Tuyệt diệu! Vậy ngài nghĩ sao, có thể cho nó đi một chuyến xa được không?

- Đi đâu, Pencroff?

- Chẳng hạn, sang đảo Tabor?

- Anh bạn của tôi, - Cyrus Smith trả lời, - tôi nghĩ rằng, trong trường hợp cần, có thể không chút lưỡng lự phó thác số phận của mình cho “Bonadventur”; thậm chí còn chấp nhận một chuyến du hành xa hơn; nhưng anh nên biết rằng tôi không muốn để cho anh sang đảo Tabor, ở đấy, anh chẳng có việc gì để mà làm cả.

- Cần làm quen với các đảo láng giềng chứ, - Pencroff trả lời, vẫn khẳng khái giữ ý kiến của mình, - Đảo Tabor là người láng giềng duy nhất! Cho dù vì lịch sự thôi cũng nên đến thăm nó!...

- Cũng có thể, Pencroff, nhưng tôi nhắc lại, anh sẽ tự chuốc lấy sự nguy hiểm không cần thiết...

Sau cuộc bơi thử ngoài khơi, con tàu tiến gần vào cảng Khí cầu, chỉ còn cách độ nửa hải lý.

Harbert đang đứng trên mũi tàu chỉ luồng lạch bỗng kêu to:

- Cho chạy ngược gió, Pencroff, cho chạy ngược gió!

- Chuyện gì thế? - Chàng thủy thủ đứng dậy hỏi. - Đá ngầm à?

- Không... hợm đã, - Harbert trả lời, - em không nhìn thấy... cho chạy ngược gió đi... như thế tốt rồi... tiến lên chút nữa...

Vừa nói Harbert vừa nhào qua mạn tàu, thò nhanh tay xuống nước và kêu:

- Cái chai!

Chú nâng niu cái chai nút kín vớt được ở cách bờ vài cabeltov.

Cyrus Smith cầm lấy cái chai, lặng lẽ mở nút và rút ra một mảnh giấy đã thấm nước, trên đó vẫn có thể đọc được những từ như sau:

“Tôi bị tai nạn đắm tàu... Đảo Tabor (153°) kinh tuyến đông, 37°11’ vĩ tuyến nam”.

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Quyết định bơi. - Đảo Tabor. - Những cuộc tìm kiếm trong rừng. - Trên đảo không có ai. - Túp lều hoang.

- Có ai đó bị tai nạn đắm tàu, - Pencroff kêu lên, - và sống hoàn toàn có một mình trên đảo Tabor cách chúng ta đâu đó một trăm hải lý! Thế nào, ngài Cyrus, bây giờ ngài sẽ không phản đối chuyến du hành nữa chứ!

- Không, Pencroff, - Cyrus Smith trả lời, - và cần phải khởi hành càng sớm càng tốt.

- Ngày mai?

- Ngày mai.

Kỹ sư xem qua vài giây mảnh giấy mà ông lấy trong chai ra. Ông suy tư điều gì đó, rồi nói:

- Các bạn của tôi, dựa vào bức thư này có thể kết luận như sau: thứ nhất, người bị nạn ở đảo Tabor là một người am hiểu nghề hàng hải, bởi vì vĩ tuyến và kinh tuyến của đảo mà ông ta cho biết trùng khớp với vĩ tuyến và kinh tuyến mà chúng ta đã xác định với độ chính xác tới một phút; thứ hai, ông ta là một người Anh hoặc một người Mỹ, bởi vì lá thư đã được viết bằng tiếng Anh.

- Một nhận xét hoàn toàn logic, - Gédéon Spilett tuyên bố, - đấy chính là lời giải đố; đã rõ ràng cái hòm mà chúng ta tìm thấy là ở đâu rồi. Một tai nạn đắm tàu đã xảy ra, vì đã có một người bị nạn. Dù anh ta là ai thì cũng đã gặp may, vì Pencroff đã nảy ra ý định đóng tàu và hôm nay thử nó, chứ chậm một ngày thôi chắc chắn cái chai sẽ bị va vào đá ngầm và vỡ tan rồi.

- Đúng thế, - Harbert nói, - may mà “Bonadventur” đã đi qua trong lúc cái chai còn nổi trên mặt nước.

- Thế anh có thấy điều ấy lạ lùng không? - Cyrus Smith hỏi Pencroff.

- Tôi cảm thấy rằng đây là một dịp may, có vậy thôi, - chàng thủy thủ đáp. - Còn ngài Cyrus, chẳng nhẽ ngài thấy trong việc này có điều gì đó khác thường sao? Bởi vì, một cái chai có thể trôi đến đâu đó mà chả được? Tại sao nó lại không có thể giạt vào đây?

- Có thể là anh nói đúng đấy, Pencroff, - kỹ sư trả lời, - nhưng...

- Nhưng, - Harbert nhận xét, - đâu có gì chứng tỏ là cái chai đã trôi trên biển được bao lâu rồi?

- Chẳng có gì hết, - Gédéon Spilett trả lời, - và thậm chí cả bức thư hình như cũng mới được viết đây thôi. Ngài nghĩ thế nào về điều này, thưa ngài Cyrus?

- Khó nói đấy, nhưng chúng ta nhất định sẽ giải thích được tất cả! - Cyrus Smith trả lời.

Trong lúc diễn ra câu chuyện ấy, Pencroff không ngời bó tay. Chàng chuyển sang góc hứng gió khác và “Bonadventur” giương hết cánh buồm lao về mũi Cái móng. Ai nấy đều nghĩ về con người bị số phận quăng lên

đảo Tabor. Thế nếu nhờ họ đến trễ và không cứu được anh ta thì sao? Trong cuộc sống của những người di dân đã xảy ra một sự kiện lớn. Chính họ bị lâm nạn, nhưng họ lại sợ rằng cái con người bị nạn kia không được may mắn như họ, và thấy mình có trách nhiệm phải mau mau đi cứu giúp con người bất hạnh ấy.

“Bonadventur” vòng qua mũi Cái móng và bốn giờ chiều đã thả neo gần sông Tạ ơn.

Buổi tối hôm ấy, những người di dân đã bàn bạc kỹ kế hoạch du hành. Hợp lý hơn cả là Pencroff và Harbert sẽ đi sang đảo Tabor, bởi vì cả hai người đều biết lái tàu. Hôm sau, 11 tháng mười, rời bến thì họ có thể cập đảo vào ngày 13, bởi vì, nếu thuận gió thì sau hai ngày hai đêm họ có thể dễ dàng vượt được một trăm năm mươi hải lý. Họ sẽ ở đảo một ngày, ba - bốn ngày trên đường về, nghĩa là 17 tháng mười họ sẽ phải trở về đảo Lincoln. Thời tiết rất tốt, phong vũ biểu nhích lên một cách nhịp nhàng, hướng gió hình như đã ổn định, - tóm lại là mọi sự đều thuận lợi cho những nhà du hành dũng cảm rời hòn đảo yêu dấu của mình vì ý thức trách nhiệm và lòng yêu quý đối với con người đồng loại.

Thế là đã quyết định xong, Cyrus Smith, Nab và Gédéon Spilett sẽ ở lại nhà. Nhưng, Gédéon Spilett không quên mình là phóng viên báo “New York herald”. Vì vậy đã đột ngột tuyên bố sẵn sàng đi theo tàu, chứ không chịu bỏ lỡ một dịp như thế này. Và ông đã được nhập vào số những người du hành.

Buổi tối, những người di dân đã chuyển lên tàu “Bonadventur” các đồ ngủ, bát đĩa, vũ khí, đạn, địa bàn, lương ăn cho một tuần, sau đó trở về ngay Lâu đài đá hoa cương. Hôm sau, năm giờ sáng, ba người bạn xúc động chia tay những người ở lại, nhổ neo lên đường...

“Bonadventur” cách bờ đã một phần tư hải lý rồi mà các hành khách của nó vẫn nhìn thấy hai người đứng trên bãi đất cạnh Lô đài đá hoa cương và vẫy chào tạm biệt họ. Đó là Cyrus Smith và Nab.

- Kìa, các bạn của chúng ta đó! - Gédéon Spilett thốt lên. - Lần đầu tiên sau một năm rưỡi chúng ta xa nhau.

Pencroff, nhà báo và Harbert vẫy họ lần cuối cùng, và Lô đài đá hoa cương chẳng bao lâu đã biến mất sau các vách đá cao của mũi Cái móng...

“Bonadventur” chạy rất tốt. Nó nhẹ nhàng cưỡi sóng và đạt dần tốc độ khá cao.

Thình thoảng Harbert cầm lái thay Pencroff. Chú điều khiển chắc chắn, tàu chạy không bị chệch hướng và thuyền trưởng cũng không có gì phải trách cứ người giúp việc của mình.

Gédéon Spilett lúc thì trò chuyện với chàng thủy thủ, lúc thì trò chuyện với Harbert, thình thoảng còn giúp đỡ họ kéo hoặc cuốn buồm...

Sang tối ngày thứ hai, các nhà du hành tính rằng “Bonadventur” có lẽ đã bơi cách đảo Lincoln được một trăm hai mươi hải lý, bởi tàu chạy với tốc độ trên ba hải lý một giờ. Gió thổi rất nhẹ, tưởng như sắp lặng hẳn. Tuy vậy, vẫn có thể hy vọng sáng sớm mai đảo Tabor sẽ xuất hiện, nếu như các tính toán đều đúng và con tàu không bị đi chệch hướng.

Suốt đêm 12 rạng 13, không có ai trong số họ, cả Gédéon Spilett, Harbert lẫn Pencroff, chợp mắt được. Họ thao thức chờ sáng và không thể nào nén nổi hồi hộp.

Biết bao điều nghi hoặc cứ xoáy chặt vào đầu óc họ! Có đúng họ đang ở gần đảo Tabor không? Con người bị nạn đắm tàu mà họ đang vội đi cứu giúp đây có còn sống không? Liệu anh ta có đem vào cái gia đình hòa thuận của những người di dân mới bất đồng nào không? Tất cả những câu hỏi mà có lẽ ngày mai đây phải được giải đáp ấy đã làm cho họ mất ngủ, và khi những tia sáng mai đầu tiên xuất hiện, họ đã dán mắt nhìn về đường chân trời phía Tây.

- Đất liền! - Bồng Pencroff kêu lên lúc gần sáu giờ sáng.

Pencroff tất nhiên không thể nhầm được, - thế nghĩa là đúng đất liền rồi.

Ta có thể hình dung được đoàn thủy thủ nhỏ bé ấy sung sướng biết chừng nào. Vài giờ nữa thôi họ sẽ lên bờ rồi!

Bây giờ họ đã nhìn thấy toàn bộ hòn đảo, trên đó có những cây leo và còn có cả những cây lớn gì đó nữa giống như những cây mọc trên đảo Lincoln. Nhưng lạ thay, các nhà hàng hải không thấy ở đâu có lấy một làn khói nhỏ - dấu hiệu chắc chắn nói lên rằng hòn đảo có người ở, cũng không thấy có tín hiệu tai nạn nào cả.

Vậy mà lá thư lại nói trên đảo có một người bị tai nạn đắm tàu đang ở, và anh ta tất nhiên là đang đợi sự cứu giúp!

Trong khi đó “Bonadventur” vẫn dừng cảm bởi quanh co giữa các tảng đá ngầm, Pencroff căng mắt chú ý từng khúc ngoặt. Chàng giao tay lái cho Harbert, còn tự mình đứng ở mũi tàu nhìn xuống nước, nắm lấy dây kéo buồm, sẵn sàng hạ buồm ngay lập tức. Gédéon Spilett quan sát bờ qua ống nhòm, nhưng không lưu ý thấy điều gì cả.

Cuối cùng, gần giữa trưa, sống mũi tàu “Bonadventur” chạm vào bờ cát. Họ thả neo, hạ buồm, và đoàn thủy thủ của tàu lên bờ.

Theo kinh nghiệm của Cyrus Smith, họ trèo lên một quả đồi, từ trên cao nhìn bao quát, thấy hòn đảo có hình bầu dục kéo dài, chu vi không quá sáu dặm biển, toàn là rừng, hầu như không có những mũi, vịnh hay eo biển gì.

- Ở, vùng lãnh địa hơi nhỏ, - Harbert nhận xét.

- Hơi nhỏ, - Pencroff tán thành, - chúng mình chẳng có chỗ để mà dạo chơi.

- Hơn nữa, - nhà báo nói thêm, - có lẽ đảo không có người...

Có lẽ, ai đó đã viết lá thư nọ từ mấy tháng trước, thậm chí từ vài năm trước. Vậy có nghĩa là người bị nạn đắm tàu đã trở về quê hương, hoặc là đã chết vì thiếu thốn.

Suốt mấy giờ liền Pencroff, Gédéon Spilett và Harbert đi tìm trên đảo, mà chưa gặp ai, và bây giờ đây, năm giờ chiều, họ đi sâu vào rừng.

Họ đã làm cho một số con vật nào đấy hoảng sợ chạy tán loạn: hóa ra đó là những con dê và heo giống châu Âu. Chắc chắn là một chiếc tàu đánh cá voi nào đấy tình cờ đưa những con giống ấy đến đây, và chúng đã mau chóng sinh sôi nảy nở thêm. Harbert quyết định thế nào cũng phải bắt lấy vài con cái và đực đưa về đảo Lincoln.

Không nghi ngờ gì nữa, - trên đảo đã từng có người ở. Các du khách tin chắc như vậy khi bước vào rừng: ở đấy có những thân cây bị ngã xuống bằng rìu, và chỗ nào cũng thấy có những dấu vết con người đấu tranh với thiên nhiên.

- Có lẽ, Gédéon Spilett nói, - không những có người ở mà thậm chí họ còn ở đây một thời gian. Họ là những ai vậy? Có bao nhiêu người? Còn bao nhiêu người ở lại đây?

- Trong thư chỉ nói đến một người thôi, - Harbert nhận xét.

- Không nhẽ ta lại không tìm ra người ấy sao! - Pencroff thốt lên.

Thế là, những cuộc tìm kiếm được tiếp tục.

Harbert rất mừng đã phát hiện trên đường đi có khoai tây, cà rốt, bắp cải, xu hào; có thể lấy hạt và củ giống đem về trồng trên đảo Lincoln.

- Tuyệt quá! - Pencroff kêu lên. - Dù không tìm được người bị nạn thì chuyến du hành của chúng ta cũng không uổng công.

- Đúng thế, - Harbert tán thành, - có ai coi thường rau, củ bao giờ!...

Trời đã bắt đầu tối, nhà báo đề nghị mọi người quay về tàu ngủ, ngày mai tìm tiếp.

Mọi người đã chấp nhận lời khuyên sáng suốt ấy và định thực hiện thì bỗng Harbert kêu toáng lên:

- Có lẽu kia!

Và, ba người bạn vội vã đi về phía căn lều.

Pencroff mở toang cánh cửa khép hờ ra và xộc vào.

Trong đó vắng tanh!

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Bảng kê đồ vật. - Harbert thoát chết. - Rời đảo. - Bị lạc giữa biển. - Ánh đèn cứu hộ.

Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett im lặng đứng trong căn lều tối.

Pencroff lớn tiếng gọi người chủ lều.

Không có tiếng trả lời tiếp theo.

Khi ấy, chàng thủy thủ bật lửa đốt một cành củi khô; ánh sáng trong nháy mắt soi sáng căn lều nhỏ. Trong lều không có ai. Nơi bếp lò có tro và một bó nôm. Pencroff ném cây củi cháy vào đó, bó nôm bùng lên soi tỏ túp lều.

Bấy giờ, các du khách nhìn thấy một cái giường trải những tấm chăn đã trở nên ẩm ướt và vàng khè. Hẳn từ lâu đã không có ai sử dụng cái giường này. Bên bếp lò lỏng chông hai cái soong đã han gỉ; trong tủ toong teng một bộ quần áo lính thủy nào đấy phủ đầy mốc meo; trên bàn có mấy cái đĩa nhôm và cuốn Thánh kinh mốc xanh; trong góc lều ngổn ngang một cái xẻng, một cái cốc chim, một cái cốc và hai khẩu súng săn, trong đó một khẩu đã bị hỏng; trên giá có một thùng nhỏ đựng thuốc súng, một thùng nhỏ đựng đạn chì và vài hộp kíp nổ; tất cả đều được phủ lên một lớp bụi tích lại có lẽ đã nhiều năm.

- Không có ai cả, - cuối cùng, nhà báo nói.

- Từ lâu rồi, không có ai sống ở đây hết, - Harbert nhận xét.

- Vậy chủ lều đi đâu? Hay là anh ta đã rời đây rồi? - Nhà báo nói.

- Không, nếu đã rời khỏi đây thì anh ta phải mang theo vũ khí và dụng cụ, - Pencroff trả lời. - Bởi vì, các bạn biết đó, con người ta rất quý những thứ còn giữ lại được khi bị tai nạn đắm tàu. Không đâu, anh ta chưa rời khỏi đảo đâu. Anh ta còn ở trên đảo này!

- Và vẫn còn sống? - Harbert hỏi.

- Có thể vẫn còn sống, mà cũng có thể đã chết. Mà nếu chết thì anh ta đâu có tự chôn mình được, - Pencroff trả lời, - chắc chắn chúng ta sẽ tìm thấy dấu tích còn lại của anh ta.

Thế là, những người bạn viễn du đã quyết định ngủ lại trong căn lều.

Suốt đêm, họ không nghe có tiếng chân ai, cánh cửa lều cũng không mở ra lần nào, trong khi thời gian cứ trôi đi.

Chàng thủy thủ và các bạn cảm thấy cái đêm ấy sao mà dài thế!...

Hôm sau, trời vừa sáng họ đã dậy và bắt đầu xem xét căn lều. Ai nấy đều tin chắc rằng cư dân duy nhất của đảo đã chết. Bởi vậy, Pencroff và các bạn đã đi tìm, có lẽ, không phải con người, mà là dấu tích của anh ta. Nhưng mọi cuộc tìm kiếm đều uổng công. Họ đã đi đến kết luận: người bị nạn đắm tàu đã chết và không để lại dấu vết gì: Hẳn là thú dữ đã ăn mất xác anh ta.

- Hùng sáng ngày mai chúng ta lên đường trở về thôi, - Pencroff nói với các bạn lúc gần hai giờ chiều, khi họ dừng lại nghỉ dưới bóng những cây thông.

- Em nghĩ, - Harbert nhận xét, - chúng ta có thể mang theo những vũ khí, dụng cụ, đồ dùng của người chủ lều mà không bị lương tâm cắn rứt, có phải thế không?

- Đồng ý, - Pencroff nói, - chớ quên mang theo một đôi heo, vì trên đảo Lincoln không có giống này.

- Và lượm hạt giống nữa, - Harbert nói thêm, - thế là chúng ta sẽ có đủ rau, củ của cả cựa thế giới lẫn tân thế giới.

Và Harbert đi theo con đường nhỏ dẫn đến các cánh ruộng, và vườn, còn chàng thủy thủ cùng nhà báo đi sâu vào rừng.

Nửa giờ sau, hai người thợ săn vừa bắt được giữa những lùm cây rậm rạp một con heo đực và một con heo cái thì bỗng thấy có những tiếng kêu vang lên cách đó vài trăm bước về phía bắc, kèm theo những tiếng kêu ấy là tiếng gầm gừ khùng khiếp của một con thú nào đấy.

Pencroff và Gédéon Spilett thẳng người dậy và bắt đầu lắng nghe. Hai con heo chàng thủy thủ chưa kịp buộc đã bị xông mất.

- Đúng là tiếng của Harbert rồi! - Nhà báo thốt lên.

- Ta chạy đến coi! - Pencroff nói.

Và cả hai người ba chân bốn cẳng chạy ngay đến chỗ có tiếng kêu vang lại.

Họ vội vã không uống công chút nào: Vừa ra đến khoảng rừng trống họ đã thấy một con thú nào đấy, có lẽ là một con vượn to, đang bóp cổ chú bé,

quật xuống đất.

Pencroff và Gédéon Spilett, nhanh như chớp, xông thẳng vào con quái vật, đánh gục nó, giải thoát cho Harbert. Cả hai người đều khỏe nên mặc dù bị con quái vật chống cự, họ đã trói chặt được nó lại.

- Em nguyên vẹn, không bị sây sát gì chứ, Harbert? - Gédéon Spilett hỏi.

- Vâng ạ.

- Con vượn này định xé tan xác em ra đó! - Pencroff nói.



- Đây đâu phải là vượn! - Harbert nói lại.

Khi nghe vậy Pencroff và Gédéon Spilett đã nhìn kỹ sinh vật lạ kỳ nằm trên đất.

Thật vậy, đó không phải là vượn. Đó là sinh vật người - một con người! Nhưng mà là một con người lạ kỳ làm sao! Một con người man rợ đúng với cái nghĩa kinh khủng nhất của từ đó. Càng đáng sợ hơn nữa là con người ấy đã đi đến mức hoang dã tột cùng. Đầu tóc bù xù, râu cằm bần thỉu rủ xuống ngực, thay vì quần áo là một cái khố bằng miếng vải rách nào đấy, hai con mắt lơ lảo, hai cánh tay to, móng tay dài ngoẵng, da mặt đen nhem, hai bàn chân chai sần. Đó là hình ảnh thảm hại của một sinh vật, song, lại được mệnh danh là con người. Và, bất giác có một vấn đề được đặt ra: tâm hồn của con người ấy có còn giữ được chăng, hay chỉ còn nguyên vẹn những bản năng động vật?

- Thế anh có tin rằng đây là một con người hoặc đã từng có một thời nào đó là con người không? - Pencroff hỏi nhà báo.

- Than ôi! Không có gì phải nghi ngờ nữa, - nhà báo trả lời.

- Vậy đây chính là người bị tai nạn đắm tàu ư? - Harbert kêu lên.

- Đúng, - Gédéon Spilett khẳng định, - nhưng con người rủi ro ấy đã đánh mất bộ mặt của một con người rồi!

Nhà báo nói đúng. Và mọi người hiểu rõ rằng, nếu kẻ bị bắt trước đây đã từng là một sinh vật có lý trí thì sự cô đơn đã biến anh ta thành con vật, chứ không phải chỉ là một tên man rợ. Hẳn gầm gừ, nhe những cái răng sắc như răng thú dữ, và dường như được tạo ra để cắn xé thịt sống vậy. Hẳn là đã từ lâu lắm rồi hẳn quên mất hẳn là ai, hẳn đã mất thói quen sử dụng công cụ,

vũ khí, mất thói quen dùng lửa. Hắn đã từng là con người nhanh nhẹn, đường hoàng, nhưng có lẽ, những phẩm chất về cơ thể ấy trong hắn đã biến thành cái có hại cho những phẩm chất về trí tuệ.

Gédéon Spilett bắt chuyện với hắn. Nhưng, hắn hình như không hiểu và thậm chí hầu như không nghe... Tuy nhiên, nhìn kỹ hơn vào đôi mắt của hắn, nhà báo thấy rằng lý trí của con người ấy vẫn chưa hoàn toàn mất hẳn.

Vậy nhưng kẻ bị bắt ấy không chống cự và không định rút những sợi dây trói buộc hắn. Có thể là hắn đã chịu qui phục khi nhìn thấy những con người, nhìn thấy những người giống như mình chẳng? Hay là một sự hồi tưởng thoáng qua nào đấy đã buộc hắn cảm giác rằng hắn đã trở lại thành một con người?...

Sau khi nhìn thật kỹ con người bất hạnh ấy Gédéon Spilett nói:

- Cho dù hắn đã từng là ai, làm gì trong quá khứ và điều gì sẽ xảy ra với hắn trong tương lai thì nhiệm vụ của chúng ta cũng là giải hắn về đảo Lincoln đã!...

Sáng sớm ngày 15 tháng mười, “Bonadventur” nhổ neo trở về... Tên tù binh được cởi trói và nhốt trong khoang tàu phía mũi...

Nhưng tàu chạy đã sang ngày 17 mà không thấy điều gì chứng tỏ đã gần về tới đảo Lincoln cả. Thêm một ngày nữa, vẫn chưa thấy đất liền xuất hiện. Ngày 18, lại xảy ra chuyện tàu bị sóng tràn lên boong, suýt nữa đã cuốn sạch đoàn thủy thủ xuống biển.

Pencroff và các bạn lo đối phó và đã bị kiệt sức. Nhưng lúc ấy, thật là bất ngờ, tên tù binh đã cứu giúp họ. Hắn từ cửa khoang lao ra, dường như trong hắn đã thức tỉnh bản năng của một người thủy thủ, và dùng tay tời phang

vỡ tấm chắn sóng ở mạn tàu cho nước tràn lên boong thoát ra. Khi con tàu đã được giải phóng khỏi trọng tải thừa ấy, tên tù binh lại lẳng lẳng trở về khoang của mình.

Pencroff, Gédéon Spilett và Harbert lẳng người đi vì kinh ngạc, và đã để cho hẳn được tự do hoạt động.

Nhưng, họ đã lâm vào tình cảnh khó khăn. Chàng thủy thủ e rằng họ đã bị lạc giữa biển chơi vơi, không thể về được đảo nữa!

Suốt đêm 18 rạng ngày 19 tháng mười, gió đã lặng, sóng êm hơn. “Bonadventur” đã có thể tăng được tốc độ.

Nhưng, suốt đêm ấy, cả Pencroff, Gédéon Spilett, lẫn Harbert đều không chợp mắt được. Họ thao thức và căng mắt nhìn ra biển: nếu đảo Lincoln ở gần đây thì sáng sớm mai nó sẽ hiện ra, nhưng nếu “Bonadventur” đã bị dòng biển và gió cuốn đi thì hầu như không thể xác định được phương hướng chính xác nữa.

Pencroff hết sức lo âu, nhưng không buồn nản, bởi vì anh đã được tôi luyện và lòng anh kiên định; vừa điều khiển tay lái, anh vừa dỗi nhìn bóng đêm dày đặc vây quanh con tàu bé nhỏ.

Gần hai giờ đêm bỗng chàng thủy thủ nhảy căng lên reo:

- Có ánh lửa! Có ánh lửa!

Và quả thật, một chùm sáng rực rỡ hiện lên cách họ về hướng đông bắc hai mươi hải lý. Ở nơi ấy, trên đảo Lincoln, đã bùng lên ánh lửa sáng rực, có lẽ do Cyrus Smith nhóm và chỉ đường cho họ.

Con tàu đã đi chệch hướng bắc khá xa; Pencroff hướng lại theo ánh lửa sáng chói nơi chân trời, như một ngôi sao hạng nhất.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Cyrus Smith và người lạ. - Thử thách. - Những giọt nước mắt.

Sang ngày hôm sau, 20 tháng mười, bảy giờ sáng, sau bốn ngày bơi, “Bonadventur” thận trọng cập bến ở cửa sông Tạ ơn.

Cyrus Smith và Nab, lo lắng vì thời tiết xấu và vì sự vắng mặt lâu ngày của những người bạn, ngay từ lúc vừa hứng sáng đã lên cao nguyên Tầm nhìn và, cuối cùng, đã nhìn thấy “Bonadventur” bấy lâu chờ mong.

- May quá, họ đã trở về! - Cyrus Smith thốt lên.

Còn Nab, vui mừng quá, bắt đầu nhảy múa, vừa lượn quanh vừa vỗ tay và nhắc đi nhắc lại rõ to mấy tiếng:

- Ôi, ông chủ, ông chủ!

Và cái màn kịch câm ấy cảm động hơn bất kỳ bài diễn văn hùng hồn nào!

Thoạt đầu, sau khi đếm số người trên boong tàu “Bonadventur”, kỹ sư cho rằng Pencroff đã không tìm thấy người bị nạn đắm tàu ở trên đảo Tabor, hoặc là con người bất hạnh ấy đã không muốn từ giã hòn đảo nhỏ của mình và chuyển từ nhà tù này sang nhà tù khác.

Và thật vậy, trên boong chỉ thấy có ba người: Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett.

Khi con tàu cập bờ, kỹ sư và Nab đã đợi sẵn các bạn ở đó, và các nhà viễn du chưa kịp đặt chân lên mặt đất, Cyrus Smith đã nói:

- Các bạn về trễ, chúng tôi lo cho các bạn quá! Có chuyện gì chẳng lành xảy ra với các bạn không?

- Không, - Gédéon Spilett trả lời, - trái lại, mọi việc đều bình an vô sự. Chúng tôi sẽ kể hết cho ngài nghe bây giờ.

- Nhưng, các bạn đã không tìm thấy ai cả; các bạn đi ba bây giờ cũng lại trở về ba...

- Xin lỗi ngài Cyrus Smith, - chàng thủy thủ phản đối, - chúng tôi có bốn người.

- Các bạn đã tìm thấy người bị nạn đắm tàu?

- Vâng.

- Và các bạn đã đưa anh ta về đây?

- Vâng.

- Anh ta còn sống chứ?

- Vâng.

- Vậy anh ta đâu? Anh ta là ai vậy?

- Anh ta là người, hay, đúng hơn đã từng là một con người! - Gédéon Spilett nói. - Đây là tất cả những gì mà chúng tôi có thể nói được với ngài, thưa ngài Cyrus!

Và ngay lập tức, các bạn đã kể cho kỹ sư nghe về tất cả những gì đã xảy ra với họ trong thời gian du hành...

Tên tù binh đảo Tabor được dẫn ở khoang mũi tàu lên. Vừa bước chân lên mặt đất, hắn đã định vùng chạy.

Nhưng Cyrus Smith đã bước lại gần hắn và, bằng một điệu bộ đầy quyền uy, ông để tay lên vai hắn, nhìn hắn với một vẻ hiền từ khôn xiết. Và kẻ bất hạnh, dường như đã chịu khuất phục bởi sức mạnh nào đấy, lặng đi, chùng mắt xuống, cúi đầu và thôi chống cự.

- Một con người tội nghiệp bị mọi người lãng quên? - kỹ sư lầm bầm.

Và tất cả đã quyết định cho tên tù binh, mà từ nay những người bạn mới của hắn gọi hắn là “người lạ” được ở trong một căn phòng của Lâu đài đá hoa cương; hắn sẽ chẳng thể chạy đi đâu được. Tên tù binh không chống cự, bước vào chỗ ở mới của mình, vì vậy những người khai phá đảo Lincoln bắt đầu hy vọng rằng bằng sự quan tâm đối với hắn, đến một ngày nào đấy, họ sẽ có thêm một người bạn nữa.

Nab nấu vội bữa ăn sáng, vì nhà báo, Harbert và Pencroff đã đói lả đi...

Sau khi nghe hết chuyện về cuộc viễn du của đoàn thủy thủ, Cyrus Smith đồng ý với các bạn rằng người lạ có lẽ là một người Anh hay người Mỹ.

Ông khen Harbert:

- Chú bạn nhỏ, cháu đã gặp hiểm họa, suýt chết, nhưng nếu không thì cháu lại đã không tìm ra được con người bất hạnh ấy và chúng ta đã không có người bạn mới.

- Ngài Cyrus, có nghĩa là ngài tin rằng ngài sẽ làm cho hẳn ta trở thành một con người? - Nhà báo hỏi.

- Tôi tin, - kỹ sư khẳng định...

Mọi người bốc lên bờ các thứ hàng đưa từ đảo Tabor về. Sau đó, được sự đồng ý của Cyrus Smith, Pencroff và Harbert đưa tàu “Bonadventur” về cảng Khí cầu, mặc dù ở đó hơi xa, cách Lâu đài đá hoa cương những ba hải lý...

Người lạ dần dần đã từ bỏ những bản năng hung dữ của mình. Hẳn không ăn thịt sống như hồi ở trên hòn đảo nhỏ của hẳn nữa, mà đã ăn thịt nấu chín.

Một hôm, lợi dụng lúc người lạ ngủ say, Cyrus Smith đã cắt bỏ mớ tóc bù xù và bộ râu cằm dài từng làm cho vẻ mặt hẳn nom thật đáng sợ. Kỹ sư mặc cho hẳn bộ quần áo thay cho cái khố rách hẳn đeo trên người. Và đây, cuối cùng, trên gương mặt người lạ được sự quan tâm săn sóc đã xuất hiện cái gì đấy của con người và ánh mắt của hẳn cảm thấy đã dịu dàng hơn. Hẳn là trước đây, khi trong đôi mắt của hẳn sáng lên một ý tưởng, hẳn nom cũng đẹp đấy.

Cyrus Smith dành thời gian gần gũi người lạ. Đôi khi là một người, hoặc có khi là tất cả những người di dân đều vào phòng người lạ kể đủ mọi thứ chuyện nhưng thường hơn cả là chuyện về nghề hàng hải gần gũi hơn đối

với bất kỳ người thủy thủ nào. Có lúc người lạ hình như cũng lắng nghe tiếng nói của họ, và họ đi đến khẳng định rằng hẳn hiểu được điều gì đấy. Thịnh thoảng họ thấy trên nét mặt của hẳn biểu hiện nỗi xót xa nói lên những đau khổ trong lòng, bởi vì không thể cho rằng hẳn giả bộ. Nhưng người lạ im lặng, mặc dù không phải một lần họ cảm thấy những tiếng nói như sắp bật ra từ miệng hẳn...

Kỹ sư vẫn không ngừng theo dõi từng sự biến chuyển trong tâm hồn người lạ, nếu có thể dùng được từ ấy đối với hẳn ta... Và, mọi người đều thấy hẳn đã có sự gắn bó theo kiểu của hẳn đối với kỹ sư. Bởi vậy Cyrus Smith quyết định thử thách hẳn, đưa hẳn ra bờ biển, rồi vào rừng, gọi cho hẳn nhớ lại những khu rừng mà hẳn đã sống chừng ấy năm...

Cuộc thử thách đã được thực hiện ngày 30 tháng mười, sau chín ngày người lạ bị giam trong Lâu đài đá hoa cương.

Khi Cyrus Smith và Pencroff bước vào phòng, tên tù binh đang nằm bên cửa sổ và nhìn lên trời.

- Bạn hãy đi theo chúng tôi! - Kỹ sư nói với hẳn.

Người lạ chồm dậy. Hẳn chăm chú nhìn Cyrus Smith, rồi đi theo ông ra bờ biển, còn chàng thủy thủ bước đi đằng sau, tỏ ý chẳng tin chút nào vào sự thành công của cuộc thử thách...

Hẳn đi mấy bước xuống biển. Hẳn nhìn những con sóng uể oải vỗ vào bờ. Trái với điều chờ đợi của mọi người, hẳn không chạy trốn.

Họ đưa hẳn vào cửa rừng và từ đằng xa, sẵn sàng tóm hẳn lại nếu hẳn định tháo chạy.

Khi nhìn thấy những cây rừng tươi tốt, sum sê gió nhẹ thổi đung đưa tàu lá, hăn bắt đầu say sưa hít thở làn khí rừng thơm ngát.

Và, quả thực, hăn đã suýt lao xuống con suối ngăn cách hăn với khu rừng, - những bắp thịt trên đôi chân hăn đã thoáng căng lên... Nhưng, ngay lập tức, hăn lùi lại, quì xuống đất, và những giọt nước mắt to đã lăn trên má hăn!

- Bạn khóc, - Cyrus Smith thốt lên, - có nghĩa là bạn lại đã trở thành con người!

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Điều bí mật chưa được giải thích. - Những lời đầu tiên của người lạ. - Mười hai năm sống trên đảo nhỏ. - Người lạ biến mất. - Cyrus Smith không mất niềm tin. - Cái bắt tay của những người lương thiện.

Đúng là người lạ đã khóc! Có lẽ, một sự hồi tưởng nào đấy đã làm hấn chạnh lòng, và, như Cyrus Smith đã nói, những giọt nước mắt đã thức tỉnh con người trong hấn...

Hai ngày sau cái cảnh ấy, người lạ dường như bắt đầu quan tâm đến cuộc sống của trại di dân. Rõ ràng là hấn nghe hết, hiểu hết, nhưng một mực không muốn nói chuyện với những người chung quanh. Một buổi tối nọ, Pencroff áp tai vào cửa phòng hấn, đã nghe thấy hấn lẩm bẫm:

- Không, không phải họ!

Chàng thủy thủ thông báo lại cho các bạn biết những lời của hấn ta.

- Ở đây ẩn giấu điều bí mật buồn thảm nào đó, - Cyrus Smith nói.

Và cuối cùng, người lạ đã bắt tay làm việc, - hấn bắt đầu đánh những luống đất trong vườn, nhưng thường hay bỏ xẻo và đứng bất động rất lâu, chìm đắm trong những suy tư của mình. Theo lời khuyên của kỹ sư, những người di dân không phá vỡ sự đơn độc mà hấn muốn giữ. Nếu có ai đến gần là hấn bỏ chạy, đôi vai hấn rung lên vì cố nén những tiếng nước nở muốn bật ra.

Có thể là hăn bị lương tâm cắn rứt chẳng? Chắc là như vậy. Có lần, không tìm được nữa, Gédéon Spilett đã có nhận xét như sau:

- Hăn im lặng bởi vì hăn phải thú nhận một điều trầm trọng lắm.

Mấy ngày sau, mồng 3 tháng mười một, người lạ đang làm việc bỗng vứt xẻng và Cyrus Smith từ xa đã trông thấy hăn lại khóc. Cố nén lòng thương xót, kỹ sư lại gần hăn và khẽ chạm vào vai hăn.

- Này, anh bạn của tôi! - Ông nói.

Người lạ tránh nhìn ông, còn khi Cyrus Smith định nắm tay hăn, hăn cự tuyệt.

- Anh bạn của tôi, - Cyrus Smith nhắc lại bằng một giọng cứng rắn, - tôi muốn anh nhìn vào mắt tôi.

Người lạ nhìn kỹ sư, phục tùng ý chí của ông, như một người bị thôi miên. Hăn định bỏ chạy. Nhưng nét mặt hăn bỗng thay đổi. Đôi mắt hăn rực lửa. Đôi môi hăn chỉ chực bật ra những lời gì đó. Hăn không thể tự kìm chế được nữa rồi! - Cuối cùng, hăn khoanh chéo tay trước ngực, dịu giọng hỏi:

- Các ngài là ai?

- Chúng tôi cũng bị lâm nạn như anh, - kỹ sư trả lời với niềm xúc động khôn xiết, - Anh đang sống với những người bạn của mình, giữa những con người...

- Giữa những con người... Không, tôi không phải là con người nữa!

- Anh đang sống giữa những người bạn.

- Giữa những người bạn! Tôi không có bạn! - Người lạ kêu lên, hai tay bưng kín mặt. - Không... và sẽ không bao giờ có... Hãy để mặc tôi, hãy để...

Hắn chạy đến tận bờ rìa cao nguyên chên vênh trên mặt biển và đứng mãi ở đó. Cyrus Smith quay trở lại với các bạn và kể cho họ nghe về tất cả những điều gì đã xảy ra.

- Đúng là trong cuộc đời của con người này có điều bí mật gì đó, - Gédéon Spilett nhận xét, - và, rõ ràng là chỉ có sự cắn rứt lương tâm mới thức tỉnh được con người trong hắn.

- Chúng ta đã đưa về đây một gã kỳ cục thích cô đơn nào đó, - chàng thủy thủ tuyên bố, - Hắn kín miệng quá đi.

- Hắn giữ kín điều gì đó, và chúng ta phải tôn trọng, - Cyrus Smith trả lời một cách rõ ràng. - Nếu hắn phạm tội thì hắn phải đền tội một cách nghiêm khắc và những tội lỗi của hắn sẽ từ giã hắn.

Suốt hai giờ người lạ tha thẩn một mình trên bờ vực; có lẽ, dưới sự dồn nén của những ký ức, trong lòng hắn đã sống lại quá khứ, và, tất nhiên là một quá khứ buồn. Những người di dân vẫn trông thấy người lạ, nhưng họ không định xâm phạm đến cá tính riêng của hắn.

Và đây, sau hồi suy ngẫm dài, hình như hắn đã quyết định điều gì đó và tìm đến Cyrus Smith. Hai mắt hắn đỏ ngầu vì nước mắt, nhưng hắn không khóc nữa. Có cảm tưởng như hắn sợ hãi, sượng sùng; hắn muốn thu mình lại để không ai nhận ra hắn; hắn nhìn gằm gằm xuống đất.

- Thưa ngài, - hăn nói với Cyrus Smith, - ngài và các bạn của ngài là người Anh?

- Không, chúng tôi là người Mỹ.

- Ồ, hóa ra thế, - người lạ thốt lên và khẽ nói thêm: - Càng tốt.

- Thế còn anh, anh bạn của tôi? - Kỹ sư hỏi.

- Người Anh, - hăn nhanh nhẹn trả lời. Rõ ràng là hăn đã chẳng thấy dễ dàng gì khi nói mấy lời ấy, vì ngay lúc đó hăn đã rời khỏi bờ vực, hăn chạy từ thác nước đến cửa sông, và có cảm giác như hăn phát khùng lên vì xúc động.

Một lần nọ, khi đi ngang qua Harbert, hăn dừng lại và hỏi bằng một giọng nghẹn ngào:

- Bây giờ là tháng mấy?

- Tháng mười một, - Harbert trả lời.

- Còn năm?

- Năm một ngàn tám trăm sáu mươi sáu.

- Mười hai năm! Mười hai năm! - Người lạ nhắc lại. Và đột nhiên hăn bỏ chạy đi.

Harbert đã kể lại cho những người di dân nghe câu chuyện ấy.

- Gã tù binh lạ mặt của chúng ta, - Gédéon Spilett nhận xét, - đã quên tính thán, năm rồi.

- Đúng. - Harbert nói thêm, - nghĩa là ông ta đã sống mười hai năm trên đảo Tabor?

- Mười hai năm! - Cyrus Smith nhắc lại. - Đúng, nếu mười hai năm sống trong sự cô đơn mà lương tâm lại có vết như nữa thì mất lý trí chẳng khó gì.

- Theo tôi, - đến đây Pencroff xen vào, - con người này hoàn toàn chẳng phải bị tai nạn đắm tàu gì đâu, mà đơn giản là người ta đày hấn lên đảo Tabor để trừng phạt vì một tội ác nào đấy thôi.

- Có lẽ anh nói đúng, Pencroff, - nhà báo ủng hộ chàng, - mà nếu vậy thì những người đày hấn lên đảo nhất định sẽ trở lại đưa hấn về.

- Và sẽ không tìm thấy hấn, - Harbert nhận xét.

- Thế nghĩa là cần phải đi sang đảo... - Pencroff nêu ý kiến.

- Các bạn của tôi, - Cyrus Smith nói, - chúng ta sẽ không bàn luận vấn đề này trong khi chưa biết rõ sự tình ra sao. Tôi tin rằng người lạ đã phải chịu đựng nhiều đau khổ, đã phải trả giá ghê gớm cho những tội ác của mình, và đang bị dẫn dắt bởi ý muốn thổ lộ nỗi lòng mình với chúng ta. Tạm thời chúng ta sẽ không cưỡng bức anh ta làm điều ấy. Tất nhiên, anh ta sẽ tự kể hết, và khi ấy chúng ta sẽ thấy phải xử sự như thế nào. Và lại, chỉ có người lạ mới có thể nói cho chúng ta biết anh ta có hy vọng, có tin tưởng rằng đến một lúc nào đó anh ta sẽ trở về tổ quốc không. Bản thân tôi không chắc rằng anh ta sẽ được như vậy.

- Tại sao thế? - Nhà báo hỏi.

- Bởi vì, nếu anh ta bị kết án có thời hạn nhất định thì anh ta đã chờ đợi ngày được trả tự do và đã không viết thư bỏ xuống biển. Không, chắc chắn là anh ta đã bị kết án tù chung thân, bị suốt đời cô độc.

- Có một điều tôi không hiểu nổi, - chàng thủy thủ nhận xét.

- Cụ thể là điều gì?

- Nếu mười hai năm trước đây người ta đày anh ta lên đảo Tabor, thì anh ta đã phải sống nhiều năm trong cảnh hoang hóa như khi chúng ta tìm thấy anh ta!

- Hoàn toàn có thể, - Cyrus Smith nói.

- Vậy ra là anh ta đã viết bức thư từ mấy năm trước rồi!

- Không có gì phải nghi ngờ... song, xét trên mọi mặt thì rõ ràng là bức thư mới được viết gần đây thôi.

- Không có nhẽ từ đảo Tabor sang đảo Lincoln mà cái chai đựng lá thư đã trôi mất những mấy năm trời.

- Chuyện này chẳng có gì phi lý cả, - nhà báo phản đối, - biết đâu cái chai ấy đã được sóng biển đưa đến đảo chúng ta từ lâu rồi thì sao.

- Ồ, không! - Pencroff đáp. - Không thể có chuyện sóng cuốn cái chai ra khỏi bờ được, đừng có tưởng vậy. Bởi vì ở phía nam của đảo toàn những vách đá, nó sẽ bị vỡ ngay lập tức.

- Anh nói đúng, - Cyrus Smith nói và ngẫm nghĩ điều gì đấy.

- Chẳng những vậy, - chàng thủy thủ nói tiếp, - lá thư để trong chai suốt mấy năm nhất định là phải bị ướt nát rồi chứ. Nhưng đăng này nó vẫn giữ được nguyên vẹn.

Nhận xét của chàng thủy thủ hoàn toàn đúng: đấy chính là điều khó hiểu nhất, bởi vì lá thư mà những người di dân nhặt được hình như mới được viết gần đây thôi. Hơn nữa trong đó lại chỉ dẫn chính xác vĩ tuyến và kinh tuyến của đảo Tabor, chứng tỏ người viết thư rất am hiểu về địa lý thủy văn mà một thủy thủ bình thường không thể biết được.

- Chúng ta lại gặp một điều gì đó không giải thích nổi, - cuối cùng, kỹ sư nói. - Nhưng dẫu sao cũng không được thách thức sự thành khẩn của người bạn mới của chúng ta. Anh ta sẽ tự kể hết với chúng ta khi nào anh ta muốn, các bạn của tôi ạ.

Thêm mấy ngày nữa trôi qua, người lạ vẫn không nói một lời nào. Anh ta vẫn làm việc luôn tay ở trong vườn, nhưng cách xa những người khác. Những giờ nghỉ, anh ta không lên Lâu đài đá hoa cương và tự bằng lòng với các thứ rau củ sống, mặc dù được mọi người gọi vào bàn ăn. Anh ta không vào ngủ đêm trong căn phòng được dành riêng cho anh ta, mà lại ngủ dưới cây trên cao nguyên, còn những hôm trời mưa thì lại ẩn náu giữa các vách đá; tóm lại, anh ta sống y như hời ở đảo Tabor, rừng là chốn nương thân duy nhất của anh ta. Mọi ý định của những người di dân làm thay đổi những thói quen của người lạ đều uống công vô ích - họ phải sẵn sàng chịu đựng. Và đây, cuối cùng tiếng nói của lương tâm trong anh ta đã vang lên, những lời thú nhận khủng khiếp bất giác đã bật ra từ môi anh ta, dường như dưới tác động của một sức mạnh không gì cưỡng nổi.

Mồng 9 tháng mười một, gần tám giờ tối, khi những người di dân ngồi dưới giàn cây leo xanh trong bóng hoàng hôn, bất ngờ người lạ xuất hiện trước mặt họ. Đôi mắt anh ta ánh lên mới lạ kỳ làm sao, còn trên gương mặt thì lại thấy hiện lên một vẻ hung tợn.

Cyrus Smith và các bạn đều kinh ngạc thấy người lạ hồi hộp đến thế: hai hàm răng anh ta đánh cằm cạp như thể bị rét run. Anh ta làm sao vậy? Có thể là anh ta căm thù những con người? Hay là anh ta đã chán sống trong gia đình của những người lao động trung thực? Hay là trong anh ta những bản năng man rợ lại trỗi dậy? Những người di dân đã nghĩ như vậy khi nghe những lời nói thiếu mạch lạc của anh ta:

- Các ông đưa tôi đến đây để làm gì? Các ông lấy quyền gì mà chia là tôi với hòn đảo nhỏ của tôi?... Giữa chúng ta có cái gì chung không?... Và các ông có biết tôi là ai; tôi đã làm điều gì không? Vì sao tôi đã phải sống những ngày lay lắt trong cảnh cô đơn?... Thế nếu tôi là người bị trục xuất?... Nếu tôi bị buộc tội chết trên hòn đảo nơi ấy thì sao?... Các ông có biết quá khứ của tôi không? Biết đâu, tôi đã ăn cướp giết người, biết đâu tôi bị ruồng bỏ và mang tì vết đáng nguyên rủa... Nếu như chỗ của tôi chỉ là ở giữa những con thú dữ... xa lánh con người thì sao?... Các ông hãy trả lời đi... các ông có biết tất cả những điều đó không?

Nhưng người di dân đã nghe, không cắt ngang những lời thú tội nửa vời của người lạ hình như đã được tuôn ra ngoài ý muốn của anh ta. Cyrus Smith muốn an ủi người lạ và đã bước lại gần anh ta, nhưng anh ta đã hãy đi.

- Ông hãy tránh ra! - Anh ta thét lên. - Ông hãy nói một điều thôi... Tôi có được tự do không?

- Phải, anh được tự do, - kỹ sư trả lời.

- Vậy thì vĩnh biệt các ông! - Anh ta kêu lên và chạy bỏ đi như một người mất trí.

Nab, Pencroff, Harbert đuổi theo anh ta vào rừng, nhưng không kịp, đã quay trở lại.

- Cứ để cho anh ta hành động theo ý muốn, - Pencroff thốt lên.

- Sẽ trở lại, - kỹ sư khẳng định... - Đây là sự bùng nổ cuối cùng của một tính cách man rợ không kìm hãm nổi. Nó gây nên bởi sự căng rứt lương tâm, nhưng bây giờ anh ta sẽ không còn phải chịu đựng nổi cô đơn nữa...

Trong khi ấy, công việc sản xuất của những người di dân vẫn được tiến hành đúng thời vụ. Những gì đem từ đảo Tabor về đều được đưa vào trại chăn nuôi hoặc đem trồng.

Ngày 15 tháng mười một, những người di dân đã thu hoạch vụ lúa mì thứ ba. Với vụ này họ đã bắt đầu chắt những cung cấp lúa mì cho bản thân, mà còn cho cả gia súc nữa.

Và thế là, sau khi thu hoạch xong, họ đã bắt tay vào xây dựng một cối xay gió thông thường nhất trên cao nguyên Tầm nhìn. Các dụng cụ có đủ, nên công việc không có gì phức tạp, bởi vì các bộ phận của cối xay cũng thật là đơn giản. Và, ngày mồng 1 tháng mười hai, chiếc cối xay gió đã được hoàn thành. Hôm ấy, đúng lúc gió đông thổi, những người di dân đã xay ngay hai - ba buaso hạt lúa mì. Ngày hôm sau, họ dùng men bia nhào bột và làm ra mẻ bánh mì đầu tiên. Ai nấy ăn bữa trưa đều thấy rất ngon miệng và thỏa mãn...

Nhưng, vẫn không thấy có dấu hiệu gì về sự sống của người lạ cả.

Ngày 3 tháng mười hai, Harbert đi ra bờ hồ phía nam câu cá. Chú không mang vũ khí theo: chẳng có gì đáng sợ cả, vì thú dữ ở vùng này của đảo không thấy xuất hiện.

Trong khi ấy Pencroff cùng với Nab đang làm gì đó ở trại gia cầm, còn Cyrus Smith và nhà báo thì điều chế xút, bởi vì xà phòng của họ đã hết.

Bỗng có những tiếng kêu vang lên:

- Cứu tôi với, cứu tôi với!

Cyrus Smith và nhà báo ở xa quá, không nghe thấy những tiếng kêu. Còn Pencroff cùng với Nab từ trại gia cầm đã chạy bổ ngay ra phía hồ.

Nhưng người lạ đã đang chạy phía trước họ, không ai ngờ đến sự có mặt của anh ta.

Một con báo to đang rón rén đến gần Harbert. Chú bé bị bất ngờ, nép vào cây, còn con vật thì quì xuống đất và chuẩn bị vồ... Đúng lúc ấy, người lạ rút dao ra, lao tới con thú dữ. Con thú quay lại tấn công đối thủ mới.

Cuộc vật lộn diễn ra trong nháy mắt. Người lạ có sức khỏe phi thường và nhanh nhẹn. Một tay anh ta chẹn họng con thú, như xiết gọng kìm, còn tay kia thọc lưỡi dao vào tim nó, bắt chấp bị móng con thú cào vào mình.

Con báo ngã vật xuống. Người lạ lấy chân đạp nó ra và, hình như định bỏ chạy, nhưng ngay lúc ấy, những người di dân đã xuất hiện trên bãi “chiến trường”, và Harbert đã lao tới phía anh ta, kêu to:

- Hãy đứng lại, đừng chạy!

Cyrus Smith bước đến chỗ người lạ, thấy anh ta chau mày lại. Máu chảy đầm đìa trên vai anh ta, ướt đẫm chiếc áo bị rách, nhưng hình như anh ta không để ý đến điều đó.

- Anh bạn của tôi, - Cyrus Smith nói, - từ nay chúng tôi mang ơn anh. Suýt nữa anh đã hy sinh cuộc đời của mình để cứu sống đứa con trai của chúng tôi!

- Cuộc đời của mình! - người lạ lẩm nhẩm. - Lẽ nào cuộc đời của tôi đáng giá một cái gì đó sao? Đối với tôi nó để làm gì?

- Anh bị thương ư?

- Chuyện vặt.

- Cho phép tôi được bắt tay anh!

Harbert chạy lại chỗ ân nhân của mình để cảm ơn, nhưng người lạ khoanh chéo hai tay, ngực phập phồng dữ dội, cái nhìn trở nên mơ màng - dường như anh ta đã định chạy đi, nhưng lại cố hết sức kìm chế mình và nói bằng một giọng gay gắt:

- Các ông là ai và các ông cần gì ở tôi?

Rõ ràng là anh ta muốn biết lai lịch của những người di dân. Có thể, sau khi nghe những điều bất hạnh của họ, anh ta cũng sẽ kể về mình chẳng?

Cyrus Smith thông báo tóm tắt về tất cả những gì đã xảy ra với họ từ sau khi chạy khỏi Richmond, họ đã thoát nạn như thế nào và xuất hiện trên hòn đảo này ra sao.

Người lạ đã nghe hết sức chăm chú.

Sau đấy, kỹ sư bắt đầu nói về những người bạn của mình - Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff, Nab - và nói thêm rằng, niềm vui lớn lao nhất đối với họ kể từ ngày sống trên đảo Lincoln đến nay là ngày “Bonadventur” bởi trở về và họ có người bạn mới xuất hiện.

Sau khi nghe những lời ấy, người lạ đỏ mặt lên và cúi đầu xuống: vẻ khiêm tốn và lúng túng.

- Còn bây giờ, khi anh đã biết chúng tôi rồi, - Cyrus Smith thốt lên, - chúng ta hãy bắt tay nhau!

- Không, không thể như thế được, - người lạ trả lời, giọng khàn khàn, - bởi vì các ông là những người lương thiện, còn tôi...

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Lời đề nghị của người lạ. - Xây dựng khu chăn nuôi. - Hoa tiêu tàu “Britania”. - Người bị từ bỏ trên đảo Tabor. - Bức thư bí ẩn.

Điều bí mật trong cuộc đời của người lạ ấy là gì? Liệu có khi nào anh ta hé mở nó ra không? Chỉ còn có một cách là: chờ đợi.

Và, cái ngày anh ta tự thú đã đến.

Mồng 10 tháng mười hai, sau khi trở lại Lâu đài đá hoa cương được một tuần, người lạ đến bên Cyrus Smith và nói một cách nhẹ nhàng, từ tốn:

- Thưa ngài, tôi có điều muốn đề nghị với ngài.

- Anh cứ nói, - kỹ sư trả lời, - nhưng, trước hết anh cho tôi nói đôi điều với anh đã.

Nghe những lời ấy người lạ đỏ mặt lên và suýt nữa đã bỏ chạy. Cyrus Smith hiểu tâm trạng của kẻ phạm tội có lẽ sợ bị người ta thẩm vấn về quá khứ của mình.

Cyrus Smith đã giữ được anh ta lại.

- Anh hãy nghe đây, - ông nói, - chúng tôi đối với anh không những là người cùng gặp hoạn nạn, mà còn là những người bạn. Đây là tất cả những gì tôi muốn nói với anh, còn bây giờ tôi nghe anh.

Người lạ lấy tay quệt mắt. Anh ta run run và mắt đến mấy giây không sau nói nên lời.

- Thưa ngài, - cuối cùng, anh ta nói, - tôi muốn xin ngài làm ơn cho một việc.

- Việc gì thế?

- Ở cách đây bốn - năm dặm, dưới chân núi, các ngài có khu chăn nuôi gia súc. Số gia súc này cần được chăm sóc. Ngài có thể cho tôi đến ở đó được không?

Cyrus Smith nhìn người lạ với lòng thương cảm sâu sắc. Rồi ông trả lời:

- Bạn của tôi, tại khu chăn nuôi không có chỗ ở, chỉ toàn là những chuồng thôi, hoàn toàn không thể ở được...

- Nhưng đối với tôi, thưa ngài, ở đó cũng tốt rồi.

- Bạn của tôi, - Cyrus Smith trả lời, - chúng tôi sẽ không làm trái ý anh. Anh muốn ở khu chăn nuôi? Anh sẽ được theo ý mình. Tuy nhiên, anh bao giờ cũng là khách quý trong Lâu đài đá hoa cương. Nhưng, nếu anh ưa sống ở khu chăn nuôi, chúng tôi sẽ cố gắng thu xếp cho anh ở đó được thuận tiện hơn...

Ngay ngày hôm ấy, mọi người mang dụng cụ ra khu chăn nuôi làm chỗ ở cho người lạ. Căn nhà gỗ nhỏ được xây dựng xong sau một tuần, cách các chuồng gia súc độ hai mươi fut, trên một cái gò nhỏ, từ đó có thể quan sát đàn cừu rừng đã sinh sôi trên tám chục con một cách thuận lợi. Họ trang bị

đủ các thứ đồ gỗ: giường, bàn, ghế, tủ, rương, đưa đến đây cả súng, đạn và một bộ dụng cụ.

Tối 20 tháng mười hai, kỹ sư thông báo cho người lạ biết tối hôm nay anh ta đã có thể ngủ đêm ở nhà mới. Những người ở Lâu đài đá hoa cương, không muốn làm cho người lạ phải ngỡ ngàng, nên không định chia tay với anh ta, mà cứ để cho anh ta được tự nhiên. Đã gần tám giờ, đến lúc người lạ phải ra về rồi, mọi người đang ngồi trong phòng lớn chuyện trò, bỗng có tiếng gõ cửa vang lên khe khẽ. Người lạ bước nhanh vào phòng và nói không cần mào đầu gì hết:

- Thưa các ông, khi chia tay các ông, tôi muốn để các ông biết hết sự thật về tôi; xin các ông hãy nghe cho.

Những lời đơn giản ấy gây ấn tượng lớn đối với Cyrus Smith và các bạn của ông.

Kỹ sư đứng lên và nói với người lạ:

- Bạn của tôi, chúng tôi không hỏi anh điều gì cả. Anh có quyền im lặng...

- Bốn phận của tôi là kể hết mọi điều.

- Vậy, anh hãy ngồi xuống.

- Tôi sẽ đứng.

- Chúng tôi sẵn lòng nghe anh kể, - Cyrus Smith nói.

Người lạ lui vào một góc phòng tối mờ mờ. Anh ta đứng, bỏ mũ, khoanh hai tay trước ngực, kể bằng một giọng khàn khàn:

- Ngày 20 tháng mười hai năm một ngàn tám trăm năm mươi tư, chiếc tàu buồm chạy bằng hơi nước “Duncan” của một người chủ giàu có ở vùng Scotland - huân tước Glenarvan - thả neo ở bờ biển phía tây Australia, gần mũi Bernouilli, trên vĩ tuyến ba mươi bảy. Trên tàu có Glenarvan cùng với vợ, một thiếu tá quân đội Anh, một nhà địa lý người Pháp và hai đứa con của thuyền trưởng Grant - một cô gái trẻ và một cậu bé. Con tàu “Britania” của cha những đứa trẻ ấy trước đó một năm đã bị đắm, đoàn thủy thủ hy sinh hết. Điều khiển tàu “Duncan” là thuyền trưởng John Mangles; đoàn thủy thủ gồm có mười lăm người.

Đây là lý do tại sao tàu “Duncan” lại đến bờ biển Australia.

Nửa năm trước đó, đoàn thủy thủ trên tàu “Duncan” đã nhật được ở bờ biển Ireland một cái chai đựng một lá thư viết bằng ba thứ tiếng Anh, Đức và Pháp. Trong thư viết vắn tắt rằng trong một vụ đắm tàu “Britania” có ba người sống sót là thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ. Họ đã lên được vùng đất nào đó; có chỉ dẫn vĩ tuyến 37°11’, nhưng kinh tuyến bao nhiêu thì không rõ, vì con số đã bị mờ. Họ yêu cầu được cứu giúp.

Bộ tư lệnh hải quân Anh từ chối việc tổ chức một đoàn thám hiểm đi tìm cứu những người bị nạn. Nhưng huân tước Glenarvan đã tập hợp thành phần hành khách và đoàn thủy thủ nói trên, dùng chiếc tàu “Duncan” của mình đi cứu họ. “Duncan” rời cảng Glasgow, đi dọc vĩ tuyến 37°, sang tận Patagonia ở Nam Mỹ, nhưng không tìm thấy dấu vết của thuyền trưởng Grant. Glenarvan quyết định đi Australia. Như trên tôi đã nói, “Duncan” đến đây, thả neo ở gần mũi Bernouilli nằm trên vùng duyên hải Australia, rồi đoàn thủy thủ đi tìm kiếm ở trên đất liền. Tại đó, cách bờ biển vài dặm, có trang trại của một người Ireland di cư nào đấy. Ông ta niềm nở tiếp đoàn

thám hiểm. Huân tước Glenarvan đã kể hết cho người Ireland nghe vì sao họ đến đây và hỏi xem thổ dân ấy có tin tức gì về chiếc tàu “Britania” bị đắm ở vùng biển này cách đây gần hai năm không. Người Ireland họ không biết, nhưng may thay, một trong số những người làm của ông ta có mặt hôm ấy lại xen vào câu chuyện:

- Thưa huân tước, ngài hãy cầu chúa và tạ ơn Người đi, - ông ta nói. - Nếu thuyền trưởng Grant còn sống thì ông ta đang ở trên đất Australia.

- Ông là ai vậy? - Huân tước Glenarvan hỏi.

- Một người Scotland như ngài, thưa huân tước, - người lạ ấy trả lời. - Tôi là một trong những người cùng bị cảnh đắm tàu với thuyền trưởng Grant.

Họ của người ấy là Ayrton. Anh ta có giấy xác nhận là hoa tiêu trên tàu “Britania”. Bấy lâu nay, anh ta cứ tưởng chỉ có một mình anh ta sống sót trong vụ đắm tàu này.

Ayrton nhận lời hướng dẫn đoàn thám hiểm của Glenarvan đi tìm thuyền trưởng Grant trên vùng duyên hải Australia.

Vì tàu “Duncan” lúc ấy bị hỏng, nên đoàn thám hiểm chia làm hai toán. Toán đi đường bộ theo vĩ tuyến 37 ra duyên hải phía đông Australia gồm có vợ chồng Glenarvan, hai đứa con của thuyền trưởng Grant, thiếu tá, nhà địa lý, thuyền trưởng Mangles và vài thủy thủ, do Ayrton dẫn đường. Còn tàu “Duncan” dưới sự chỉ huy của Tom Austin, phó thuyền trưởng, thì đưa tàu đi Melbourne sửa chữa và ở lại đó đợi lệnh của Glenarvan.

Ngày 23 tháng mười hai năm một ngàn tám trăm năm mươi tư, đoàn đi bộ lên đường.

Cần phải nói với các ông rằng Ayrton là một kẻ phản bội. Đúng là hắn đã từng làm hoa tiêu trên tàu “Britania”, nhưng lại tranh chấp với thuyền trưởng và đã âm mưu xúi giục thủy thủ nổi loạn chiếm tàu. Thuyền trưởng Grant đã đẩy hắn lên bờ biển phía tây Australia ngày 8 tháng tư năm một ngàn tám trăm năm mươi hai - đó là một sự trừng phạt công bằng.

Vì vậy, tên bất nhân này thậm chí không hay biết gì về vụ đắm tàu “Britania”. Lần đầu tiên hắn được biết mọi chuyện ấy là qua lời kể của Glenarvan. Từ khi Ayrton bị đưa lên bờ, hắn núp dưới cái tên Ben Joyce cầm đầu một toán tội phạm trốn trại, và bây giờ đây lại trắng trợn khẳng định rằng vụ đắm tàu đã xảy ra ở bờ biển phía đông. Hắn đã cố ý đưa huân tước Glenarvan đi lạc đường với hy vọng trong lúc ông còn đang trên đường du hành thì hắn đã kịp chiếm lấy chiếc tàu buồm “Duncan”, biến nó thành tàu cướp biển và làm mưa làm gió trên biển.

Người lạ im lặng. Sau đó lại tiếp tục kể bằng một giọng run run.

- Toán đi đường bộ, chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả, khi họ không đạt được mục đích, bởi vì, bọn Ayrton hay Ben Joyce, tùy muốn gọi thế nào cũng được, lúc thì đi trước, lúc thì đi sau đoàn thám hiểm, sẵn sàng thực hiện âm mưu của tên thủ lĩnh.

Ayrton tìm đủ mọi cách khuyến dụ Glenarvan viết thư phát lệnh cho tàu “Duncan” rời Melbourne đi vịnh Twofold ở bờ biển phía đông, cách chỗ họ dựng trại vài ngày đường. Bọn cướp biển đã hẹn đợi Ayrton ở đó để hành động chiếm đoạt tàu “Duncan”.

Tên phản bội suýt nữa được giao chuyển thư lệnh trên cho phó thuyền trưởng Tom Austin, nhưng hắn bị vạch mặt ngay tức thì, và đã phải bỏ chạy. Tuy nhiên, người mang thư lệnh sau đó lại bị bọn chúng âm mưu

hành hung, và cuối cùng, chính Ayrton đã đoạt lấy bức thư và hai ngày sau đã có mặt ở Melbourne, giao thư cho phó thuyền trưởng Tom Austin. Xem xong thư, Tom Austin liền cho tàu nhổ neo. Nhưng, Ayrton đã thất vọng biết bao, khi sang ngày thứ hai hăn được biết Tom Austin không cho “Duncan” chạy đi vịnh Twofold như hăn mong muốn, mà lại đi bờ biển phía đông New Zealand. Hăn âm mưu chống lại, song Tom Austin đưa cho hăn coi bức thư lệnh của Glenarvan. Đúng như vậy, nhờ một sự tình cờ - nhà địa lý người Pháp đã viết nhầm lệnh của Glenarvan - mà tàu “Duncan” đã được lệnh đi về bờ biển phía đông New Zealand.

Mọi kế hoạch của Ayrton đều đã sụp đổ! Hăn nảy ra ý định dấy loạn. Và hăn đã bị tổng giam. “Duncan” tiếp tục hành trình đi New Zealand, không biết chuyện gì đã xảy ra với bè lũ tội phạm cướp biển, không biết tình hình toán đi đường bộ của huân tước Glenarvan thế nào.

“Duncan” bơi dọc bờ biển New Zealand đến ngày mồng 3 tháng ba. Hôm ấy, Ayrton đã nghe thấy những tiếng súng. “Duncan” đã nã đại bác dồn dập, và chẳng bao lâu huân tước Glenarvan cùng với tất cả những người cùng đi đã bước lên tàu của mình.

Đây là tất cả những gì đã xảy ra trong thời gian đó. Sau khi vượt qua nhiều thử thách và nguy hiểm, toán của huân tước Glenarvan đã ra được đến duyên hải phía đông Australia, đến được vịnh Twofold. Không thấy tàu “Duncan” ở đó! Glenarvan điện báo về Melbourne và được trả lời rằng “Duncan” đã rời bến ngày mười tám trong tháng, hướng đi không biết.

Glenarvan cho rằng đoàn thủy thủ dũng cảm của ông đã sa vào tay tên Ben Joyce, còn “Duncan” thì đã trở thành tàu cướp biển.

Nhưng Glenarvan vẫn không từ bỏ những cuộc tìm kiếm. Đó là một con người dũng cảm và cao thượng. Ông đã tìm kiếm dọc theo vĩ tuyến 37 mà

không thấy thuyền trưởng Grant, nhưng đến bờ biển phía đông New Zealand, thật là hết sức ngạc nhiên và nhờ trời phù hộ, ông đã tìm lại được tàu “Duncan” đợi ông ở đó đã năm tuần nay!

Thế là Glenarvan lại bước lên tàu “Duncan” - trên đó đã có cả Ayrton. Hắn được dẫn đến gặp Glenarvan. Ông muốn hỏi dò tên ác nhân xem hắn có biết gì về số phận của thuyền trưởng Grant không. Ayrton từ chối trả lời. Glenarvan cảnh cáo tên ác nhân rằng, đến cảng đầu tiên, ông sẽ trao hắn cho các nhà đưng cục Anh.

Lúc đầu hắn làm thính, nhưng cuối cùng đã hứa khai hết cho Glenarvan nghe với điều kiện: không trao hắn cho các nhà đưng cục Anh, mà cho hắn lên một trong những hòn đảo ở Thái Bình Dương. Glenarvan đồng ý, bởi vì ông sẵn sàng làm tất cả, miễn là biết được điều gì đấy về số phận của thuyền trưởng Grant.

Đến đây Ayrton đã kể lại lai lịch cuộc đời hắn và thừa nhận rằng từ khi hắn bị đưa lên bờ biển Australia, hắn không biết gì về thuyền trưởng Grant cả.

Tuy nhiên, Glenarvan đã giữ lời hứa. “Duncan” vẫn bơi tiếp, và một hôm nọ, đã thấy xuất hiện đảo Tabor. Ayrton được quyết định để lại trên đảo này. Và chính ở đây, nơi mảnh đất nằm trên vĩ tuyến 37 này đã xảy ra một sự thần kỳ: hóa ra, thuyền trưởng Grant và hai thủy thủ của ông ta đang ở đó. Tên tội phạm đã phải thế họ ở trên hoang đảo này. Khi hắn rời tàu “Duncan”, Glenarvan đã dặn dò hắn những lời như sau:

- Ayrton, người sẽ bị tách biệt khỏi thế giới và con người. Người sẽ không thể chạy khỏi hòn đảo nhỏ mà chúng tôi đưa ngươi lên đây! Người sẽ đơn độc, thân cô thế cô, dưới con mắt nhìn thấu tất cả của đức chúa trời, ngài hiểu thấu mọi điều thầm kín trong tâm hồn mỗi người, và sẽ chẳng ai

lo âu đến người, như chúng tôi lo âu cho thuyền trưởng Grant đâu. Mà người cũng không xứng đáng để cho những người lương thiện nhớ tới người, nhưng họ sẽ không quên người đâu, Ayrton! Ta biết hòn đảo này, ta biết tìm người ở đâu. Trí nhớ sẽ không bao giờ phản bội ta!

Và “Duncan” nhổ neo, chẳng bao lâu đã biến khỏi tầm nhìn.

Việc ấy xảy ra ngày 18 tháng ba năm một ngàn tám trăm năm mươi lăm.

Ayrton ở lại một mình, nhưng hẵn được trang bị đủ mọi thứ cần thiết: vũ khí, dụng cụ, thức ăn dự trữ. Hẵn có sẵn nhà của thuyền trưởng Grant đáng kính để lại. Kẻ bị đày đã phải lủi thủi sống lay lắt trong những ngày dài lê thê và chuộc lại những tội ác do hẵn gây ra.

Và, thưa các ông, hẵn đã tự sám hối, lương tâm đã không để hẵn yên; hẵn thật là bất hạnh! Hẵn đã quyết định nếu một ngày mai con người đến với hẵn, hẵn sẽ phải trở về với thế giới bằng một con người khác! Kẻ bị ruồng bỏ ấy đã đau khổ biết bao! Hẵn đã làm việc thật nhiều, hy vọng rằng lao động sẽ tu chính hẵn. Hẵn đã để bao nhiêu thời giờ để cầu nguyện, những mong cầu nguyện sẽ làm cho hẵn thay đổi!

Ayrton đã sống như vậy hai, ba năm; nhưng sự cô đơn đã giày vò hẵn, và hẵn không rời mắt khỏi chân trời, hy vọng nhìn thấy một con tàu và tự vẫn còn lâu nữa không hẵn sẽ chuộc được tội lỗi của mình? Hẵn khổ sở, vị tất đã có ai phải khổ sở như hẵn. Bởi vì sống trong cô đơn là một cực hình đối với những ai tâm can bị những nỗi đau đớn của lương tâm giày vò!

Nhưng, rõ ràng là trời vẫn chưa trừng phạt đầy đủ kẻ bất hạnh, bởi vì hẵn đã bắt đầu nhận thấy rằng hẵn đang biến thành người man rợ. Hẵn đã cảm thấy rằng hẵn bắt đầu mất lý trí. Khó nói được điều ấy đã xảy ra khi nào - sau hai năm, sau bốn năm chẳng, nhưng cuối cùng, kẻ bị trục xuất đã đánh

mất hết mọi cái của con người, trở thành một sinh vật như các ông đã tìm thấy hẳn!

- Thưa các ông, chẳng cần phải nói với các ông rằng Ayrton, Ben Joyce và tôi cũng chỉ là một mà thôi^[23]

Cyrus Smith và các bạn của ông đã đứng nghe hết lời tự thú ấy. Khó mà diễn tả được lời tự thú đó đã làm cho họ xúc động thế nào! Họ đã thấy nỗi xót xa, đau khổ, tuyệt vọng ấy chân thành biết bao!

- Ayrton, - Cyrus Smith nói một cách trang nghiêm, - anh đã là một tên tội phạm thâm căn cố đế, nhưng tôi tin rằng đức chúa trời đã tha cho anh mọi tội lỗi! Và để chứng tỏ, Người đã cho anh trở lại với người đời. Anh đã được xá tội, Ayrton! Anh hãy nói xem, anh có muốn trở thành người bạn của chúng tôi không?

Ayrton giật bắn người.

- Chúng ta hãy bắt tay nhau, - kỹ sư nói.

Ayrton lao đến Cyrus Smith, bắt chặt tay ông, và từ đôi mắt của anh ta trào ra những giọt nước mắt to nặng.

- Bây giờ anh đồng ý sống cùng với chúng tôi chứ? - Cyrus Smith hỏi.

- Thưa ngài Smith, - Ayrton trả lời, - tốt hơn là hãy cho tôi sống một mình ở khu chăn nuôi ít bữa nữa.

- Tùy anh, Ayrton, - Cyrus Smith trả lời.

Ayrton đã định đi ra, nhưng kỹ sư giữ anh ta lại.

- Đứng lại chút đã, anh bạn của tôi, - ông nói, - Anh đã định sống cô đơn kia mà, vậy thì vì sao anh lại viết thư bỏ xuống biển báo cho chúng tôi biết dấu tích của anh?

- Thư nào? - Ayrton ngạc nhiên, rõ ràng là không hiểu chuyện gì cả.

- Tôi nói về bức thư được bỏ trong chai: chúng tôi đã vớt được cái chai ở trên biển, trong đó có thông báo tọa độ chính xác của đảo Tabor.

Ayrton đưa tay xoa trán. Sau khi nghĩ ngợi, anh ta đáp:

- Tôi chưa khi nào viết bức thư ấy cả và cũng không bỏ chai xuống biển.

- Chưa bao giờ à? - Pencroff hỏi lại.

- Chưa bao giờ!

Và Ayrton cúi chào đi ra.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Cuộc tọa đàm của Cyrus Smith và Gédéon Spilett. - Máy điện báo. - Bức ảnh.

- Thế đấy, thưa ngài Cyrus! - Pencroff thốt lên. - Chuyện đó có nghĩa là thế nào? Sao lại thế được? Hóa ra cái chai đựng bức thư ấy lại không phải do Ayrton bỏ xuống biển? Vậy thì ai bỏ?

- Đúng Ayrton bỏ đấy, - Nab nhận xét, - chỉ có điều là lúc ấy ông ta đã chẳng hiểu gì nữa rồi.

- Đúng đấy, - Harbert đồng tình, - ông ấy đã không ý thức được mình đang làm gì.

- Cyrus thân mến, - Gédéon Spilett tham gia vào chuyện, - lời giải thích hôm qua của ngài làm cho tôi chẳng thỏa mãn chút nào. Không thể nào Ayrton lại quên được bức thư do tự mình viết, cho vào chai và bỏ xuống biển.

- Do đó, Spilett thân mến, người bỏ chai xuống biển không phải là anh ta.

- Có nghĩa là, ngài giả thiết...

- Tôi không giả thiết gì cả, tôi không biết gì cả, - Cyrus Smith phản đối, cắt ngang nhà báo. - Tôi chỉ đơn giản liệt kê trường hợp này vào tất cả

những điều bí ẩn mà cho đến nay tôi không giải thích nổi.

- Vâng, ngài nói đúng, Cyrus, tất cả những điều ấy không thể nào hiểu nổi, - Gédéon Spilett đồng ý. - Cả chuyện ngài được cứu thoát, rồi chuyện các hòm đồ được quăng lên bờ, cách sửa quyết liệt của con Top và, cuối cùng, là cái chai này... Liệu có khi nào chúng ta giải đoán được tất cả những điều bí ẩn này không?

- Giải đoán được! - Kỹ sư trả lời, không cần nghĩ ngợi. - Tôi sẽ lục tung toàn bộ đảo và giải đoán điều bí mật.

- Có thể là vận hội đến giúp ta chăng?

- Vận hội! Anh nói gì vậy, Spilett! Tôi không tin vào vận hội, cũng giống như không tin vào bất kỳ sức mạnh huyền bí nào. Trên thế giới không có hậu quả nào mà lại không có nguyên nhân, và tôi sẽ tìm ra nguyên nhân của tất cả những hiện tượng chưa giải thích được này. Còn tạm thời chúng ta sẽ làm việc và quan sát.

Đã sang tháng giêng. Năm mới 1867 bắt đầu. Như mọi khi, về mùa hè, những người di dân bận nhiều việc. Một hôm, Harbert và Gédéon Spilett đi thăm khu chăn nuôi và biết chắc rằng Ayrton đã vào ở trong căn nhà làm cho anh ta. Anh ta quan tâm chăm sóc một đàn súc vật lớn và bớt cho những người di dân phải mất nhiều công sức cứ hai, ba ngày lại ra khu chăn nuôi một lần. Tuy nhiên, để cho Ayrton khỏi bị cô đơn lâu, họ vẫn thường xuyên ra thăm người bạn mới của mình.

Hơn nữa, nhờ bỗng nhiên ở đây có chuyện cần phải báo tin ngay cho kỹ sư biết thì làm sao? Bởi vì, thậm chí chưa nói chuyện có nhiều điều liên quan đến bí mật của hòn đảo Lincoln, ở đó có thể xảy ra không ít bất kỳ biến cố nào đòi hỏi phải có sự can thiệp ngay của những người di dân,

chẳng hạn, có tàu thủy xuất hiện, xảy ra tai nạn đắm tàu, bọn cướp biển đồ bộ v.v. và v.v... thì biết làm sao?

Bởi vậy, Cyrus Smith đã quyết định lập một đường dây liên lạc trực tiếp giữa khu chăn nuôi và Lâu đài đá hoa cương.

Ngày 10 tháng giêng, kỹ sư đã kể cho các bạn nghe về ý đồ của mình.

- Ngài định đặt đường dây thông tin chẳng, thưa ngài Smith? - Pencroff hỏi.

- Chính vậy, - kỹ sư trả lời.

- Bằng điện ạ? - Harbert rú lên.

- Bằng điện, - Cyrus Smith khẳng định. - Chúng ta có đầy đủ những thứ cần thiết để làm pin, làm dây dẫn bằng sắt thì khó hơn, nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể giải quyết được việc này bằng cách chuốt sắt.

- Này, các bạn biết không, - chàng thủy thủ tuyên bố, - tôi sẽ không ngạc nhiên nếu một ngày đẹp trời nào đấy chúng ta sẽ đi khắp trên đảo bằng tàu hỏa.

Và những người di dân đã bắt tay vào việc, bắt đầu từ khâu khó nhất, tức là chuốt những sợi sắt.

Như ta đã biết, sắt trên đảo Lincoln có chất lượng tuyệt vời, do đó, có thể dễ dàng chuốt thành sợi. Trước hết, Cyrus Smith bắt tay làm “máy” chuốt - đó là một tấm thép có các lỗ hình côn đường kính khác nhau: lần lượt đưa một sợi dây sắt qua đó và chuốt cho đến khi sợi sắt có độ dày cần thiết. Sau khi tôi bàn chuốt “đủ độ”, như các nhà luyện kim thường nói, ông đặt nó lên một cái giá được chôn xuống đất cách thác nước lớn vài bước; kỹ sư lại định tận dụng lực chuyển động của thác nước này.

Tại đó đã có sẵn “máy ép mịn dạ” mùa này không dùng đến. Có thể dùng trục máy ấy để cuốn và kéo sợi sắt cần chuột.

Công việc phức tạp và bận rộn. Những người di dân lần lượt đặt các thanh sắt mỏng, dài được dũa nhọn một đầu vào lỗ lớn nhất để chuột qua những lỗ nhỏ hơn. Cuối cùng, họ cũng đã chế tạo được những đoạn dây sắt dài từ 40 đến 50 fut, đem nối lại và được một sợi dây sắt dài năm dặm, vừa đúng khoảng cách từ Lâu đài đá hoa cương đến khu chăn nuôi.

Sau khi có vật liệu chủ yếu đó rồi, Cyrus Smith lo làm ắc qui. Ông quyết định làm bộ ắc qui điện một chiều đơn giản nhất, giống như ắc qui mà năm 1820 Becquerel^[24] đã chế tạo, bởi vì nó chỉ cần có kẽm mà thôi. Mà kẽm thì, chắc bạn đọc còn nhớ, trong hòm đồ họ tìm thấy hôm trước có một cái hòm nhỏ bằng kẽm, bây giờ dùng kẽm ấy để làm ắc qui, thật không còn có công dụng nào hơn. Còn các hóa chất khác như axit nitric và bồ tạt thì ông chẳng thiếu gì.

Sự sáng chế độc đáo và đơn giản đã giúp Cyrus Smith làm được hai bộ ắc qui, một bộ đặt ở Lâu đài đá hoa cương, bộ kia đặt ở khu chăn nuôi, để liên lạc bằng điện báo hai chiều.

Các thiết bị thu nhận và truyền phát đã được làm rất đơn giản. Ở cả hai trạm, dây dẫn điện đều được cuốn lên một thanh điện tử, tức là một thỏi sắt mềm. Dòng điện được đóng vào mạch, đi theo dây từ cực dương đến thanh điện tử, nạp từ vào thanh sắt trong khoảnh khắc và trở lại cực âm qua đất. Chỉ cần ngắt dòng điện là thanh điện tử bị khử từ. Bên cạnh thanh điện tử kỹ sư để một lá sắt mềm. Lá sắt này sẽ bị hút vào thanh điện tử khi có dòng điện chạy qua, và trở lại vị trí cũ khi dòng điện bị ngắt. Cyrus Smith đã sử dụng sự vận động của lá sắt để làm chuyển dịch một cái kim luôn luôn dừng lại trước một chữ cái cần thiết được viết trên một bảng chữ cái. Nhờ vậy kỹ sư đã thiết lập được sự thông tin bằng điện báo giữa Lâu đài đá hoa cương và khu chăn nuôi.

Mọi việc đã được hoàn thành dứt điểm ngày 12 tháng hai. Hôm ấy Cyrus Smith đã đóng điện và hỏi Ayrton xem công việc của anh ta có được tốt đẹp cả không, chỉ vài giây sau ông đã nhận được câu trả lời thuận lợi...

Mùa hè trôi qua trong các công việc lao động bình thường của những người di dân. Lương thực, thực phẩm của họ tự nuôi trồng được bây giờ đã dồi dào. Họ tiếp tục đi trinh sát ở những phần đảo chưa được nghiên cứu, và săn bắn. Cyrus Smith rõ ràng là muốn tìm những dấu vết của ai đó trong các khu rừng hiểm trở, nhưng không phát hiện điều gì khả nghi cả. Top và Jup được dẫn đi theo đều thản nhiên, chứ không như ở nhà, thỉnh thoảng chúng lại chạy quanh giếng mà mới đây ông đã nghiên cứu kỹ, và sửa âm lên.

Một hôm, Gédéon Spilett và trợ thủ của anh là Harbert đã sử dụng chiếc máy ảnh tìm được trong hòm đồ hôm trước, bấy lâu nay bỏ xó, và đã chụp nhiều kiểu ở những nơi đẹp nhất trên đảo. Các nhà nhiếp ảnh cũng không quên chụp tất cả những người khai khẩn đảo, không sót một ai, và trưng bày trên tường Lâu đài đá hoa cương.

Và, mấy hôm sau, 26 tháng ba, những nhà du hành khí cầu bị nạn ấy đã kỷ niệm hai năm ngày họ bị rơi xuống đảo Lincoln!

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Nhớ tổ quốc. - Lại thêm một câu đố. - Cuộc tọa đàm. - Sự bất ngờ.

Hai năm tròn đã trôi qua! Hai năm ấy, những người di dân đã sống xa cách những con người. Họ không biết gì về những điều đang xảy ra trong thế giới văn minh. Họ bị rơi lên hòn đảo mất hút giữa đại dương, chẳng khác nào lạc lên một hành tinh nhỏ bé của hệ mặt trời.

Ý nghĩ về tổ quốc thân yêu cứ luôn luôn ám ảnh họ. Vào giờ phút họ ra đi, đất nước đang bị cuộc nội chiến phân hóa - có thể là cuộc phiến loạn của những người phương nam đang làm cho đất nước phải đổ máu thêm! Ý nghĩ ấy khiến họ đầy lo âu: họ thường nói chuyện với nhau về tổ quốc, song, không nghi ngờ gì nữa, sự nghiệp chính nghĩa của những người phương bắc sẽ toàn thắng vì sự vinh quang của Hợp chủng quốc.

Trong 2 năm ấy, không một con tàu nào qua đảo, không một cánh buồm nào xuất hiện nơi chân trời. Rõ ràng là đảo Lincoln ở cách xa các đường biển và chẳng ai biết tới nó cả, cả những tấm bản đồ cũng đã chứng tỏ điều ấy. Nếu không thì những nguồn nước ngọt chắc chắn đã thu hút các con tàu tới đây, mặc dù trên đảo không có một cái vịnh thuận lợi nào...

Tuy nhiên, việc tuần tra nghiên cứu đảo họ vẫn tiếp tục tiến hành, nhất là ở phần bắc và phần tây, giữa cửa suối Thác nước và mũi Xương hàm.

16 tháng tư, tàu “Bonadventur” lại đi làm nhiệm vụ. Nhân một chuyến tuần tra đêm, Pencroff đề nghị kỹ sư Smith cho dựng một cây hải đăng ở vịnh để cho việc đi lại được dễ dàng hơn.

- Phải đấy, Cyrus thân mến. - Gédéon Spilett nói với kỹ sư, - chúng tôi thậm chí chưa cảm ơn ngài, bởi vì, nói thật lòng, hôm nọ, chúng tôi không thể nào nhận ra được đảo nếu không có ánh lửa...

- Ánh lửa ư? - Cyrus Smith ngạc nhiên hỏi.

Chuyện thế này, thưa ngài Cyrus, lúc ấy trên tàu “Bonadventur” chúng tôi bí lẫm rồi, - Pencroff trả lời thay nhà báo. - Có lẽ chúng tôi đã đi qua đảo, nếu không được ngài quan tâm, đốt những đống lửa trên bãi đất nhỏ gần Lô đài đá hoa cương trong đêm mười chín rạng ngày hai mươi tháng mười.

- Đúng, đúng, tất nhiên rồi... - kỹ sư nói, - đó là một ý định tốt đẹp!

Thế nhưng mấy phút sau, khi chỉ còn lại nhà báo trên mũi tàu, kỹ sư đã nói nhỏ với anh ta:

- Spilett này, tôi chỉ biết một điều là trong đêm mười chín rạng ngày hai mươi tháng mười tôi đã không đốt lửa trên bãi đất nhỏ gần Lô đài đá hoa cương, và cũng không đốt lửa ở nơi nào khác đâu!

Và đây, mấy ngày sau, tối 25 tháng tư, khi tất cả những người di dân tụ họp trên cao nguyên Tâm nhìn, Cyrus đã nói với họ những lời như sau:

- Các bạn của tôi! Tôi thấy có trách nhiệm chỉ cho các bạn thấy một số hiện tượng lạ kỳ, và tôi muốn được biết ý kiến của các bạn về những hiện tượng ấy. Tôi cho rằng những hiện tượng ấy là siêu nhiên.

- Siêu nhiên! - Chàng thủy thủ phả khói thuốc lá, thốt lên. - Vậy là, hòn đảo của chúng ta có thể gọi là hòn đảo siêu nhiên?

- Không phải, Pencroff, nhưng tất nhiên có thể gọi là hòn đảo bí ẩn, - kỹ sư trả lời, - mặc dù, có thể là các bạn sẽ giải thích được điều mà tôi và Spilett bấy lâu nay không sao hiểu nổi?

- Vậy thưa ngài Cyrus, ngài hãy kể đi, ở đây có chuyện gì thế? - Chàng thủy thủ yêu cầu.

- Chuyện thế này! Các bạn có hiểu không, - Cyrus tiếp tục, - tôi đã suýt bị chìm dưới biển cách bờ một phần tư hải lý, mà không biết vì sao lại lên được tới hang. Lại nữa. Các bạn có thể hiểu được không, vì sao con Top lại có thể tìm ra được chỗ các bạn lúc ấy ở cách hang của tôi những năm dặm!

- Bản năng đã giúp nó... - Harbert nói.

- Bản năng gì ở đây, - nhà báo cắt ngang chú, - đêm ấy trời mưa to, gió lớn, mà con Top đến Lán tạm lại khô ráo và sạch sẽ.

- Lại nữa, - Cyrus Smith tiếp tục, - các bạn có thể hiểu được không, viên đạn chì trong mình con heo rừng mới kỳ lạ làm sao. Bằng cách gì mà, thật là phúc đức, biển lại quăng lên bờ cho chúng ta các hòm với đầy đủ thứ cần thiết, mặc dù chúng ta đã không hề phát hiện thấy dấu vết của một tai nạn đắm tàu. Và làm thế nào cái chai đựng lá thư nọ lại có thể rơi vào tay chúng ta đúng hôm lần đầu tiên chúng ta chạy thử tàu. Vì sao dây neo lại đứt và chiếc thuyền đã trôi xuôi dòng sông Tạ ơn đúng lúc chúng ta cần đến nó. Sau cuộc đột nhập của bầy vợ, làm sao cái thang lại có thể rơi từ cửa Lâu đài đá hoa cương xuống được? Và, cuối cùng, tác giả của bức thư mà Ayrton đã khẳng định không bao giờ viết, là ai?

Cyrus Smith đã kể không sót một hiện tượng lạ kỳ nào xảy ra trên đảo. Harbert, Pencroff và Nab đưa mắt nhìn nhau, không biết trả lời sao, bởi vì

lần đầu tiên tất cả những hiện tượng ấy đã hiện ra trước mặt họ như những mắt xích của một sợi dây xích và khiến họ sửng sốt không sao tả xiết.

- Quí quái thật, ngài nói đúng, thưa ngài Cyrus, - cuối cùng, Pencroff thốt lên, - thật khó mà giải thích được tất cả những điều đó!

- Thế đấy, các bạn của tôi, - kỹ sư tiếp tục, - tôi nói thêm một hiện tượng nữa không kém phần lạ lùng và khó hiểu... Khi ở đảo Tabor về, các bạn đã nhìn thấy ngọn lửa bùng cháy trên bờ đảo Lincoln phải không?

- Đúng như vậy, Cyrus Smith, - cả Pencroff, Harbert và Spilett đều khẳng định. - Ngọn lửa sáng như ngôi sao nhất đẳng, như một chùm đèn điện vậy...

- Thế đấy, các bạn của tôi, - Cyrus Smith nói, - đêm ấy cả tôi lẫn Nab đều không đốt lửa trên bờ đâu.

- Sao lại không phải ngài... - Pencroff sửng sốt, thậm chí không nói hết câu.

- Chúng tôi đã không ra khỏi Lâu đài đá hoa cương, - Cyrus Smith trả lời, - và nếu như đêm hôm ấy trên bờ biển có đốt lửa thì chúng tôi không có liên quan gì cả...

Đúng! Đành phải đồng ý rằng: tất cả những hiện tượng ấy đều được bao phủ bởi một tấm màn bí mật. Một sức mạnh không thể hiểu nổi nào đấy, khoan dãi đối với những người di dân, rõ ràng là đã làm chủ hòn đảo Lincoln và kịp thời đến cứu giúp họ. Sự tò mò khiến ai nấy sốt ruột, sốt gan. Phải chăng, có một người bí ẩn đang ẩn náu ở một nơi kín đáo nào đấy? Đó chính là điều cần phải khám phá, và bằng bất kỳ giá nào!

Cyrus Smith cũng đã nhắc lại cho mọi người biết việc con Top và Jup có những lúc rất lạ, cứ chạy quanh cái giếng ăn thông từ nhà xuống biển mà sữa, và thừa nhận rằng ông đã khảo sát cái giếng, nhưng không phát hiện ra điều gì khả nghi cả.

Những người di dân đã kết thúc cuộc tọa đàm, sau khi quyết định ngay trong những ngày xuân đầu tiên phải lùng sục khắp đảo.

Đã sang tháng năm, giống như tháng mười một ở Bắc bán cầu, những ngày trời u ám kéo dài lê thê. Mùa đông khắc nghiệt đến sớm, nên những người trên đảo đã phải chuẩn bị ngay mọi việc để sống qua bốn tháng lạnh lẽo từ tháng sáu đến hết tháng chín...

Nhưng suốt mùa đông trên đảo đã không xảy ra sự việc bí ẩn nào nữa. Sợi dây xích những hiện tượng siêu tự nhiên dường như đã bị đứt quãng, mặc dù những người ở trong Lâu đài đá hoa cương tối tối vẫn thường nói đến chúng và không thay đổi quyết định lùng sục khắp đảo, đến tận những xó xỉnh hẻo lánh nhất. Nhưng, một sự kiện quan trọng đầy những hậu quả nguy hại đã bất ngờ phá vỡ mọi kế hoạch của Cyrus Smith và các bạn ông.

Chuyện ấy xảy ra vào tháng mười. Mùa xuân đã đến gần...

Bạn đọc còn nhớ Gédéon Spilett và Harbert đã chụp ảnh nhiều lần hòn đảo Lincoln.

Một hôm, ấy là ngày 17 tháng mười, khoảng ba giờ chiều, Harbert định tranh thủ lúc trời sáng chụp toàn cảnh vịnh Hợp chủng trải dài trước mặt Lâu đài đá hoa cương từ mũi Xương hàm tới mũi Cái móng...

Chú đặt máy ảnh trên bậu cửa sổ trong phòng lớn của Lâu đài đá hoa cương, từ nơi đây có thể nhìn rộng ra bờ biển và vịnh Hợp chủng. Sau khi

chụp xong một kiểu theo đúng các qui tắc, chú vào nhà kho tối như bưng để tráng rửa hình.

Lúc trở ra, ngoài ánh sáng rõ chú xem kỹ âm bản thì thấy trên đường chân trời có một vệt đen nhỏ không rõ lắm.

“Tấm kính ảnh bị hỏng” - Harbert nghĩ.

Nhưng chú vẫn quyết định soi vệt đen nhỏ xíu ấy vào kính phóng đại tháo ở ống viễn vọng ra.

Chú nhìn vào hình chụp và kêu rú lên, suýt nữa đánh rơi tấm hình.

Chú chạy vào phòng Cyrus Smith đang làm việc, đưa cho ông tấm kính âm bản cùng cái kính lúp và chỉ vào cái vệt nhỏ.

Cyrus Smith nhìn vào cái chấm đen trên tấm hình, và, chớp lấy ống kính viễn vọng, lao tới cửa sổ.

Ông hướng ống kính vào vệt đen khả nghi. Sau khi nhìn kỹ cái vệt ấy, ông buông tay, nói độc một tiếng:

- Tàu!

Và thật vậy, nơi chân trời đã hiện rõ một chiếc tàu thủy.

PHẦN BA

BÍ MẬT CỦA ĐẢO

CHƯƠNG MỘT

Tai nạn hay là thoát nạn? - Khẩn cấp gọi Ayrton. - Đây không phải là “Duncan”. - Chiếc tàu khả nghi. - Cần phải có những biện pháp. - Phát súng đại bác.

Hai năm rưỡi đã trôi qua kể từ ngày khí cầu bị tai nạn, mà các hành khách của nó bị quăng xuống đảo Lincoln vẫn chưa liên hệ được với thế giới bên ngoài. Một lần, nhà báo đã định lợi dụng một con chim để thực hiện việc ấy, nhưng vị tất đã có thể hy vọng lá thư đến được với người đời. Trong những năm qua, chỉ có một mình Ayrton nhập vào với khu di dân nhỏ bé này trong những hoàn cảnh như bạn đọc đã rõ. Thế rồi đúng một cái, ngày 17 tháng mười, trên mặt biển quanh năm hoang vắng đã xuất hiện một con tàu!

Không thể nghi ngờ gì nữa, đã thấy rõ một con tàu ở vùng đảo! Nhưng nó sẽ đi ngang qua hay tiến gần vào đảo? Hai ba giờ nữa, mọi việc sẽ rõ.

Cyrus Smith và Harbert gọi ngay Spilett, Pencroff và Nab vào phòng lớn của Lâu đài đá hoa cương và báo tin cho họ biết. Pencroff chớp lấy ống kính viễn vọng, vội vàng nhìn khắp chân trời và đã phát hiện thấy cái chấm đen ở đúng ngay nơi có vệt mờ trên tấm kính ảnh.

- Trời đất quỷ thần ơi! Đúng là tàu thật rồi! - Chàng nói, tuy nhiên, không có gì phấn chấn đặc biệt cả.

- Thế nó đi về hướng nào? Về phía chúng ta không? Gédéon Spilett dò hỏi.

- Khó mà xác định được điều gì, Pencroff trả lời. - Tạm thời từ sau phía chân trời mới chỉ nhìn thấy những cột buồm, còn thân tàu thì chưa hiện rõ.

- Chúng ta làm gì bây giờ? - Chú bé kêu lên.

- Đợi, - Cyrus Smith trả lời.

Suốt mấy giờ liền những người di dân im lặng, chìm đắm trong những dòng suy nghĩ, tình cảm, sợ hãi và hy vọng phát sinh bởi biến cố có ý nghĩa nhất kể từ ngày họ đến đảo Lincoln này...

Cứ chốc chốc Pencroff lại cầm lấy ống kính viễn vọng và đi tới cửa sổ. Từ đây, chàng tập trung hết sức chú ý nhìn vào các đường nét của con tàu bây giờ đã ở cách phía đông của đảo hai mươi hải lý.

Con tàu ấy cập vào bờ biển hoang vắng này để làm gì? Đâu phải hoàn toàn ngẫu nhiên mà nó đến vùng biển Thái Bình Dương này, nơi trên bản đồ không hề chỉ dẫn một vùng đất nào, nếu không kể đảo nhỏ Tabor, nhưng đảo ấy lại cách xa đường tàu thường đi các đảo Polonesia, đi New Zealand và các vùng bờ biển Nam Mỹ?

Câu hỏi ấy đã được đặt ra trước mỗi thành viên của khu di dân, và câu trả lời của Harbert khiến mọi người đều bất ngờ.

- Nhỡ đây là “Duncan” thì sao? - Chú kêu lên.

Bạn đọc còn nhớ, “Duncan” là tên chiếc tàu buồm của huân tước Glenarvan, người đã đưa Ayrton lên hòn đảo nhỏ Tabor và không sớm thì muộn sẽ phải trở lại đón anh ta. Mà hòn đảo này lại ở cách đảo Lincoln khá

gần, vì vậy có tàu đi về hướng đảo Tabor là thế nào những người di dân cũng nhìn thấy.

- Cần phải báo cho Ayrton biết và cấp tốc gọi anh ta về đây, - Gédéon Spilett nhận xét. - Chỉ có mình anh ta mới có thể nói cho chúng ta biết, đó có phải là “Duncan” hay không.

Mọi người đều đồng ý với ý kiến của nhà báo và anh đã đến máy điện báo nối liền Lâu đài đá hoa cương với khu chăn nuôi, gõ những từ sau:

“Hãy về đây ngay”

Mấy giây sau, chuông trả lời vang lên.

“Tôi đi”, - Ayrton thông báo

Những người di dân lại chú ý nhìn ra tàu.

- Nếu đây là “Duncan”, - Harbert nói, - thì tất nhiên Ayrton sẽ nhận ra ngay, bởi vì anh ấy đã đi trên tàu này một thời gian rồi mà.

- Và nếu anh ta nhận ra, - Pencroff nói thêm vào, - thì con người tội nghiệp ấy sẽ hồi hộp lắm.

- Đúng, - Cyrus Smith đồng ý, - nhưng bây giờ Ayrton có thể ngẩng cao đầu tự hào bước lên tàu “Duncan” rồi, và tôi thành tâm mong đây đúng là chiếc tàu buồm của huân tước Glenarvan, chứ chưa chắc một chiếc tàu khác đã đến đây với những dụng ý tốt đâu!... Tôi e bọn cướp biển Mã Lai đến “thăm” chúng ta đấy!

- Chúng ta sẽ bảo vệ hòn đảo của chúng ta! - Harbert kêu lên.

- Tất nhiên rồi, chú bạn nhỏ, nhưng tốt hơn hết là chúng ta không bắt buộc phải tự vệ, - kỹ sư mỉm cười, nhận xét.

- Các bạn biết không? - Bồng Gédéon Spilett nói, - vì hòn đảo Lincoln không được vẽ trên các bản đồ địa lý, kể cả các bản đồ mới nhất, nên các nhà hàng hải không biết đến nó. Vì thế, ngài có cảm thấy không, Cyrus, chính do vậy mà khi tình cờ phát hiện ra mảnh đất mới này, con tàu muốn khảo sát nó, chứ chẳng lẽ lại đi qua thôi sao?

- Ông nói có lý, - Pencroff nhận xét.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với các bạn, - kỹ sư khẳng định. - Thậm chí có thể đảm bảo rằng bất kỳ thuyền trưởng nào cũng thấy có trách nhiệm trực tiếp phải ghi nhận, cũng có nghĩa là khảo cứu, một vùng đất chưa được vẽ trên bản đồ, mà hòn đảo của chúng ta lại đúng là một lãnh thổ địa lý chưa được biết như vậy.

- Thôi được, - Pencroff nhận xét, - giả dụ rằng con tàu sẽ đi vào đây, thả neo cách đảo vài ba cabeltov, - lúc ấy chúng ta sẽ làm gì?

Sự im lặng chung đã trả lời cho câu hỏi được đưa ra một cách thẳng thắn. Nhưng sau khi suy nghĩ một lát Cyrus Smith đã nói bằng một giọng bình tĩnh thường ngày của mình:

- Chúng ta sẽ xử sự, chúng ta cần phải xử sự như thế này đây các bạn: chúng ta sẽ đặt quan hệ với tàu và sẽ rời hòn đảo của chúng ta, sau khi cắm cờ Hợp chủng quốc lên đây. Còn sau đó, chúng ta sẽ quay trở lại đây cùng với tất cả những ai đồng ý đi theo chúng ta để biến hòn đảo thành một vùng di dân, và hiến dâng cho nước Cộng hòa Mỹ mảnh đất mới rất hữu ích ở vùng Thái Bình Dương này...

- Thế nhỡ trong lúc vắng chúng ta có kẻ nào đó đến chiếm đoạt đảo thì sao? - Gédéon Spilett nhận xét.

- Cóc được! - Chàng thủy thủ kêu lên. - Tôi sẽ ở lại đây đích thân bảo vệ đảo, các bạn hãy tin ở Pencroff này; tội chúng chẳng thể cướp đảo của tôi dễ như móc túi đồng hồ của kẻ ngổ ngáp ngủ đâu!

Một giờ nữa trôi qua mà vẫn chưa thể xác định được con tàu có tiến gần và đảo Lincoln không, và nếu nó vào gần thì với tốc độ như thế nào.

Bốn giờ chiều, đúng một giờ sau khi được gọi, Ayrton có mặt ở Lâu đài đá hoa cương.

- Tôi xin sẵn sàng, thưa các ngài, - anh ta nói khi bước vào phòng.

Cyrus Smith, như mọi khi, chìa tay cho Ayrton và dẫn anh ta lại cửa sổ, nói:

- Chúng tôi gọi anh, Ayrton, có việc quan trọng. Ở vùng đảo có tàu xuất hiện.

Thoạt đầu Ayrton hơi tái mặt, và trong đôi mắt thoáng vẻ lo âu. Anh ta ngó ra cửa sổ, chăm chú nhìn chân trời, nhưng không thấy gì cả.

- Hãy cầm lấy ống kính viễn vọng, - Gédéon Spilett nói, - và nhìn cho thật kỹ, Ayrton; có thể đó là “Duncan”, nó trở lại vùng biển này để đón anh về tổ quốc.

“Duncan”! - Ayrton lẩm bẩm. - Nhanh thế!

Những lời ấy bật ra từ môi Ayrton, trái với ý muốn của anh ta và anh ta đã im bật, gục đầu lên hai tay.

Chẳng nhẽ mười hai năm đặng đặng sống trong cảnh cô đơn trên đảo hoang, theo ý kiến của chính Ayrton, anh ta chưa chuộc được tội của mình hay sao? Chẳng nhẽ một kẻ tội phạm đã sám hối lại không tha thứ được cho mình những tội ác và không tin được rằng những người khác đã xá tội cho anh ta, hay sao?

- Không, - anh ta lẩm bẫm, - không, đó không thể là “Duncan” được.

- Thì anh hãy cứ nhìn cho kỹ đã, Ayrton, - kỹ sư nói, - biết trước mình quan hệ với ai là điều rất quan trọng.

Ayrton cầm lấy ống kính viễn vọng và nhìn theo hướng được chỉ dẫn. Mấy phút liền anh ta đứng bất động, lặng lẽ nhìn về phía chân trời, rồi nói:

- Đúng, đó là tàu thật, nhưng tôi cho rằng không phải “Duncan”.

- Tại sao không phải “Duncan”? - Gédéon Spilett hỏi.

- Tại vì “Duncan” là một tàu buồm chạy hơi nước mà tôi muốn lắm cũng không phát hiện được một làn khói nhỏ nào cả bên trên tàu lẫn đằng sau tàu.

- Thế nhờ các thủy thủ chạy bằng buồm, tiết kiệm than thì sao? - Pencroff hỏi.

- Có thể ông nói đúng, ông Pencroff, - Ayrton trả lời, - nhưng trên tàu lò tắt thật. Cứ để cho nó vào gần bờ hơn, hãy hay...

Trời đã xế chiều. Nhưng hoàng hôn chưa bao phủ vòm trời, nên việc quan sát vẫn dễ dàng. Ayrton bỏ ống nhòm xuống và nhắc lại một cách xác đáng:

- Không, đó không phải là “Duncan”! Và đó không thể là “Duncan”!

Bây giờ thì Pencroff đã bắt được chiếc tàu trong tầm nhìn của kính viễn vọng, và thông báo cho các bạn biết chiếc tàu này có trọng tải từ ba trăm đến bốn trăm tấn, được đóng và trang bị rất tốt. Tóm lại là chiếc tàu thuộc loại chạy nhanh, nhưng của nước nào thì tạm thời còn khó nói.

Lát sau, Pencroff đã nói thêm:

- Đúng là trên cột cờ có cờ hiệu, nhưng tôi không sao phân biệt được màu sắc. Tuy nhiên, đó không phải là cờ Mỹ, cũng không phải cờ Anh; trên cờ Anh mảng đỏ đập ngay vào mắt; mặt khác, đây cũng không phải cờ hàng hải màu trắng của nước Nga, cũng không phải màu vàng của Tây Ban Nha... Đúng hơn là cờ chỉ có một màu... Nhưng mà trên các biển thì thiếu gì các loại cờ kia chứ?...

Vừa lúc ấy gió thổi tung lá cờ bí ẩn ấy lên. Ayrton giằng lấy ống kính viễn vọng từ tay chàng thủy thủ vừa bỏ xuống, để ngay lên mắt và, sau khi nhìn kỹ, đã kêu lên bằng một giọng nghẹn ngào:

- Cờ đen!

Quả vậy, trên cột cờ của tàu phần phật bay một mảnh vải đen, và bây giờ đã có đủ cơ sở để coi tàu này là đáng nghi ngờ!

Vậy là linh cảm đã không lừa dối kỹ sư? Có nghĩa rằng đó là một tàu cướp biển? Nó định vào đảo Lincoln để làm gì? Có thể, nó chọn đất không

ai biết và bị mọi người lãng quên này để làm nơi cất giữ chắc chắn những của báu mà chúng đã cướp được? Hoặc là, có thể, nó tìm ở đây một bến cảng lặng sóng để tránh những trận bão đông? Lẽ nào cái cơ nghiệp đáng yêu của những người di dân lại bị trở thành tổ qui đê tiện, hang ổ của bọn cướp biển Thái Bình Dương?

Tất cả những ý nghĩ ấy đều bất giác nảy ra trong mỗi người di dân. Than ôi, gặp cờ đen nguy hiểm như thế nào thì đã rõ quá rồi. Cờ đen là cờ của bọn cướp biển! Và cái cờ ấy cũng có thể được cắm trên cột buồm “Duncan” lắm, nếu như bọn khổ sai đã thực hiện được một âm mưu tội ác của chúng...

- Không thể chậm một phút nào nữa.

- Các bạn, - Cyrus Smith bắt đầu nói, - có thể tàu này chỉ muốn từ xa quan sát đảo thôi. Có thể đoàn thủy thủ của nó sẽ không lên bộ. Ta hy vọng và điều ấy. Dầu thế nào thì ta cũng cần phải giấu kín tất cả những gì chứng tỏ sự có mặt của chúng ta trên hòn đảo này. Đập vào mắt rõ nhất là cái cối xay gió đặt trên cao nguyên Tầm nhìn. Ayrton và Nab hãy đi tháo cánh của nó ra. Chúng ta lấy cành cây bịt các cửa sổ Lâu đài đá hoa cương lại. Lửa cần dập tắt đi. Hãy đừng để thứ gì lộ ra sự có mặt của con người trên hòn đảo này!

- Còn chiếc tàu của chúng ta? - Harbert hỏi.

- Không sao đâu, - Pencroff trả lời, - nó đã được giấu ở cảng Khí cầu. Tôi bảo đảm rằng bọn giết người cướp của này không thấy nó đâu.

Mệnh lệnh của kỹ sư được thi hành ngay tức thì. Khi mọi việc chuẩn bị đã xong, Cyrus Smith hướng về phía những người di dân.

- Các bạn, - ông nói, trong giọng của ông lộ rõ sự hồi hộp, - nếu những kẻ gian hùng này dám liều mạng tấn công lên đảo Lincoln thì chúng ta sẽ giáng trả chúng đòn thích đáng, có phải thế không?

- Đúng thế, Cyrus, - nhà báo trả lời thay cho tất cả, - và nếu cần thì chúng ta sẽ hy sinh trong chiến đấu để bảo vệ hòn đảo của chúng ta!

Kỹ sư chìa tay cho các bạn của mình, và mọi người nồng nhiệt đáp lại cái bắt tay của ông.

Chỉ riêng Ayrton đứng lặng thinh trong góc, một mình anh ta là không hòa nhập vào với những người di dân khác. Có thể, anh ta, một kẻ tội phạm cũ, cho rằng mình không xứng đáng với cái bắt tay ấy!

Cyrus Smith hiểu điều gì đang diễn ra trong lòng Ayrton, vì vậy đã đến gần anh ta.

- Còn anh, Ayrton, - kỹ sư hỏi, - anh định làm gì?

- Làm tròn nghĩa vụ của mình, - Ayrton đáp.

Sau đó, anh ta chiếm lĩnh trạm quan sát bên cửa sổ và phóng tầm nhìn ra biển qua những cành lá ngụy trang che khuất phần nào.

Đã bảy giờ rưỡi tối, phía đông tối dần. Trong lúc ấy chiếc tàu vẫn tiến vào vịnh Hợp chủng như cũ, chỉ còn cách không quá tám hải lý nữa thôi.

Con tàu có vào sâu trong vịnh không? Còn khi vào vịnh nó sẽ thả neo ở ngoài đó chăng? Có thể là nó chỉ quan sát bờ biển rồi ra khơi, không cho đoàn thủy thủ lên bộ chăng? Những câu hỏi ấy cứ giài vò những người di

dân. Họ chỉ còn cách đợi, ít nhất nửa giờ nữa mới có thể trả lời những câu hỏi ấy được...

Đêm xuống. Trăng non mới hé đã biến khỏi bầu trời. Bóng đêm dày đặc bao trùm lấy đảo và biển. Gió lặng hoàn toàn. Những ánh lửa trên tàu đã tắt.

- Ồ, biết đâu đây, - Pencroff nói, - Có thể là đêm nay chiếc tàu ấy sẽ cút và sáng mai ta chẳng thấy dấu vết nó đâu cũng nên.

Dường như để trả lời cho nhận xét của chàng thủy thủ, trên mặt biển lóe lên ánh lửa sáng rực, và vang lên tiếng đại bác.

Con tàu vẫn ở đây như cũ và trên boong lại có đại bác.

Thời gian giữa ánh chớp lửa và tiếng đạn nổ là sáu giây.

Thế là, con tàu đã ở cách bờ biển khoảng hơn một hải lý.

Và cũng đúng lúc ấy vẳng đến những người di dân tiếng xích loảng xoảng, âm âm lao qua các lỗ thả neo.

Con tàu thả neo cách Lâu đài đá hoa cương không xa.

CHƯƠNG HAI

Đề nghị của Ayrton, - Ayrton và Pencroff trên đảo Cứu thoát, - Bọn tù khổ sai ở Norfolk và kế hoạch của chúng. - Cuộc thử lửa dũng cảm của Ayrton. - Sáu chõng chọi năm mươi.

Bây giờ thì không còn mấy may nghi ngờ gì nữa về những ý định tiếp theo của bọn cướp biển. Chúng đã thả neo gần đảo và, tất nhiên, ngày mai chúng sẽ dùng xuồng mưu tính vào bờ.

Cyrus Smith và các bạn đã sẵn sàng hành động, nhưng họ hết sức thận trọng.

Âm mưu của chúng thế nào mà lại bắn đại bác? Cyrus Smith bây giờ đã biết bọn cướp được vũ trang đến tận răng. Còn những người di dân trên đảo Lincoln làm sao đối chọi được với đại bác của bọn cướp biển. Họ chỉ có vũ khí cầm tay thôi.

- Chúng có đông không? Đó là một vấn đề quan trọng, - nhà báo nói. - Nếu chúng có trên một chục thì chúng ta cân được, thế nhưng nếu chúng bốn mươi, năm mươi tên hoặc hơn, thì...

- Thưa ngài Smith, - bỗng Ayrton lại gần kỹ sư, nói, - tôi muốn yêu cầu ngài... Ngài cho phép tôi...

- Cụ thể là gì, anh bạn của tôi?

- Ngài hãy cho tôi bơi ra tàu để xem quân số đoàn thủy thủ của nó thế nào.

- Nhưng Ayrton, - kỹ sư phản đối với vẻ lưỡng lự, - điều đó có nghĩa là phải liều mình đấy.

- Thế tại sao lại không, thưa ngài Smith?

- Vì như vậy là còn cao hơn “làm tròn nghĩa vụ của mình” nữa kia.

- Thì tôi cũng cần phải làm nhiều hơn nghĩa vụ của mình nữa chứ, - Ayrton trả lời.

- Anh muốn đi ra tàu bằng thuyền à? - Gédéon Spilett hỏi.

- Không, tôi muốn bơi. Người dễ lách qua những nơi mà thuyền không qua được.

- Nhưng tôi nhắc lại là sẽ nguy hiểm tính mạng cho anh đấy, - kỹ sư nhận xét. - Và anh biết phải bơi hơn một hải lý đó chứ?

- Thì chuyện ấy cũng đâu có sao, - Ayrton nói. - Tôi xin ngài cho phép, coi đó như một ân huệ, thưa ngài Smith. Đối với tôi, có thể đây là khả năng duy nhất để lấy lại cho mình lòng tự trọng.

- Thôi được, anh hãy đi, Ayrton, - kỹ sư nói: ông hiểu rằng sự từ chối sẽ làm cho kẻ tội phạm đã trở thành người lương thiện đau khổ vô cùng.

- Tôi sẽ đi cùng với anh. - bỗng Pencroff đề nghị.

- Ông không tin tôi ư! - Ayrton thốt lên và nhũn nhặn nói thêm: - Đành vậy, tôi đáng được như vậy mà.

- Không phải thế đâu, - Cyrus Smith kêu lên, - không phải đâu, Ayrton! Pencroff không nghi ngờ anh đâu. Anh không hiểu anh ấy đấy thôi.

- Đúng, - chàng thủy thủ khẳng định, - tôi chỉ muốn yêu cầu Ayrton thế này thôi, - đưa anh ấy ra đến hòn đảo nhỏ. Ai mà biết được đã có tên giết người nào trong bọn chúng lên bộ chưa, và hai người tất nhiên là tốt hơn một người. Tôi sẽ đợi Ayrton trên đảo nhỏ, còn anh ấy bơi ra tàu một mình, vì anh ấy đề nghị đầu tiên mà.

Đề nghị của Ayrton được chấp nhận, và anh ta chuẩn bị xuất phát. Pencroff và Nab nhanh nhẹ đi lấy thuyền về. Ai đó choàng lên vai Ayrton chiếc khăn ấm và những người khai khẩn đảo lần lượt bắt tay anh ta...

Chiếc thuyền nhanh chóng cập bờ đảo nhỏ. Pencroff núp vào giữa các vách đá đợi bạn trở về. Trong khi đó Ayrton nhẹ nhàng, thận trọng bơi lại chiếc tàu. Nửa giờ sau anh đã túm được vào dây chằng cột buồm ở mũi tàu. Nghỉ một lát, Ayrton leo lên sợi xích và an toàn lên được tàu. Gặp chỗ phơi quần của thủy thủ, anh ta xỏ luôn vào một cái và lựa thể thuận tiện bắt đầu lắng nghe.

Bọn trên tàu chưa ngủ. Nghe rõ tiếng chúng hát, hò, nói cười âm ỉ. Bỗng mấy lời nghe ngắt quãng lẫn với những tiếng chửi tục tũn đã thu hút sự chú ý của Ayrton.

- Cánh ta kiếm được cái tàu thật là tuyệt!

- Ừ, nó chạy không đến nỗi tồi. gọi nó là tàu “Nhanh” cũng chẳng phải vô cớ!

- Thách cả hạm đội Norfolk đuổi coi!

- Thuyền trưởng Bob Harvey muôn năm!

Ayrton đã nhớ lại chẳng khó gì cái tên Bob Harvey ấy. Chính hắn đã từng là kẻ đồng lõa với anh ta từ hồi ở Australia. Đó là một tên liều lĩnh, bạt mạng. Bob Harvey đã chiếm đoạt con tàu này ở vùng biển gần đảo Norfolk cùng với toàn bộ hàng hóa vũ khí, đạn dược, dụng cụ, đồ dùng định chở đến một trong những đảo Sandwich. Đoàn thủy thủ hiện nay của hắn đều là những tên tù khổ sai người Anh vượt ngục Norfolk, những cận bã của xã hội, những tên giết người cướp của đã từng tung hoành trên sông nước Thái Bình Dương, tấn công lên các tàu, tiêu diệt sạch các đội thủy thủ trên tàu, tàn bạo thậm chí còn hơn cả cướp biển Mã Lai.

Phần lớn bọn tội phạm đều tụ họp ở tầng lái trên, phía mũi tàu, nhưng có vài tên nằm dài trên boong và chuyện trò âm ỉ.

Câu chuyện bị đứt quãng bởi những tiếng la hét say rượu và tiếng chạm cốc. Từ những câu nói nghe được lờ mờ Ayrton biết tàu “Nhanh” đến gần đảo Lincoln hoàn toàn do ngẫu nhiên. Bọn cướp biển chưa lần nào đặt chân lên bờ đảo, nhưng, đúng như Cyrus Smith đã đoán trước, tên thuyền trưởng thấy vùng đất không được vẽ trên bản đồ, nên không ai biết đến, liền quyết định lên xem, trường hợp nếu phát hiện có vịnh thích hợp thì lập ở đảo một nơi cho tàu đỗ.

Còn chúng kéo cờ và bắn đại bác chỉ là do thói huênh hoang, bắt chước các tàu chiến bắn loại súng chào sau khi cờ hiệu được kéo lên.

Có nghĩa là vùng di dân và những người di dân bị một hiểm họa nghiêm trọng đe dọa. Không còn nghi ngờ gì nữa, đảo Lincoln hợp ý bọn phi rồi -

bởi vì nó có nguồn dự trữ nước ngọt, có vịnh thuận tiện cho tàu đỗ, ở đây những người di dân đã bỏ ra bao công sức để nhân lên những nguồn lợi tự nhiên của đảo, và chính thiên nhiên cũng đã tạo dựng nên ở đây một pháo đài kiên cố - đó là Lâu đài đá hoa cương. Bọn cướp biển sẽ biến nơi hẻo lánh bình yên này thành hang ổ của chúng, và chính việc hòn đảo không có người và các nhà hàng hải chưa biết tới, lại là sự bảo đảm an toàn chắc chắn cho bọn cướp, và không phải chỉ một năm thôi. Điều chắc chắn nữa là Bob Harvey cùng bè lũ sẽ chẳng thương tiếc những nhân chứng rầy rà và sẽ tiêu diệt hết không sót một người di dân nào. Cyrus Smith và các bạn của ông chẳng thể hy vọng chạy thoát hoặc lẩn trốn đâu đó trên đảo, bởi vì bọn cướp biển đã quyết định lập cứ lâu đài ở đó; thậm chí khi tàu “Nhanh” có đi cướp biển thì chắc chắn cũng có vài tên ở lại trên cạn. Do đó, chỉ có một lối thoát là xông vào trận, tiêu diệt sạch bọn giết người cướp của này đi, bằng bất kỳ phương tiện gì, bởi vì với những kẻ như thế thì phương tiện gì cũng tốt.

Đây, trong đầu Ayrton chật cứng những ý nghĩ như vậy đó, và anh ta hiểu rằng, hiểu rất rõ rằng, Cyrus Smith cũng nghĩ như vậy...

Và, khoảng một giờ sau, khi trên boong đã yên lặng, quá nửa bọn cướp đã ngủ, Ayrton không do dự đột nhập lên boong lúc ấy đèn đã tắt và tối như bưng. Anh thật trọng luôn lách giữa bọn cướp đang ngủ, đi khắp tàu và xác định được rằng tàu “Nhanh” có bốn khẩu đại bác hiện đại, thao tác tiện lợi và có sức công phá mạnh.

Trên boong Ayrton đếm được mười tên cướp đang ngủ, nhưng qua các câu chuyện mà Ayrton đã rình nghe được thì rõ ràng quân số của chúng là năm mươi tên. Năm mươi tên chống lại sáu người di dân trên đảo Lincoln - có quá nhiều không! Nhưng, nhờ hành động quên mình của Ayrton mà Cyrus Smith sẽ không bị bất ngờ, ông sẽ kịp thời biết được lực lượng của đối phương và sẽ có thể hành động một cách chín chắn và thận trọng.

Bây giờ Ayrton đã có thể trở về bờ với một lương tâm trong sáng - hoàn thành công việc trinh sát tàu rất nguy hiểm.

Nhưng, một ý nghĩ dửng cảm bỗng thoáng qua trong đầu anh - anh đã nói với kỹ sư rằng anh sẽ làm tròn nghĩa vụ, đúng hơn là sẽ làm nhiều hơn mức nghĩa vụ đòi hỏi. Phải, anh sẽ hy sinh cuộc đời mình, nhưng hòn đảo và những người di dân sẽ được cứu thoát... Trước con mắt thông minh của Ayrton hiện lên gương mặt của những người đã cứu anh, những người đã giúp anh trở lại bộ mặt con người, trở thành người lương thiện, những người mà mà anh chịu hơn hết thảy. Và thế mà bọn cướp biển lại sẽ giết họ một cách không thương tiếc, sẽ tiêu diệt những thành quả lao động của họ, sẽ biến hòn đảo thành một ổ cướp! Vậy ai là kẻ có tội trực tiếp về tất cả những tai họa ấy? Chính Ayrton, bởi vì tên bạn cũ và kẻ đồng lõa của hắn là Bob Harvey chỉ thực hiện những âm mưu riêng của hắn mà thôi.

Với ý nghĩ ấy, Ayrton thấy thật là khủng khiếp. Anh quyết định dẫu thế nào cũng phải phá tan cái tàu này và cùng với nó là toàn bộ đội thủy thủ. Cho dù anh, Ayrton, sẽ hy sinh khi bị nổ, nhưng anh sẽ làm tròn nghĩa vụ một cách vẻ vang.

Ayrton không lưỡng lự nữa. Tìm đến kho thuốc súng thường được bố trí ở đuôi tàu chẳng khó khăn gì lắm. Trên một chiếc tàu cướp biển phải có lượng thuốc súng dự trữ khá, và chỉ cần một tia lửa thôi cũng đủ để làm cho nó nổ tung trong nháy mắt.

Ayrton thận trọng đi xuống phòng liền với boong, nơi bọn cướp say rượu nằm ngủ li bì. Gần cột buồm chính có ngọn đèn sáng, còn chung quanh là giá để các loại hỏa khí.

Ayrton lấy một khẩu súng lục, biết chắc chắn là đã được nạp đạn. Bây giờ anh đã có thể thực hiện được kế hoạch hủy diệt chiếc tàu, và lặng lẽ bò tới đuôi tàu, ở đó, ngay dưới tầng lái trên phải là kho thuốc súng.

Song, ở đây lại tối om, việc di chuyển cũng không ít trở ngại, vì bọn cướp nằm chẵn mắt lối đi. Ayrton cứ chốc lại đụng vào một tên đang ngủ, tên này mắt vẫn nhắm, chửi inh lên, thậm chí còn đập bừa một cái. Những lúc như vậy, Ayrton nín thở, lặng đi tại chỗ. Nhưng anh vẫn đến được bức vách ngăn phần đuôi tàu và lần tìm cửa vào kho.

Chỉ còn việc phá cửa ra, và Ayrton đã cố đẩy nhẹ tay không gây tiếng động, nhưng đâu phải dễ dàng, bởi vì anh còn phải bẻ chiếc khóa treo. Tuy nhiên, với đôi tay hùng mạnh của Ayrton chiếc khóa cũng phải chịu khuất phục, và cánh cửa đã mở ra.

Đúng lúc ấy, một cách tay của ai đó nặng nề hạ xuống vai Ayrton.

- Mà cần gì ở đây, hả anh bạn tử tế? - Một giọng nói thô bạo phát ran gay bên tai Ayrton, và một người to lớn nào đấy bỗng cầm đèn pin rọi thẳng vào mặt Ayrton.

Bất giác Ayrton lùi lại trong ánh sáng đèn lóe lên. Anh nhận ra trước mặt mình là tên đồng lõa trước đây - Bob Harvey, nhưng Harvey không nhận ra anh, vì hẳn tưởng anh đã chết từ lâu rồi.

- Mà cần gì ở đây? - Bob Harvey nhắc lại, túm lấy lưng quần Ayrton.

Nhưng Ayrton không trả lời, hất mạnh tên đầu sỏ ra và lao vào phòng kho. Một phá súng lục vào thùng thuốc súng - thế là xong chuyện!...

- Bọn bây đâu, lại đây! - Bob Harvey hét.

Hai, ba tên cướp bị tiếng hét của hãn dượng dậy lao tới Ayrton, cố quật anh xuống. Nhưng “đại lực sĩ” Ayrton đã kịp thoát ra khỏi tay chúng. Hai phát súng nổ liên tiếp và hai tên tội phạm gục xuống sàn; nhưng, một nhát dao bất ngờ đã cắm vào vai Ayrton trước khi anh kịp tránh.

Ayrton hiểu rằng ý đồ của anh đã bị vỡ. Tên Bob Harvey đã sập cửa kho lại, còn trên tàu lúc ấy phần lớn bọn cướp đã tỉnh dậy, bắt đầu cảnh nhốn nháo. Cần phải cứu sống mình để tiếp tục cuộc chiến đấu trong hàng ngũ những người di dân. Có nghĩa là chỉ còn một cách chạy trốn.



Súng lục thì còn bốn viên đạn. Ayrton đã bắn thêm hai phát nữa, nhưng phát dành cho Bob Harvey lại không trúng đích, mà nếu có làm hấn bị thương thì cũng nhẹ thôi. Lợi dụng lúc bọn cướp tháo lui trong khoảnh khắc, Ayrton chạy qua chiếc đèn, Ayrton dùng báng súng lục đập vỡ nó đi, boong tàu lại chìm ngập trong bóng đêm, làm cho việc chạy trốn của anh đỡ khó khăn hơn rất nhiều.

Vài tên cướp nào đó, bị tiếng động thức dậy, đang lao xuống thang. Bằng phát đạn thứ năm Ayrton hất một tên khỏi cầu thang, những đứa còn lại giật sang bên, chẳng hiểu chuyện gì đã xảy ra trên tàu. Ayrton nhảy qua tấm mạn tàu và lao xuống biển.

Anh bơi chưa được một chục mét, một trận mưa đạn đã trút xuống quanh anh, làm nước réo sôi sung sục.

Pencroff, Cyrus Smith, nhà báo, Harbert và Nab đã trải qua biết bao xúc động khi nghe những tiếng súng văng đến tai họ! Họ chụp vũ khí, lao ra bờ, sẵn sàng dùng cảm đẩy lui quân thù.

Họ không hề có chút ảo tưởng nào: Ayrton đã bị sa vào tay bọn cướp và, lẽ dĩ nhiên, đã vĩnh biệt cuộc đời rồi; có thể là bọn cướp biển đã quyết định lợi dụng ban đêm và sắp sửa đổ bộ lên bờ ngay bây giờ!

Nửa giờ đã trôi qua, nhưng nỗi lo âu dữ dội của những người di dân vẫn chưa nguôi. Những tiếng súng đã dứt, song cho đến giờ vẫn chưa thấy cả Ayrton lẫn Pencroff đâu. Phải chăng bọn cướp biển đã chiếm được hòn đảo nhỏ? Có thể phải lao đi chi viện ngay cho Ayrton và Pencroff chăng? Nhưng chi viện như thế nào? Nước đang lớn, không thể nào bơi qua eo biển được. Mà thuyền thì lại để ở bờ bên kia. Các bạn tự biết đấy, Cyrus Smith và các bạn của ông đã phải trải qua những nỗi đau lòng như thế nào!

Cuối cùng, mười hai giờ rưỡi đêm, con thuyền đã cập bến, trên đó có hai người ngồi. Những người di dân dang rộng những vòng tay ôm đón gặp Ayrton bị thương nhẹ ở vai, và Pencroff vẫn sống và nguyên vẹn.

Mọi người đi vào ngay Lán tạm. Tại đây Ayrton đã kể hết những chuyện mạo hiểm của mình, kể cả ý định làm nổ tung tàu, nhưng không thành công. Anh không giấu rằng tình hình của họ hết sức nghiêm trọng. Bọn cướp đã cảnh giác, biết đảo có người, bởi vậy chúng sẽ lập tức cho một đội quân đông, trang bị đầy đủ, đổ bộ lên đảo. Nghĩa là, nếu những người khai khẩn đảo rơi vào tay bọn cướp biển, thì chẳng hy vọng gì ở sự thương xót của chúng cả.

- Được rồi, chúng ta biết hy sinh, - nhà báo nhận xét.

- Còn bây giờ chúng ta quay về và sẽ cảnh giác theo dõi kẻ địch, - kỹ sư nói.

- Ngài tính sao, thưa ngài Smith, chúng ta sẽ vượt qua được tai họa chứ?

- Chàng thủy thủ hỏi.

- Tất nhiên, Pencroff.

- Chắc không nổi đâu! Sáu người chọi năm mươi kia mà!

- Anh nói đúng, sáu người... nếu không kể...

- Ai nữa? - Pencroff hỏi.

Cyrus Smith chỉ tay lên trời.

CHƯƠNG BA

Sự bố trí của kỹ sư. - Ba ổ chiến đấu. - Chiếc xuồng đầu tiên. - Những tên cướp biển đổ bộ. - Tàu “Nhanh” nhô neo. - Tuyệt vọng. - Kết cục bất ngờ.

Đêm trôi qua không có biến cố gì. Êm ảng, tưởng như chiếc tàu cướp biển đã nhô neo cuộn gói.

Nhưng, sự việc hoàn toàn ngược lại khi sáng hôm sau, qua làn sương sớm, những người di dân nhìn kỹ vẫn thấy bóng dáng mờ mờ của tàu “Nhanh”.

- Các bạn của tôi, - kỹ sư bắt đầu, - đây là những biện pháp mà tôi thấy cần phải thực hiện trước khi sương mù tan. Trước hết phải gây cho chúng ấn tượng là đảo có đông dân và những người dân ở đây biết giáng trả kẻ thù những đòn đích đáng. Bởi vậy, tôi dự kiến phân ra làm ba tổ, lập ba ổ chiến đấu ở ba nơi. Chúng ta đủ súng đạn đương đầu với chúng. Chỉ cần các bạn bắn liên tục, nhưng phải trúng. Mỗi người phải tiêu diệt tám hoặc mười tên.

Cyrus Smith đã vạch ra một kế hoạch hành động tỉ mỉ, nói bằng một giọng hết sức bình tĩnh, y như nói về những công việc hằng ngày của họ, chứ không phải nói về cuộc chiến đấu đổ máu. Sự im lặng của mọi người là biểu hiện sự nhất trí hoàn toàn với kế hoạch của ông.

Lập tức, Nab và Pencroff đi về Lô đài đá hoa cương lấy mang lại đầy đủ số lượng đạn và thuốc súng. Gédéon Spilett và Ayrton - hai tay súng thiện

xạ nhất - được trang bị súng cacbin bắn xa hàng dặm. Bốn khẩu súng săn còn lại được phân phối cho Cyrus Smith, Nab, Pencroff và Harbert.

Các vị trí được xếp đặt như sau: Cyrus Smith cùng Harbert ở lại Lán tạm. Mai phục ở đây họ có thể bắn và khống chế được một phần đáng kể khu vực bờ biển dưới chân Lô đài đá hoa cương.

Gédéon Spilett cùng với Nab núp trong các vách đá gần cửa sông Tạ ơn. Tại đây, các cầu lớn nhỏ đều đã được nâng lên. Tổ này bảo đảm không những không cho một chiếc xuồng địch nào vào, mà còn phải ngăn chặn bọn cướp đổ bộ lên bờ bên kia.

Còn Pencroff cùng với Ayrton trong khi đó đã hạ thuyền xuống nước để bơi qua vịnh sang hòn đảo nhỏ, tại đây, họ phải chiếm lĩnh hai vị trí cách xa nhau. Khi thấy bị bắn từ bốn phía, bọn cướp sẽ cho rằng đảo có người và những người ở đảo quyết tâm bảo vệ tự do của mình.

Khi cần thì Pencroff và Ayrton sẽ đánh vu hồi, cả hai người bạn phải lập tức trở về đảo lớn và tăng cường cho khu vực bị đe dọa nhiều nhất.

Trước khi chiếm lĩnh vị trí chiến đấu, những người di dân bắt chặt tay nhau lần cuối cùng.

Pencroff ôm Harbert mà anh vẫn coi như con, lấy hết nghị lực để che giấu nỗi xúc động trào dâng mạnh mẽ trong lòng.

Đã sáu giờ rưỡi sáng.

Chẳng bao lâu màn sương mù đã tan và chiếc tàu “Nhanh” hiện rõ dưới nền trời trong sáng. Nó thả hai neo, mũi quay về phía bắc, mạn trái quay về đảo, và tiếp tục im lặng. Có lẽ Bob Harvey và đoàn thủy thủ của hắn mới

chỉ hình dung một cách lơ mơ về những sự việc xảy ra đêm qua trên boong tàu. Cái người mình trần nào đấy đã bẻ khóa cửa kho thuốc súng, đã bắn sáu phát đạn, giết chết một đồng bọn, làm bị thương hai tên nữa của chúng, là ai? Chuyện gì đã xảy ra với con người ấy? Loạt đạn có trúng hãn không? Hãn đã bơi được vào bờ chưa? Và, nói chung, hãn từ đâu tới? Đã làm gì trên con tàu của chúng? Mọi chuyện lý giải không phải dễ dàng. Nhưng có một điều bây giờ bọn tù khổ sai trốn trại đều đã tin chắc là hòn đảo chưa ai biết đến và tàu của chúng đang thả neo đối diện là đảo có người, và có thể tất cả dân cư ở đây sẽ đứng lên bảo vệ nó...

Đã một giờ rưỡi trôi qua mà trên tàu không thấy có gì chứng tỏ bọn cướp chuẩn bị xâm chiếm hoặc đổ bộ lên đảo. Rõ ràng Bob Harvey còn đang lưỡng lự...

Nhưng, tám giờ sáng, những người khai khẩn nhận thấy trên tàu “Nhanh” đã có sự rục rịch nào đấy. Các thủy thủ dùng palăng hạ một chiếc xuồng xuống nước. Bảy tên ngồi vào đó, tên nào cũng có súng. Một tên ngồi lái, bốn tên chèo, còn hai tên ngồi phía mũi. Chúng khom lưng, tay lăm lăm súng và chăm chú nhìn lên bờ. Nhiệm vụ của chúng rõ ràng là trinh sát đảo, chứ không phải đổ bộ, vì nếu vậy thì tên thuyền trưởng đã phải phái một đội quân đông hơn...

Pencroff và Ayrton từ trong những chỗ núp kín đá của mình trông thấy chiếc xuồng hướng thẳng đến họ, và đợi cho chúng đến vừa tầm súng.

Mấy tên chèo xuồng thận trọng chuyển dịch về phía trước, cố không gây sự chú ý đến chúng. Thấy rõ một tên cướp biển ngồi ở mũi xuồng, tay cầm dụng cụ đo độ sâu và định tìm lòng lạch của dòng chảy sông Tạ ơn. Điều đó chứng tỏ rằng tên Bob Harvey muốn dẫn con tàu của hãn vào gần bờ hơn.

Cách đảo nhỏ chưa tới hai cabletov chiếc xuồng dừng lại. Tên cầm lái đứng thẳng người lên đưa mắt tìm nơi cập bến tốt hơn.

Đúng lúc ấy vang lên hai phát súng. Một làn khói trắng bốc trên các mỏm đá. Tên cầm lái và tên thủy thủ cầm dụng cụ đo độ sâu đổ xuống đáy xuồng. Những viên đạn do Ayrton và Pencroff bắn đã đồng thời giết chết hai tên cướp biển.

Hầu như đúng lúc ấy vang lên tiếng ầm ầm khủng khiếp: một cột khói bốc cao trên tàu và một viên đại bác đập vào vách đá mà dưới đó Ayrton và Pencroff đang núp. Các mảnh đá văng ra tứ phía, nhưng, may sao, các xạ thủ của chúng ta còn nguyên vẹn...

Một tên thủy thủ khác ngồi thay vào chỗ lái và chiếc xuồng bơi dọc theo bờ, định vòng qua đảo nhỏ ở phía nam. Chúng cố sức chèo xa tầm đạn.

Mặc dù Pencroff và Ayrton thừa biết bọn cướp định tập hậu họ, nhưng họ không định rời vị trí, vì không muốn để lộ mục tiêu cho đại bác của giặc, mặt khác, họ tin tưởng các bạn của họ bảo vệ được các nơi khác.

Khoảng hai mươi phút sau những phát súng đầu tiên, chiếc xuồng bơi về hướng cửa sông Tạ ơn được ít nhất hai cabletov. Vào giờ ấy thủy triều bắt đầu lên mạnh vì ở đây lòng sông hẹp. Nhưng khi bọn cướp vừa vào đúng tầm súng của trận địa cửa sông, chúng bị hai viên đạn phóng tới đón chào. Thế là thêm hai tên cướp nữa bị bỏ mạng. Nab và Spilett đã không bắn trượt.

Bây giờ trên xuồng chỉ còn lại ba tên cướp có khả năng chiến đấu. Xuồng bị dòng thủy triều cuốn mạnh nên lướt nhanh khỏi tầm đạn của Cyrus Smith và Harbert, sau đó, nó vòng qua mũi đảo phía bắc và trở lại tàu.

Sau thất bại này, bây giờ bọn cướp cho tung ra hai xuồng khác: một cái chở 12 tên đổ bộ vào bờ đảo nhỏ, cái kia chở theo tám tên định đột nhập vào cửa sông Tạ ơn.

Tình hình của Pencroff và Ayrton trở nên hết sức nguy hiểm, và họ hiểu rằng đã đến lúc phải quay về lại đảo lớn.

Song họ đã quyết định để cho chiếc xuồng thứ nhất lại gần, nổ hai phát súng diệt thêm sinh lực địch, rồi mới lên thuyền của mình bơi qua eo biển, và nấp trong Lán tạm.

Họ vừa kịp nhập vào với Cyrus Smith và Harbert thì bọn cướp trên xuồng thứ nhất cũng lên bờ đảo nhỏ và bắt đầu sục sạo trên đó.

Gần như cùng một lúc vang lên hai phát súng ở cửa sông Tạ ơn, nơi chiếc xuồng thứ hai lao tới rất nhanh. Hai trong số tám tên cướp đã bị Gédéon Spilett và Nab diệt thêm. Chiếc xuồng đã bị thủy triều cuốn xô vào đá ngầm ở ngay cửa sông và vỡ tan. Sáu tên còn lại giơ cao súng trên đầu cho khỏi ướt và lội sang bờ sông phía bên phải, nhưng sợ bị làm bia đỡ đạn, nên chúng ba chân bốn cẳng chạy ngay về hướng mũi Tầm thấy.

Tình hình bây giờ là: trên đảo nhỏ có mười hai tên cướp, đúng là có một tên trong đó đã bị thương, nhưng chúng lại có xuồng, còn sáu tên khác đã đổ bộ lên đảo lớn, nhưng không thể tiến đến Lâu đài đá hoa cương được, vì chúng bị sông cản đường, mà tất cả các cầu thì đều đã bị nâng lên.

- Liệu chúng ta vẫn sẽ giữ vững được chứ, phải không, thưa kỹ sư? - Pencroff vừa chạy vào Lán tạm đã hỏi ngay Cyrus Smith.

- Theo tôi, - kỹ sư trả lời, - cuộc chiến đầu nhất định sẽ bước sang giai đoạn mới; sẽ là vô lý nếu cho rằng bọn cướp là những tên ngu ngốc nào đó cứ đổ quân lên bờ trong những điều kiện bất lợi như thế đối với chúng. Biết đâu, con tàu sẽ vào gần bờ...

Trong khi ấy, toán cướp biển chiếm được đảo nhỏ đã dần dần lợi tới bờ đảo trước mặt. Bây giờ chúng chỉ còn cách một cái eo biển nữa là đến đảo lớn.

Bỗng hai khẩu cacbin của Ayrton và Spilett cùng lên tiếng một lúc. Chắc hẳn là tiếng nói của chúng đã khiến hai tên tội phạm té nhào.

Chúng bắt đầu hốt hoảng không thể tả được. Mười tên cướp còn sống sót ba chân bốn cẳng leo lên xuống quáng quàng bơi về tàu, thậm chí không buồn nhặt xác hoặc diu bọn bị thương theo.

- Ô hô, thế là tám tên bị bỏ mạng rồi! - Pencroff thốt lên, - Đúng là ông Spilett và Ayrton đã luôn luôn cố gắng không rời nhau.

- Các ông, - Ayrton nói, tay nạm đạn và khẩu cacbin, - tình hình phức tạp thêm rồi: tàu đang nhổ neo.

- Đúng, chúng đang nhổ neo!... - Pencroff kêu lên.

- Nó đã bắt đầu chạy!



Thật vậy, trên tàu, bọn cướp đã kéo buồm lên, và con tàu bắt đầu tiến gần vào đảo...

Cyrus Smith hiểu rõ hiểm họa thật là lớn lao, đã vắt óc suy nghĩ, cố tìm ra một lối thoát khỏi tình thế. Vài phút nữa thôi, dầu thế nào thì ông cũng sẽ phải có một quyết định. Nhưng quyết định làm sao đây? Trụ lại trong Lâu đài đá hoa cương đang bị bọn cướp biển bao vây, chịu đựng một tuần, một tháng, mà cũng có thể vài tháng, vì dự trữ lương thực thừa đủ? Thôi được, cứ cho là ông sẽ thực hiện được kế hoạch ấy đi. Nhưng rồi sau đó thì sao? Đẳng nào bọn cướp biển cũng sẽ làm chủ hòn đảo, thỏa chí tung hoành ở đây, làm đảo lộn tất cả và cuối cùng sẽ làm tình làm tội những người tù của Lâu đài đá hoa cương...!

Trong khi đó, chiếc tàu đã tiến gần vào đảo nhỏ: có lẽ, bọn cướp biển định lên đầu nam của đảo...

Những chiếc xuồng của bọn cướp biển được phái đi trinh sát đã tìm được luồng lạch, vậy nên chiếc tàu mạnh bạo tiến tới. Chẳng khó gì đoán được những ý đồ của nó: nó sẽ thả neo đối diện với Lán tạm và từ đó sẽ trút đạn đại bác như mưa để trả đũa những làn đạn của những người di dân đã tiêu diệt một bộ phận đoàn thủy thủ của nó.

Không thể bỏ lỡ phút nào nữa, những người di dân luôn ra khỏi Lán tạm.

Trong chốc lát họ đã đến chỗ thang máy, lên tới cửa Lô đài đá hoa cương, tại đây, Top và Jup đã bị nhốt trong phòng lớn từ hôm qua...

Những người di dân hy vọng rằng Lô đài đá hoa cương sẽ nguyên vẹn, bởi vì để đề phòng, Cyrus Smith đã ra lệnh phủ kín các cửa sổ bằng cây xanh, nhưng bỗng nhiên một quả đạn đã xé toang cửa ra vào và bay vào hành lang.

- Quân khốn kiếp! - Pencroff kêu lên. - Không nhẽ những tên dê tiện này đã phát hiện ta rồi!

Có thể là bọn cướp biển không nhận thấy những người di dân, nhưng không nghi ngờ gì nữa. Bob Harvey cho rằng cần kịp thời nhả loạt đạn vào bức màn cây xanh nổi bật lên một cách đáng ngờ trên nền tường đá. Cuộc pháo kích Lô đài đá hoa cương đã được tiếp diễn với mức độ điên cuồng tăng gấp đôi, và chẳng mấy chốc lại thêm một quả đạn nữa xé tan những cành lá xanh, để lộ ra một cái lỗ toang hoác trên khối đá hoa cương.

Tình cảnh của những người di dân đã trở nên tuyệt vọng. Nơi trú ẩn của họ đã bị lộ. Mà họ thì không thể dựng nên những bức tường ngăn chặn đạn

đại bác, thậm chí đã không thể tránh nổi những mảnh đá hoa cương bay xối xả quanh họ. Chỉ còn có một cách: ẩn núp ở hành lang thượng của Lô đài đá hoa cương, rời khỏi nơi ở của mình, phó mặc cho số phận...

Bỗng từ phía biển một tiếng “âm” vang lên và tiếp theo đó là những tiếng kêu thất vọng.

Cyrus Smith và những người bạn của ông lao đến các cửa sổ...

Một cột nước lớn giống như một vòi rồng với sức mạnh chưa từng thấy đã nhắc bổng con tàu bị vỡ làm đôi lên, và độ mười giây sau, những con sóng đã nuốt chửng con tàu và bọn tội phạm trong đoàn thủy thủ của nó!

CHƯƠNG BỐN

Những người di dân trên bờ. - Ayrton và Pencroff cứu những gì có thể cứu được. - Xem xét kỹ con tàu. - Kho thuốc nổ còn nguyên vẹn. - Những của cải mới. - Mảnh ống kim loại.

- Chúng đã bị tan xác! - Harbert thốt lên.

- Đúng vậy! Chúng đã bị nổ tung, y như Ayrton đã đốt thuốc súng trong kho chứa thuốc nổ của chúng vậy! - Pencroff khẳng định, đồng thời cùng với Nab và cậu bé lao đến chỗ thang máy.

- Nhưng điều gì đã xảy ra mới được chứ? - Gédéon Spilett hỏi: ông ta vẫn không sao trấn tĩnh lại được sau cái kết cục đột ngột đến như thế.

- Rồi, phen này thì chúng ta sẽ hiểu rõ tất cả!... - kỹ sư sốt sắng đáp lời.

- Hiểu rõ cái gì?

- Thùng thủng rồi sẽ biết, còn bây giờ ta hãy đi đã, Spilett. Điều chủ yếu là bọn cướp biển không còn nữa.

Và Cyrus Smith đã kéo theo nhà báo và Ayrton vội vã đi ra bờ biển, tại đây Pencroff, Nab và Harbert đang nán chờ họ.

Sóng biển đã nuốt chửng con tàu, thậm chí không nhìn thấy các cột buồm đâu. Cột nước xoáy đã nhắc bổng con tàu lên, lật nó nằm nghiêng, và

nó cứ thế chìm nghiêm - có lẽ nước đã chảy ừa vào lỗ thủng toang hoác.

Trên mặt nước, những mảnh tàu vỡ cứ xoáy tròn - nguyên bộ cột buồm và trục buồm dự trữ, các chuồng gà (những tù nhân có cánh này vẫn còn sống), các hòm và thùng phuy bị áp lực của nước tống qua các cửa và dần dần nổi lên mặt nước; tuy nhiên, không thấy có những tấm ván boong, những tấm gỗ bọc, điều đó làm cho tình huống chiếc tàu “Nhanh” bị diệt rất đổi bất ngờ càng trở nên bí ẩn hơn...

Chẳng nhẽ lại khoanh tay ngồi nhìn con nước ròng cuốn rất cả những tài sản ấy ra khơi sao? Tất nhiên là không. Vì vậy, Ayrton cùng Pencroff đã lao xuống thuyền, định lùa bộ cột buồm còn nguyên vẹn và tất cả những gì nổi trên mặt nước vào đảo lớn hoặc đảo Cứu thoát...

Cùng với mảnh tàu vỡ có vài cái xác người nổi lên. Trong số đó Ayrton nhận ra tên Bob Harvey, đã chỉ cho Pencroff thấy xác tên cướp biển và xúc động nói:

- Tôi cũng đã từng là người như thế đó, Pencroff ạ!

- Nhưng, bây giờ thì anh hoàn toàn khác rồi, Ayrton đáng yêu của chúng ta ạ! - Chàng thủy thủ thốt lên.

Khi những mảnh tàu bị đắm đã được vớt dưới nước lên và xếp vào một chỗ an toàn trên bờ, những người di dân quyết định nghỉ ngơi và ăn sáng. Họ đã đói rùn chân tay. Bạn đọc tất nhiên đoán được rằng trong lúc ăn mọi câu chuyện đều xoay quanh biến cố bất ngờ, một sự kỳ diệu, đã cứu những người di dân thoát khỏi cái chết không thể tránh được.

- Đúng là kỳ diệu, - Pencroff khẳng định, thừa nhận là bọn ác ôn đã bị tan xác rất đúng lúc! Trong Lôu đài đá hoa cương đã trở nên trống trải lắm

rồi.

- Thưa ngài Cyrus, ngài biết không, - Harbert bắt đầu, - có điều này làm cho cháu ngạc nhiên. Tại sao vụ nổ đã không gây ra những phá hoại lớn? Tiếng nổ không mạnh lắm, và chỉ có lớp bọc tàu bị hư hại thôi. Quả thật, có thể nghĩ rằng chiếc tàu bị đâm đúng hơn là bị nổ.

- Điều ấy làm cháu ngạc nhiên lắm hả cưng? - Kỹ sư hỏi.

- Rất ngạc nhiên ạ, thưa ngài Cyrus.

- Cả tôi cũng thế, Harbert ạ, - kỹ sư trả lời, - điều ấy cũng làm cả tôi rất ngạc nhiên; hãy đợi đã, sau khi xem xét thân tàu tất nhiên chúng ta sẽ rõ sự việc như thế nào...

Độ một giờ rưỡi chiều, những người di dân ngồi vào xuống và bơi ra chỗ tàu đắm... Vừa lúc ấy, thân tàu “Nhanh” bắt đầu lộ khỏi mặt nước... Những người di dân đi vòng quanh thân tàu rồi chui vào bên trong tàu, lần tới tầng lái, nơi trước đây là tầng lái trên. Theo lời của Ayrton thì phải tìm kho chứa thuốc nổ ở chỗ này đây, Cyrus Smith hy vọng rằng nó không bị nổ, và do đó, vài thùng thuốc súng còn nguyên vẹn, mà vì thuốc súng thường được bảo quản trong bao bì bằng kim loại, nên chắc chắn là nó không bị ướt.

Những giả định của kỹ sư đều đúng cả. Trong số rất nhiều đạn đại bác, những người di dân đã phát hiện được khoảng hai chục thùng thuốc súng bên trong được bọc bằng những lá đồng... Pencroff đã tận mắt tin chắc rằng tàu “Nhanh” bị diệt không phải do tự nổ. Chính phần tàu, nơi để kho thuốc súng, lại bị hư hại ít hơn những phần khác.

- Có thể lắm chứ sao, - chàng thủy thủ đồng ý, song, ngay lập tức đã bướng bỉnh nói thêm. - Nhưng dầu sao thì trong eo biển của chúng ta cũng không có đá ngầm vào hết.

- Vậy thì điều gì đã xảy ra? - Harbert hỏi.

- Anh không biết, - Pencroff cắt ngang, - và ngài Cyrus cũng không biết, cũng chẳng ai biết, chẳng bao giờ biết!

Mãi xem xét tàu, những người đi dân không để ý đã mấy tiếng đồng hồ trôi qua và thủy triều bắt đầu lên. Đành phải ngưng các công việc cấp cứu lại. Tuy nhiên, chẳng có gì phải sợ sóng cuốn mất sườn tàu ra khơi, vì tàu đã sa lầy trong cát và được giữ chắc chắn hơn là neo bằng tất cả số neo của nó.

Đã năm giờ chiều. Những người di dân đã qua một ngày vất vả. Họ ăn bữa trưa thật là ngon miệng, và mặc dầu đã mệt rũ rượi chân tay, họ vẫn không thể cưỡng lại sự quyến rũ tìm hiểu những thứ chứa trong các thùng được tìm thấy trong các tầng hầm tàu “Nhanh”.

Phần lớn các thùng đều có quần áo may sẵn, giày dép đủ cỡ, nhiều đến mức thừa dùng cho nguyên cả một vùng di dân. Ngoài ra, còn có những thùng nào rượu, nào thuốc lá, nào vũ khí, dụng cụ nghề nông, nghề mộc, nề và rèn, các bao hạt giống đủ loại cây trồng v.v... Chà, tất cả những thứ ấy thật là một kho quý giá vô ngần đối với những người di dân hai năm về trước! Nhưng không sao, ngay đến bây giờ đây, khi những người di dân sáng trí và cần cù đã tự tay mình tạo nên những thứ cần thiết, những quý giá này vẫn có ích.

Trong các kho của Lâu đài đá hoa cương còn dư chỗ, nhưng ngày hôm ấy không còn lúc nào để mà khuôn đồ đạc về. Vả lại, không được quên rằng

sáu tên cướp biển của tàu “Nhanh” còn sống sót đang quanh quẩn trên đảo, rằng những vị khách không mời là những tên dê tiện bất trị, vì vậy cần phải cẩn thận đề phòng. Cầu qua sông Tạ ơn và tất cả các cầu nhỏ đều được nâng lên hết...

Đêm trôi qua yên tĩnh, bọn cướp biển không dám tấn công những người khai khẩn. Chú Jup và Top được giao việc bảo vệ Lâu đài đá hoa cương, nếu có chuyện gì, tất nhiên sẽ báo động ngay lập tức.

Ba ngày tiếp theo - 19, 20 và 21 tháng mười - những người di dân đã làm việc một cách tuyệt vời, cứu vớt tất cả những gì ít nhiều có giá trị, dù là hàng của tàu “Nhanh” hay các bộ phận trang bị của nó...

Sau tai nạn một tuần, đúng hơn là sau vụ kết cục bí ẩn đã cứu sống những người dân, thậm chí khi nước ròng cũng không thể phát hiện ra dấu vết của tàu “Nhanh”. Những mảnh vỡ cuối cùng của nó đã bị cuốn ra khơi, còn hàng thì đã làm giàu cho các kho tàng của Lâu đài đá hoa cương.

Song, tình huống tàu bị diệt quá ư đột ngột và lạ lùng sẽ vẫn chỉ là điều bí mật, nếu như ngày 30 tháng mười, trong khi dạo trên bờ biển, Nab không tìm thấy một mảnh ống bằng kim loại còn giữ lại những dấu vết của vụ nổ. Chiếc ống ấy bị xoắn và vỡ ở hai bên cạnh, hình như do tác động của chất nổ.

Nab đã mang vật tìm được về cho kỹ sư, lúc ấy đang lao động cùng những người di dân khác trong xưởng của Lán tạm.

Cyrus Smith chăm chú xem xét mảnh ống, sau đó quay sang Pencroff nói:

- Anh bạn của tôi, anh vẫn quả quyết rằng tàu “Nhanh” bị diệt không phải do va vào đá ngầm?

- Vâng, tôi vẫn cho là thế, thưa ngài, - chàng thủy thủ đáp. - Chính ngài cũng biết rất rõ rằng trong biển của chúng ta không có đá ngầm nào kia mà.

- Vậy nếu tàu đụng phải cục sắt này thì sao? - Kỹ sư nói tiếp, đưa cho Pencroff mảnh ống bằng kim loại.

- Đụng phải cái ống nhỏ này ư? - Chàng thủy thủ thốt lên, thậm chí không định che giấu sự nghi hoặc.

- Các bạn của tôi, - Cyrus Smith nói với những người di dân, - tôi hy vọng các bạn nhớ rằng, trước khi chìm, chiếc tàu buồn đã bị nhấc bổng lên bởi một cột nước lớn?

- Tất nhiên là nhớ ạ, thưa ngài Cyrus! - Harbert vội đáp lời.

- Các bạn muốn biết cột nước ấy do cái gì gây nên không? Do cái này đây. - Và kỹ sư chìa mảnh ống bị hỏng để trên bàn tay ra.

- Do cái này đây ư? - Pencroff hỏi.

- Đúng, bởi vì ống nổ - đó là tất cả những gì còn lại của một quả thủy lôi!

- Thủy lôi! - Những người di dân đồng thanh thốt lên.

- Thế ai đã đặt quả thủy lôi ấy? - Pencroff nói, không muốn chịu thua.

- Chỉ có thể nói được một điều là không phải tôi! - Cyrus Smith trả lời. -
Nhưng sự thật đã rành rành: ai đấy đã đặt thủy lôi, và tự các bạn có thể
phán xét được sức công phá chưa từng thấy của nó.

CHƯƠNG NĂM

Những kết luận của kỹ sư. - Quyết định tìm ra ân nhân bí ẩn. - Bốn phát đại phác.

Thế là mọi chuyện đã được giải thích bởi tiếng nổ của quả thủy lôi. Cyrus Smith không thể làm được. Trong thời kỳ nội chiến ở Mỹ, ông đã không phải chỉ một lần tiếp xúc với các loại vũ khí phá hoại kinh khủng như vậy. Địch thị dưới tác dụng của cái ống hình trụ được nhồi nitroglycerin, muối axit picric hay chất nổ khác này đây mà từ eo biển bốc lên một cột nước, và, bị đánh đòn chớp nhoáng, chiếc tàu đã chìm; không thể trục nó lên được nữa, vì thân tàu đã bị hư hại nặng. Nếu thủy lôi đã phá thủng lớp bọc thép của chiến hạm dễ dàng như phá hủy một chiếc thuyền đánh cá bình thường, thì chiếc tàu này đây chịu sao xiết!

Phải, mọi chuyện đều đã trở nên rõ ràng, trừ một tình huống: ở đâu ra quả thủy lôi dưới eo biển ấy?

- Các bạn của tôi, - Cryus Smith lên tiếng, - bây giờ khỏi phải nghi ngờ gì nữa, trên đảo có một người bí ẩn nào đó, có thể, cũng như chúng ta, là nạn nhân của một vụ đắm tàu. Tôi nói điều ấy cốt để cho Ayrton làm quen với sự kiện huyền bí đã xảy ra ở đây trong hai năm qua. Ân nhân bí ẩn ấy - con người mà, may mắn thay, đã từng nhiều lần đến cứu giúp chúng ta - là ai, thì tôi không nói được. Vì những lý do gì mà ông ta hành động và tại sao ông ta lại tránh chúng ta, những người được ông ta ban ơn, - điều ấy tôi không thể hiểu nổi. Nhưng bằng cách này hay cách khác, những ơn ấy đã được ban rồi, và ban những ơn ấy chỉ có thể là một người thực sự có sức mạnh phi thường. Ayrton chịu ơn con người đó cũng với mức độ như tất cả

chúng ta, bởi vì ân nhân bí ẩn ấy đã cứu tôi thoát khỏi vực biển sau khi khí cầu bị tai nạn, cũng lại chính ông ta có lẽ đã viết lá thư, bỏ chai xuống eo biển và bằng cách ấy báo cho chúng ta biết tình trạng nguy khốn của người bạn chúng ta. Tôi nói thêm rằng, chính ông ta đã kịp thời thả lên mũi. Tôi thấy chiếc hòm đựng tất cả những dụng cụ mà chúng ta đặc biệt cần thiết; chính ông ta đã đốt lửa trên đỉnh núi để các bạn có thể về đến đảo; chính ông ta đã bắn con lợn rừng, và viên đạn chì từ súng của ông ấy bắn ra chúng ta đã tìm thấy trên con mình con vật bị chúng ta giết; chính ông ta đã đặt thủy lôi trong eo biển để phá chiếc tàu cướp biển. Tóm lại, chúng ta chịu ơn con người bí ẩn ấy về tất cả những ân huệ không giải thích nổi và không hiểu nổi. Vậy nên, dù ông ta là ai, nạn nhân của một vụ đắm tàu, hay là người bị đày lên hòn đảo này, nếu quên ông ấy là chúng ta tỏ ra vong ân bội nghĩa. Chúng ta mắc nợ ông ấy và, tôi hy vọng rằng, sớm muộn gì chúng ta cũng sẽ trả được món nợ của chúng ta.

- Cyrus thân mến, ngài hoàn toàn có lý, - Gédéon Spilett đáp lời. - Vâng, ngài đã nói rất có lý rằng ở đâu đây trên đảo này có một người bí ẩn nào đó có sức mạnh hầu như siêu nhân và bấy lâu nay đã sử dụng nó cho lợi ích của vùng di dân chúng ta... Có thể là ông ấy bí mật liên lạc với chúng ta qua cái giếng của Lâu đài đá hoa cương và nhờ đó biết được hết mọi kế hoạch của chúng ta... Nếu quả thật như vậy thì ông ta thống trị chẳng những các công việc của con người, mà còn cả các hiện tượng tự nhiên nữa.

Những người có mặt không thể không đồng ý với những lập luận đúng đắn của nhà báo.

- Hoàn toàn đúng, - Cyrus Smith tiếp lời, - không có ai trong chúng ta còn nghi ngờ gì nữa về sự tồn tại của một cư dân bí ẩn trên đảo, và tôi thừa nhận rằng ông ta có những phương tiện mà tạm thời con người chưa biết tới. Đây, lại thêm một điều bí ẩn nữa. Nhưng, sau khi phát hiện được người lạ thì chúng ta mới giải đoán được điều ấy. Bởi vậy, chúng ta cần giải quyết

vấn đề sau đây: nên chẳng tiếp tục tôn trọng sự ան danh của con người độ lượng ấy, hay là làm tất cả những gì có thể làm được để phát hiện ông ta. Tôi muốn biết ý kiến của các bạn về vấn đề này.

- Theo tôi, - Pencroff đáp, - dẫu là ai đi nữa thì người ấy cũng là một chàng trai đáng mến, và tôi hết lòng kính trọng anh ta.

- Tất cả những điều ấy đều rất tốt thôi, - Cyrus Smith bác lại, - nhưng Pencroff, anh phải đồng ý rằng anh chưa trả lời vào câu hỏi của tôi.

- Còn theo con thì, thưa ông chủ, - Nab thốt lên, - chúng ta có tìm hay không tìm con người ấy - điều đó không quan trọng. Trước khi tự bản thân ông ta muốn lộ diện thì chúng ta chẳng cần tìm ông ta làm gì.

- Nói hay quá đó Nab, - Pencroff khen, - nói quả thực thông minh ghê.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với Nab, - Gédéon Spilett bắt đầu, - nhưng đó là cái cố chưa đủ xác đáng để từ bỏ những cuộc tìm kiếm. Chúng ta có tìm thấy, hay không tìm thấy con người bí ẩn ấy thì ít nhất chúng ta cũng làm tròn nghĩa vụ của mình đối với ông ta.

- Còn cháu, chú bạn nhỏ, có ý kiến gì không? - Kỹ sư nói với Harbert.

- Ôi! - Harbert kêu lên, mắt sáng rực. - Cháu cứ muốn được tạ ơn ông ấy đầu tiên đã cứu ngài, thưa ngài Cyrus, còn sau đó đã cứu tất cả chúng ta nữa!

- Nghĩ khá đấy, con trai bé bỏng ạ, - Pencroff đáp lại, - anh không phản đối làm điều ấy đâu, mà tất cả những người còn lại cũng thế! Mọi người biết đó, tôi không có thói tò mò quá đáng, nhưng dẫu sao cũng sẵn sàng chịu mất một con mắt phải để được nhìn thấy người anh hùng ấy.

- Còn ý kiến của anh thế nào, Ayrton? - Kỹ sư hỏi.

- Ngài có thấy không, thưa ngài Smith, tôi không biết nói gì nữa. Ngài đã quyết định điều gì thì mọi việc đều sẽ đúng và tốt cả. Nếu như ngài muốn tôi cũng tham gia vào các cuộc tìm kiếm thì tôi sẽ không chậm trễ đi theo các ngài.

- Rất cảm ơn anh, Ayrton, - Cyrus Smith trả lời, - nhưng tôi lại muốn nhận được ở anh một câu trả lời thẳng thắn hơn. Anh là người bạn có đầy đủ quyền hạn như chúng tôi; anh đã nhiều lần chứng minh bằng việc làm cho chúng tôi thấy lòng trung thành của mình, và, trước khi thông qua một quyết định quan trọng như thế này, chúng tôi hỏi ý kiến của anh, cũng như ý kiến của những người di dân. Vì vậy hãy nói cho chúng tôi biết anh nghĩ gì về việc này?

- Thưa ngài Smith, tôi cho rằng chúng ta có trách nhiệm làm tất cả những gì có thể làm để tìm ra ân nhân bí ẩn của chúng ta, - Ayrton trả lời, - Có thể ông ấy đang bị giày vò trong cảnh cô đơn. Có thể ông ấy đang đau khổ. Có thể, với sự giúp đỡ của chúng ta, ông ấy sẽ bắt đầu cuộc sống mới. Chính ngài vừa nói rằng tôi là người mắc nợ ông ấy. Đúng là ông ấy, tất nhiên là ông ấy chứ không phải ai khác, đã đến thăm đảo Tabor, phát hiện thấy ở đó một con người bất hạnh đang đau khổ và đã báo cho các ngài biết cần phải cứu con người ấy. Nghĩa là, nhờ ơn của ông ấy mà tôi lại trở thành con người. Tôi sẽ không bao giờ quên được điều đó.

- Thôi được rồi, đã quyết định xong, - Cyrus Smith nói. - Chúng ta sẽ bắt đầu những cuộc tìm kiếm và càng nhanh càng tốt. Chúng ta khảo sát toàn bộ đảo, xem xét từng xó xỉnh. Chúng ta lục lọi hết mọi chỗ khuất kín và mong người bạn chưa quen biết hãy tha thứ cho chúng ta về sự khiếm nhã này.

Tất cả các ngày sau đó những người di dân tích cực chuẩn bị cho mùa đông - dự trữ thức ăn cho gia súc, thu hoạch mùa màng. Họ đã bàn tính kỹ là đầu tiên phải làm xong mọi công việc bức bách đã, rồi sau đó mới bắt tay vào việc khảo sát đảo. Theo đề nghị của Pencroff, bốn khẩu đại bác lấy được ở tàu cướp biển đã được đem bắn thử. Bốn phát đạn bắn đi đều rơi đúng các mục tiêu cách xa từ ba đến năm dặm biển. Pencroff phấn chấn cho rằng những tên cướp biển Thái Bình Dương sẽ chẳng dám bén mảng đến Lâu đài đá hoa cương nữa. Nhưng, kỹ sư đã nói với chàng thủy thủ:

- Hãy tin ở tôi, Pencroff, tốt hơn hết là khỏi phải cần đến những cuộc thử như thế này.

CHƯƠNG SÁU

Ayrton ở khu chăn nuôi. - Thăm cảng Khí cầu. - Nhận xét của Pencroff trên boong “Bonadventur”. - Bức điện khẩn gửi ra khu chăn nuôi. - Ayrton không trả lời. - Tại sao điện báo không hoạt động? - Phát đạn.

Trước khi bắt đầu cuộc hành trình khảo sát đảo, những người di dân quyết định để ra mười ngày làm nốt một số việc trên cao nguyên Tầm nhìn.

Song, Ayrton phải trở lại khu chăn nuôi, bởi vì gia súc cần được trông nom và săn sóc. Họ qui ước với nhau là anh ta sẽ ở lại hai ngày và sẽ trở về Lâu đài đá hoa cương sau khi đã cho gia súc thêm nhiều thức ăn.

Ngay trước lúc Ayrton đi, Cyrus Smith đã hỏi anh ta xem có cần ai nữa đi cùng không, bởi vì việc di chuyển trên đảo bây giờ không được an toàn.

Ayrton trả lời rằng những sự đề phòng như vậy là hoàn toàn thừa - một mình anh ta cũng có thể đảm đương tốt công việc, ngoài ra, chẳng sợ gặp bọn cướp biển. Nếu như ở ngay khu chăn nuôi hoặc gần đó có gì xảy ra, anh ta sẽ điện báo ngay cho các cư dân của Lâu đài đá hoa cương biết.

Thế là Ayrton đã ra đi lúc sáng sớm ngày mùng 9 tháng mười một bằng chiếc xe do một con la kéo, hai giờ sau thì điện báo cho biết ở khu chăn nuôi mọi việc bình thường.

Trong hai ngày ấy Cyrus Smith đã thực hiện xong dự án từ lâu của mình là ngăn chặn triệt để khả năng từ bên ngoài bất ngờ thọc vào Lâu đài đá hoa cương. Muốn vậy, cần phải lấp kín hoàn toàn miệng trên của đường thoát

nước cũ ở đầu nam hồ Grant mà trước đây họ đã bịt bằng đá và ngụy trang bằng cây và cỏ... Làm nốt công việc dở dang chẳng khó gì, bởi vì chỉ cần nâng mức nước trong hồ lên hai, ba fut là làm ngập hoàn toàn đường xả nước đã được xây bịt lại...

Sau khi nhanh chóng hoàn thành công việc ấy, Pencroff, Gédéon Spilett và Harbert đã quyết định đi đến cảng Khí cầu, bởi vì vẫn còn có thời gian. Chàng thủy thủ sốt ruột muốn biết bọn cướp biển có đặt chân lên cái vịnh nhỏ, nơi “Bonadventur” thả neo, hay không...

Họ khởi hành ngày 10 tháng mười một, sau bữa ăn trưa, mang theo vũ khí, đến thẳng cảng, nghĩa là đi về phía bờ nam của đảo.

Khi đến nơi, Pencroff không thể nén nổi tiếng reo vui - chiếc tàu nhỏ của họ vẫn thả neo yên ổn trong vịnh nhỏ...

Pencroff, Harbert và Gédéon Spilett leo lên tàu và đi vòng quanh boong. Bỗng chàng thủy thủ, sau khi liếc nhìn cọc cuốn dây neo, kêu lên:

- Úi chà! Sao lạ thế này!

- Chuyện gì xảy ra thế, Pencroff? - Nhà báo hỏi.

- Đúng là tôi đâu có buộc cái nút này!

Và Pencroff chỉ vào sợi dây được dùng để buộc sợi cáp neo vào cọc cuốn cáp cho nó khỏi bị tuột ra.

- Sao lại không phải là anh? - Đến lượt Gédéon Spilett thốt lên.

- Thế đấy, không phải tôi, tôi xin lấy đầu mà thề! Ông xem này - đây là nút dẹt, mà tôi thường vẫn hay buộc nút thuyền chài kia.

- Có thể anh đã nhầm không, Pencroff?

- Tôi không nhầm gì hết, - thủy thủ trả lời. - Chính tay mình buộc mà, nhầm sao được.

- Nghĩa là bọn cướp biển đã lên boong tàu à? - Harbert hỏi.

- Điều đó thì anh không biết, - Pencroff nói, - anh chỉ biết rằng có người đã nhổ neo, rồi sau đó lại thả xuống. Mà này, hãy nhìn đây - lại thêm một bằng chứng nữa! Cáp neo được nối ra, nhưng cuốn lại thì, thấy không này, chưa tới lỗ. Tôi xin nói rằng, có ai đó đã sử dụng tàu của chúng ta.

- Nhưng nếu đấy là bọn hải tặc thì chúng đã cướp bóc tàu hoặc lái đi rồi, - nhà báo nói.

- Lái đi à? Nhưng lái đi đâu, sang đảo Tabor chẳng? - Chàng thủy thủ nhắc lại. - Không nhẽ ông lại nghĩ rằng chúng đã cả gan ra khơi trên một chiếc tàu nhỏ xíu thế này ư?...

- Giả sử như vậy đi, - Gédéon Spilett đồng ý. - nhưng tôi vẫn muốn biết bọn tội phạm đã dùng tàu của chúng ta với mục đích gì và tại sao sau khi hoàn thành chuyến đi chúng lại đưa tàu vào vịnh?

- Ồ, ông Spilett, - chàng thủy thủ bác lại, - cứ cho đấy là một điều bí mật đi... May quá, chung quanh ta đã đủ những điều bí mật rồi, chúng ta sẽ chẳng phải phí công vất óc suy nghĩ nữa. Quan trọng là “Bonadventur” của chúng ta vẫn đậu nguyên chỗ cũ. Nhưng nếu bọn hải tặc sẽ lại lấy nó đi thì tôi sợ chúng ta sẽ chẳng còn nhìn thấy nó nữa đâu.

- Nếu vậy thì, anh Pencroff, - Harbert nhận xét, - đưa tàu về chỗ Lâu đài đá hoa cương có thể tốt hơn không?

- Tốt mà cũng không tốt, - Pencroff đáp, - đúng hơn là không được. Cửa sông Tạ ơn không phải là nơi thích hợp cho tàu đậu, vả lại biển ở đó sóng to.

- Thế thì kéo nó lên cát sát Lán tạm vậy?...

- Có lẽ như vậy hay đấy, - Pencroff đồng ý, - nhưng mà chúng ta lại phải rời Lâu đài đá hoa cương trong một thời gian lâu. Tôi cảm thấy trong lúc chúng ta đi thám hiểm thì cứ để tàu ở đây sẽ an toàn hơn.

- Quyết định xong! Nhà báo đồng ý. - Còn bây giờ chúng ta quay về thôi!...

Ngay buổi chiều hôm đó Ayrton nhận được bức điện với yêu cầu mang hai con dê ở khu chăn nuôi về. Nab muốn luyện cho chúng thích nghi với đồng cỏ của cao nguyên. Nhưng, thật là lạ, trái với mọi khi, Ayrton không tiếp nhận điện. Kỹ sư ngạc nhiên. Đúng là có thể lúc ấy Ayrton không có mặt ở khu chăn nuôi, có lẽ anh ta đang trên đường về Lâu đài đá hoa cương. Từ khi anh ta đi đến nay đã quá hai ngày, mà theo qui ước thì anh ta phải trở về vào buổi tối ngày mồng mười hoặc chậm nhất là sáng ngày mười một.

Những người di dân từng phút, từng phút chờ đợi Ayrton xuất hiện trên cao nguyên Tầm nhìn. Nab cùng với Habert trực bên cầu để hạ ngay cầu xuống khi nhìn thấy bạn về.

Lúc ấy đã gần mười giờ tối, mà Ayrton vẫn chưa thấy đâu cả. Khi ấy họ đã quyết định gửi bức điện thứ hai và yêu cầu trả lời gấp.

Nhưng chuông ở Lâu đài đá hoa cương im lặng. Những người khai khẩn lo lắng nhìn nhau. Có chuyện gì đã xảy ra vậy? Hẳn là Ayrton đã rời khu chăn nuôi, mà nếu còn ở đó thì chắc anh ta đã bị mất khả năng hành động? Có nên bắt chấp đêm tối, đi ra khu chăn nuôi cứu giúp bạn không?

Nhiều ý kiến khác nhau: một số nằng nặc đòi đi ngay, những người khác lại nói đợi đến sáng mai thì tốt hơn.

- Thế nhờ máy điện báo bị hỏng thì sao? - Harbert nói.

- Có thể lắm, - nhà báo khẳng định.

- Ta đợi đến mai, - Cyrus Smith đề nghị. - Có lẽ Ayrton không nhận được điện báo của chúng ta hoặc chúng ta không nhận được điện trả lời.

Họ đã quyết định đợi đến sáng, nhưng nỗi lo âu của những người khai khẩn cứ tăng lên.

Ngày 11 tháng mười một, lúc trời hửng nắng, Cyrus Smith lại cho máy điện báo hoạt động, nhưng vẫn không nhận được trả lời. Ông gọi lần nữa, cũng vẫn im lặng.

- Ra khu chăn nuôi mau! - Ông kêu lên.

- Và mang theo vũ khí! - Pencroff nói thêm.

Họ để lại Nab ở Lâu đài đá hoa cương, chứ không thể bỏ mặc chỗ ở được. Nab tiễn những người di dân đến suối Glixerin, nâng cầu lên và nép

vào sau cây đọt họ hoặc Ayrton trở về.

Trường hợp nếu bọn cướp biến xuất hiện và mưu toan đột nhập cao nguyên Tầm nhìn, anh ta sẽ nổ súng kìm chân chúng, còn cùng lắm thì anh ta sẽ ẩn náu trong Lôu đài đá hoa cương và cất thang máy lên - ở trong pháo đài bất khả xâm phạm này anh ta có thể chẳng phải sợ gì hết...

Xuống khỏi cao nguyên Tầm nhìn, những người khai khẩn hướng thẳng tới khu chăn nuôi. Họ cầm chắc súng trong tay, sẵn sàng nhả đạn ngay khi có tiếng động khả nghi đầu tiên. Trang bị của họ gồm có hai khẩu cacbin và hai khẩu súng săn đã nạp đạn...

Họ rảo bước, không trao đổi với nhau một lời. Con Top chạy trước - lúc thì phóng trên đường, lúc lại lúi vào rừng, nhớn nhớn đánh hơi mặt đất và không đánh tiếng. Còn những người di dân thì biết rằng con chó trung thành từ xa đã đánh hơi thấy nguy hiểm và lên tiếng sủa vang khi bất kỳ kẻ thù nào tới gần.

Những người di dân đi dọc theo đường dây điện báo nối liền khu chăn nuôi với Lôu đài đá hoa cương. Họ đi đã được gần hai dặm, không thấy có chỗ nào đường dây bị hỏng. Các cột đứng nguyên, dây căng tốt. Tuy nhiên, một lát sau, kỹ sư phát hiện thấy dây hơi bị thông; khi họ đến cột số bảy mươi bốn thì Harbert đi trước bỗng dừng lại và kêu to:

- Dây điện bị đứt!

Những người cùng đi với chú rảo bước hơn và một lát sau họ đã nhập vào với Harbert.

Ngang đường có một cây cột đổ nằm trơ gốc. Như vậy là những người di dân đã xác định được chỗ đứt dây điện và hiểu tại sao những bức điện đánh

đi từ Lôu đài đá hoa cương đều không đến khu chăn nuôi và ngược lại.

- Không, cây cột này không phải bị gió làm đổ, - Pencroff nhận xét.

- Đúng, - Gédéon Spilett khẳng định. - Các bạn thấy không, đất chung quanh bị đào lên, còn chính cây cột thì, không nghi ngờ gì nữa, đã bị người quật đổ.

- Ngoài ra, dây điện bị đứt, - Harbert nói.

Quả như vậy, trên mặt đất, hai đầu dây điện bị bàn tay ai đó rút đứt nằm chỏng chơ.

- Mới bị đứt phải không? - Cyrus Smith hỏi.

- Vâng, - Harbert khẳng định, - có lẽ dây điện hoàn toàn mới bị đứt đây thôi.

- Ra khu chăn nuôi! Ra khu chăn nuôi nhanh lên! - Chàng thủy thủ kêu to.

Những người di dân đang ở cách khu chăn nuôi nửa đường. Họ còn phải đi thêm hai dặm rưỡi nữa. Và họ đã lặng lẽ rảo bước tiếp.

Thực sự ở khu chăn nuôi phải xảy ra chuyện gì nghiêm trọng rồi. Tất nhiên, Ayrton đã có thể đánh điện về Lôu đài đá hoa cương, nhưng làm sao nó tới được; rõ ràng cái làm cho những người di dân lo không phải là việc ấy, mà là việc Ayrton đã hứa về từ tối hôm qua, mà lại không về, trái với lời hứa của mình. Đây mới thực sự là điều bí ẩn. Và, cuối cùng, đâu phải tình cờ dây điện nối liền Lôu đài đá hoa cương với khu chăn nuôi bị đứt như

vậy. Còn ai nữa, ngoài những tên tội phạm vượt ngục, đã quan tâm đến việc làm gián đoạn sự thông tin bằng điện báo.

Những người di dân bây giờ lo quỳnh lên, bắt đầu chạy. Họ hết lòng gắn bó với người bạn mới của mình. Không nhẽ họ phải chịu tìm thấy bạn mình đã bị giết bởi bàn tay của những kẻ mà đã có thời anh ta là thủ lĩnh của chúng?

Cuối cùng, họ đã đến nơi. Mọi người chậm bước lại để thở lấy hơi và nếu cần thì có sức lực mới để xông vào cuộc chiến đấu. Súng đã được lên đạn. Mỗi người theo dõi một khu rừng nhất định. Con Top khẽ gầm gừ không báo hiệu điều gì tốt lành.

Từ sau những hàng cây đã nhìn thấy hàng rào của khu chăn nuôi. Thoạt trông thì thấy nó còn nguyên vẹn. Cổng vẫn khóa như mọi khi. Đằng sau đó, hoàn toàn im ắng: không nghe tiếng be của dê rừng, tiếng quát nghiêm khắc của Ayrton.

- Ta vào đi! - Cyrus Smith nói.

Kỹ sư bước đến hàng rào, còn các bạn của ông thì đứng cảnh giới cách hai mươi bước, sẵn sàng nổ súng ngay.

Cyrus Smith nâng chốt cổng trong lên và định mở một cánh cổng ra, bỗng con Top sủa dữ tợn. Từ sau hàng rào vang lên một phát súng, và đáp lại là một tiếng kêu thương đau.

Harbert đã bị trúng đạn nằm trên đất!

CHƯƠNG BẢY

Đưa Harbert vào trong nhà. - Một đợt điều trị. - Làm sao báo cho Nab biết? - Phải viên trung thành. - Trả lời của Nab.

Sau khi nghe tiếng kêu của Harbert, Pencroff bỏ súng, lao đến chỗ chú.

- Chúng giết thẳng bé rồi! - Anh kêu lên. - Chúng giết thẳng con trai bé bỏng của tôi rồi! Chúng nó giết rồi! Giết rồi!

Cyrus Smith và Gédéon Spilett cũng lao đến Harbert. Nhà báo áp tai vào ngực chú bé, hy vọng bắt được tiếng đập của tim.

- Sống! - Ông kêu lên. - Phải đưa chú ấy đi...

- Về Lâu đài đá hoa cương ư? Như thế không được đâu, - kỹ sư lên tiếng.

- Vậy thì đưa vào khu chăn nuôi! - Pencroff kêu lên.

- Đợi chút đã, - Cyrus Smith trả lời.

Và ông lao về bên trái, định vòng qua hàng rào. Tại đây ông giáp mặt một tên cướp, hấn lấy cò súng, viên đạn xuyên qua mũ của kỹ sư. Nhưng không kịp bắn viên thứ hai thì tên cướp đã ngã lăn ra đất bởi một nhát dao găm cắm vào tim; vì Cyrus Smith sử dụng gươm dao còn nghề hơn là dùng súng đạn.

Trong khi đó, Gédéon Spilett và thủy thủ nhảy qua rào, xông thẳng vào nhà, nhưng ở đây trống vắng. Chẳng mấy chốc, chú Harbert bất hạnh đã được đặt nằm trên giường của Ayrton.

Lát sau, Cyrus Smith đã nhập vào với họ.

Khi nhìn thấy Harbert ngừng thở, chàng thủy thủ lâm vào trạng thái thất vọng không thể tả được. Anh đã khóc nức nở, muốn đập đầu vào tường. Cả kỹ sư lẫn nhà báo đều không làm anh yên lòng. Mà họ cũng không thể nói được, bởi vì họ hồi hộp đến nghẹt thở.

Harbert hoàn toàn bất động, đúng hơn là người cứng đờ. Nguyên do vì bị máu ra nhiều hoặc choáng. Có lẽ viên đạn đã chạm mạnh vào xương, gây nên sự chấn động cả cơ thể.

Nhà báo kiểm tra kỹ, thấy Harbert bị thương giữa xương sườn thứ ba và thứ tư. Một vết nữa ở lưng.

- May quá! - Ông kêu lên. - Vết thương xuyên thủng, nên chúng ta không phải gấp đạn ra.

- Thế còn tim? - Cyrus Smith hỏi.

- Tim không bị chạm phải, nếu không thì Harbert đã chết rồi.

- Nó chết rồi! - Chàng thủy thủ chỉ thoáng nghe tiếng cuối cùng của nhà báo nên kêu toán lên, đúng hơn là gầm lên.

- Đâu phải, Pencroff, - Cyrus Smith vội nói, - không phải thế, Harbert không chết! Vì còn bắt thấy mạch kia mà! Anh nghe thấy thằng bé rên đấy

thôi. Yêu cầu anh hãy bình tĩnh lại. Chúng ta cần giữ được bình tĩnh. Đừng làm chúng tôi mất dũng khí, bạn của tôi ạ.

Pencroff im lặng, nhưng sự chấn động tinh thần mạnh đến nỗi đã làm cho nước mắt tuôn dòng trên khuôn mặt dũng cảm của anh.

Nhà báo nhanh chóng rửa và băng bó vết thương cho Harbert. Ông cúi xuống chăm chú quan sát chú Harbert vẫn tái nhợt đi, khiến ông lo lắng.

- Cyrus, - ông nói, - tôi không phải là bác sĩ... tôi không giấu giếm, rằng tôi hoàn toàn lúng túng... Ngài hãy giúp đỡ tôi bằng những lời khuyên, bằng kinh nghiệm của mình!

- Hãy bình tĩnh, anh bạn của tôi, - kỹ sư nói, bắt chặt tay nhà báo. - Hãy hành động một cách bình tĩnh... Anh hãy chỉ cần nhớ một điều thôi: chúng ta phải cứu được Harbert!

Nghe những điều ấy, Gédéon Spilett đã lấy lại được sự tự chủ thường ngày, và bỗng trở nên nhận thức sâu sắc hơn trách nhiệm của mình.

Rất may, vết thương không đòi hỏi can thiệp bằng mổ xẻ. Nhưng, những người di dân có sẵn loại thuốc công hiệu gì để chống viêm nhiễm có thể xảy ra không?

Có đấy, dù thế nào đi nữa họ vẫn luôn có trong tầm tay một loại thuốc dồi dào do chính thiên nhiên cung cấp. Ngay bên cạnh họ có dòng nước lạnh trong sạch chảy qua, nói cách khác, đó là một bài thuốc làm bớt đau rất tuyệt diệu được dùng trong những trường hợp viêm nhiễm do bị thương, là thứ thuốc có thể chữa khỏi các bệnh nặng mà ngày nay tất cả các bác sĩ đều thừa nhận. Nước lạnh còn có một ưu thế không nhỏ là nhờ nó mà vết thương có thể giữ yên, không cần phải băng bó ngay.

Trong trường hợp này Gédéon Spilett và Cyrus Smith đã làm theo cái lẽ phải đơn giản ấy, và họ đã hành động y như một nhà phẫu thuật tài nghệ nhất. Họ đặt các miếng gạc bằng vải gai lên cả hai vết thương của Harbert bất hạnh và liên tục đắp nước vào.

Trong khi đó, chàng thủy thủ nhóm lửa trong lò và xem xét căn nhà nhỏ của Ayrton, ở đây có đủ mọi thứ cần thiết cho cuộc sống. Từ đường của cây phong và các cây lá thuốc mà tự Harbert hái bên bờ hồ Grant, họ đã nấu thành một loại nước giải khát và đổ vài thìa nhỏ vào miệng chú bé, nhưng bệnh nhân không có cảm giác gì. Nhiệt độ của chú vẫn rất cao, suốt ngày chú vẫn không tỉnh. Tính mạng của Harbert treo trên sợi tóc, mà sợi tóc ấy, có thể đứt bất kỳ lúc nào.

Sang ngày hôm sau, 12 tháng mười một, những người di dân thấy hy vọng chút ít. Harbert đã tỉnh dậy sau cơn ngất kéo dài. Chú đã mở mắt và nhận ra Cyrus Smith, nhà báo và Pencroff đang cúi trên người chú. Thậm chí chú đã nói được vài lời. Mọi chuyện xảy ra chú không nhớ gì hết. Gédéon Spilett kể lại tóm tắt sự việc đã diễn ra cho chú nghe và năn nỉ chú phải hết sức nằm yên, bởi vì, mặc dù nguy hiểm đã qua, nhưng cần phải làm sao cho vết thương sớm thành sẹo. Tuy vậy, Harbert hầu như đã không cảm thấy đau, còn nước lạnh được đắp vào thường xuyên thì đã ngăn chặn được quá trình viêm nhiễm. Mủ được trích ra đều đặn, nhiệt độ không lên nữa, vì vậy đã có thể hy vọng rằng vết thương đáng sợ sẽ khỏi mà không có phức tạp gì. Pencroff lần đầu tiên thở phào nhẹ nhõm. Chàng đã biến thành “cô hộ lý” thực sự, chăm sóc cho “thằng bé cứng” của mình, y như một người mẹ hiền vậy.

Harbert lại thiếp đi, nhưng lần này giấc ngủ bình yên...

Ngày 12 tháng mười một, trong lúc Pencroff trực bên giường bệnh nhân, Cyrus Smith và nhà báo đã quyết định bàn về tình hình xảy ra và bắt tay hành động.

Công việc đầu tiên là họ đi tuần tra toàn bộ khu chăn nuôi, nhưng không thấy dấu vết gì của Ayrton. Không nhẽ bọn đồng lõa trước đây của anh ta đã lôi anh ta đi theo rồi sao? Nghĩa là chúng đã bắt chọt anh ta? Anh ta có giao chiến với chúng không, bị sa vào tay chúng rồi chẳng? Giả thiết cuối cùng có lẽ đúng hơn cả.

- Chắc là Ayrton tội nghiệp đã bị bọn chúng bắt chọt. - Cyrus Smith nói.
- Nhưng anh ta đâu phải là người chịu buông súng đầu hàng, nên có lẽ đã bị chúng giết rồi.

- Vâng, tôi sợ như vậy đó! - Nhà báo trả lời. - Hiển nhiên là bây giờ Ayrton dù sống hay chết thì cũng đã ở xa đây rồi.

- Cần phải lục soát khắp rừng, - kỹ sư nói tiếp, - và tiễn sạch bọn dê tiện khỏi đảo.

- Đúng, - nhà báo xác nhận, - bây giờ chúng ta có lý để mà thẳng tay thanh toán chúng.

- Cho dù thế nào, - kỹ sư nói, - chúng ta cũng cần phải ở lại trại chăn nuôi cho đến khi có thể đưa được Harbert về Lâu đài đá hoa cương.

- Còn Nab thì sao?

- Nab không có gì nguy hiểm cả.

- Nhỡ đột nhiên sự vắng mặt của chúng ta làm anh ta lo lắng, không chịu ngồi yên ở Lâu đài đá hoa cương và quyết định ra đây thì sao?

- Không nên giả thiết như vậy! - Cyrus Smith đáp lại ngay. - Chúng sẽ giết chú ta trên đường mất!

- Mà chắc chắn là anh ta đã có ý định ra khu chăn nuôi.

- Ôi, nếu như điện báo làm việc thì chúng ta đã báo tin cho chú ấy biết ngay rồi! Nhưng, than ôi, chuyện ấy bây giờ không thể được nữa! Mặt khác, chúng ta không thể để Pencroff và Harbert ở lại đây một mình. Các bạn có biết không, tự tôi sẽ đi về Lâu đài đá hoa cương.

- Không, không, sao lại thế, ngài Cyrus! - Nhà báo kêu lên. - Ngài không có quyền liều mạng. Lòng dũng cảm trong trường hợp này không giúp gì. Bởi vì, quân dê tiện đang theo dõi chúng ta, chúng núp quanh đâu đó trong rừng, nếu ngài đi về Lâu đài đá hoa cương là chúng tôi sẽ phải khóc than không phải một mà là hai người đó.

- Nhưng còn với Nab thì sao? - Kỹ sư chưa chịu. - Bởi vì chú ấy suốt một ngày rồi không có tin tức gì của chúng ta cả. Nhất định là chú ấy sẽ ra đây thôi!

- Do chú ấy ít đề phòng hơn chúng ta, nên chắc chắn bọn cướp biển sẽ thịt chú ấy mất!

- Chẳng lẽ không thể làm gì để báo cho chú ấy biết sao?

Ánh mắt của kỹ sư chợt dừng nơi con Top; trong suốt thời gian họ nói chuyện, con chó trung thành cứ chạy trong phòng với một vẻ lo lắng, như muốn nói rằng: “Thế còn tôi thì sao?”

- Top! - Cyrus Smith kêu to.

Con Top lao về phía chủ.

- Đúng, nên cho con Top đi, - nhà báo đoán được ý của kỹ sư. - Con Top sẽ dễ dàng đi qua nơi mà chúng ta không qua nổi! Nó sẽ mang thư về Lâu đài đá hoa cương và đem trả lời từ đó về đây.

- Đừng để mất phút nào nữa! - Kỹ sư kêu lên. - Nhanh lên nào!

Gédéon Spilett nhanh chóng xé một tờ giấy nhỏ trong cuốn sổ ghi ra và viết mấy dòng:

“Harbert bị thương. Chúng tôi tạm thời ở lại khu chăn nuôi. Hãy cẩn thận. Không được rời Lâu đài đá hoa cương. Có thấy bọn cướp biển xuất hiện ở ngoại vi Lâu đài không? Gửi trả lời cho Top mang theo”.

Nhà báo gấp mảnh thư lại và nhét vào cổ dề con Top, cố ý để một góc tờ giấy ló ra ngoài.

- Top! Con chó bé nhỏ của ta! - Kỹ sư vuốt ve con Top, - Nab! Mà hiểu không Top, Nab! Đi đi nào!

Sau khi nghe những tiếng ấy, con Top liền bức đi. Nó hiểu, nó đoán được chủ yêu cầu gì ở nó. Đường từ trại chăn nuôi về nó rất rành. Sau nửa giờ là cùng nó sẽ về đến nhà...

Kỹ sư ra mở cổng.

- Nab! Top, hiểu không, Nab! - Ông nhắc lại, chỉ tay về hướng Lâu đài đá hoa cương.

Con Top lao ra ngoài hàng rào và trong nháy mắt đã biến mất. Lúc ấy là mười giờ...

Những người di dân lo lắng đợi con Top trở về. Gần mười một giờ, Cyrus Smith và nhà báo chộp súng cacbin đứng sẵn đợi mở cổng thì từ xa nghe văng lại tiếng chó sủa. Họ biết chắc nếu con Top đã kịp an toàn về đến Lâu đài đá hoa cương thì Nab phải cho nó trở lại đây ngay.

Họ cứ đứng như vậy chừng mười phút, bỗng có tiếng súng vang lên, sau đó là tiếng sủa dài.

Kỹ sư mở toang cổng và nhận thấy cách đó chừng 100 bước có khói thuốc súng, ông bắn về hướng đó.

Hầu như ngay lúc đấy con Top lao vọt qua hàng rào khu chăn nuôi và cánh cổng đóng sập ngay lại.

- Top! Top! - Kỹ sư kêu to, hai tay túm lấy mồm con chó dễ thương.

Trên cổ dề của con Top có buộc một mảnh thư, Cyrus Smith đọc lướt qua mấy chữ Nab viết nguệch ngoạc:

“Ở ngoại vi Lâu đài đá hoa cương không có tên cướp biển nào. Con sẽ không bao giờ dời vị trí cả. Tội nghiệp cậu Harbert!”

CHƯƠNG TÁM

Không có tin tức gì của Nab. - Mảnh vải. - Bức thư. - Cấp tốc dời khu chăn nuôi. - Về cao nguyên Tâm nhìn.

Sức khỏe của Harbert mỗi ngày một khá hơn. Những người di dân bây giờ chỉ mong muốn một điều: hễ chú bé khỏe lên một cái là đưa chú về Lâu đài đá hoa cương... Bởi vậy họ sốt ruột đợi ngày có thể đưa Harbert về nhà mà không nguy hiểm cho sức khỏe của chú, và đã quyết định dù thế nào đi nữa cũng phải thực hiện kế hoạch của mình, mặc dù hình dung rất rõ rằng đi qua rừng Jacamar sẽ rất khó khăn.

Vẫn không có tin tức gì của Nab cả, nhưng điều ấy không làm cho những người di dân phải ái ngại. Anh da đen dùng cảm ẩn tránh trong hang đá hoa cương chắc chắn không dễ dàng gì chịu sa vào tay giặc. Bởi vậy, họ không cho con Top đem thư lần thứ hai về cho Nab nữa...

Trưa 29 tháng mười một, tranh thủ lúc Harbert ngủ không nghe được, Cyrus Smith, Gédéon Spilett và Pencroff đã quyết định phác thảo kế hoạch hành động chống lại bọn cướp biển.

Đã một, hai lần nhà báo ra khỏi khu chăn nuôi và tuần tra quanh hàng rào. Cùng đi có con Top, Gédéon Spilett tay lăm lăm súng cacbin sẵn sàng đối phó với bất kỳ cuộc đụng độ bất ngờ nào... Tất nhiên, khi có nguy hiểm con chó trung thành sẽ đánh động cho ông biết trước. Nhưng, con Top im lặng; rõ ràng là ít nhất đến giờ phút này chẳng có gì đáng ngại cả, và bọn cướp biển đã cuốn gói sang phần khác của đảo rồi.

Do vậy, Gédéon Spilett liền đi sâu hơn vào khu rừng rậm một phần tư dặm. Bỗng ông thấy con Top bắt đầu lo lắng. Nó không phóng lên phía trước với vẻ nhớn nhợ nữa, mà đi tới, đi lui, ngửi ngửi cây cỏ và bụi rậm, dường như đánh hơi thấy cái gì đó khả nghi.

Con Top lùng sục trong rừng chừng năm phút, còn nhà báo thì thận trọng theo dõi nó. Bỗng con chó lao vào một bụi rậm nhỏ và tha ở trong đó ra một mảnh vải.

Đây là một mảnh áo lem luốc, đã bị rách; Gédéon Spilett lập tức mang vật tìm thấy về khu chăn nuôi.

Những người di dân chăm chú xem xét mảnh vải và nhận ra đó là một miếng áo bludông của Ayrton.

- Anh thấy không, Pencroff, - Cyrus Smith nhận xét, - Ayrton bất hạnh đã dũng cảm chống cự. Bọn cướp biển đã cưỡng bức lôi anh bạn của chúng ta đi mất rồi! Không nhẽ đến bây giờ anh vẫn còn nghi ngờ lòng trung thực của anh ta sao?

- Không, không, thưa ngài Cyrus, - chàng thủy thủ đáp. - Tôi đã từ lâu không nghi ngờ gì nữa. Ấy là hồi trong đầu tôi lờn vờn một cái gì đấy. Nhưng, như tôi cảm thấy thì từ đây ta có thể rút ra một điều kết luận!

- Kết luận gì? - Nhà báo muốn biết.

- Rằng, chúng đã không giết Ayrton ở khu chăn nuôi! Chúng đã bắt sống anh ta đưa đi khỏi đây rồi, vì anh ta đã chống cự bọn chúng ở trong rừng mà! Vậy có nghĩa là bây giờ có thể anh ta vẫn còn sống!

- Có thể như thế lắm! - Kỹ sư trả lời về suy tư.

Niềm hy vọng được gặp lại bạn đã nhen lên trong tim những người di dân. Trước đây họ nghĩ rằng một viên đạn của bọn cướp biển đã bất ngờ giết chết Ayrton, giống như đã làm cho Harbert bị thương. Nhưng, nếu bọn tội phạm không giết ngay anh ta, nếu chúng đưa anh ta đi sâu vào đâu đó trên đảo thì có lẽ bây giờ đây anh ta đang bị đọa đày trong cảnh tù binh của chúng. Có thể một tên nào đó trong số bọn cướp biển đã nhận ra Ayrton là ông bạn Ben Joyce, cầm đầu bọn tội phạm vượt ngục trước đây ở Úc. Và, biết đâu chúng đã chẳng nảy ra kế hoạch ngông cuồng: lại mời chài Ayrton đi theo toán cướp biển của mình? Vì vậy, nếu chúng dễ dàng được anh ta phản bội, thì anh ta sẽ hết sức có lợi cho chúng!...

Trong khi những người di dân phỏng đoán như vậy thì bỗng nhiên họ nghe có tiếng chó sủa to văng tới.

Cyrus Smith, Pencroff và Gédéon Spilett chộp lấy những khẩu cạcbin và chạy ra khỏi nhà, sẵn sàng nhả đạn.

Con Top chạy bên hàng rào khu chăn nuôi nhảy chồm lên sủa, nhưng sủa một cách vui vẻ, chứ không dữ tợn.

- Có ai đó đến!

- Đúng!

- Nhưng, chắc không phải là địch!

- Có thể Nab đến chăng?

- Thế nhờ Ayrton thì sao?

Những người di dân chưa kịp trao đổi hết những câu ngán như vậy thì trên hàng rào đã xuất hiện một người nào đó, và anh ta khẽ khàng nhảy xuống đất.

Đó là Jup, chú Jup tự thân hành, và đó là con Top trung thành sửa chào mừng chú!

- Jup! - Pencroff kêu lên.

- Nab phải nó đến đây đó, - nhà báo nói.

- Nếu vậy thì, - kỹ sư lên tiếng, - trên người nó phải có thư.

Pencroff lao đến con vượn. Quả vậy, nếu Nab cần báo tin cho ông chủ của mình thì anh ta không thể lựa chọn phái viên nào tin cẩn và nhanh nhẹn hơn chú Jup. Chú dễ dàng vượt qua những nơi mà không những những người di dân, mà thậm chí đến cả con Top cũng không thể qua nổi.

Cyrus Smith đã nói đúng. Trên cổ Jup có đeo một cái túi nhỏ xíu, trong đó để mẫu thư do tay Nab viết.

Có thể hình dung được những người di dân đã thất vọng như thế nào khi họ đọc xong những từ sau đây:

“Sáu giờ sáng thứ sáu,

Cao nguyên đã bị bọn cướp biển chiếm!

Nab”.

Không còn đủ sức nói lời nào nữa, những người khai khẩn im lặng nhìn nhau, rồi chán ngán lê bước vào nhà. Làm gì bây giờ? Bọn cướp biển trên cao nguyên Tâm nhìn - điều đó có nghĩa là tai nạn, là tàn phá, là thảm họa!

Sau khi liếc nhìn nét mặt lo âu của những người bạn lớn của mình, Harbert hiểu ngay rằng đã có chuyện gì đó quan trọng xảy ra, còn khi trông thấy Jup thì chú bé không nghi ngờ gì nữa: Lâu đài đá hoa cương đang bị hiểm họa đe dọa.

- Thưa ngài Cyrus, - Harbert năn nỉ, - cháu muốn dời khỏi đây! Cháu sẽ chịu đựng được trên đường đi! Cháu nhất quyết muốn dời khỏi đây!

Gédéon Spilett bước lại gần Harbert. Sau khi chăm chú quan sát chú bé, ông nói:

- Thôi được, chúng ta đi!

Những người di dân nhanh chóng bàn xong việc cáng Harbert hay là chở chú bằng chiếc xe kéo mà Ayrton đã dùng để đi ra đây. Họ quyết định dùng xe kéo, vì như vậy bớt được người đi kèm Harbert và ai cũng rảnh tay, có thể sẵn sàng đối phó khi có chuyện bất ngờ xảy ra. Để cho đỡ xóc, họ trải một lớp cỏ cho Harbert nằm, rồi thảng xe cho một con la kéo...

Theo lệnh của Cyrus Smith họ sẵn sàng vũ khí và lên đường.

Cyrus Smith và Gédéon Spilett đi hai bên xe.

Con Top và Jup (chú Jup tay không rời cây gậy của mình) lúc chạy lên trước, lúc lại lùi sâu vào rừng kéo dài hai bên đường. Chúng tỏ ra bình tĩnh.

Chiếc xe kéo do Pencroff điều khiển chậm chạp di chuyển về phía trước. Những người di dân rời khu chăn nuôi lúc tám giờ rưỡi. Sau một giờ đường an toàn, họ đã đi được bốn dặm.

Mỗi lúc họ càng về gần cao nguyên hơn. Chỉ còn một dặm nữa là sẽ thấy hiện lên chiếc cầu nhỏ bắc qua suối Glixerin. Cuối cùng, qua kẽ hở giữa các cây rừng họ đã thấy biển ánh lên lấp lánh. Nhưng, chiếc xe vẫn lặng lẽ lăn bánh như cũ, và những người bảo vệ nó đã buộc phải ghìim bước lại.

Bỗng Pencroff hăm con la và kêu to bằng một giọng đáng sợ:

- Ôi, những tên dê tiện!

Anh chỉ cánh tay run run về phía những cụm khói dày đặc đang bốc cao trên cối xay, các kho chứa đồ, các chuồng nuôi gia cầm.

Có một người nào đó lúc ẩn, lúc hiện trong các cụm khói.

Đó là Nab.

Những người di dân kêu to lên tên chú. Nab nghe thấy tiếng gọi và lao tới đón các bạn.

Bọn tội phạm đã rời cao nguyên nửa giờ trước đây, sau khi phá hoại hầu như tất cả những gì chúng có thể phá được.

- Cậu Harbert thế nào? - Nab hỏi.

Gédéon Spilett đi đến chiếc xe kéo.

Harbert đã bị ngắt đi.

CHƯƠNG CHÍN

Harbert lại ở trong Lôu đài đá hoa cương. - Cyrus Smith lên cao nguyên Tâm nhìn. - Tay không trước bệnh tật. - Vỏ cây liễu. - Con sốt rét thập tử nhất sinh. - Con Top lại sửa!

... Việc quan trọng nhất bây giờ là sức khỏe của Harbert. Mười phút sau, chiếc xe đã được đẩy tới sát bức thành bằng đá hoa cương. Thang máy được khởi động và chẳng bao lâu Harbert đã nằm trên giường của mình trong Lôu đài đá hoa cương.

Sự chăm sóc ân cần của những người di dân đã làm cho bệnh nhân tỉnh lại. Chú mỉm cười khi thấy đang nằm trong căn phòng của mình, nhưng vì yếu sức nên chú chỉ thều thào được vài tiếng. Chú bé đã bị sốt rét li bì, hết cơn nọ đến cơn kia. Gédéon Spilett đã khẳng định như vậy ngày 6 tháng mười hai. Cần phải làm sao cắt được cơn sốt rét bằng mọi cách, trong lúc bệnh chưa dẫn đến những hậu quả nặng nề.

- Nhưng muốn cắt sốt, - Gédéon Spilett nói với Cyrus Smith, - chúng ta cần phải có thuốc chống sốt rét.

- Thuốc chống sốt rét!... - Kỹ sư nhắc lại. - Lấy đâu ra thứ đó được? Ở nơi ta đây không có vỏ cây quinin, không có sunfat quinin!

- Đúng, không có những thứ đó, - Gédéon Spilett nói. - Nhưng trên bờ hồ có liễu, mà vỏ cây liễu đôi khi có thể thay quinin được.

- Nào, ta hãy thử xem, đừng để mất thêm phút nào nữa! - Cyrus Smith trả lời.

Và kỹ sư đích thân ra bờ hồ và cắt vài miếng vỏ cây “liễu đen”. Ông mang vỏ liễu về Lôu đài đá hoa cương, nghiền ra bột và ngay tối hôm ấy đưa cho Harbert uống.

Đêm trôi qua yên tĩnh. Harbert hơi bị sáng, nhưng cả đêm lẫn ngày hôm sau đều không bị cơn sốt nào nữa.

Pencroff tỏ ra hy vọng. Gédéon Spilett không nói gì. Có thể chỉ đơn giản là chu kỳ của các cơn kéo dài và sẽ lặp lại không phải hàng ngày, mà là cách ngày. Ngày mai, mọi chuyện sẽ rõ. Và mọi người trong Lôu đài đá hoa cương đã chờ đợi cái ngày mai ấy với nỗi lo lắng biết bao!

Cũng cần nhận xét rằng, sau những cơn sốt rét, Harbert cảm thấy mình phờ phạc hẳn đi, đầu nặng trĩu, mắt tối sầm. Lại thêm một triệu chứng nữa làm cho Gédéon Spilett rất hoảng hốt là: gan của Harbert bị sưng to quá, và chẳng bao lâu, cơn sáng đã tăng lên, chứng tỏ bệnh đã tác động lên cả não.

Tình trạng phức tạp mới ấy khiến Gédéon Spilett xúc động. Ông dẫn kỹ sư ra một bên và nói:

- Đây là sốt rét ác tính!

- Sốt rét ác tính ư? - Cyrus Smith kêu lên. - Anh có nhầm không đấy, Spilett? Sốt rét ác tính không thể phát ra ngay thế được. Trong cơ thể phải có mầm bệnh sốt rét từ trước kia.

- Không, tôi không nhầm đâu, - nhà báo nói. - Harbert chắc chắn đã bị nhiễm bệnh ấy ở vùng sinh lầy này đây. Chúng ta đã chứng kiến cơn sốt rét

đầu. Có lẽ sẽ đến cơn thứ hai, mà nếu không kịp phòng ngừa cơn thứ ba thì... Harbert sẽ chết mất.

- Thế vỏ cây liễu?...

- Nó sẽ không giúp gì, - Gédéon Spilett trả lời. - Một khi bị sốt rét ác tính mà không cắt được cơn thứ ba thì không tránh khỏi tử vong.

May sao, Pencroff không nghe được câu chuyện này. Nếu biết, anh ta phát điên lên mất.

Hoàn toàn dễ hiểu, vì sao nỗi lo lắng đã giày vò Cyrus Smith và Gédéon Spilett suốt ngày 7 tháng mười hai và suốt đêm hôm đó.

Đến giữa trưa thì cơn sốt thứ hai đã bắt đầu. Bệnh biến thật đáng sợ. Harbert đã cảm thấy gần cõi chết. Chú chìa tay về phía Cyrus Smith, Spilett, Pencroff với vẻ cầu khẩn. Chú không muốn chết... Thật là một cảnh tượng đau xé lòng. Đành phải đưa Pencroff ra khỏi phòng.

Cơn sốt thứ hai cũng kéo dài năm giờ. Chắc chắn là bệnh nhân không chịu đựng nổi cơn sốt thứ ba.

Đêm trôi qua khủng khiếp. Harbert mê sảng, nói những lời khiến các bạn của chú rất đau lòng. Chú vật vã, la hét, chú thấy mình đang chiến đấu với bọn cướp biển, chú gọi Ayrton. Chú cầu khẩn sự giúp đỡ của người bảo trợ giờ đây đã biến mất, ý nghĩ về người lạ bí ẩn cứ đeo đuổi chú. Rồi sau đó, Harbert kiệt sức, chú nằm chờ người ra, không còn cảm giác, không động đậy... Đã mấy lần Gédéon Spilett tưởng chú bé tội nghiệp chết.

Sang ngày hôm sau, 8 tháng mười hai, Harbert mỗi lúc một xấu hơn. Những người bạn của chú lại cho chú uống bột vỏ cây liễu, nhưng Gédéon

Spilett không còn hy vọng vào nó nữa.

- Nếu đến sáng mai mà chúng ta không cho Harbert uống loại thuốc chống sốt rét mạnh hơn, - nhà báo nói, - thì chú ấy sẽ chết!...

Mọi người đều yêu quý chú bé hiền hậu, dũng cảm, thông minh như con trai của mình, thế mà lại không thể cứu nổi chú! Trên đảo Lincoln không có lấy một thứ thuốc chống sốt rét ác tính nào có thể trị được nó!

Liệu chú bé có sống được đến mai không?...

Khoảng ba giờ sáng, bỗng Harbert la hét điên dại và co giật y như lúc hấp hối. Nab trực bên giường chú, hoảng hốt bỏ sang phòng bên cầu cứu các bạn của anh đang thức ngồi ở đó.

Và đúng lúc ấy con Top cất tiếng sủa với một vẻ lạ lùng...

Mọi người lao vào phòng ngủ và kịp đỡ chú bé đang hấp hối - trong cơn mê sảng chú muốn tụt từ trên giường xuống sàn nhà. Gédéon Spilett cầm tay Harbert, thấy mạch của chú dần dần trở nên đều hơn.

Đã năm giờ sáng. Những tia nắng ban mai đã lọt vào cánh cửa sổ Lâu đài đá hoa cương. Bắt đầu một ngày đẹp trời, quang đãng, ngày cuối đời của chú bé bất hạnh.

Một tia nắng rọi lên chiếc bàn nhỏ kê cạnh giường bệnh nhân đang hấp hối.

Và bỗng Pencroff kêu to lên, chỉ vào một cái hộp con hình thuẫn thuẫn không biết từ đâu đã xuất hiện trên chiếc bàn con...

Trên nắp hộp nhỏ có hàng chữ: Sunphat quinin.

CHƯƠNG MƯỜI

Điều bí mật không giải thích nổi. - Harbert khỏi bệnh. - Chuẩn bị đi thám hiểm. - Cách khu chăn nuôi sáu trăm bước. - Gédéon Spilett và Pencroff đi trinh sát. - Tiến lên! - Ngọn lửa trong khung cửa sổ. - Dưới ánh trăng.

Gédéon Spilett chộp lấy cái hộp nhỏ và mở ra. Trong đó có khoảng hai trăm gran^[25] bột trắng. Nhà báo lấy vài hạt bột mịn ấy bỏ vào mồm. Vị đắng kinh khủng của nó khẳng định rằng dòng chữ viết trên nắp hộp không đánh lừa ai. Thật vậy, đó là chất quý từ vỏ cây quinin, một loại thuốc tốt nhất để trị sốt rét.

Không cần phải suy nghĩ lâu la gì nữa, cần phải cho Harbert uống bột thuốc quinin. Còn cái hộp nhỏ đã xuất hiện ở đây như thế nào - chuyện ấy có thể nói sau.

- Cà phê! - Gédéon Spilett yêu cầu.

Ngay lập tức, Nab mang đến một tách cà phê nóng. Gédéon Spilett bỏ vào đó khoảng mười tám gran quinin và cho Harbert uống.

Vẫn còn chưa muện - cơn sốt rét ác tính thứ ba chưa bắt đầu!... Ít nhất bây giờ nó cũng không thể phát ra được nữa.

Mấy giờ sau Harbert đã ngủ được yên giấc hơn.

Những người bạn lớn của chú khi ấy đã có thể nói đến sự việc mới xảy ra. Sự can thiệp của người lạ mặt vào đời sống của họ chưa có khi nào rõ rệt như thế. Nhưng làm thế nào ông ta đã đột nhập được vào Lâu đài đá hoa cương, lại là lúc ban đêm? Điều đó không thể hiểu nổi. Mọi việc làm của vị “thần đảo” bí ẩn này đều không bí ẩn bằng chính bản thân vị thần.

Trong ngày, cứ cách ba giờ, những người di dân lại cho Harbert uống quinin một lần.

Sang những ngày hôm sau, chú đã thấy khá hơn. Tất nhiên, chú chưa khỏe hẳn. Ai nấy trong tim đều ấm niềm hy vọng. Và niềm hy vọng không phải là hảo huyền. Mười ngày sau, 29 tháng mười hai, Harbert đã bắt đầu bình phục...

Tháng mười hai đã qua và năm 1867 đã kết thúc. Trong năm ấy những người di dân của đảo Lincoln đã cam phận chịu đựng biết bao thử thách nặng nề. Năm mới 1868 đã đem đến cho họ thời tiết kỳ diệu, bầu trời không gợn một chút mây, mặt trời và cái nóng nhiệt đới, may sao, đã được gió biển mát mẻ làm dịu bớt. Harbert đã hồi sinh. Giường của chú trong Lâu đài đá hoa cương được kê bên cạnh cửa sổ, và chú đã căng hết lồng ngực để hít thở bầu không khí biển trong lành, làn gió đại dương mặn nồng làm tăng sức sống. Chú ăn đã thấy ngon, và trời ơi, Nab sung sướng biết bao nhiêu về chuyện ấy! Anh đã nấu thôi thì đủ món ăn nhẹ, bổ và ngon cho chú bạn nhỏ của mình.

- Thế này thì, của đáng tội, chính tôi cũng muốn hấp hối một phen! - Pencroff nói đùa.

Trong suốt thời gian ấy không thấy bọn cướp biển xuất hiện lần nào ở ngoại vi Lâu đài đá hoa cương. Cũng không có tin tức gì về Ayrton. Cyrus

Smith và Harbert chưa mất hy vọng tìm thấy anh ta, nhưng, những người khác cho rằng Ayrton tội nghiệp đã chết...

Sang năm nay Harbert đã 17 tuổi, cơ thể phát triển rắn chắc. Những ngày cuối tháng giêng, chú đã đi dạo quanh cao nguyên Tầm nhìn và khắp bờ biển. Nhiều lần chú đã tắm biển cùng với Pencroff và Nab, và những lần tắm ấy rất có lợi cho chú. Cyrus Smith thấy đã có thể ấn định lên đường đi thám hiểm vào ngày 15 tháng hai. Như mọi khi, vào thời gian ấy trong năm, ban đêm trời rất sáng - thuận lợi cho việc trinh sát mà họ định tiến hành trên toàn đảo, nhằm hai mục đích: thứ nhất, tiêu diệt bọn cướp biển và tìm được Ayrton, nếu anh ta còn sống; thứ hai, tìm ra người đã tham gia thật là tích cực vào cuộc sống của vùng di dân...

Trên đảo Lincoln, những người di dân đã biết cận kề nhiều nơi, nhưng cũng còn vài ngàn acre diện tích của đảo, bao gồm những cánh rừng lớn bao phủ bán đảo Uốn khúc, toàn bộ bờ phải sông Tạ ơn, bờ trái suối Thác nước và mê cung các nhánh núi, các khe, các thung lũng vây quanh dãy núi Franklin từ ba phía: tây, bắc và đông, mà ở đó chắc chắn có những cái hang sâu, thì họ hoàn toàn chưa quen biết. Bởi vậy, những người tham gia thám hiểm đã quyết định lên đường, đi xuyên các cánh rừng Viễn Tây và khảo sát kỹ lưỡng toàn bộ bờ phải sông Tạ ơn.

Có lẽ tốt nhất là đầu tiên hãy đi ra khu chăn nuôi, bởi vì bọn cướp biển lại có thể bất thành linh xuất hiện ở đó để cướp bóc cho bằng hết hoặc trụ lại tại đây.

Chiếc xe kéo còn tốt nguyên. Những con la đã được nghỉ ngơi tốt và có thể vượt chặng đường lớn. Những người thám hiểm chất lên xe các thứ lương thực dự trữ, thiết bị dựng trại, bếp dã ngoại và các đồ dùng khác nhau, cùng vũ khí và đạn dược mà họ đã lựa chọn cẩn thận trong kho.

Họ cũng đã quyết định không để lại ai trong Lô đài đá hoa cương. Cả Top và Jup cũng phải tham gia cuộc thám hiểm. Cái hầm kiên cố của họ có thể để đó một thời gian không cần bảo vệ. Chiếc thang dây được kỹ sư cho mang chôn cẩn thận dưới cát để khi về còn dùng lại.

Ngày họ lên đường trời rất đẹp...

Chiếc xe kéo đã đợi trên bờ biển, gần Lán tạm. Nhà báo yêu cầu Harbert lên ngồi xe, ít nhất là trong những giờ đi đường đầu tiên.

Nab túm dây cương sát hàm thiếc con la. Cyrus Smith, nhà báo và thủy thủ đi lên trước. Con Top, có vẻ hết sức thỏa chí, nhảy tung tăng bên họ. Harbert mời Jup ngồi xe với chú, và Jup, chẳng khách sáo gì hết, leo tót ngay lên xe. Đã đến giờ xuất phát và đội quân nhỏ lên đường. Chiếc xe kéo rẽ ra sau mô núi đá hoa cương, đi một dặm dọc bờ trái sông Tạ ơn, qua cầu sang bờ bên kia và lăn bánh dưới bóng những cây cao qua các cánh rừng bát ngát của vùng Viễn Tây.

Cyrus Smith khuyên các bạn không săn bắn. Tiếng súng có thể thu hút sự chú ý của bọn cướp biển, bởi chúng biết đâu đang quanh quẩn trong các khu rừng này...

Ngày hôm sau, 19 tháng hai, những người di dân từ già vùng ấy, đi ngược theo dòng suối và dừng lại cách núi Franklin sáu dặm. Đường ở đó phần lớn đã được tảo thanh trong các cuộc hành trình trước đây của họ từ khu chăn nuôi đến bờ biển phía Tây.

Cyrus Smith đã đề nghị một kế hoạch như sau: quan sát thật cẩn thận toàn bộ thung lũng sát triền sông, thận trọng tiếp cận khu chăn nuôi; nếu khu chăn nuôi bị chiếm thì dùng lực lượng đánh giành lại; nếu không có

địch thì củng cố và biến nó thành trung tâm của các cuộc hành quân tiếp theo để khảo sát núi Franklin.

Kế hoạch được nhất trí tán thành và thực hiện ngay. Nhà báo và Pencroff được cử đi trinh sát khu chăn nuôi trước. Họ đi cách nhau một đoạn, để khỏi làm mục tiêu ngon lành cho bọn cướp biển. Năm phút sau, hai người đã ra đến cửa rừng. Trước mặt họ là một cái trảng, còn cuối trảng là hàng rào bao quanh khu chăn nuôi.

Những người trinh sát dừng lại, trông thấy cổng khu chăn nuôi cách chỗ họ chừng ba mươi bước. Hình như cổng khóa. Cần phải làm sao vượt qua được khoảng cách ba mươi bước ấy. Theo thuật ngữ của khoa xạ kích thì khoảng không gian đó là một “khu vực nguy hiểm”. Thật vậy, vài viên đạn, thậm chí chỉ một phát súng thôi, có thể giết ngay tại chỗ bất kỳ ai dám liều mạng xuất hiện trong “khu vực nguy hiểm” này.

- Vài phút nữa, trời sẽ tối hẳn, - nhà báo nói thầm vào tai Pencroff. - Khi ấy chúng ta sẽ tiến vào.

Pencroff dừng lại, nắm chắc thân súng. Trong lúc lắng đợi, anh thầm rửa bọn cướp biển.

Bóng tối ập xuống nhanh, như vẫn thường thấy ở các vĩ tuyến thấp. Đã đến giờ hành động.

Gédéon Spilett nắm tay bạn, và cả hai cùng bò tới khu chăn nuôi, súng đạn sẵn sàng.

Họ đã đến sát cổng. Pencroff định mở cổng, nhưng cổng hóa ra bị khóa, mà lại khóa bên trong, các then ngoài không cài. Từ đó có thể kết luận

được rằng bọn cướp biển đang ở trong khu chăn nuôi và chắc chắn là chúng đã khóa chặt cổng để không ai đột nhập chúng được.

Gédéon Spilett và Pencroff lắng nghe.

Phía sau hàng rào yên lặng như tờ. Hẳn là cừu và dê đã ngủ. Từ các chuồng nuôi không một âm thanh nào văng lại.

Pencroff đã định leo qua hàng rào. Nhưng như vậy trái với lời căn dặn của Cyrus Smith.

Nhà báo không muốn hành động một cách xốc nổi. Ông nghĩ tốt nhất là đợi tập trung mọi người đã, rồi khi đó sẽ đột nhập vào khu chăn nuôi. Đẳng nào thì cũng đã rõ ràng là có thể bí mật tiến sát hàng rào và chẳng có ai canh giữ nó cả. Xác định xong tình huống, hai người trinh sát quay trở lại chỗ các bạn của mình để cùng bàn bạc công việc.

- Tuyệt lắm, - sau khi nghe và ngẫm nghĩ, kỹ sư nói. - Tôi cho rằng trong khu chăn nuôi không có bọn cướp biển.

- Việc đó bây giờ đây ta sẽ kiểm tra, - Pencroff nhận xét. - Chỉ có điều là phải leo qua hàng rào thôi.

- Tiến lên, các bạn! - Cyrus Smith hô to.

Chẳng mấy chốc họ đã đến trảng. Ở đó không có ai. Đội quân nhỏ nhanh chóng băng qua “khu vực nguy hiểm” và dừng cảm tiến sát hàng rào. Chiếc xe kéo cũng dừng ngay ở đó. Không một phát súng nào phá tan sự im lặng. Kỹ sư, nhà báo, Harbert và Pencroff đến xem cổng có bị khóa trái không.

Hóa ra, có một cánh cửa mở!

- Ồ, thế mà các anh đã nói sao nhỉ? - Kỹ sư quay về phía thủy thủ và Gédéon Spilett hỏi.

Cả hai người đều sửng sốt.

- Tôi xin thề danh dự, - Pencroff kêu lên, - vừa lúc này cổng khóa mà!

Những người di dân do dự. Rõ ràng là bọn cướp biển đã ở trong khu chăn nuôi khi Pencroff và nhà báo đến sát hàng rào để trình sát mà. Chuyện ấy không thể nghi ngờ được. Còn ai nữa, ngoài chính bọn cướp của giết người, đã mở cổng lúc này còn được khóa trái cẩn thận? Thế chúng còn ở trong khu chăn nuôi nữa không? Hay là đã có tên nào trong bọn ra khỏi đó rồi?

Đúng lúc ấy, Harbert đi được mấy bước đã bổ trở lại và túm lấy tay Cyrus Smith.

- Cháu nhìn thấy gì thế? - Kỹ sư hỏi.

- Ánh đèn.

- Trong nhà à?

- Vâng.

Cả năm người lại gần cổng. Quả thật, ngay trước mắt họ, trong khung cửa sổ có ánh lửa nhỏ mờ mờ nhấp nháy.

- Một sự may mắn phi thường! - Cyrus Smith nhanh chóng quyết định. - Bọn cướp chắc là đang nấu mình trong nhà, không ngờ bị tấn công. Chúng đã nằm trong tay chúng ta! Tiến lên!

Những người di dân đã lén vào trong sân, sẵn sàng vũ khí trong tay. Chiếc xe kéo họ để ngoài hàng rào cho Jup và Top giữ, để cho cẩn thận, họ buộc chúng vào ngay chiếc xe.

Loáng sau cả năm người đều đã đến cạnh nhà, sát bên cánh cửa khóa.

Cyrus Smith ra hiệu cho các bạn không nhúc nhích và ông ghé nhìn vào cửa sổ mờ mờ ánh sáng từ bên trong hắt ra.

Ông đưa mắt nhìn bao quát căn phòng.

Trên bàn có ngọn đèn đang cháy. Cạnh bàn là chiếc giường mà trước đây Ayrton đã ngủ.

Có ai đó nằm trên giường.

Bỗng Cyrus Smith né khỏi cửa sổ và nói khẽ:

- Ayrton!

Ngay lập tức những người di dân đã mở, đúng hơn là phá cửa ra và lao vào phòng.

Ayrton hình như đang ngủ. Nét mặt anh phờ phạc nói lên những đau khổ kéo dài và nghiệt ngã. Trên hai cổ tay và mắt cá anh thấy có những vết trầy sát rớm máu.

- Ayrton! - Cyrus Smith cúi xuống gọi và nắm lấy hai tay người đang ngủ.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ này đã diễn ra trong những hoàn cảnh khác thường biết bao.

Ayrton mở mắt ra và nhìn Cyrus Smith, sau đó nhìn khắp lượt những người còn lại.

- Ngài? - Anh ta kêu lên. - Không nhẽ đây là ngài đó sao?

- Ayrton! Ayrton! - Cyrus Smith nhắc lại.

- Tôi đang ở đâu thế này?

- Ở khu chăn nuôi của chúng ta.

- Một mình ư?

- Phải.

- Nhưng, bọn chúng sẽ đến bây giờ đấy! - Ayrton kêu lên. - Hãy đề phòng! Các ông hãy đề phòng!

Và anh ta đã ngã xuống giường vì kiệt sức.

- Spilett, - kỹ sư nói, - bọn chúng có thể tấn công chúng ta bất kỳ lúc nào. Các bạn hãy cho xe vào trong sân. Sau đó, khóa kỹ cổng lại và tất cả quay về đây.

Mọi người nhanh chóng làm theo lệnh của kỹ sư. Nhưng, khi chạy ra khỏi hàng rào, họ đã nghe thấy tiếng gầm gừ khàn khàn của con Top.

Để lại Ayrton trong chốc lát, kỹ sư chạy ra thêm cửa, mang theo khẩu súng sẵn sàng chiến đấu. Harbert đứng bên cạnh ông. Cả hai cùng thận trọng nhìn lên đỉnh hàng rào vươn cao trên khu chăn nuôi. Nếu bọn cướp biển phục kích trên đó thì chúng đã có thể lia sạch những người di dân rồi.

Vừa lúc ấy trăng nhô khỏi những lùm cây rậm rạp đen ngòm, khu chăn nuôi trở nên sáng như ban ngày.

Khi mọi người đẩy xe vào sân, con Top lại dứt dây, sửa dũ dội và lao sâu vào khu chăn nuôi, phía bên phải căn nhà.

- Hãy cẩn thận, các bạn! Hãy nhắm vào mục tiêu! - Cyrus Smith kêu to.

Những người di dân tì súng vào vai và sẵn sàng nhả đạn. Con Top sửa hoài không dứt, còn chú Jup thì chạy lại chỗ Top và rít lên inh ỏi.

Những người di dân vận động theo sau hai con vật và ra đến một con suối chảy dưới những hàng cây cao.

Và họ đã nhìn thấy gì bên bờ suối vắng vặc ánh trăng vậy?!

Năm cái xác nằm trên cỏ.

Đó chính là những tên cướp biển mà bốn tháng trước đây đã đổ bộ lên đảo Lincoln!

CHƯƠNG MƯỜI MỘT

Câu chuyện của Ayrton. - Kế hoạch của bọn đồng lõa với Ayrton trước đây. - Trả lời của Pencroff.

Chuyện gì đã xảy ra vậy? Ai đã tiêu diệt bọn cướp biển? Có thể là Ayrton chăng? Không, bởi vì một phút trước đó anh ta còn sợ chúng trở lại kia mà.

Trong khi đó, Ayrton ngủ li bì, không sao đánh thức được.

Sang ngày hôm sau Ayrton mới tỉnh lại sau một cơn mê man, ai nấy đều thành tâm vui mừng sau một trăm lẻ bốn ngày chia ly bây giờ đã được thấy anh ta còn sống và hầu như mạnh khỏe.

Và liền đó Ayrton đã kể lại vắn tắt những gì xảy ra, tất nhiên là những điều mà anh ta biết.

Mồng 10 tháng mười một, sau hôm Ayrton trở lại khu chăn nuôi, trời vừa tối, bọn cướp biển đã leo qua hàng rào và tóm anh. Sau khi trói Ayrton, bọn ác ôn bịt mồm anh và dẫn tới chân núi Franklin, đưa vào một trong những cái hang tối tăm mà chúng ẩn náu.

Chúng đã định giết anh vào ngày hôm sau. Nhưng bỗng một trong số những tên cướp nhận ra anh, gọi anh bằng cái tên mà anh đã mang hồi ở Australia. Bọn ác ôn định hành hình Ayrton đã không dám động đến Ben Joyce.

Nhưng từ lúc chúng nhận ra Ayrton, anh đã phải đấu tranh chống lại những yêu cầu của các “chiến hữu” cũ. Chúng đã quyết định lôi cuốn anh về phía chúng với tính toán anh sẽ giúp chúng chiếm đoạt Lâu đài đá hoa cương. Chúng hy vọng rằng sau khi lọt vào được cái hầm kiên cố ấy chúng sẽ giết hết những người di dân và trở thành những chủ nhân trên đảo!

Ayrton không chịu khuất phục. Một tên cướp trước đây, nay đã chuộc tội lỗi bằng sự sám hối và xứng đáng được tha thứ, thà chịu chết còn hơn là phản bội những người bạn của mình.

Chẳng bao lâu sau khi đổ bộ lên đảo, bọn cướp biển đã phát hiện ra khu chăn nuôi và từ đó đến nay đã tìm kiếm các thứ ăn ở đấy, nhưng lại không muốn ở đấy. Hai tên cướp ngày 11 tháng mười một đã đụng độ với những người di dân và bắn vào Harbert. Khi trở về với đồng bọn, một tên khoác lác là đã “thịt” được một cư dân nào đó của đảo. Nhưng tên tội phạm ấy đã trở về có một mình, vì tên đồng bọn với hắn, như chúng ta biết, đã bị nhát dao của Cyrus Smith đâm chết.

Chúng đối xử với Ayrton ngày càng tồi tệ. Anh chờ đợi cái chết từng phút và cứ thế kéo dài cho đến giữa tháng hai, không biết tin tức gì về các bạn của mình.

Cuối cùng, Ayrton bất hạnh đã bị hành hạ yếu đến nỗi kiệt sức hoàn toàn từ hai ngày nay, không nhìn thấy, không nghe thấy và không thể kể được chuyện gì đã xảy ra.

- Tôi không biết, thưa ngài Smith, sao lại thế này. Tôi đang bị trói nằm trong hang, thế mà bỗng nhiên lại có mặt ở khu chăn nuôi.

- Thế việc bọn cướp nằm chết ở hàng rào khu chăn nuôi đã xảy ra như thế nào? - Kỹ sư hỏi.

- Chúng chết à? - Ayrton kêu lên và, mặc dù yếu sức, anh còn cố nhồm dậy trên giường.

Các bạn đỡ anh. Anh muốn đứng dậy khỏi giường, các bạn đã giúp anh, và tất cả cùng đi ra suối.

Trời đã sáng rõ.

Trên bờ suối, mấy cái xác chết nằm trong những tư thế chắc là bị tử thần bắt đi trong chớp nhoáng.

Ayrton bị xúc động. Cyrus Smith và tất cả mọi người im lặng nhìn anh.

Theo dấu hiệu của kỹ sư, Nab và Pencroff xem xét các xác chết đã lạnh cóng.

Không phát hiện ra vết thương nào trên các xác chết. Chỉ sau khi xem xét thật kỹ Pencroff mới thấy trên mỗi xác chết có một vết nhỏ màu đỏ y như là dấu vết bị đập thương: tên thì bị vết trên trán, tên thì trên ngực, tên trên lưng, tên trên vai. Những vết ấy do đâu thì không thể xác định được.

- Chúng đã bị giết như thế đó! - Cyrus Smith nói.

- Nhưng bằng vũ khí gì? - Nhà báo kinh ngạc hỏi.

- Mà ai đã giết chúng vậy? - Pencroff hỏi.

- Người thực hiện công lý trên hòn đảo của chúng ta, - Cyrus Smith trả lời, - người đã đưa anh về đây đó, Ayrton; người đã bao nhiêu lần can thiệp

vào việc cứu chúng ta; người đã làm cho chúng ta tất cả những gì mà tự chúng ta không đủ sức làm nổi, và, sau khi làm điều đó, người ấy lại giấu mình.

- Chúng ta hãy đi tìm ông ấy ngay! - Pencroff kêu lên.

- Chúng ta sẽ đi tìm ông ta, - Cyrus Smith đồng tình, - và cầu trời cho chúng con được chứng tỏ với ân nhân kiêu kỳ của chúng con rằng không thể gọi chúng con là những người vô ơn. Tôi không tiếc làm một điều gì, chỉ cốt sao lấy ơn đền nghĩa ông ta, cho dù phải trả giá cả cuộc đời mình để giúp ông một việc quan trọng nào đó!... Nhưng con người hùng mạnh đã làm cho chúng ta bấy nhiêu điều kỳ lạ ấy đang ẩn náu ở đâu? Chúng ta chỉ có thể tìm thấy ông ấy trong trường hợp ông ấy cần gọi chúng ta đến gặp mà thôi...

Từ hôm đó việc tìm người lạ mặt trở thành mối quan tâm duy nhất của các cư dân đảo Lincoln. Mọi chuyện đều thôi thúc họ tìm ra chiếc chìa khóa của điều bí ẩn này, biết được tên tuổi của người đang nắm giữ sự hùng mạnh siêu nhiên mà đến nay chưa giải thích nổi.

Những người di dân vội vã quay vào nhà, và sự quan tâm của họ đã nhanh chóng hồi phục những sức mạnh về tâm hồn và thể xác cho Ayrton.

Nab và Pencroff khiêng xác những tên cướp biển ra xa khỏi khu chăn nuôi và chôn sâu dưới đất...

- Còn bây giờ, - Cyrus Smith kết luận, - chúng ta phải hoàn thành nghĩa vụ của mình. Một nửa nhiệm vụ của chúng ta đã được giải quyết xong. Tuy nhiên, nếu bây giờ chúng ta không còn sợ những tên cướp biển nữa, và đã lại trở thành những chủ nhân của đảo, thì chúng ta không phải chỉ có trách nhiệm với bản thân mình thôi.

- Tuyệt lắm, - Gédéon Spilett hưởng ứng, - chúng ta sẽ lùng sục hết mê cung các khe núi nằm giữa các nhánh núi Franklin này. Sẽ không bỏ sót một cái hang nào, một cái hõm nào! Ôi, tôi nghĩ, chưa có một nhà báo nào được khám phá một điều bí mật hấp dẫn như thế này!

- Và chúng ta sẽ không trở về Lâu đài đá hoa cương, chừng nào chưa tìm thấy vị ân nhân của chúng ta, - Harbert nói.

- Đúng, - kỹ sư khẳng định, - chúng ta sẽ làm tất cả những gì mà sức lực con người cho phép... Nhưng, tôi nhắc lại, chúng ta sẽ chỉ tìm được ông ta trong trường hợp nếu bản thân ông ta muốn điều đó!...

Nhưng các cuộc tìm kiếm của họ đã không đạt được điều mong muốn. Họ đành phải trở về, vì không thể cứ tiếp tục kiếm tìm mãi được. Bây giờ những người di dân đã có đủ cơ sở để cho rằng sào huyệt của người lạ bí ẩn không ở trên mặt đảo...

Ngày 25 tháng hai, những người di dân đã trở về Lâu đài đá hoa cương...

CHƯƠNG MƯỜI HAI

Vấn đề đóng tàu mới. - Những ước mơ tương lai. - Tiếng chuông điện bất ngờ.

Đã bao nhiêu lần trong ba năm ấy họ nói về tổ quốc của mình. Không bao giờ họ quên tổ quốc cả. Những lần chuyện trò với nhau họ đều mơ ước cái ngày họ được nhìn thấy đất nước thân yêu. Họ muốn về tổ quốc dù chỉ vài ngày thôi, lập lại mối liên hệ với thế giới có người ở, thiết lập sự liên lạc thường xuyên giữa đất nước thân yêu và hòn đảo, sau đó, họ sẵn sàng sống những năm dài trên vùng di dân mà họ đã sáng lập nên. Khi ấy vùng di dân của họ sẽ phụ thuộc vào chính quốc và, có thể là, những năm đó sẽ là thời gian tốt đẹp nhất, hạnh phúc nhất trong đời họ. Lẽ nào tất cả những điều đó lại là ước mơ viễn vông sao?

Nhưng ước mơ của họ chỉ có thể thực hiện được bằng hai con đường: hoặc là một con tàu nào đó sẽ đến vùng nước của đảo Lincoln, hoặc là những người di dân sẽ tự đóng một chiếc tàu đủ lớn để dùng nó bơi về nơi đất liền gần nhất.

- Biết đâu đấy, - Pencroff nói, - vị thần phù hộ của chúng ta sẽ chẳng tạo điều kiện cho chúng ta trở về tổ quốc!...

Nhưng Cyrus Smith, một người ít cả tin nhất, đã khuyên các bạn trở về với hiện thực và tự lo việc đóng tàu thôi: nhiệm vụ ấy quả thực không trì hoãn được nữa, bởi vì phải mau mau mang thư đến đảo Tabor báo chỗ ở mới của Ayrton.

Tàu “Bonadventur” không còn nữa. Ayrton cho biết bọn cướp biển đã phát hiện, dùng nó và để va vào đá ngầm mất rồi. Muốn đóng một con tàu mới cần ít nhất nửa năm. Mà mùa đông đã đến gần. Tóm lại, từ nay đến mùa xuân tới chẳng nên nghĩ đến chuyện đi đảo Tabor, Pencroff buồn lắm.

- Thôi được, chúng ta sẽ có đủ thời gian, - kỹ sư nói với Pencroff trong buổi chuyện trò về đề tài này. - Anh bạn của tôi ạ, tôi nghĩ một khi chúng ta lại định đóng tàu, thì tốt hơn cả là đóng với kích thước lớn hơn. Chưa biết chiếc tàu buồm Scotland sẽ có đến đảo Tabor không. Biết đâu nó đã đến đó, nhưng không tìm thấy Ayrton, nên đã quay trở về rồi. Không, chúng ta cần phải đóng một con tàu mà khi cần thì có thể dùng nó bơi đến các đảo Polynésie hoặc tới New Zealand được. Anh nghĩ sao?

- Tôi nghĩ, thưa ngài Cyrus, - chàng thủy thủ nói, - tôi nghĩ việc gì ngài cũng làm được hết. Gỗ và dụng cụ chúng ta có đủ cả. Nghĩa là tất cả chỉ phụ thuộc vào thời gian.

- Thế cần mấy tháng để đóng một con tàu trọng tải hai trăm rưỡi - ba trăm tấn? - Cyrus hỏi.

- Ít nhất khoảng bảy, tám tháng, - Pencroff trả lời.

- Thế thì tốt lắm! - Cyrus Smith nói. - Sau đấy sẽ là thời gian thích hợp nhất cho chuyến du hành sang đảo Tabor hoặc đến những vùng xa hơn.

- Đúng thế, thưa ngài Cyrus, - thủy thủ đáp. - Ngài hãy làm các bản vẽ. Nhân công đã sẵn sàng. Tôi nghĩ, trong một việc như thế này, Ayrton sẽ là trợ thủ tốt cho chúng ta.

Mọi người khác đều tán thành những ý đồ của kỹ sư. Và họ bắt tay vào việc: lập bản vẽ, chặt cây phơi khô dần... Công việc đóng tàu được tiến

hành ngày một nhanh chóng hơn. Cyrus Smith đã tận dụng lực chuyển động của thác nước trên bờ biển để làm một cái cửa gỗ chạy bằng sức nước. Nhờ vậy họ xẻ các tấm ván và dầm nhanh hơn làm bằng thủ công rất nhiều. Các thứ vớt được từ chiếc tàu buôn bị thủy lôi đánh chìm giúp cho việc đóng tàu rất nhiều thuận lợi.

Trong khi tập trung lo việc đóng tàu, những người di dân vẫn không quên làm các công việc khác liên quan đến cuộc sống của họ trên đảo. Và tối tối, trước khi đi ngủ, thế nào họ cũng tán gẫu với nhau về chuyện dùng con tàu lớn để đi đến những vùng dân cư gần nhất, nhưng dù đi đâu họ cũng nhất định trở về đảo Lincoln.

Pencroff và Nab khẳng định chắc chắn sẽ sống trên đảo đến tận cuối đời.

- Harbert, - chàng thủy thủ nói, - chắc chắn là em sẽ không bao giờ xa rời hòn đảo của chúng ta chứ?

- Không bao giờ, anh Pencroff ạ, nhất là nếu anh sẽ quyết định ở lại đây!

- Phải, anh đã quyết định như thế đó, cưng ạ, - Pencroff trả lời. - Anh sẽ đợi em ở đây. Em sẽ đưa vợ con tới. Anh sẽ nuôi nấng, chăm sóc con cái của em, và chúng sẽ lớn lên thành những con người cừ khôi ở nơi chúng ta đây. Có điều là em hãy kiên trì nhé!

- Rồi! - Harbert cười và đỏ mặt lên, đáp.

- Thế còn ngài, thưa ngài Cyrus, - Pencroff nói to điều mơ ước của mình, - ngài sẽ là thống đốc vĩnh viễn của đảo.Ồ, phải, thật là hợp! Hòn đảo của ta có thể nuôi sống được bao nhiêu dân nhỉ? Theo tôi, ít nhất là mười ngàn.

Có những khi, tối tối, những người bạn cứ chuyện trò mãi với nhau như thế đó. Không ai cười Pencroff cả, trái lại, anh đã lôi cuốn mọi người vào vòng mơ ước, và cuối cùng, nhà báo thậm chí đã lập được trên đảo tờ báo “New - Lincoln herald” (Người đưa tin New Lincoln).

Con người đã được tạo ra như vậy đó. Nhu cầu sáng tạo, để lại dấu tích trên trái đất, gửi gắm tâm hồn mình vào một cái gì đó lớn lao, sống mãi - cứ làm cho anh ta trần trở hoài. Đây là dấu hiệu của sự hơn hẳn của con người so với tất cả loài vật trên hành tinh chúng ta. Đó là lý do tại sao con người lại trở thành đỉnh cao của sự sáng tạo, đó là lý do giải thích sự thống trị của con người đối với thế giới động vật.

Vậy nhưng làm sao biết được rằng có thể con Top cùng chú Jup cũng có những ước mơ gì đó về tương lai?

Chỉ riêng có Ayrton giữ kín những ý nghĩ của mình là: sẽ hạnh phúc biết bao, nếu như anh được gặp huân tước Glenarvan và trình diện trước mọi người như một con người mới đã chuộc hết tội lỗi.

Tối 15 tháng mười, cuộc chuyện trò thú vị kéo dài hơn mọi khi. Lúc ấy đã chín giờ. Đã nghe thấy những tiếng ngáp dài lộ liễu, chứng tỏ mọi người đã đến lúc đi nghỉ, và Pencroff đã đi về giường của mình. Bỗng trong phòng vang lên tiếng chuông điện.

Tất cả những người di dân đều có mặt ở đây - Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Harbert, Ayrton và Pencroff - ở khu chăn nuôi không còn ai.

Cyrus Smith đứng dậy khỏi chỗ của mình. Những người còn lại đưa mắt nhìn nhau, cho rằng họ nghe nhầm.

- Thế này nghĩa là sao? - Nab kêu lên. - Không phải qui sứ bỗng dưng nghĩ ra gọi điện đấy chứ?

Không ai đáp lại câu nói đùa ấy.

- Thời tiết hôm nay có dông, - Harbert nhận xét. - Có thể những hiện tượng phóng điện gây ảnh hưởng...

Chú không nói hết câu. Kỹ sư - mọi người đang hướng nhìn về ông - lắc đầu phủ nhận.

- Ta đợi đã, - Gédéon Spilett nói, - nếu đây là tín hiệu thì dù là tín hiệu ai phát đi, chuông cũng sẽ réo lại.

- Thế theo ông, ai có thể phát tín hiệu? - Nab kêu lên.

- Chú quên rồi sao? - Pencroff nói. - Đó là người mà...

Lời nói của anh ta bị tiếng chuông mới cắt ngang; chiếc búa nhỏ gỗ liên hồi vào nắp chuông.

Cyrus Smith bước đến máy điện báo, cắm điện và đánh ra khu chẵn nuôi bức điện:

- Ông cần gì?

Mấy giây sau, chiếc kim động đập trên đĩa có ghi các chữ cái, và các cư dân của Lâu đài đá hoa cương đã đọc được câu trả lời:

“Các bạn ra khu chẵn nuôi ngay!”

- Có thể chứ! - Cyrus Smith kêu lên.

Phải, rốt cuộc bí mật sẽ được khám phá! Thế là hết mệt, hết buồn ngủ, mọi người muốn mau mau có mặt ở khu chăn nuôi. Chẳng nói chẳng rằng, loáng cái họ đã lên đường và mấy giây sau đã có mặt trên bờ đại dương. Trong Lâu đài đá hoa cương còn lại Jup và Top. Có thể không cần chúng đi trong cuộc thám hiểm này cũng được.

Đúng như Harbert đã nói, trời có đông nên mây đen vần vũ, che khuất trăng non.

Các khách bộ hành rảo bước, đầy hồi hộp. Họ đi nhanh đến nỗi tưởng như có một sức mạnh vô địch nào đẩy hút họ về phía trước.

Cyrus Smith và những người bạn đường của ông rời Lâu đài đá hoa cương lúc chín giờ mười hai phút. Mười giờ mười lăm phút, dưới ánh chớp chói lòa họ đã nhìn thấy hàng rào khu chăn nuôi. Họ vừa vào cổng thì một tiếng sấm vang lên inh tai nhức óc.

Chỉ trong giây lát, những người di dân chạy ào qua sân, vào đến cửa căn nhà ở.

Người lạ mặt có lẽ đang ở trong nhà - bởi vì, tất nhiên là ông ta phải đánh điện đi từ đó chứ. Song không cửa sổ nào thấy có ánh đèn.

Kỹ sư gõ cửa.

Không có tiếng trả lời.

Cyrus Smith mở toang cửa ra, và mọi người bước vào căn phòng tối như bưng.

Nab đánh lửa, trong nháy mắt họ thắp được đèn và soi khắp mọi xó xỉnh.

Trong nhà không có ai hết. Mọi đồ vật đều nguyên chỗ như đã xếp đặt trước đây.

- Không nhẽ mọi chuyện này chúng ta cảm giác thấy thôi sao? - Cyrus Smith nói thầm.

Không, họ không thể bị mắc lừa. Bức điện đã nói rõ: “Các bạn ra khu chăn nuôi ngay”.

Những người di dân lại gần chiếc bàn đặt máy điện báo. Ở đây mọi thứ vẫn nguyên vẹn chỗ cũ.

- Ai ra đây lần cuối cùng nhỉ? - Kỹ sư hỏi.

- Tôi, thưa ngài Cyrus, - Ayrton đáp.

- Khi nào vậy?

- Cách đây bốn hôm.

- Xem kìa, có thư! - Harbert kêu lên, chỉ vào một tờ giấy trắng trắng trên bàn. Bức thư được viết bằng tiếng Anh:

“Các bạn hãy đi dọc theo đường dây điện mới”.

- Lên đường! - Cyrus Smith kêu lên; ông hiểu rằng bức điện khẩn đã được đánh đi không phải từ khu chăn nuôi, mà, không còn nghi ngờ gì nữa, từ nơi ở bí ẩn của người lạ mặt, và một đường dây điện bổ sung nào đấy dẫn đi từ đường dây cũ đã nối liền nơi ở đó với Lâu đài đá hoa cương.

Nab mang theo cây đèn mới thắp và mọi người ra khỏi khu chăn nuôi.

Ngoài sân, họ không thấy có dấu hiệu nào của đường dây điện báo cả. Khi ra khỏi cổng Cyrus Smith đã chạy lại cột điện gần nhất. Dưới ánh chớp ông nhìn thấy một đường dây điện mới được thông từ ống sứ cách điện xuống đất.

- Đây rồi! - Kỹ sư nói.

Sợi dây được rải trên mặt đất, được bọc lớp cách điện như cáp ngầm nên bảo đảm dẫn điện tốt. Căn cứ vào hướng đi của dây thì nó xuyên qua rừng và các nhánh núi, đến phần phía tây của đảo.

- Hãy bám sát đường cáp! - Cyrus Smith nói.

Dưới ánh sáng đèn lờ mờ và những tia chớp lóa mắt những người di dân cứ nhắm theo đường dây điện báo mà đi. Đầu tiên họ vượt qua nhánh núi ngăn cách thung lũng khu chăn nuôi với thung lũng sông Thác nước, rồi lại phải trèo lên cao nguyên, hết người này đến người khác chốc chốc lại cúi xuống sờ mó đường dây, kiểm tra xem đi có đúng hướng không. Tuy nhiên, rõ ràng là đường dây đi thẳng ra biển.

Họ cứ đi mãi, cuối cùng, sau khi ngoặt đột ngột, đường dây điện vắt qua hai mỏm đá, dẫn đến một dãy đá ngầm đen ngòm có lẽ bị sóng đánh tới bởi suốt những ngày có thủy triều lớn. Những người di dân xuống tới những bậc cuối cùng của bức tường đá ba dan. Dưới chân tường có con đập hẹp và

dài chạy song song với mặt biển, đường dây điện lượn dọc theo đó. Những người di dân đi về hướng ấy. Nhưng, chưa được một trăm bước thì bắt đầu dốc thoải và họ ra đến biển.

Kỹ sư túm lấy sợi cáp và thấy nó đi xuống nước.

Những người cùng đi dừng lại bên cạnh Cyrus Smith, kinh ngạc, thất vọng. Không nhẽ lại phải lao xuống biển để tìm một cái hang ngầm nào đó hay sao? Tuy vậy, tất cả họ đều rất xúc động, rất hồi hộp, đến nỗi không do dự, sẵn sàng làm cả điều ấy nữa.

Cyrus Smith ngăn các bạn mình lại.

Ông dẫn họ đi sâu vào vách núi và nói:

- Chúng ta đợi ở đây. Bây giờ thủy triều đang lên. Khi nào nước rút khỏi bờ, đường sẽ mở.

- Tại sao ngài lại nghĩ như vậy?... - Pencroff hỏi.

- Nếu không có đường đến chỗ ông ấy thì ông ấy đã không gọi chúng ta.

Cyrus Smith nói điều ấy chắc chắn đến nỗi không ai phản đối được. Hơn nữa, ý nghĩ của ông cũng tỏ ra hoàn toàn có lý. Có thể dễ dàng giả sử rằng, dưới chân tường đá ba dan có một hang ngầm mà lối vào hiện đang bị sóng biển che lấp.

Họ đành phải đợi mấy tiếng đồng hồ.

Mưa rào ập xuống. Sấm chớp nổi rền trời, tiếng vọng lại càng làm cho tiếng sấm văng óc hơn.

Lúc nửa đêm Cyrus Smith lấy đèn đi xuống tận sát biển xem các khối đá dưới đó sắp xếp ra sao. Đến lúc ấy nước rút đã kéo dài hai giờ đồng hồ.

Kỹ sư đã không nhầm. Trên mặt nước bắt đầu hiện lên vòm cửa của một cái hang lớn. Đường cáp rẽ thành một góc thước thợ đi xuống cái khe hở hoác của nó.

Cyrus Smith quay trở lại chỗ những người cùng đi và bình tĩnh nói:

- Một giờ nữa sẽ có thể vào hang được.

Một giờ trôi qua. Mọi người đội mưa đi xuống biển. Sau ba giờ mực nước đã hạ xuống được mười lăm fut. Lối vào hang đã phơi dần ra, đỉnh vòm hang đã nhô khỏi mặt biển ít nhất tám fut. Những con sóng ngẫu bọt sục sôi tràn dưới vòm hang như tràn dưới vòm cầu.

Kỹ sư cúi xuống, thấy một vật đen nào đấy bập bênh trên mặt nước liền kéo vào. Đó là chiếc thuyền được buộc vào một cái mô vách bên trong hang. Thuyền được đóng bằng những tấm tôn ghép chặt với nhau. Trên sàn thuyền, dưới các băng ghế ngồi có hai mái chèo.

- Lên thuyền! - Cyrus Smith nói.

Một giây sau, mọi người đã ngồi trong thuyền. Nab và Ayrton ngồi chèo, Pencroff lái. Cyrus Smith đặt đèn lên sống mũi thuyền soi đường. Họ đang bơi dưới vòm hang thấp, bỗng thấy vòm hang cao lên và rộng ra; nhưng chung quanh tối như bưng, dưới ánh sáng yếu ớt của cây đèn không thể nào xác định được cái hang lớn chừng nào.

Con thuyền bơi theo đường cáp. Bơi cách cửa hang độ năm dặm thì Cyrus ra lệnh:

- Dừng lại!

Con thuyền dừng lại và trước mắt các du khách rất đỗi ngạc nhiên lóa lên ánh sáng rực rỡ chiếu rọi cả cái hang thiên nhiên ăn sâu trong lòng đảo. Ánh sáng ấy tất nhiên do nguồn điện cung cấp. Điện đã thay mặt trời chiếu sáng khắp nơi trong cái hang này.

Theo hiệu của Cyrus Smith, mái chèo lại đập trên mặt nước và con thuyền bơi đến nơi ánh sáng tỏa ra, cách chừng nửa cable. Ở đây nước biển tạo thành một cái hồ. Tất cả các khối lăng trụ đá ba dan, vòm cuốn, vách hang đã được ánh điện chiếu sáng rực rỡ đến độ tưởng như ánh sáng từ trong các tảng đá phát ra, mỗi cạnh đá đều tỏa sáng đủ màu sắc.

Ở giữa hồ thấy có vật gì đó dài, hình cái cọc sợi, nhô lên trên mặt nước đã đóng băng bất động... Vật ấy nom giống như một động vật ở biển thuộc loài cá voi, dài khoảng hai trăm năm mươi fut và nhô cao trên mặt hồ mười - mười hai fut.

Con thuyền từ từ bơi tới gần nó. Cyrus Smith đang ngồi ở mũi thuyền đứng dậy. Ông chăm chú nhìn về phía trước và bỗng hết sức hồi hộp, ông nắm tay nhà báo kêu lên:

- Nhưng rõ ràng đây là ông ấy rồi! Ông ấy thôi chứ không phải là ai khác!

Ông ấy đó!

Và, ngồi xuống chiếc ghế băng, kỹ sư thầm nhắc cái tên mà chỉ có Gédéon Spilett mới nghe rõ.

Cái tên ấy có lẽ quen biết với nhà báo, bởi vì nó đã gây một ấn tượng sâu sắc. Ông trả lời bằng một giọng khàn khàn:

- Ông ấy ư? Cái con người đã bị tuyên án sống ngoài vòng pháp luật đấy ư?

- Ông ấy đó! - Cyrus Smith nhắc lại.

Theo lệnh của kỹ sư, con thuyền bơi đến gần cái công trình kỳ lạ nổi trên mặt nước ấy. Các tay chèo cặp vào bên trái bức tường hình tròn của công trình, từ trong đó một chùm ánh sáng chói lòa tỏa ra qua lớp kính dày.

Cyrus Smith và những người cùng đi trèo lên một cái sàn nhỏ. Trên đấy, một cái lỗ cửa sập mở ra. Tất cả ùa vào trong đó.

Phía bên dưới cầu thang là một hành lang sáng rực điện. Cuối cầu thang các khách lạ nhìn thấy một cái cửa ra vào. Cyrus Smith mở toang cửa.

Đi vội qua một căn phòng được trang trí sang trọng, họ bước vào thư viện ở kế bên, nơi đây trần ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ.

Ở cuối thư viện hóa ra còn có một cửa nữa. Kỹ sư mở luôn cả cánh cửa ấy.

Và khi đó họ nhìn thấy một căn phòng rộng rãi giống như nhà bảo tàng - trong đấy sưu tập nào là những báu vật của thế giới khoáng sản, nào là những tác phẩm nghệ thuật, nào là những sản phẩm công nghiệp kỳ diệu. Những người di dân cảm thấy mình sa vào một thế giới thần tiên nào đấy.

Trên chiếc ghế đi vắng lộng lẫy có một người đang nằm, hình như không nhận thấy sự xuất hiện của họ.

Cyrus Smith bước lên phía trước và, trước sự hết sức kinh ngạc của những người cùng đi, ông đồng dục nói:

- Thưa thuyền trưởng Nemo, ngài gọi chúng tôi? Chúng tôi đã có mặt.

CHƯƠNG MƯỜI BA

Thuyền trưởng Nemo. - Lịch sử người anh hùng chiến đấu cho độc lập của tổ quốc. - Căm thù bọn xâm lược.- Những người cùng đi với thuyền trưởng Nemo. - Cuộc sống dưới nước. - Đảo Lincoln - Nơi trú cuối cùng của tàu “Nautilus”. - Vị trí bí ẩn của đảo.

Khi nghe những lời ấy người đang nằm trên đi văng nhồm dậy, và ánh sáng chiếu rọi vào gương mặt của ông: tư thế mái đầu ông đẹp tuyệt vời, trán cao, cái nhìn kiêu hãnh, bộ râu bạc phơ, mái tóc dày được chải hất ra phía sau.

Ông đứng dậy và tì tay trên lưng đi văng. Mắt ông nhìn bình thản. Có thể thấy rõ rằng bệnh tật lâu ngày đã dần dần gặm mòn sức khỏe của ông, nhưng giọng của ông vẫn còn âm vang khi ông nói bằng tiếng Anh với một vẻ hết sức ngạc nhiên:

- Tôi không có tên, thưa ngài.

- Tôi biết tên của ngài, - Cyrus Smith trả lời.

Thuyền trưởng Nemo nhìn kỹ sư chăm chặp với ánh mắt rực lửa, như muốn tiêu diệt ông ta. Sau đó ngã phịch xuống đi văng thuyền trưởng thì thào:

- Chẳng phải chẳng, rốt cuộc thì chẳng nào cũng thế cả thôi. Tôi sắp chết rồi.

Cyrus Smith bước lại gần thuyền trưởng Nemo hơn, còn Gédéon Spilett thì nắm tay thuyền trưởng. Tay ông nóng rực. Ayrton, Pencroff, Harbert và Nab đứng ở một khoảng cách khá xa, trong góc căn phòng tuyệt diệu ấy.

Thuyền trưởng Nemo khẽ đưa tay ra hiệu mời kỹ sư và nhà báo ngồi xuống.

Mọi người nhìn thuyền trưởng với niềm xúc động chân thành. Đây chính là ông, người mà họ gọi là “vị thần của đảo”, con người hùng mạnh, mà nhiều trường hợp can thiệp đã trở thành sự cứu nguy; đây chính là ông, vị ân nhân mà họ chịu ơn biết chừng nào. Trước mặt họ hóa ra là một con người ốm yếu, đang hấp hối, trong khi Pencroff và Nab lại hy vọng nhìn thấy một người gần như vị thánh.

Nhưng làm thế nào mà Cyrus Smith lại có thể biết được thuyền trưởng Nemo? Tại sao thuyền trưởng Nemo đã nhồm phắt dậy khi nghe thấy tên mình, cái tên mà ông nghĩ rằng không ai biết cả?

Thuyền trưởng lại nằm xuống đi vắng và chống khuỷu tay chăm chú nhìn Cyrus Smith ngồi cạnh ông.

- Vậy là, thưa ngài, ngài biết cái tên mà tôi đang mang? - Thuyền trưởng Nemo hỏi.

- Tôi biết - Cyrus Smith đáp, - tôi còn biết cả chiếc tàu ngầm tuyệt diệu tên gì nữa.

- “Nautilus”, - thuyền trưởng hé mím cười.

- Vâng, “Nautilus”.

- Thế ngài có biết không?... Ngài có biết tôi là ai không?

- Biết.

- Vậy nhưng đã ba mươi năm nay tôi không có chút liên hệ nhỏ nào với thế giới con người, ba mươi năm nay tôi sống ở các vực biển sâu, bởi vì đó là môi trường duy nhất, nơi tôi tìm thấy độc lập ấy mà! Ai đã có thể tiết lộ bí mật của tôi thế nhỉ?

- Một người nào đó đã không bị ràng buộc trách nhiệm gì đối với ngài, thưa thuyền trưởng Nemo, và do đó, không thể bị tố cáo là phản bội.

- Phải chăng đó là người Pháp đã tình cờ lọt lên tàu của tôi mười sáu năm trước?

- Chính ông ta.

- Nghĩa là người ấy và hai người cùng đi với ông ta đã không bị chết ở Malstrim, khi “Nautilus” bị mắc ở đó?

- Không, không chết. Và thế là đã xuất hiện một cuốn sách với tựa đề “Hai vạn dặm dưới đáy biển”, trong đó kể về lịch sử cuộc đời của ngài.

- Lịch sử của vài tháng trong đời tôi thôi, thưa ngài! - Thuyền trưởng nói lại với một vẻ linh hoạt.

- Ngài nói đúng - Cyrus Smith xác nhận. - Nhưng chỉ sống gần ngài vài tháng thôi là đủ để phán xét về ngài rồi.

- Như là một tên tội phạm lớn, có phải thế không? Thuyền trưởng Nemo đáp lời, và trên môi ông thoáng một nụ cười kiêu ngạo. - Phải, như một tên

phiến loạn, một kẻ ly khai xã hội loài người.

Kỹ sư không trả lời gì.

- Sao ngài im lặng thế, thưa ngài.

- Tôi không có quyền phán xét thuyền trưởng Nemo, Cyrus Smith nói, - ít nhất là phán xét quá khứ của ông ta. Bởi vì không ai, trong đó có cả tôi, biết được cái gì đã buộc ông ta phải sống một cuộc sống kỳ lạ như vậy, mà đã không biết nguyên nhân thì không nên phán xét những hậu quả. Nhưng tôi biết chắc chắn rằng sự can thiệp đầy thiện cảm của ngài đã thường xuyên bảo vệ chúng tôi kể từ ngày chúng tôi có mặt trên đảo Lincoln; tôi biết rằng tất cả chúng tôi suốt đời chịu ơn một ân nhân hùng mạnh, độ lượng, hiền từ ấy là ngài, thưa thuyền trưởng Nemo.

- Vâng, tôi đã giúp đỡ các bạn. - thuyền trưởng Nemo trả lời một cách đơn giản.

Kỹ sư và nhà báo đứng dậy. Những người bạn của họ bước tới, muốn bày tỏ với thuyền trưởng Nemo lòng biết ơn tràn đầy trái tim họ.

Thuyền trưởng Nemo đưa tay ngăn những biểu hiện tình cảm của họ và không giấu nổi xúc động nói:

- Khoan đã, trước hết hãy nghe tôi.

Và thuyền trưởng Nemo đã kể lại toàn bộ cuộc đời mình bằng một ít lời cô đọng và rõ ràng.

Câu chuyện ngắn ngủi, song bệnh nhân đã phải thu hết tàn lực để kể cho hết. Có thể thấy rõ ràng là mỗi lúc ông một yếu hơn. Mấy lần Cyrus Smith

đã đề nghị ông nghỉ, nhưng thuyền trưởng Nemo lắc đầu không chịu. Bởi vì ông biết rằng có thể ông không sống được đến ngày mai, còn khi nhà báo đề nghị được chăm sóc ông với tư cách bác sĩ, Nemo trả lời:

- Vô ích, thưa ngài, vô ích. Tôi chỉ còn sống được vài giờ... nữa... thôi.

Thuyền trưởng Nemo gốc người Ấn Độ, con trai của quận vương cai quản hầu quốc Bundelhand hồi ấy được độc lập, cháu của vị anh hùng Tippos-Saib nổi tiếng ở Ấn Độ. Khi cậu lên mười, cha cậu cho cậu sang châu Âu với ý muốn để cậu được học toàn diện, và ông thậm mong đến một lúc nào đó, con trai của ông, như một đối thủ ngang hàng, sẽ chiến đấu chống lại những ai mà quận vương cho là kẻ áp bức đất nước yêu dấu của mình.

Từ mười đến mười ba tuổi, Dakkar, tên cậu bé, một người có nhiều năng khiếu, tâm hồn và trí tuệ cao thượng, đã học, nắm vững các môn khoa học khác nhau, và đạt được những hiểu biết rộng về tự nhiên học, cũng như toán học và văn học.

Thái tử Dakkar đã chu du khắp châu Âu. Nhờ nguồn gốc quý tộc và giàu có, ở đâu chàng cũng được coi là khách quý, nhưng sự an nhàn của cuộc sống thanh lịch chưa bao giờ quyến rũ được chàng.

Trang thanh niên tuấn tú người Ấn Độ bao giờ cũng nghiêm nghị, thậm chí dăm chiêu, và say mê, khao khát hiểu biết. Trái tim chàng rực cháy nỗi căm thù không thương xót.

Thái tử Dakkar căm thù. Chàng căm thù đất nước duy nhất mà chàng đã nhất quyết không đặt chân tới, đất nước duy nhất mà những sự ve vãn của nó chàng thường xuyên cự tuyệt; chàng căm thù nước Anh.

Người Ấn Độ ấy là hiện thân của lòng hận thù sôi sục của người bị đánh bại đối với người chiến thắng. Là con trai của một trong số những quận vương chỉ phục tùng Vương quốc Liên hiệp Anh trên lời nói, thái tử thuộc dòng dõi Tippto-Saib được giáo dục theo tinh thần đấu tranh giành độc lập và báo thù, con người tràn đầy tình yêu không gì lay chuyển nổi đối với tổ quốc thơ mộng của mình đang bị người Anh xiềng xích - chàng không muốn đặt chân lên mảnh đất của một nước mà chàng cho là đáng nguyên rủa, bởi vì nó đã nô dịch Ấn Độ.

Thái tử Dakkar trở thành một họa sĩ, một bác học, một nhà hoạt động quốc gia đã từng nghiên cứu đầy đủ mọi ngành nghề ngoại giao trong các triều đình ở châu Âu.

Đối với một người quan sát hời hợt, có thể chàng tỏ rõ là một trong những người theo chủ nghĩa thế giới hiếu kỳ, khao khát hiểu biết tất cả, nhưng không có khả năng hành động, là một trong những nhà du lịch giàu có, một trong những người vô dụng kiêu ngạo, thường xuyên đi khắp thế giới và chẳng thuộc một nước nào cả.

Nhưng trong thực tế chàng hoàn toàn không phải như thế. Người họa sĩ ấy, nhà bác học ấy, con người tài năng ấy trong tâm hồn vẫn là một người Ấn Độ, một người Ấn Độ tràn đầy nỗi khát khao báo thù, một người Ấn Độ ấp ủ niềm hy vọng đến một ngày nào đó khi đồng bào của ông đứng lên đòi các quyền lợi của đất nước mình, sẽ đánh đuổi người ngoại bang ra khỏi đất nước và giành lại độc lập cho tổ quốc.

Và đây, năm 1849, thái tử Dakkar đã trở về Bundelhand. Chàng đã cưới một cô gái dòng dõi quý tộc. Cũng như chàng, trái tim nàng ứa máu khi nhìn thấy những đau khổ của tổ quốc. Người vợ đã tặng chàng hai đứa con, chàng yêu quý chúng tha thiết. Nhưng, trong khi tận hưởng hạnh phúc gia

đình chàng không thể quên đất nước Ấn Độ đang bị nô dịch. Chàng đợi thời cơ. Và thời cơ đã đến.

Quyền bá chủ của nước Anh là một gánh quá nặng đè lên toàn thể dân cư đất nước Ấn Độ. Thái tử Dakkar đã trở thành chủ xướng của những người bất bình. Chàng đã nhen trong mọi người ngọn lửa căm thù bọn ngoại bang mà chàng đã nhen trong chính bản thân chàng. Chàng đã đi khắp cả bán đảo - các hâu quốc còn được độc lập và các tỉnh đã nằm dưới sự cai quản trực tiếp của người Anh. Chàng đã gọi lại những ngày tháng anh hùng, khi Tippto-Saib chiến đấu bảo vệ tổ quốc đã ngã xuống trong trận chiến đấu ở Seringapatam.

Năm 1857, đã nổ ra cuộc khởi nghĩa lớn của những người Sipai^[26]. Linh hồn của cuộc khởi nghĩa là thái tử Dakkar. Chàng đã phát động đông đảo quần chúng đứng dậy. Chàng đã hiến dâng cho sự nghiệp chính nghĩa tất cả tài năng và tài sản của mình. Chàng dũng cảm xông trận trên hàng đầu, liều thân như một người bình thường nhất trong số những người anh hùng đã đứng dậy khởi nghĩa vì sự nghiệp giải phóng tổ quốc. Chàng đã tham gia vào hai mươi trận chiến và đã mười lần bị thương.

Chưa bao giờ quyền bảo hộ của nước Anh đối với Ấn Độ lại bị đe dọa nguy hiểm như vậy, và nếu những người Sipai được chi viện bên ngoài như họ hy vọng, thì ở châu Á đã chấm dứt được sự ảnh hưởng và sự thống trị của Liên hiệp Vương quốc Anh.

Tên tuổi của thái tử Dakkar trong những ngày ấy trở nên lừng lẫy. Người anh hùng mang tên ấy đã không giấu mình và tiến hành cuộc đấu tranh một cách công khai. Cái đầu của chàng đã được trả giá, và mặc dù không có tên phản bội nào giao nộp chàng, nhưng cha, mẹ, vợ và con chàng đã phải trả giá đời mình thay cho chàng - bọn giặc đã giết họ trước khi chàng được biết vì chàng mà tính mạng của những người thân bị đe dọa.

Những người Sipai đã bị đàn áp và các hầu quốc lại bị rơi vào chế độ bảo hộ tàn bạo của nước Anh.

Thái tử Dakkar đã trở về vùng núi Bundelhand... Cô độc và tràn đầy sự kinh tởm vô hạn đối với chính cái tên “con người”, khiếp đảm và căm thù thế giới văn minh hóa, mong muốn vĩnh viễn thoát khỏi thế giới ấy, chàng đã đem bán lấy tiền những tài sản còn lại, tập hợp quanh mình những người bạn chiến đấu trung thành nhất và một ngày đẹp trời nọ chàng đã biến mất đâu đó cùng với họ.

Thái tử Dakkar đã đi đâu vậy? Chàng đã đi tìm ở đâu cái nền độc lập mà mặt đất, nơi có con người ở đã khước từ chàng? Ở dưới nước, ở các vực biển sâu, nơi không có ai có thể truy nã chàng.

Thay vì người lính bây giờ là nhà bác học. Một hòn đảo hoang ở Thái Bình Dương được dùng làm nơi nương trú của chàng. Chàng đặt ở đó một xưởng đóng tàu, và một chiếc tàu ngầm đã được đóng ở đó theo các bản vẽ của chàng. Chàng đã tận dụng nguồn điện lực phục vụ cho mọi sự cần thiết trên con tàu ngầm của mình - chạy máy, thắp sáng, sưởi ấm. Tất cả những gì thiên nhiên đã chôn vùi dưới các vực biển và những gì con người đã đánh mất ở đó hoàn toàn đáp ứng các nhu cầu của thái tử Dakkar và tất cả đoàn thủy thủ, mà điều chủ yếu là đã thực hiện được nguyện vọng nóng bỏng nhất của chàng - không có những quan hệ gì nữa với mặt đất. Chàng đã đặt tên cho con tàu là “Nautilus”, đặt tên cho mình là Nemo và biến mất dưới nước.

Thuyền trưởng đã bơi nhiều năm dưới các vực của tất cả đại dương, từ cực này đến cực kia của trái đất. Là một tiện dân Ấn Độ trong thế giới con người, ông đã thu thập những báu vật lạ kỳ ở các thế giới huyền bí dưới nước. Hàng triệu thứ châu báu chìm dưới vịnh Vigo năm 1702, khi những

chiếc tàu Tây Ban Nha chở vàng bị đắm ở đây, đã trở thành nguồn của cải không bao giờ cạn đối với ông, luôn luôn thuộc quyền sử dụng của ông, không ai biết đến cả. Ông đã dùng số vàng để giúp đỡ những người chiến đấu cho nền độc lập của đất nước mình^[27].

Một thời gian dài ông không có bất kỳ cuộc tiếp xúc nào với con người, nhưng bỗng đêm rạng ngày mùng 6 tháng mười một năm 1866, có ba người đột nhiên xuất hiện trên tàu của ông: giáo sư người Pháp, người hầu của ông ta và người săn cá Canada. Những người này thuyền trưởng Nemo đã vớt được khi họ bị ngã xuống biển trong cuộc đụng độ giữa “Nautilus” với chiến hạm A.Lincoln của Mỹ đuổi theo chiếc tàu ngầm này.

Qua giáo sư, thuyền trưởng Nemo được biết rằng họ đã tưởng “Nautilus” khi thì là một động vật biển khổng lồ thuộc họ cá voi, khi thì là một tàu ngầm của bọn cướp biển mà trên tất cả các biển người ta đều đang săn lùng.

Thuyền trưởng Nemo đã có thể quăng xuống đại dương ba người kỳ quặc đã ngẫu nhiên xâm nhập vào sự tồn tại bí ẩn của ông. Nhưng ông đã không làm như vậy, ông đã giữ họ làm tù binh trên tàu, và trong suốt bảy tháng trời họ đã chứng kiến tất cả những diễn biến kỳ lạ trong cuộc hành trình hai vạn dặm dưới biển của tàu “Nautilus”.

Ngày 22 tháng sáu năm 1867, ba tù binh ấy, không biết gì về quá khứ của thuyền trưởng Nemo cả, đã trốn thoát trên một chiếc thuyền mà họ đánh cắp của tàu “Nautilus”. Nhưng vì trong lúc ấy “Nautilus” bị dòng biển Malstrim rất mạnh cuốn vào bờ biển Na Uy, nên thuyền trưởng cho rằng, bị dòng xoáy khủng khiếp như vậy, những người chạy trốn đã bỏ mạng dưới vực biển. Ông vẫn không biết rằng nhờ một sự kỳ lạ nào đó cả ba người trên đã được những người dân chài ở quần đảo Lofoten cứu thoát, và giáo sư đã trở về Pháp, cho xuất bản một cuốn sách nói về cuộc hành trình bảy

tháng bơi trên tàu “Nautilus”, hiến cho các bạn đọc hiểu kỳ nhiều truyện phiêu lưu diễn ra trong cuộc hành trình lạ thường này.

Thuyền trưởng Nemo đã sống như vậy một thời gian lâu nữa, bơi trên tất cả các biển. Nhưng rồi những người cùng đi với ông đã lần lượt chết hết; ông đã chôn cất họ ở nghĩa địa san hô dưới đáy Thái Bình Dương. Trên tàu “Nautilus” trở nên trống trải, trong số tất cả những người đã trốn khỏi thế giới của con người chỉ còn sống mỗi mình thuyền trưởng Nemo mà thôi.

Lúc ấy ông đã 60 tuổi. Ông già cô độc đã đưa được “Nautilus” vào một bến cảng ngầm, nơi tàu của ông thỉnh thoảng đã lặn xuống sau một chuyến bơi.

Bến cảng ấy là một cái hang được tạo thành dưới hòn đảo Lincoln, bây giờ nó vẫn đang là nơi trú ngụ của “Nautilus”.

Đã sáu năm nay thuyền trưởng Nemo sống ở đây, không bơi nữa, vì ông đang đợi chết - đợi cái khoảnh khắc mà ông sẽ hòa nhập với các đồng chí của mình - thì bỗng nhiên, tình cờ ông đã chứng kiến sự việc quả khí cầu với năm tù binh của “những người phía nam” chạy trốn khỏi Richmond bị rơi xuống đảo. Ông mặc áo lặn, làm một cuộc dạo chơi dưới nước cách đảo vài cabeltov, ở nơi kỹ sư Smith đã bị biển nhận chìm. Thuyền trưởng Nemo đã nổi hứng độ lượng và cứu thoát Cyrus Smith.

Thoạt đầu ông định trốn khỏi năm nhà du hành trên khinh khí cầu bị nạn, nhưng lối ra khỏi cảng đã bị bịt kín: do ảnh hưởng của hoạt động núi lửa nên đáy của hang đá ba dan bị trời lên, và “Nautilus” không thể thoát ra khỏi cái hang ngầm đó nữa.

Thế là thuyền trưởng Nemo ở lại. Ông bắt đầu theo dõi những người lảng giềng của mình bị quăng lên hòn đảo không người và thiếu thốn từ cái cần

thiết nhất. Nhưng tự ông không muốn ra mắt họ. Dần dần, thấy đó là những con người cao thượng, có nghị lực, gắn bó với nhau bằng tình hữu ái anh em, ông quan tâm đến cuộc đấu tranh với thiên nhiên của họ. Dù muốn hay không, ông cũng đã đi sâu vào những bí mật trong đời sống của họ. Với bộ đồ lặn ông đã lườn lách xuống đáy hồ biển ở dưới Lôu đài đá hoa cương, leo theo các bậc thành giếng lên tận miệng trên, nghe những người di dân kể về quá khứ của mình, nói về tình hình hiện tại của họ và các kế hoạch cho tương lai... Phải, những con người tình cờ bị rơi lên đảo xứng đáng được kính trọng và có thể hòa giải giữa thuyền trưởng Nemo với nhân loại.

Thuyền trưởng Nemo đã cứu Cyrus Smith; cũng chính ông đã dẫn con Top về Lán tạm, ông đã thả xuống mũi Tầm thấy chiếc hòm đựng chùng ấy đồ dùng cần thiết cho những người di dân; ông đã cời dây buộc cho chiếc thuyền trôi xuôi dòng sông Tạ ơn; trong lúc bày vượn đột nhập, ông đã thả chiếc thang dây buộc ở cửa Lôu đài đá hoa cương xuống, đã bỏ chiếc chai đựng thư xuống biển, báo tin Ayrton đang ở trên đảo Tabor; ông đã cho nổ chiếc tàu cướp biển bằng một trái thủy lôi đặt dưới đáy eo biển; ông đã đem thuốc sunfat quinin đến và cứu sống Harbert, và cuối cùng, cũng chính ông đã tiêu diệt bọn cướp biển bằng đạn điện - phát minh của ông để săn dưới biển. Đây là những lời giải thích cho chùng ấy sự kiện mà trước đó cứ tưởng như là siêu nhiên; tất cả chúng đều chứng tỏ sự độ lượng và sự hùng hậu của thuyền trưởng Nemo...

Thuyền trưởng Nemo kết thúc câu chuyện về đời mình. Khi ấy Cyrus Smith mới nói, ông đã nhắc lại tất cả những trường hợp mà sự can thiệp của người lạ mặt độ lượng tỏ ra có lợi cho vùng di dân, và đã nhân danh cá nhân và nhân danh các bạn của mình cảm ơn thuyền trưởng về tất cả những gì mà ông đã làm cho họ.

Nhưng thuyền trưởng Nemo không yêu cầu sự biết ơn về những giúp đỡ của mình. Một ý nghĩ cuối cùng đã làm cho ông xúc động và khi bắt tay kỹ

sư, ông nói:

- Còn bây giờ, thưa ngài, khi các ngài đã biết cuộc đời tôi, các ngài hãy phán xét tôi đi.

Khi nói điều ấy, có lẽ thuyền trưởng muốn ám chỉ trường hợp rủi ro mà ba người nước ngoài tình cờ lọt lên tàu “Nautilus” đã chứng kiến. Về chuyện này chắc giáo sư người Pháp đã kể trong cuốn sách của mình và hẳn là đáng buồn.

Thật ra, mấy ngày trước khi giáo sư và hai người của ông chạy trốn, “Nautilus”, lúc ấy đang ở trên các độ vĩ bắc của Đại Tây Dương, đã xông vào một chiến hạm truy kích nó, lấy cả thân tàu đâm vào và nhận chìm chiến hạm ấy không chút thương tiếc.

Cyrus Smith hiểu ý ám chỉ và không trả lời gì.

- Vì đó là một chiến hạm Anh - Thuyền trưởng Nemo kêu lên, trong ông thoáng sống lại hình ảnh thái tử Daccar. - Một chiến hạm Anh! Các ngài có nghe rõ không? Nó đã tấn công tôi. Nó đã hãm tôi vào một cái vịnh hẹp, nông... Tôi cần phải thoát ra... và tôi đã thoát ra được! - Sau đấy, ông đã nói bình tĩnh hơn. - Cả pháp lý lẫn công lý đều thuộc về tôi, ở khắp mọi nơi, hễ có thể là tôi đều làm điều thiện cho mọi người. Cũng có khi phải làm cả điều ác. Không phải khi nào sự tha thứ cũng là hành vi đúng đắn đâu!

Và, sau khi ngưng một chút, thuyền trưởng Nemo nhắc lại:

- Các ngài nghĩ gì về tôi, thưa các ngài?

Cyrus Smith đã chìa tay cho thuyền trưởng bắt và trả lời bằng một giọng nghiêm trang:

- Thưa thuyền trưởng Nemo, lỗi của ngài là ở chỗ ngài đã định làm sống lại quá khứ và đã đấu tranh chống lại tính tất yếu, chống lại cái tiến bộ. Những sự nhầm lẫn như vậy gây cho một số người sự khoái trá, làm những người khác tức giận, lý trí của con người có thể hiểu được, còn phán xử chúng thì chỉ có trời mà thôi. Ngài đã đi theo con đường không đúng, xuất phát từ những động cơ lạnh mạnh... Những sai phạm của ngài thuộc số những sai phạm không bôi nhọ thanh danh, và ngài chẳng có gì phải sợ sự phán xét của lịch sử. Lịch sử ưa thích những hành động cuồng dại mang tính anh hùng, mặc dù sẽ tuyên án nghiêm khắc những hậu quả của chúng.

Thuyền trưởng Nemo thở dài nặng nhọc và giơ tay lên trời, khẽ nói:

- Tôi đã làm, đúng hay là không đúng?

Cyrus Smith nhắc lại:

- Về những hành vi vĩ đại hãy để trời phán xét, vì mọi sự đều từ trời mà ra! Thưa thuyền trưởng Nemo, những con người lương thiện đang đứng đây, những người đã được ngài giúp đỡ nhường ấy, sẽ luôn luôn khóc thương ngài.

Harbert bước đến thuyền trưởng Nemo và quì xuống, cầm tay ông, hôn.

Những giọt lệ từ mắt người hấp hối trào ra.

- Con của ta, - Ông thì thào, - cầu phước cho con!...

CHƯƠNG MƯỜI BỐN

Những giờ cuối cùng của thuyền trưởng Nemo. - Di chúc của người hấp hối. - Quà tặng cho những người bạn chỉ biết ông có một ngày. - Linh cữu của thuyền trưởng Nemo. - Lời khuyên những người ở lại. - Những phút cuối cùng. - Dưới vực biển.

Thuyền trưởng Nemo đã mệt lắm rồi, ông lại ngã xuống đi vắng. Không nên nghĩ đến việc đưa ông lên Lâu đài đá hoa cương vì ông đã bày tỏ nguyện vọng ở lại trên tàu “Nautilus”, giữa những báu vật vô giá mà có hàng triệu đồng cũng không mua nổi; ông đã định chờ chết ở đây. Ông đã sống ba mươi năm trên “Nautilus” nên cũng muốn chết trên “Nautilus”.

Trong khi người bệnh nằm bất động hầu như mê man, Cyrus Smith và Gédéon Spilett chăm chú theo dõi tình trạng sức khỏe của ông. Rõ ràng là ông đang bắt đầu tắt thở, kiệt sức.

Cyrus Smith và các bạn của ông đến gần đi vắng, sửa lại gối cho người bệnh nằm được thoải mái hơn.

Họ nhận thấy thuyền trưởng Nemo đang đưa mắt nhìn khắp lượt những kỳ quan được thu thập của ông ngập tràn dưới ánh điện dịu dàng từ trên trần tỏa xuống. Ông nhìn hết bức tranh này đến bức tranh khác được treo trên tường phủ thảm Gôbêlin - những kiệt tác của các họa sĩ Ý, trường phái Flaman, Pháp và Tây Ban Nha; những bức tượng bằng cẩm thạch thu nhỏ, phiên bản từ những bức tượng nổi tiếng, được đặt trên bệ; chiếc đàn oocgan tuyệt vời kê sát bức tường phía sau; các tủ kính trưng bày các thứ hiếm quý được đặt quanh hồ nước ở ngay giữa nhà, nổi bật lên là những mẫu động

vật và thực vật biển đẹp nhất: rong, cá, ngọc trai các loại... Cuối cùng, ánh mắt ông dừng lại ở những chữ được viết trên cửa ra vào của phòng bảo tàng và là phương châm của “Nautilus”:

MOBILIS IN MOBILI^[28]

Cyrus Smith quyết định không phá tan sự im lặng của thuyền trưởng Nemo, nán đợi tự thuyền trưởng lên tiếng. Cứ thế kéo dài mấy phút; hẳn là trước mắt người hấp hối, trong những giây lát ngắn ngủi ấy đã hiện lên cả cuộc đời của ông. Cuối cùng, thuyền trưởng Nemo đã quay mặt về phía những người di dân, nói:

- Các ngài cho rằng tôi xứng đáng với lòng biết ơn nào đó của các ngài?

- Thưa thuyền trưởng, tất cả chúng tôi đều sẵn sàng hiến đời mình, chỉ mong sao kéo dài những ngày sống của ngài.

- Tuyệt lắm, - thuyền trưởng Nemo nói tiếp, - tuyệt lắm! Các ngài hãy hứa với tôi, rằng các ngài sẽ thực hiện di chúc của tôi và khi ấy tôi sẽ coi như được ban thưởng về tất cả những gì mà tôi đã làm cho các ngài.

- Chúng tôi xin hứa, - Cyrus Smith trả lời, nhân danh cá nhân và thay mặt các bạn mình, hứa.

- Các ngài, - thuyền trưởng nói, - ngày mai tôi sẽ chết.

Ông đưa tay ngăn Harbert định phản đối điều gì đó.

- Ngày mai tôi sẽ chết, - ông nhắc lại, - và tôi muốn “Nautilus” trở thành chiếc áo quan của tôi. Tôi không cần chiếc áo quan nào khác. Tất cả bạn bè tôi đều đang yên nghỉ dưới đáy biển. Tôi muốn nằm cùng với họ.

Mọi người im lặng lắng nghe nhưng lời của thuyền trưởng Nemo.

- Các ngài hãy nghe tôi, - ông nói, - “Nautilus” đã trở thành tù binh, bởi vì đáy của cái hang này đã trồi lên sát lối vào. Nhưng nếu đối với nó bây giờ đây không thể chạy ra khỏi ngục tối, thì ít nhất nó cũng có thể hạ xuống vực thẳm ở đáy và mai táng di hài của tôi trong đó.

Những người di dân lắng nghe ông với vẻ sùng kính.

- Ngày mai, sau khi tôi chết, - thuyền trưởng Nemo nói, - ngài Smith và các bạn của ngài phải rời khỏi “Nautilus”, và tôi muốn tất cả những của cải mà tôi thu thập được trong đó sẽ biến đi cùng với tôi. Để kỷ niệm về thái tử Dakkar mà lịch sử của ông ta bây giờ các ngài đã biết, tôi chỉ để lại một thứ tặng các ngài: cái tráp con này đây... Trong đó có những hạt kim cương đáng giá vài triệu đồng... Phần lớn những thứ đó đều có liên quan đến những ký ức về một thời trong đời tôi, hồi tôi là một người chồng và một người cha, khi tôi tin rằng trên trái đất này có thể có hạnh phúc. Trong ấy cũng còn có những hạt ngọc trai chọn lọc do tôi và các bạn của tôi tìm được dưới đáy biển. Có những vật báu này, đến một khi nào đó các ngài sẽ làm được nhiều điều tốt, tôi tin như vậy. Trong tay những người như ngài và các bạn của ngài, thưa ngài Smith, tiền sẽ không trở thành công cụ của sự độc ác. Linh hồn tôi sẽ nhập vào sự nghiệp của các ngài - tôi tin các ngài và không e ngại gì hết.

Thuyền trưởng Nemo im bật - do yếu sức ông không nói được nữa, nhưng nghĩ một lát, ông tiếp lời:

- Ngày mai các ngài lấy cái tráp con này, ra khỏi phòng và khoá cửa lại. Sau đó, các ngài leo lên sàn cầu thang của “Nautilus”, hạ nắp cửa xuống và đóng kín lại.

- Mọi việc sẽ được làm, thưa thuyền trưởng, - Cyrus Smith đáp lại.

- Tốt. Sau đây, các ngài hãy ngồi vào chiếc thuyền đã dùng để đi đến đây. Nhưng, trước khi rời khỏi “Nautilus” các ngài hãy bơi lại phía đuôi tàu mở hai cái vòi lớn ở đường mớn nước đằng đó ra. Nước sẽ ào vào các buồng. “Nautilus” sẽ dần dần chìm xuống nước và được mai táng ở đáy vực thẳm...

Cả Cyrus Smith lẫn các bạn của ông đều cho mình không có quyền phản đối thuyền trưởng Nemo điều gì. Ông ấy đã nói lên lời di chúc của mình, họ chỉ còn có thực hiện.

- Các ngài đã hứa với tôi rồi nhé, - người đang hấp hối khẽ nói.

- Chúng tôi sẽ giữ lời hứa, - kỹ sư trả lời.

Thuyền trưởng chỉ ra hiệu tỏ lòng cảm ơn và yêu cầu được ở lại một mình trong vài giờ. Gédéon Spilett đề nghị được ở bên cạnh ông, phòng khi ông có cần sự săn sóc thuốc men, nhưng người đang hấp hối từ chối:

- Đừng sợ, tôi còn sống đến ngày mai.

Mọi người ra khỏi phòng, đi về phía mũi tàu - vào phòng máy, nơi đặt máy phát điện cung cấp cho “Nautilus” ánh sáng, nhiệt năng và là các động cơ của tàu.

“Nautilus” là một kỳ quan thật sự của kỹ thuật, chứa đựng trong đó nhiều điều kỳ lạ khác, khiến kỹ sư rất thích thú.

Những người di dân trèo lên sàn thang cao hơn mặt nước bảy - tám fut. Ở đó họ ghé sát vào một thấu kính lồi làm bằng kính dày, qua đó thấy có một buồng lái để không. Đã có một thời người lái tàu “Nautilus” ở đó, lái nó xuyên qua tầng dày nước biển, có ánh điện toả sáng rất xa rọi đường cho nó chạy.

Xúc động trước những điều đã được thấy và nghe, Cyrus Smith và các bạn của ông im lặng hồi lâu; ai nấy trong tim thắt lại khi nghĩ rằng con người đã biết bao lần ra tay cứu giúp họ, ân nhân của họ, người mà họ mới chỉ được biết có vài giờ trước đây, đang hấp hối.

Dù các thế hệ mai sau có tuyên án thế nào đối với những việc và hành động đã được thực hiện trong một cuộc đời hết sức kỳ diệu, có thể nói là đã trôi qua bên ngoài xã hội loài người, thì thái tử Dakkar vẫn cứ sẽ là một trong những hình ảnh phi thường mà sự hồi tưởng về ông sẽ không bao giờ mờ phai.

Sau khi chuyện trò với nhau hồi lâu, Cyrus Smith và các bạn của ông đã trở xuống các phòng của “Nautilus”. Họ ăn uống bồi dưỡng, rồi trở lại với thuyền trưởng Nemo.

- Các ngài, - thuyền trưởng nói, - các ngài là những con người dũng cảm, trung thực và nhân từ. Các ngài đã hết mực trung thành với sự nghiệp chung của các ngài. Tôi đã thường xuyên theo dõi các ngài. Tôi đã yêu mến các ngài, tôi yêu ngài! Hãy đưa tay đây, ngài Smith.

Cyrus Smith chìa tay ra, thuyền trưởng Nemo nắm chặt lấy.

- Vậy là tốt! - Ông thì thầm, rồi nói to lên: - Nhưng, nói về tôi thế đủ rồi. Bây giờ, tốt hơn là hãy nói về bản thân các ngài và đảo Lincoln, nơi các ngài đã tìm được chỗ ở... Các ngài định rời khỏi đây phải không?

- Nhưng nhất định chúng tôi sẽ trở lại! - Pencroff nhanh nhẩu trả lời.

- Trở lại? Thôi được, Pencroff, tôi biết các bạn yêu hòn đảo này như thế nào, - thuyền trưởng mỉm cười, nói. - Nhờ những nỗ lực của các bạn mà ở đây đã có nhiều thay đổi, và đó thật sự là hòn đảo của các bạn.

- Kế hoạch của chúng tôi là thế này, thưa thuyền trưởng, - Cyrus Smith nói ngay, - tặng hòn đảo cho Hợp chủng quốc và xây dựng ở đây một cái cảng làm nơi đậu của hạm đội hàng hải nước chúng tôi.

- Các ngài nghĩ về đất nước của các ngài, - thuyền trưởng trả lời, - Các ngài đã lao động vì sự phồn vinh của đất nước, vì sự quang vinh của đất nước. Và các ngài đúng. Tổ quốc!... Tất nhiên, cần phải trở về tổ quốc. Chết cũng nên chết ở tổ quốc!... Thế mà tôi thì lại chết ở xa tất cả những gì mà tôi yêu quý!

- Có thể là ngài muốn chuyển cho ai đó lời di chúc của ngài? - Kỹ sư hỏi.
- Có thể, ngài muốn di chúc gì đó để kỷ niệm cho bạn bè? Chắc là ngài còn có bạn bè ở vùng núi Ấn Độ.

- Không, thưa ngài Smith. Tôi không còn bạn nữa! Tôi là người cuối cùng trong dòng họ của tôi... Còn những ai biết tôi thì đều cho rằng tôi đã chết từ lâu... Nhưng hãy trở lại với số phận của các ngài. Cô đơn, cách biệt mọi người - số phận đáng thương và khó khăn quá sức... Tôi chết thế này đây là bởi vì rằng tôi đã hình dung dường như có thể sống một mình được! Các ngài phải làm tất cả để dời khỏi nơi đây và nhìn thấy lại mảnh đất nơi các ngài đã sinh ra. Tôi biết, quân dê tiện ấy đã phá mất cái tàu của các ngài...

- Chúng tôi đã đang đóng một cái tàu khác - Gédéon Spilett nói, - chúng tôi muốn đóng nó khá to để có thể dùng nó bơi đến vùng đất gần nhất. Nhưng, nếu chúng tôi rời khỏi đảo Lincoln được thì sớm hay muộn thế nào chúng tôi cũng trở lại đây. Chúng tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm gắn với đảo, vì vậy, chúng tôi không quên nó được!

- Và ở đây số phận đã dẫn dắt chúng tôi gặp thuyền trưởng Nemo, - Cyrus Smith nói.

- Ở đây cháu và mọi người sẽ thường xuyên, thường xuyên nhớ đến ngài, - Harbert nói thêm.

- Ở đây tôi sẽ được an giấc ngàn thu, miễn là... - thuyền trưởng Nemo thốt lên.

Ông ấp úng và, bỏ lửng câu nói trên, ông tiếp lời:

- Thưa ngài Smith, tôi muốn được nói chuyện riêng với ngài.

Tôn trọng ý muốn của người đang hấp hối, các bạn của kỹ sư ra khỏi phòng.

Thuyền trưởng Nemo nói chuyện tay đôi với Cyrus Smith mấy phút về việc gì đấy, sau đó kỹ sư gọi các bạn mình lại, nhưng không nói gì với họ về điều mà người đang hấp hối muốn truyền lại cho ông biết...

Cho đến tối, trạng thái của người bệnh hầu như không có sự biến chuyển gì. Những người di dân không phút nào rời “Nautilus”.

Chẳng bao lâu, sau lúc nửa đêm, thuyền trưởng Nemo tập trung sinh lực cuối cùng, đưa tay lên để chéo trước ngực với một vẻ khó khăn, dường như

ông muốn chết ở đúng tư thế như vậy.

Gần hai giờ sáng, toàn bộ sự sống của ông tập trung trong ánh mắt nhìn chăm chú. Hai con người của ông ngồi lên ánh lửa lần cuối cùng. Rồi ông thì thào: “Thượng đế và tổ quốc!” và lặng lẽ qua đời.

Cyrus Smith cúi xuống và vuốt mắt cho người đã không có thời gian để làm thái tử, còn bây giờ thì cũng không phải là thuyền trưởng Nemo nữa.

Harbert và Pencroff khóc, Ayrton quệt nước mắt trào ra. Nab quì xuống, còn nhà báo thì lặng đi.

Cyrus Smith giơ tay để trên đầu người quá cố:

- Cầu trời cho linh hồn ông ấy được bình yên!- Kỹ sư nói và, quay về phía các bạn, ông thêm: - Chúng ta hãy cầu nguyện cho người mà chúng ta đã bị mất!

Mấy giờ trôi qua, họ đã làm theo di chúc của người đã khuất, giữ đúng lời hứa của mình.

Cyrus Smith và các bạn của ông đã rời khỏi “Nautilus”, mang theo món quà tặng duy nhất mà ân nhân quá cố của họ đã để lại - cái tráp nhỏ đựng những của cải lớn.



Họ đã làm theo đúng những điều thuyền trưởng Nemo dặn: khoá chặt cửa tàu để không một giọt nước thấm qua, đi thuyền tới đuôi tàu, mở hai vòi nước lớn ra cho nước chảy vào các buồng. “Nautilus” chìm dần xuống biển khỏi mặt nước phẳng lặng.

Những người di dân còn nhìn thấy hồi lâu con tàu ở sâu dưới biển qua tầng nước dày. Dưới ánh sáng của những ngọn đèn điện mạnh, làn nước biển lấp lánh một màu trong xanh, trong khi cái hang lại trở thành một cái hầm mộ đen ngòm. Nhưng, cuối cùng, quầng sáng rực rỡ của con tàu đã mờ dần, và “Nautilus” trở thành chiếc quan tài của thuyền trưởng Nemo nằm bất động dưới đáy đại dương.

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

Suy tư của những người di dân. - Phục hồi các công việc ở xưởng đóng tàu. - Cột khói trên núi lửa. - Ayrton và Cyrus Smith ra khu chăn nuôi. - Nghiên cứu hang của Dakkar. - Thuyền trưởng Nemo nói gì với Cyrus Smith.

Trời vừa hửng sáng, những người khai khẩn đã lặng lẽ lần ra đến cửa hang. Để kỷ niệm về thuyền trưởng quá cố Nemo, họ đã đặt cho hang cái tên là “Hang Dakkar”... Cyrus Smith và các bạn lần theo đường cũ và rời hang Dakkar, rẽ về khu chăn nuôi. Dọc đường, Nab cùng với Harbert đã gỡ dây điện mà thuyền trưởng mắc giữa khu chăn nuôi và hang. Họ đã nghĩ có lý là có thể số dây điện này sẽ có lúc dùng đến.

Chỉ thỉnh thoảng họ mới nói với nhau đôi lời. Những ấn tượng của họ về đêm 15 rạng 16 tháng mười còn rất nặng nề... Mỗi người bất giác đều cảm thấy sâu sắc hơn sự thoát biệt của mình đối với thế giới còn lại sau cái chết của ân nhân bí ẩn - thuyền trưởng Nemo - đã ra tay cứu giúp họ trong những giờ phút khó khăn nhất.

Gần chín giờ sáng, những người khai khẩn về đến Lô đài đá hoa cương....

Họ đã quyết định tiếp tục việc đóng tàu và thực hiện với tiến độ khẩn trương nhất. Sau 5 tháng nữa là vào đầu tháng ba, con tàu phải được đóng xong, và chỉ có như vậy thì họ mới có thể đi đến đảo Tabor, để lại thư báo tin nơi ở mới của Ayrton...

Ngày đầu năm mới, năm 1869, được đánh dấu bằng một trận bão khủng khiếp. Sét đã nhiều lần đánh xuống đảo. Một số cây lớn đã bị đổ. Phải chăng có mối liên hệ trực tiếp giữa những cơn dông, bão với những hiện tượng quái gở đã phát sinh trong lòng đất. Phải chăng những trận dông, bão này là sự phản ánh của những sự chuyển dịch đã xảy ra trong các tầng sâu của trái đất?

Cyrus Smith nghiêng về điều giả định sau. Hơn nữa, vùng dông, bão có kèm theo hiện tượng gia tăng hoạt động của núi lửa.

Ngày mồng ba tháng giêng, Harbert dậy từ lúc hừng sáng, đã lên cao nguyên Tầm nhìn để thẳng xe cho một con la kéo, bỗng chú thấy trên miệng núi lửa một cột khói lớn.

Harbert vội vàng báo cho những người khai khẩn khác biết. Họ cũng đã lên ngay cao nguyên và bắt đầu chăm chú nhìn về hướng trên.

- Ủ nhĩ, - Pencroff kêu lên, - lần này thì không phải chỉ đơn giản là hơi nước nữa rồi! Tuồng như chàng dũng sĩ của chúng ta không những thở, mà lại còn hút thuốc nữa!

Mặc dù Pencroff đã diễn đạt ý nghĩ của mình một cách quá ư bóng bẩy, nhưng chàng đã xác định hoàn toàn chính xác những hiện tượng quan sát được trên miệng núi lửa. Đã ba tháng nay, miệng núi lửa phun ra những đám hơi nước dày đặc, nhưng đây chỉ chứng tỏ hiện tượng sôi của các khối lỏng xảy ra trong lòng núi lửa mà thôi. Bây giờ đây đỉnh núi lửa đã không còn phun những đám hơi nước nữa mà là khói đặc bốc cao tới bảy, tám trăm fut, nom giống như hình một cái nấm khổng lồ...

Cyrus Smith chăm chú quan sát những cụm khói đặc từ miệng núi Franklin phun ra. Thậm chí ông đứng cách xa những người bạn của mình

một chút và hơi rướn cao cổ lên, như cố bắt lấy tiếng ầm ì của phún xuất từ xa vọng lại. Rồi ông bước đến chỗ các bạn mình và nói:

- Các bạn của tôi, quả thật là trong núi lửa đang xảy ra những biến động có ý nghĩa. Chúng ta sẽ không dỗi mình trước tình hình đó. Các khối chất trong núi lửa không những đang ở trạng thái sôi, mà chúng đã bùng cháy, và có thể trong một tương lai không xa nữa, chúng ta sẽ bị phún xuất đe dọa!

- Kệ nó, thưa ngài Cyrus! - Pencroff kêu lên. - Chúng ta hoan nghênh. Biết đâu, bỗng nhiên núi lửa của chúng ta lại phun ra cho chúng ta những loại quặng hữu ích và hiếm thì sao. Ngài đừng lo, chúng ta sẽ biết tận dụng tấm lòng tử tế của nó.

Nhưng, Cyrus Smith lắc đầu không tán thành; nét mặt ông nói lên rằng cá nhân ông không hy vọng sự tốt lành nào ở quá trình phát triển nhanh đến như thế trong núi lửa. Như mọi người đều biết, núi lửa phun thường kèm theo động đất. Một đảo có nguồn gốc phát sinh như đảo Lincoln có thể dễ dàng bị phân hủy ra thành các bộ phận, bởi vì về cấu trúc thì đảo bao gồm nhiều loại nham rất khác nhau: ba dan và hoa cương, dung nham đã đông đặc ở phía bắc và đặc xộp ở phía nam, mà các loại nham này tất nhiên là không liên kết bền chặt với nhau. Thậm chí nếu bản thân dung nham thoát ra không gây nguy hiểm nghiêm trọng thì một sự chấn động yếu dưới đất cũng nhất định dẫn đến những hậu quả bi thảm nhất.

- Tôi cảm thấy, - bỗng Ayrton nói (anh ta đã nằm xuống, ghé tai xuống đất nghe), - tôi cảm thấy, tôi nghe có tiếng ầm ầm giống như chiếc xe kéo chở các thanh sắt vậy.

Những người di dân chăm chú lắng nghe và phải thừa nhận Ayrton nói đúng. Tiếng ầm ầm có lúc kèm theo tiếng ồn ào dưới đất lúc mạnh lên, lúc

lãng xuống - có cảm giác như trong lòng đất đang bị một cơn lốc dữ dội. Tuy nhiên vẫn chưa nghe thấy những âm thanh điển hình của hiện tượng phun xuất giống như những phát súng nổ?

- Cứ kệ nó mà! - Pencroff nói. - Nào, tốt nhất là chúng ta bắt tay vào việc. Mặc cho núi Franklin hút thuốc, mặc cho nó gầm, gào, mặc cho nó phun lửa, bao nhiêu tùy nó, không nhẽ vì những chuyện không đâu ấy, ta lại chịu ngồi bó tay sao! Ta đi nào, Ayrton, đi nào, Nab, đi nào Harbert, cả ngài nữa, thưa ngài Cyrus, cả ngài nữa, thưa ngài Spilett, hôm nay tất cả chúng ta có thể sẽ làm việc khá đấy! Bây giờ chúng ta sẽ đặt dải tôn mép mạn tàu, mà một việc như thế thì một chục cánh tay là hơi ít đó. Tôi muốn gì à? Muốn sao cho “Bonadventur” mới của chúng ta - rõ ràng là chúng ta sẽ đặt tên cho nó là “Bonadventur” chứ, phải không nào? - Tôi muốn thế này nhé: chậm nhất là hai tháng nữa con tàu mới của chúng ta sẽ được khoe sắc ở cảng Khí cầu. Mà nếu vậy thì, chúng ta không nên để lãng phí thời gian nữa.

Tất cả những người di dân đều nghe lời Pencroff đi đến xưởng đóng tàu, bắt tay vào việc đặt dải tôn mép mạn tàu. Đó là một lớp bọc dày tạo thành cái đai của tàu, gắn chặt các bộ phận của khung tàu với nhau. Đó là một công việc không phải dễ dàng, vì vậy Pencroff yêu cầu mọi người tham gia vào đó là phải.

Suốt ngày mồng ba tháng giêng họ không rời xưởng đóng tàu, quên băng núi lửa.

Đến tối, sau khi ăn xong, Cyrus Smith cùng Gédéon Spilett và Harbert đi lên cao nguyên Tâm nhìn. Bóng tối đã bao phủ mặt đất, nhưng lại thuận lợi cho nhiệm vụ của họ - xác định xem lần trong hơi và khói bao trùm quanh miệng núi lửa có thêm lửa không, núi lửa có phun ra những hạt nham bị nóng chảy chưa.

- Miệng núi lửa ngập lửa kì? - Harbert chạy vượt lên mọi người, đến cao nguyên Tầm nhìn trước tiên, bỗng kêu lên.

Núi Franklin ở cách cao nguyên Tầm nhìn khoảng sáu dặm, từ đây trông sang thấy nó như một ngọn đuốc khổng lồ cháy đỏ rực. Tuy nhiên, ngay trong bóng đêm, ngọn lửa cũng chỉ ánh lên lơ mờ, vì có lẽ bị quá nhiều tạp chất của khói, xỉ và tro cản khuất.

- Các bạn có cảm thấy đất rung không? - Cyrus Smith hỏi.

- Thấy, - Gédéon Spilett trả lời, - nhưng đó chưa phải là động đất thật sự...

- Tôi cũng không bảo là chúng ta đang bị động đất đe dọa, - Cyrus Smith nhanh nhẹn đáp lại, - cầu trời tránh cho chúng con cái nạn ấy!

Cyrus Smith, nhà báo và Habert ở trên cao nguyên Tầm nhìn cả tiếng đồng hồ, sau đó đi xuống, trở về Lâu đài đá hoa cương. Về mặt kỹ sư đầy suy tư, đúng hơn là đầy lo âu, khiến Gédéon Spilett không kìm chế nổi, đã hỏi xem ông có tiên đoán sắp xảy ra nguy biến gì liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến phún xuất không.

- Có mà cũng không! - Cyrus Smith trả lời... - Tôi phải lên núi xem đã. Vài ngày nữa tôi hy vọng mọi việc sẽ rõ ràng.

Gédéon Spilett không hỏi gặng nữa... và loáng sau bất chấp tiếng ầm ầm dưới đất mỗi lúc một to hơn và vang vọng khắp đảo, các cư dân trong Lâu đài đá hoa cương đã thiếp đi trong giấc ngủ bình yên.

Ba ngày 4, 5, 6 tháng giêng trôi qua. Công việc đóng tàu ở xưởng vẫn diễn ra như cũ. Kỹ sư muốn đẩy công việc càng nhanh càng tốt, mặc dù ông không nói thẳng ra lời nào về chuyện ấy.

Tuy nhiên, dù những người di dân vội vã kết thúc việc đóng tàu thế nào đi nữa thì những công việc hết sức quan trọng khác nhiều khi vẫn chi phối họ. Việc đầu tiên là phải ra thăm khu chăn nuôi, ở đó có đàn cừu và dê, bổ sung dự trữ thức ăn cho gia súc. Họ đã quyết định ngày 7 tháng giêng, Ayrton sẽ ra khu chăn nuôi. Nhưng Pencroff và các bạn rất ngạc nhiên khi được biết kỹ sư muốn đi cùng Ayrton.

- Ngày một chúng tôi sẽ trở về. - Cyrus Smith nói, - ta cần ra thăm khu chăn nuôi... Tôi muốn biết phún xuất đã sắp xảy ra chưa.

Ayrton lo việc chăm sóc gia súc, còn Cyrus Smith thì đi ngược dòng suối Đỏ, đến nơi mà trước đây những người di dân đã phát hiện ra nguồn lưu huỳnh.

Biết bao nhiêu biến đổi đã xảy ra từ đó đến nay! Bây giờ đây không phải chỉ có một luồng khói, mà là những mười ba luồng khói từ dưới đất phụt lên rất mạnh. Rõ ràng là ở chỗ này vỏ trái đất phải chịu một áp suất bên trong rất khủng khiếp. Không khí chứa đầy khí sunfuro, hidro, cacbonic lẫn hơi nước. Cyrus Smith cảm thấy đá tuf núi lửa rung lên dưới chân ông.

Khi nghiên cứu sườn phía bắc của núi Franklin, kỹ sư cũng thấy một bức tranh như vậy, có khi còn điển hình hơn ở khu vực suối Đỏ. Những đám mây khói và những lưỡi lửa từ miệng núi lửa phụt lên, những viên đá nhỏ rơi xuống đất như mưa đá.

Sau đó, kỹ sư trở lại khu chăn nuôi, vừa đi vừa lắng nghe tiếng âm âm dưới mặt đất giống như những chuỗi sấm rền liên tục; thỉnh thoảng lại vang

lên những tiếng nổ lớn. Mười giờ, ông đã có mặt ở khu chăn nuôi.

Ayrton đã đợi ông ở đó.

- Tôi đã cho súc vật ăn rồi. Những con vật bồn chồn thế nào ấy, thưa ngài Smith. - Ayrton nói.

- Chúng có linh tính đấy, mà linh tính không sai đâu.

- Thế bây giờ...!

- Anh mang theo đèn và bật lửa, Ayrton, - kỹ sư đáp, - và đi theo tôi.

Ayrton làm theo lệnh của kỹ sư.

Hai người cùng đi đến hang Dakkar theo một con đường mòn hẹp. Họ đi tựa hồ như trên một lớp bông: toàn bộ mặt đất đều phủ kín những hạt bụi nhỏ li ti từ trên không rơi xuống. Trong rừng không thấy một sinh vật nào. Thậm chí chim muông cũng bay đi hết sạch. Chốc chốc gió lại thổi tung tro dưới mặt đất lên khiến hai người bị lớp mây bụi bao quanh không nhìn thấy nhau. Họ cứ luôn phải lấy khăn tay che mắt và che miệng để khỏi bị mù và ngạt thở vì thứ bụi dày đặc ấy.

Thật là dễ hiểu, trong điều kiện như thế thì Cyrus Smith và Ayrton không thể rảo bước. Tuy vậy, chẳng bao lâu họ cũng lần xuống được tới cửa hang Dakkar.

- Chiếc thuyền còn đây chứ? - Kỹ sư hỏi.

- Vâng, - Ayrton vừa trả lời vừa kéo chiếc thuyền gọn nhẹ mà anh ta cùng với Pencroff đã giấu dưới vòm hang đá ba dan.

- Thế thì ta đi thôi.

Cả hai người ngồi vào thuyền và bơi đi. Ayrton đặt đèn ở mũi thuyền để rọi đường... Họ bơi dọc theo thành hang bên phải. Một lát sau, kỹ sư đã phân biệt rõ tiếng ầm ầm từ lòng đất dội lên.

- Đây là núi lửa, - ông nói.

Chẳng bao lâu, hoà vào tiếng ầm ầm dưới đất là mùi hắc của các hợp chất hoá học.

- Thuyền trưởng Nemo sợ chính cái điều này đây! - Cyrus Smith lẩm bẩm, và gương mặt ông hơi tái đi. - Dầu sao chúng ta cũng phải đi tới đích.

Chừng độ hai mươi lăm phút sau, kể từ lúc bắt đầu bơi, con thuyền đã đến thành hang sau và dừng lại.

Cyrus Smith soi đèn vào từng phần của bức thành ngăn cách hang với miệng núi lửa. Không thể đoán được độ dày của bức thành hang là bao nhiêu. Nhưng chắc gì thành hang đã dày quá, bởi vì tiếng ầm ầm dưới lòng đất ở đây nghe rõ mồn một mà.

Sau khi khảo sát theo hướng ngang, kỹ sư lại soi đèn dọc theo thành đá ba dan, cố rọi sáng phần trên của nó.

Và ở đó, ông thấy có khói hắc toả ra qua các kẽ nứt, đầu độc bầu không khí trong hang.

Toàn bộ thành đá đều đã bị nham nhờ những vết nứt, một số trong đó, nhất là những vết nứt nổi rõ trên mặt đá ba dan bằng phẳng, đã lan xuống

gần như sát tận nước.

Cyrus Smith đứng trầm ngâm. Sau đó, thoáng nghe thấy ông lẩm bẩm:

- Đúng, thuyền trưởng đã nói đúng! Ở đây đang tiềm ẩn một nguy cơ, và nguy cơ thật là khủng khiếp!

Ayrton không hỏi gì. Theo hiệu của Cyrus Smith, anh ta lại chèo thuyền đi, và nửa giờ sau họ đã ra khỏi hang Dakkar.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU

Cyrus Smith kể về những điều quan sát của mình. - Cuộc chiến đấu của nước và lửa. - Trên đảo còn lại gì. - Đêm mùng 8 rạng mùng 9.

Sau khi ở cả ngày ngoài khu chăn nuôi và tin chắc rằng công việc ổn thỏa, Cyrus Smith và Ayrton đã ngủ đêm tại đó và sáng mùng 8 tháng giêng trở về Lâu đài đá hoa cương.

Ngay lập tức, kỹ sư triệu tập các bạn và thông báo với họ rằng hòn đảo đang bị đe dọa bởi một nguy cơ lớn mà không có sức mạnh nào của con người có thể ngăn chặn nổi.

- Các bạn của tôi, - ông nói, giọng lộ rõ sự xúc động sâu sắc, - hòn đảo Lincoln không thuộc số những cấu tạo địa chất có thể tồn tại suốt với toàn thể trái đất. Nó không tránh khỏi sự phá huỷ đang tới gần, nguyên nhân sự diệt vong của nó nằm ngay trong bản thân nó và không gì có thể cứu vãn được nó.

Những người di dân đưa mắt nhìn nhau, rồi ngơ ngác nhìn Cyrus Smith - họ không hiểu hết ý nghĩa những lời ông nói.

- Hãy giải thích rõ hơn, Cyrus, - Gédéon Spilett nói.

- Tôi sẽ giải thích ngay bây giờ, - Cyrus Smith trả lời. - Tôi sẽ truyền đạt lại cho các bạn biết điều mà thuyền trưởng Nemo đã nói riêng với tôi trong cuộc trao đổi ngắn của chúng tôi. Trước khi chết, ông ấy muốn giúp đỡ chúng ta một lần cuối cùng.

- Nhưng thuyền trưởng Nemo đã nói gì với ông vậy? - Nhà báo hỏi.

- Các bạn có biết không, - kỹ sư trả lời, - hòn đảo Lincoln có cấu tạo khác với những hòn đảo khác ở Thái Bình Dương: Phần đất ngầm của nó sớm muộn thế nào cũng phải bị sụp đổ... Thuyền trưởng Nemo đã xác định như thế và bản thân tôi ngày hôm qua cũng đã nhận thấy như thế sau khi xem xét hang Dakkar. Cái hang ở dưới đảo, thông tới sát núi lửa và chỉ cách lò lửa trung tâm một bức thành liền nhau. Nhưng toàn bộ bức thành ấy đã bị rạn nứt và khí sunfuarơ hình thành bên trong núi lửa đã lọt qua những kẽ nứt đó.

Những người di dân không nói gì trước lời khẳng định tuyệt đối ấy. Mọi người hiểu một nguy cơ khủng khiếp đang đe dọa họ. Cái giờ nó bị phá huỷ đang nhích tới gần - tất cả đều tùy thuộc vào chỗ bức thành bằng đá ba dan trong hang Dakkar. Chuyện không phải tính bằng tháng, bằng tuần, mà là bằng ngày, thậm chí có thể bằng giờ!

Cảm giác đầu tiên bao trùm lên những người di dân là một nỗi đau sâu sắc. Họ không nghĩ đến mối nguy hiểm đe dọa mình, mà nghĩ đến sự diệt vong không thể tránh khỏi của hòn đảo, nơi họ đã tìm được chốn nương thân, về sự phá huỷ của một vùng mà họ đã mong muốn làm cho nó trở nên phồn vinh và hy vọng biến nó thành một thiên đường trên mặt đất. Biết bao nhiêu công sức sẽ bị hao phí vô ích! Biết bao nhiêu lao động sẽ bị biến thành tro bụi!

Pencroff không thể cầm lòng được nữa, đã khóc.

Các cư dân của đảo còn tiếp tục bàn luận một lúc nữa xem có cách gì khác tự cứu mình không. Họ nhất trí đi đến kết luận là phải tranh thủ đóng

tàu và trang bị cho nó xong càng sớm càng tốt, đó là cơ hội duy nhất để họ thoát nạn...

Nhưng đêm 23 rạng ngày 24, dưới áp lực của phún thạch đã dâng lên tận miệng núi lửa, đỉnh núi hình chóp, nom giống như một cái nón, đã bị bật tung ra. Tiếng ầm ầm vang lên không thể tưởng tượng nổi. Những người di dân tưởng đảo bị sụp đổ, nên đã lao ra khỏi Lô đài đá hoa cương.

Lúc ấy là hai giờ đêm.

Cả bầu trời phừng lửa. Cái nón núi lửa cao một ngàn fut, còn nặng thì hàng tỷ funt đã giáng xuống đảo, khiến mặt đất rung lên. May sao, nó nghiêng về phía bắc, vì thế nên đã rơi xuống một bình nguyên phủ cát và đá tuf đi qua giữa núi và biển. Miệng núi lửa bây giờ đã hoác rộng ra, phun lửa lên trời đỏ rực. Dòng phún thạch phun ra chảy tràn theo các sườn núi lửa, như hàng ngàn con rắn lửa...

- Khu chăn nuôi! Khu chăn nuôi! - Ayrton kinh hoàng kêu lên.

Đúng là phún thạch đã chảy về phía khu chăn nuôi, do đó sẽ huỷ diệt mất phần đất màu mỡ của đảo...



Đáp lại lời của Ayrton, mọi người lao vào chuồng la. Trong nháy mắt họ đã thắng xong xe kéo. Tất cả họ đều chung một ý nghĩ: phóng ra khu chăn nuôi, thả gia súc bị nhốt ở đó ra.

Chưa đến ba giờ sáng họ đã đến gần khu chăn nuôi. Từ đó văng đến tiếng rống, tiếng be be hoang dại của những con cừu và dê, Ayrton mở toang cổng ra và những con vật chạy túa đi tứ phía, như điên.

Một giờ sau, cả khu chăn nuôi ngập tràn phún thạch, căn nhà ở bị cháy, hàng rào bị lửa thiêu trụi. Khu chăn nuôi không còn lại một thứ gì nữa!

Đã sang ngày 24 tháng giêng. Trước khi trở về Lâu đài đá hoa cương, Cyrus Smith và các bạn của ông đã quyết định xem xét hướng phún thạch

cuối cùng sẽ chảy về đâu. Bắt đầu từ núi Franklin, bề mặt đảo dốc về bờ biển phía đông, vì vậy, e rằng dòng phún thạch sẽ chảy đến cao nguyên Tâm nhìn.

- Hồ nước sẽ bảo vệ chúng ta, Gédéon Spilett nói.

- Hy vọng như thế, - Cyrus Smith đáp lại gọn lỏn.

Những người di dân định chạy đến vùng bình nguyên, nơi nón núi lửa rơi xuống, nhưng phún thạch đã cản đường họ. Họ lại thoát ra từ khu chăn nuôi dẫn về Lâu đài đá hoa cương. Họ đi chập chạp, chốc chốc lại ngoái lại. Đây, họ dừng bên hồ nước, cách cửa suối Đỏ nửa dặm. Giây phút mà sự sống hay cái chết của họ đều tùy thuộc vào đó, đã nhích đến gần.

Cyrus Smith không bao giờ mất bình tĩnh trong những hoàn cảnh hiểm nghèo. Ông biết rằng trước mặt ông là những con người có khả năng nghe sự thật cay đắng nhất, và đã nói:

- Có thể là hồ nước sẽ chặn đứng dòng phún thạch. Nếu vậy thì một phần hòn đảo sẽ thoát khỏi cảnh tàn phá hoàn toàn, nhưng cũng rất có thể là phún thạch sẽ chảy tràn lan các khu rừng Viễn Tây, hủy hoại hết thảy, và trên đảo sẽ không còn lại một cây cỏ nào. Khi ấy tử thần sẽ đợi chúng ta trên các vách đá trần trụi, và không phải đợi lâu đâu, bởi vì hòn đảo sẽ bay tung lên trời.

- Như thế là làm sao? - Pencroff kêu lên, hai tay chéo ngang ngực, chân giậm xuống đất. - Có nghĩa là chúng ta chẳng cần đóng tàu làm quái gì à?

- Pencroff, - Cyrus Smith trả lời, - cần phải thực hiện nhiệm vụ của mình đến cùng.

Đúng lúc ấy, dòng phún thạch len giữa những hàng cây đẹp đẽ đã bị nó thiêu huỷ, lấn dần đến hồ nước. Trên đường nó gặp một cái gò nhô cao lên, giá cái gò ở đây dựng đứng hơn thì nó đã chặn được dòng phún thạch.

- Làm việc! - Cyrus Smith hô to.

Ý định của kỹ sư được mọi người hiểu ngay. Ông đã quyết định đắp một con đập và bằng cách ấy hướng cho dòng phún thạch chảy vào hồ nước.

Những người di dân phóng ào về xưởng đóng tàu, mang xẻng, cuốc chim, rìu... ra. Bằng đất và các cây chặt, trong vài giờ họ đã kịp đắp được một cái đập cao ba fut và dài vài trăm bước. Khi kết thúc rồi họ thấy như công việc mới chỉ kéo dài đâu có vài phút đồng hồ.

Họ làm thật kịp thời. Phún thạch lỏng đã lan tới con đê quai. Dòng chảy của nó dâng lên như dòng sông khi nước lũ, cứ muốn tràn ra khỏi bờ. Có cảm giác như chỉ chút xíu nữa thôi là dòng phún thạch sẽ trào qua vật chướng ngại duy nhất cản nó tràn ngập những khu rừng Viễn Tây. Nhưng, con đập đã kịp được nó. Thật là khủng khiếp cái giây phút dòng sông lửa ấy dừng lại, dường như lưỡng lự, nhưng bất thành linh từ trên bờ dốc cao hai mươi fut đã chảy ủa xuống hồ Grant.

Những người di dân ngây người ra đứng nhìn cảnh vật lộn diễn ra trước mặt họ giữa hai lực lượng tự nhiên - lửa và nước. Những dòng phún thạch sôi sục chảy xuống hồ, thế là nước xèo xèo bốc thành hơi. Những cụm hơi trắng bốc lên rõ cao, xoáy tít như một cơn lốc, tựa hồ có ai đó xả van chiếc nồi hơi khổng lồ ra. Nhưng, dù lượng nước trong hồ nhiều đến đâu thì cuối cùng lửa cũng hút khô, bởi vì nước cạn đi không được bổ sung, còn con sông lửa khủng khiếp có nguồn vô tận tiếp thêm thì không ngừng tuôn ra những lớp sóng dung nham mới.

Khi chảy xuống hồ, dung nham ngay lập tức đông cứng lại, biến thành những tảng đá chồng chất lên nhau, chẳng bao lâu đã nhô lên khỏi mặt nước, rồi lan tiếp ra giữa hồ và phủ kín lòng hồ...

Đối với những người di dân dung nham chảy ủa về phía hồ Grant là một điều may mắn lớn. Điều ấy đã trì hoãn thảm họa được ít ngày. Cao nguyên Tầm nhìn, Lô đài đá hoa cương và xưởng đóng tàu tạm thời còn ở ngoài vòng hiểm họa. Trong mấy ngày xả hơi ấy cần phải hoàn thành lớp bọc của tàu và trét sơn tàu cho thật tốt.

Sau đó, cho nó hạ thủy; việc trang bị dây dợ thì khi nào tàu ra biển, ở trong môi trường của nó đã, lo cũng được. Để trên cạn đã trở nên hết sức nguy hiểm, hòn đảo bị đe dọa nổ tung và tiêu hủy. Lô đài đá hoa cương, mới đây còn là nơi trú ẩn chắc chắn, có thể chẳng bao lâu nữa sẽ sụp đổ.

Và, thế là sáu ngày liền, từ 25 đến 30 tháng giêng những người di dân đã làm việc một cách cần mẫn, đến hai mươi tay thợ mộc cũng chẳng bằng. Họ làm việc suốt ngày không nghỉ, hầu như không ngủ, bởi vì, dưới ánh lửa phun từ miệng núi lửa ra, đêm cũng sáng như ban ngày...

Đã sang ngày 20 tháng hai. Còn cần đến nguyên cả tháng nữa mới đóng xong tàu và hạ thủy nó. Liệu hòn đảo có đứng vững được đến ngày đó không? Trong khi lực phún xuất không tăng lên, mọi cố gắng của những người di dân đều hướng vào việc làm sao sớm đóng xong thân chiếc tàu thủy.

Họ sống như vậy cho đến mùng 3 tháng ba và dự tính sau mười ngày nữa sẽ hạ thủy con tàu.

- Chúng ta sẽ đóng kịp, - Pencroff nói với kỹ sư. - Nhất định chúng ta sẽ đóng kịp, thưa ngài Smith. Cần phải khẩn trương, thời gian trôi đi, lại sắp

đến tiết xuân phân rồi...



Nhưng, vào tuần đầu của tháng ba, núi Franklin lại bắt đầu đe dọa đủ mọi cảnh khủng khiếp... Lần này dòng nham chảy dọc theo bờ tây nam hồ Grant, cắt ngang suối Glixerin và tràn ngập cao nguyên Tầm nhìn. Những người di dân đã bị giáng một đòn cuối cùng hết sức nguy hại. Nào cối xay gió, nào chuồng trại chăn nuôi muông thú... không còn lại một thứ gì cả.

Phún xuất đã truy kích những người di dân đến tận nơi trú ẩn cuối cùng của họ, và mặc dù những mối ghép phía trên thân tàu chưa được trét xong, những người thợ cũng đã quyết định cho tàu hạ thủy.

Pencroff và Ayrton bắt tay vào việc chuẩn bị, những mong tiến hành cuộc hạ thủy vào sáng hôm sau, 9 tháng ba.

Nhưng, đêm 8 rạng ngày 9 tháng ba, từ miệng núi lửa một cột khí đã bùng phát âm ầm như sấm dậy và bốc lên cao trên ba ngàn fut. Hẳn là thành hang Dakkar đã bị sụp xuống dưới áp suất của khí, nước biển đã ùa vào lò lửa trung tâm của núi lửa, và khi đã không tìm được lối thoát tự do nữa. Một tiếng nổ với sức mạnh kỳ quái đã vang lên; xa cả trăm hải lý cũng nghe thấy. Những mảnh đá bay tung, rơi xuống đại dương, và vài phút sau, nước của nó đã phủ kín nơi vừa mới đây còn là hòn đảo Lincoln.

CHƯƠNG MƯỜI BẢY

Tảng đá đơn độc giữa đại dương. - Nơi trú ẩn cuối cùng. - Phía trước là cái chết. - Sự cứu giúp bất ngờ. - Nó đến từ đâu và như thế nào. - Ân huệ cuối cùng. - Hòn đảo trên cạn. - Mộ thuyền trưởng Nemo.

Một tảng đá đơn độc dài ba mươi fut, còn ngang mười lăm fut, chỉ hơi nhú khỏi mặt nước mười fut - đấy là tất cả những gì còn lại của hòn đảo đã bị đại dương nuốt chửng - mảnh vụn duy nhất của dãy núi tàng ẩn trong mình Lô đài đá hoa cương... Cả đảo Lincoln chỉ còn nguyên vẹn một tảng đá hẹp này giờ được dùng làm nơi nương tựa cho sáu người di dân và con chó Top của họ.

Trong thảm họa vừa qua tất cả thú vật bốn chân, tất cả các loại chim và các con khác của hệ động vật trên đảo đều bị chết hết số thì bị đè bẹp, số khác thì bị chết đuối. Than ôi, cả chú Jup bất hạnh cũng đã bị chết, có lẽ bị ngã xuống một khe nứt trên mặt đất!

Cyrus Smith, Gédéon Spilett, Harbert, Pencroff, Nab và Ayrton còn sống được chỉ là vì họ đang ngồi với nhau trong lều thì bị một làn sóng không khí hất xuống biển đúng lúc tứ phía bị những mảnh đảo vỡ rơi xuống như mưa.

Khi họ ngoi được lên mặt nước cách bờ nửa cabeltov và nhìn quanh thì chỉ thấy có một tảng đá này và đã bơi đến, leo lên.

Họ đã sống trên tảng đá trần trụi ấy chín ngày rồi! Một chút lương thực nào đấy được lấy từ kho của Lô đài đá hoa cương ngay trước lúc xảy ra

thảm họa, một ít nước mưa đọng lại trong hùm đá - đấy là tất cả những gì mà những người bất hạnh có được.

Đến ngày thứ chín, 18 tháng ba, lương thực chỉ còn cho hai ngày, mặc dù họ đã cắt bớt khẩu phần đến mức thấp nhất. Tất cả kiến thức của họ, tất cả trí tuệ của họ đều đã không thể giúp ích gì trong tình trạng khốn như thế này. Số phận của những người bạn ấy hoàn toàn tùy thuộc mệnh trời.

Cyrus Smith giữ được bình tĩnh. Gédéon Spilett hơi tỏ ra lo lắng, còn Pencroff thì tức giận ngấm, cứ đi lui đi tới trên tảng đá. Harbert không rời kỹ sư, nhìn ông với ánh mắt như chờ đợi ở người bạn lớn của mình sự giúp đỡ, một sự giúp đỡ không thể có, không thể hình dung nổi. Nab và Ayrton thì đành phận.

- Ôi, đau khổ! Sao mà đau khổ thế! - Pencroff cứ nhắc đi nhắc lại mãi. - Giá như có dù là một chiếc xuồng nhỏ nào đó thôi, dù là một cái vỏ quả hồ đào thôi thì chúng ta cũng sang được đảo Tabor rồi. Nhưng mà chẳng có gì, chẳng có gì cả!

- Thuyền trưởng Nemo chết thật đúng lúc! - Có lần Nab nói.

Năm ngày nữa trôi qua. Cyrus Smith và những người bạn bất hạnh của ông sống thoi thóp, bởi vì họ ăn chỉ để cầm chừng khỏi bị chết đói mà thôi. Mọi người đều đã yếu sức đến mức tột cùng rồi. Harbert và Nab đã bắt đầu mê sảng.

Giờ đây liệu họ có thể giữ được dù là một tia hy vọng nhỏ không? Không. Họ hy vọng được vào điều gì? Vào một chiếc tàu sẽ chạy qua gần tảng đá ư? Nhưng họ đã biết qua kinh nghiệm rằng những con tàu sẽ không ghé vào vùng này của Thái Bình Dương. Mà chẳng lẽ lại có thể trông đợi vào một sự ngẫu nhiên may mắn, đúng những ngày này đây chiếc tàu buồm

Scotland sẽ đến tìm Ayrton trên đảo Tabor chẳng? Thật là một hy vọng hão huyền! Và lại, nếu chiếc tàu buồm có đến đó đi nữa thì những người di dân cũng đâu có để lại thư trên đảo báo tin Ayrton hiện ở đâu; thuyền trưởng của tàu, sau những cuộc tìm kiếm không có kết quả, sẽ lại ra khơi, và con tàu sẽ trở về những miền ấm áp hơn.

Không, họ không thể nào hy vọng được cứu thoát. Trên tảng đá này đây, cái chết, cái chết khủng khiếp vì đói và khát, đang đợi họ!

Họ đã không thể đứng được nữa và nằm bất động, hầu như không thở nữa, không nhận biết chuyện gì xảy ra chung quanh nữa. Chỉ có mình Ayrton thỉnh thoảng khó khăn lắm mới ngóc đầu dậy và đưa mắt nhìn ra biển khơi hoang vắng với vẻ thất vọng!

Nhưng đây, sáng 24 tháng ba, Ayrton đã giơ cả hai tay, vừa chỉ về một cái chấm nào đó trong không gian vô tận của đại dương, vừa quì dậy, sau đó đứng lên và vươn thẳng người ra. Anh vẫy vẫy tay như thế làm tín hiệu.

- “Duncan”! Ayrton khẽ kêu lên và ngã xuống, ngất đi.

Khi Cyrus Smith và các bạn của ông tỉnh lại nhờ sự chăm sóc ân cần dành cho họ, họ thấy mình đang ở trong buồng tàu và không thể hiểu được làm sao họ đã thoát chết.

Một lời duy nhất của Ayrton đã giải thích cho họ hiểu tất cả.

- “Duncan”! - Anh ta khẽ nói.

- “Duncan”! - Cyrus Smith nhắc lại. Và, giơ tay lên ông hô to: - Ôi thượng đế toàn năng! Nghĩa là, ý Người như thế đó! Họ đã cứu chúng con!

Thực vậy, “Duncan” đã cứu họ, chiếc tàu buồm của huân tước Glenarvan giờ đây do Robert, con trai của thuyền trưởng Grant lái; con tàu đã được phái đi tìm Ayrton, đưa anh ta trở về tổ quốc sau mười hai năm sống cô đơn trên hòn đảo Tabor và đã chuộc tội lỗi của mình!...

Thế là những người di dân đã được cứu thoát, con tàu đã chuẩn bị đưa họ về nhà.



- Thuyền trưởng Robert, Cyrus Smith hỏi, - khi ông rời khỏi đảo Tabor, không tìm thấy Ayrton ở đó, ai đã gợi ý cho ông đi thêm một trăm hải lý về phía đông bắc?

- Thưa ngài Smith, - Robert Grant trả lời, - chúng tôi đi đến đây không phải chỉ vì Ayrton, mà còn vì cả ngài và các bạn của ngài.

- Vì tôi và các bạn của tôi ư?

- Tất nhiên! Chúng tôi đã đi đến đảo Lincoln.

- Đến đảo Lincoln?- Gédéon Spilett, Harbert, Nab và Pencroff đồng thanh kêu lên, hết sức ngạc nhiên.

- Nhưng do đâu mà ông biết đến đảo Lincoln? - Cyrus Smith hỏi. - Bởi vì hòn đảo này không được ghi trên các bản đồ.

- Tôi biết về nó qua bức thư mà các ông đã để lại trên đảo Tabor.

- Qua bức thư?- Gédéon Spilett sừng sốt hỏi lại.

- Tất nhiên, qua bức thư. Nó đây. - Robert Grant trả lời và chìa tờ giấy ra, trong đó cho biết vĩ tuyến và kinh tuyến của đảo Lincoln mà. “Ayrton và năm người di dân Mỹ hiện đang ở đó.”

- Đây là thuyền trưởng Nemo viết đó! - Cyrus Smith nói, sau khi đọc bức thư và tin chắc rằng nó đã được viết bằng đúng nét chữ trên bức thư ngắn mà họ đã thấy ở khu chăn nuôi.

-Ồ, hoá ra là thế đấy! - Pencroff kêu lên, - VẬY, nghĩa là, ông ấy đã lấy tàu của chúng ta và một mình liều lái nó đi sang đảo Tabor!

- Ông ấy muốn để lại ở đó một bức thư! - Harbert nói thêm.

- Thế, chẳng nhẽ khi tôi nói rằng thậm chí sau khi chết rồi thuyền trưởng Nemo còn giúp chúng ta một lần nữa là sai sao! - Chàng thủy thủ kêu lên.

- Các bạn của tôi, - Cyrus Smith xúc động sâu sắc nói, - thuyền trưởng Nemo thực sự là ân nhân của chúng ta. Xin chúa trời nhân từ hãy thu nhận linh hồn ông vào lòng mình!

Khi Cyrus Smith nói những lời ấy tất cả đều bỏ mũ ra và khẽ nhắc tên của thuyền trưởng.

Đúng lúc ấy Ayrton bước lại gần kỹ sư và hỏi:

- Để cái tráp vào đâu ạ?

Anh ta đã liều thân cứu được cái tráp ấy trong thảm họa xảy ra và bây giờ đây lại trao nó cho kỹ sư.

- Ayrton! Ayrton! - Cyrus Smith xúc động sâu sắc kêu lên và, quay về phía Robert Grant, ông nói thêm: - Thưa ông, ông đã để lại trên đảo Tabor một tên tội phạm, còn bây giờ đây, trước mặt ông một con người lương thiện, và tôi tự hào được vinh dự bắt tay con người ấy!

Khi đó mọi người đã kể cho Robert Grant nghe lịch sử kỳ lạ của tình hữu ái giữa thuyền trưởng Nemo và những người khai khẩn đảo Lincoln. Sau đấy, thuyền trưởng đã xác định và ghi các tọa độ của cái ngầm mới từ nay được đánh dấu trên bản đồ Thái Bình Dương, và ra lệnh lên đường trở về.

Sau hai tuần lễ, những người di dân về đến Mỹ và thấy rằng trên quê hương họ hoà bình đã lập lại sau cuộc chiến tranh khủng khiếp, song, đã kết thúc với thắng lợi của sự nghiệp chính nghĩa.

Một phần lớn những của cải giữ được trong cái tráp do thuyền trưởng Nemo để lại cho các cư dân của đảo Lincoln đã được dùng để mua một vùng đất mênh mông ở bang Iowa. Họ đã lấy một viên ngọc trai đẹp nhất trong kho báu để gửi tặng huân tước phu nhân Glenarvan, nhân danh những người đã được “Duncan” cứu sống và trở về tổ quốc.

Những người di dân đã tập hợp trên vùng đất họ mới mua tất cả những ai mà trước đây không bao giờ họ muốn tiếp đãi nông hậu trên hòn đảo Lincoln, và kêu gọi họ lao động, tức là mở đường cho họ đi tới no đủ và hạnh phúc. Họ đã lập một vùng di dân lớn, đặt cho nó cái tên của hòn đảo đã biến mất dưới vực nước sâu của Thái Bình Dương. Họ cũng có sông Tạ ơn, núi Franklin, hồ nước nhỏ Grant, rừng Viễn Tây. Tóm lại, vùng di dân của họ cũng như một hòn đảo, hòn đảo trên đất liền.

Dưới sự lãnh đạo khôn khéo của kỹ sư và các bạn ông, vùng di dân đã làm ăn phát đạt. Không một ai trong số những cư dân trước đây của đảo Lincoln từ giã bạn bè - họ đã thề mãi mãi sống với nhau - Nab không đòi chủ của mình. Ayrton vẫn luôn luôn sẵn sàng hy sinh bản thân mình như trước đây, Pencroff đã trở thành một người chủ trại thực sự y như chàng đã từng là một thủy thủ thực sự, Harbert đã học xong chương trình học vấn của mình dưới sự hướng dẫn của Cyrus Smith, và Gédéon Spilett đã sáng lập ra tờ báo “New-Lincoln herald” một tờ báo có nhiều thông tin nhất thế giới.

Cyrus Smith và các bạn của ông đã nhiều lần tiếp tại khu di dân của mình những vị khách quý - vợ chồng huân tước Glenarvan, thuyền trưởng John Mangles và vợ của ông ta là chị của Robert Grant, bản thân Robert Grant, thiếu tá Mac Nabbs và tất cả những ai đã tham gia những cuộc phiêu lưu của thuyền trưởng Grant và thuyền trưởng Nemo.

Mọi người vẫn sống trong tình hữu ái như trước và tất nhiên là hạnh phúc; nhưng không bao giờ họ quên được hòn đảo mà khi đặt chân tới họ là những người nghèo đói, trần trụi, nơi họ đã sống không thiếu thứ gì hết suốt bốn năm trời đặng đặng, hòn đảo xa xôi mà giờ đây chỉ còn lại là một tảng đá hoa cương chơi vơi giữa sóng nước Thái Bình Dương, - mộ phần của người từng là thuyền trưởng Nemo.

Dịch xong tháng 3-1988

[1] Nguyên bản tiếng Pháp: L'île mystérieuse. – “Hòn đảo bí ẩn”.

[2] Foot – đơn vị đo chiều dài Anh bằng 0,3048 mét (ND)

[3] Tức là 46 mét/ giây hay 166kilômét/ giờ (chú thích của tác giả)

[4] Kabeltoaw (tiếng Hà Lan): đơn vị đo độ dài trên biển, bằng 185,2 mét((ND)

[5] Ullis Grant (1822 - 1885) – tướng Mỹ, trong cuộc nội chiến ở Mỹ năm 1861 – 1865 là tổng tư lệnh của quân đội phía Bắc, tổng thống thứ 18 của Mỹ (1869 – 1877).

[6] Ngày 5 tháng tư, tướng Grant đã chiếm được Richmond, cuộc nổi loạn của phái phân lập đã bị dẹp. Tướng Lee đã rút lui về phía tây, và sự nghiệp thống nhất nước Mỹ đã

toàn thắng. (Ghi chú của tác giả).

[7] Một loài chim giống chim bói cá (N.D)

[8] Một loài chim giống gà rừng (ND)

[9] Mỗi dặm biển bằng 1,853 km (N. D).

[10] Nước Cộng hòa Malta nằm trên một quần đảo cùng tên, ở giữa Địa Trung Hải, cách Italia 96km về phía Nam và cách bờ biển châu Phi 288km về phía Tây, diện tích 316km² (N. D).

[11] Thuộc Hy Lạp (N. D).

[12] G. Washington (1732 – 1799) – tổng thống Mỹ đầu tiên (1789 – 1797).

[13] B. Franklin (1706 – 1790) – nhà hoạt động quốc gia, bác học, một trong những tác giả của bản tuyên ngôn độc lập Mỹ (1776) và bản hiến pháp Mỹ (1787) (N. D).

[14] A. Lincoln (1809 – 1865) – tổng thống thứ 16 của nước Mỹ.

[15] Tên khoa học: malva (N. D).

[16]

Thật vậy, về mùa ãy và trên độ vĩ ãy mặt trời mọc lúc 5 giờ 53 phút sáng và lặn lúc 6 giờ 17 phút chiều. (Ghi chú của tác giả).

[17]

Tahiti: hòn đảo núi lửa trên Thái Bình Dương, lớn nhất trong nhóm đảo không thuộc nước nào, diện tích 1.042km, dân số khoảng 8,5 vạn người. (N. D).

[18]

Tuamotu, còn có tên Paumotu ở Thái Bình Dương, thuộc Pháp, diện tích 914 km², dân số hơn 8 ngàn người. (N. D).

[19]

Corse – hòn đảo ở Địa Trung Hải, thuộc nước Pháp.

[20]

Gallon – đơn vị đo thể tích. Mỗi gallon bằng 4,5 lít.

[21]

Acre – đơn vị đo diện tích trong hệ thống đo lường Anh, bằng 4046,86 m² (N.D).

[22]

Duim – đơn vị đo chiều dài Anh, bằng 1/12 fut, tức 2,54 cm (N.D).

[23]

Xem “Những đứa con của thuyền trưởng Grant” - NXB Măng Non – 1985 (N.D).

[24]

A.S Becquerel. (1788 – 1878) nhà vật lý Pháp, có nhiều công trình nghiên cứu và sáng chế về tofô, huỳnh quang và nhiệt điện v.v... (N.D)

[25]

Gran - đơn vị khối lượng Anh và Nga; 1 gran Anh bằng 0,064 gam; 1 gran Nga bằng 0,062 gam. (N.D)

[26]

Trong tiếng Hindi, Urdu, Sipai có nghĩa là binh lính. Ở đây nói đến những người lính Ấn Độ đánh thuê cho quân đội Anh đã làm hạt nhân trong cuộc khởi nghĩa nhân dân

ở Ấn Độ (1857-1859) chống ách thống trị của thực dân Anh nổ ra ở châu thổ sông Hằng (N.D).

[27]

Ở đây nói đến cuộc khởi nghĩa của những người Hy Lạp mà thuyền trưởng Nemo đã thực sự giúp đỡ bằng cách đó (Chú thích của tác giả).

[28]

Linh hoạt trong môi trường linh hoạt (tiếng Latinh).

Table of Contents

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ
LỜI GIỚI THIỆU
PHẦN THỨ NHẤT
TAI NẠN TRÊN KHÔNG
CHƯƠNG MỘT
CHƯƠNG HAI
CHƯƠNG BA
CHƯƠNG BỐN
CHƯƠNG NĂM
CHƯƠNG SÁU
CHƯƠNG BẢY
CHƯƠNG TÁM
CHƯƠNG CHÍN
CHƯƠNG MƯỜI
CHƯƠNG MƯỜI MỘT
CHƯƠNG MƯỜI HAI
CHƯƠNG MƯỜI BA
CHƯƠNG MƯỜI BỐN
CHƯƠNG MƯỜI LĂM
PHẦN HAI
NGƯỜI BỊ TỬ BỎ
CHƯƠNG MƯỜI SÁU
PHẦN BA
BÍ MẬT CỦA ĐẢO
CHƯƠNG MƯỜI BẢY

- [1]
- [2]
- [3]
- [4]

[5]

[6]

[7]

[8]

[9]

[10]

[11]

[12]

[13]

[14]

[15]

[16]

[17]

[18]

[19]

[20]

[21]

[22]

[23]

[24]

[25]